DANH MỤC CÁC ĐIỀU KIỆN KINH DOANH QUY ĐỊNH TẠI CÁC THÔNG TƯ/QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ THEO 16 LĨNH VỰC

MỤC LỤC

LĨNH VỰC AN NINH QUỐC PHÒNG 1
LĨNH VỰC TƯ PHÁP 7
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH.....18
LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG 78
LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI 133
LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI.....142
LĨNH VỰC XÂY DỰNG 175
LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG 182
LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO.....193
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.....212
LĨNH VỰC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 260
LĨNH VỰC Y TẾ 264
LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ.....320
LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ THAO DU LỊCH 333
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG.....347
LĨNH VỰC NGÂN HÀNG.....362

LĨNH VỰC AN NINH QUỐC PHÒNG

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/Quyết định
1. Sản xuất con dấu	**Điều 4- Thông tư số 33/2010/TT-BCA** **Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP. 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 5. Các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự thuộc một trong các trường hợp sau đây không phải nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy: b) Các cơ sở sản xuất con dấu; dịch vụ đòi nợ; dịch vụ tẩm quất; photocopy màu; sản xuất, kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự** 2. Trách nhiệm cụ thể đối với từng ngành, nghề kinh doanh a) Sản xuất con dấu - Phải có giấy hẹn trả dấu ghi rõ địa điểm và thời gian trả dấu. - Khi khắc xong con dấu, phải chuyển con dấu cho cơ quan Công an có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. - Việc khắc dấu tiêu đề, dấu chữ ký và các loại dấu khác phải có Giấy giới thiệu (nếu là cơ quan) và Giấy chứng minh nhân dân. - Phải có nơi bảo quản dấu thành phẩm, không được để mất, hư hỏng. - Nghiêm cấm việc lợi dụng cơ sở để làm dấu giả, làm con dấu sai quy định. - Khi phát hiện cá nhân, tổ chức có biểu hiện nghi vấn trong việc làm con dấu sai quy định phải kịp thời thông báo cho cơ quan Công an có thẩm quyền để xác minh, làm rõ.
2. Kinh doanh công cụ hỗ trợ	**Thông tư số 33/2010/TT-BCA** **Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người

(bao gồm cả sửa chữa)	đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP. 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ sở kinh doanh sau đây còn phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy như sau: b) Các cơ sở kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 6 tầng trở xuống; sản xuất, kinh doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ; trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino; hoạt động in (trừ photocopy màu); kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh karaoke; xoa bóp (massage) phải có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự** 2. Trách nhiệm cụ thể đối với từng ngành, nghề kinh doanh **Điểm d Khoản 2 Điều 6:** d) Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ - Chỉ được mua công cụ hỗ trợ và phụ kiện để sản xuất công cụ hỗ trợ có nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp và chỉ được bán công cụ hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức được cơ quan Công an có thẩm quyền cấp Giấy phép mua công cụ hỗ trợ. - Chỉ được sửa chữa công cụ hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức có giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ do cơ quan Công an cấp.
3. Kinh doanh các loại pháo 3.1. Kinh doanh, sản xuất pháo hoa 3.2. Kinh doanh pháo hiệu hang hải (Chưa quy định) 3.3. Kinh doanh các loại	**Thông tư số 33/2010/TT-BCA** **Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP. 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ sở kinh doanh sau đây còn phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy như

pháo thuộc lĩnh vực quốc phòng (Chưa quy định)	sau: a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); sản xuất, kinh doanh gas; sản xuất pháo hoa; kinh doanh vũ trường; kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn bản từ 7 tầng trở lên phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự** **Điểm đ Khoản 2 Điều 6** đ) Sản xuất pháo hoa - Việc sản xuất, bảo quản, vận chuyển pháo hoa phải thực hiện đúng quy trình, quy phạm an toàn. - Việc xuất khẩu, nhập khẩu pháo hoa, nguyên liệu sản xuất pháo hoa phải có giấy phép của cơ quan Công an có thẩm quyền. Giấy phép mang pháo hoa, phụ kiện bắn pháo hoa, nguyên liệu sản xuất pháo hoa ra, vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện theo Thông tư số 08/2010/TT-BCA ngày 05/02/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 36/2009/NĐ-CP ngày 15/4/2009 về quản lý sử dụng pháo hoa. - Chỉ được bán pháo hoa cho các đơn vị, địa phương được phép tổ chức bắn pháo hoa quy định tại Điều 7 Nghị định số 36/2009/NĐ-CP. **Khoản 1 Điều 4 Thông tư 08/2010/TT-BCA** Là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ quốc phòng được Thủ tướng chính phủ cho phép sản xuất pháo hoa, thuốc pháo hoa
4. Kinh doanh dịch vụ cầm đồ	**Thông tư số 33/2010/TT-BCA** Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP. 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ sở kinh doanh sau đây còn phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy như sau: b) Các cơ sở kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 6 tầng trở xuống; sản xuất, kinh

	doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ; trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino; hoạt động in (trừ photocopy màu); kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh karaoke; xoa bóp (massage) phải có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự** 2. Trách nhiệm cụ thể đối với từng ngành, nghề kinh doanh **Điểm ikhoản 2 Điều 6** i) Dịch vụ cầm đồ - Khi thực hiện dịch vụ cầm đồ chủ cơ sở kinh doanh phải lập hợp đồng theo quy định. Người đến cầm đồ, thế chấp phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng để chủ cơ sở kiểm tra, đối chiếu và photocopy lưu lại tại cơ sở. - Đối với những hàng hóa, tài sản cầm đồ thuộc sở hữu của người thứ ba phải có giấy ủy quyền hợp lệ của chủ sở hữu. - Không được nhận cầm đồ đối với hàng hóa, tài sản không rõ nguồn gốc hoặc tài sản do các hành vi vi phạm pháp luật mà có. - Khi có nghi ngờ hàng hóa, tài sản do phạm tội mà có phải thông báo ngay với cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm tra, xử lý.
5. Kinh doanh dịch vụ xoa bóp	**Thông tư số 33/2010/TT-BCA** **Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP. 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ sở kinh doanh sau đây còn phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy như sau: b) Các cơ sở kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 6 tầng trở xuống; sản xuất, kinh doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ; trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino; hoạt động in (trừ photocopy màu); kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh karaoke; xoa bóp (massage) phải có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự**

	2. Trách nhiệm cụ thể đối với từng ngành, nghề kinh doanh **Điểm n khoản 2 Điều 6** n) Xoa bóp (massage, tẩm quất) - Cơ sở xoa bóp (massage): Phải có nơi cất giữ tư trang, tài sản của khách; phòng massage không được dùng khóa, chốt bên trong; phần trên cửa ra vào lắp kính trắng để bên ngoài có thể quan sát được toàn bộ phòng; phải bố trí phòng nam riêng, nữ riêng; có nhân viên y tế, có chuông cấp cứu; nhân viên massaage phải có hợp đồng lao động, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, mặc trang phục kín đáo và đeo biển hiệu (có ảnh) ghi họ, tên; phải có bác sỹ phụ trách đảm bảo các yêu cầu chuyên môn theo quy định và phải thường xuyên trực tại cơ sở; có đủ cơ số thuốc theo quy định; phải thông báo danh sách nhân viên, kỹ thuật viên với cơ quan Công an xã, phường, thị trấn và cơ quan Công an đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. - Cơ sở tẩm quất: Phải bảo đảm vệ sinh, có nơi bảo quản tư trang của khách; phải thông báo danh sách nhân viên tẩm quất với cơ quan Công an xã, phường, thị trấn và cơ quan Công an đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. Nhân viên tẩm quất phải có hợp đồng lao động theo quy định.
6. Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên	**Thông tư số 33/2010/TT-BCA** **Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP. 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ sở kinh doanh sau đây còn phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy như sau: b) Các cơ sở kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 6 tầng trở xuống; sản xuất, kinh doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ; trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino; hoạt động in (trừ photocopy màu); kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh karaoke; xoa bóp (massage) phải có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự** 2. Trách nhiệm cụ thể đối với từng ngành, nghề kinh doanh **Điểm q khoản 2 Điều 6**

	q) Kinh doanh, sản xuất, nhập khẩu thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên - Phải ghi rõ, đầy đủ chủng loại, số lượng, thiết bị đã sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu và tên tổ chức, cá nhân mua thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên. - Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên chỉ được lắp đặt hoặc bán cho tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên do cơ quan quản lý, sử dụng xe được quyền ưu tiên cấp.

LĨNH VỰC TƯ PHÁP

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/Quyết định
9. Hành nghề luật sư	**Điều 3. Người đăng ký tập sự hành nghề luật sư** 1. Những người sau đây được đăng ký tập sự hành nghề luật sư: a) Người có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư; b) Người được miễn đào tạo nghề luật sư nhưng phải tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật luật sư. 2. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được đăng ký tập sự hành nghề luật sư: a) Đang là cán bộ, công chức, viên chức; sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, kể cả trong trường hợp đã được xóa án tích; c) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; d) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; đ) Những người quy định tại điểm a khoản này bị buộc thôi việc mà chưa hết thời hạn ba năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực. **Điều 11. Báo cáo quá trình tập sự hành nghề luật sư** 1. Khi hoàn thành thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này, người tập sự có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về quá trình tập sự hành nghề luật sư trong thời gian tập sự cho Đoàn luật sư nơi đăng ký tập sự. Báo cáo quá trình tập sự hành nghề luật sư gồm những nội dung chính sau đây: a) Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tập sự;

	b) Nội dung, thời gian và địa điểm thực hiện đối với mỗi vụ, việc được tham gia theo sự phân công của luật sư hướng dẫn, trong đó nêu rõ về cơ sở pháp lý, cách thức giải quyết vụ, việc và kiến thức pháp luật, kỹ năng hành nghề luật sư thu nhận được từ quá trình tham gia giải quyết vụ, việc; c) Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tập sự và đề xuất, kiến nghị. 2. Báo cáo quá trình tập sự hành nghề luật sư của người tập sự phải có nhận xét, chữ ký của luật sư hướng dẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Thông tư này, xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự và đánh giá của Đoàn luật sư về tư cách đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật của người tập sự. **Điều 12. Điều kiện đối với luật sư hướng dẫn** Luật sư hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 1. Đang hành nghề trong một tổ chức hành nghề luật sư quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư này; 2. Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hành nghề luật sư, có uy tín, trách nhiệm trong việc hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư; 3. Không trong thời gian bị áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam. Trong trường hợp luật sư hướng dẫn bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư theo quy định của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Nghị định số110/2013/NĐ-CP) thì sau thời hạn một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt mới được hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư.
10. Hành nghề công chứng	**Thông tư 04/2015/TT-BTP** **Điều 2. Đăng ký tập sự hành nghề công chứng** 2. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được đăng ký tập sự: a) Thuộc trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên theo quy định tại Điều 13 của Luật công chứng; b) Người đang là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân. 3. Người được ghi tên vào Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp được gọi là Người tập sự hành nghề công chứng (sau đây gọi là Người tập

	sự). Người tập sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật công chứng và Thông tư này. **Điều 8. Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng** 1. Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc thời gian tập sự, Người tập sự nộp Báo cáo kết quả tập sự tại Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự. Báo cáo gồm các nội dung chính sau đây: a) Số lượng, nội dung, cơ sở pháp lý và kết quả giải quyết các hồ sơ yêu cầu công chứng được công chứng viên hướng dẫn tập sự phân công; b) Kiến thức pháp luật, kỹ năng hành nghề công chứng và kinh nghiệm thu nhận được từ quá trình tập sự; c) Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người tập sự; d) Khó khăn, vướng mắc trong quá trình tập sự (nếu có) và đề xuất, kiến nghị. 2. Báo cáo kết quả tập sự phải có nhận xét của công chứng viên hướng dẫn tập sự và xác nhận bằng văn bản của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự về quá trình và kết quả tập sự. 3. Trong trường hợp Người tập sự nộp Báo cáo kết quả tập sự và đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự thì Sở Tư pháp thực hiện đăng ký tham dự kiểm tra cho Người tập sự theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này; trường hợp Người tập sự chưa có yêu cầu tham dự kiểm tra thì Sở Tư pháp ghi nhận việc hoàn thành thời gian và các nghĩa vụ của Người tập sự vào Sổ theo dõi tập sự **Điều 16. Đăng ký tham dự kiểm tra** 1. Những người sau đây được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng: a) Người đã hoàn thành thời gian tập sự và các nghĩa vụ của Người tập sự theo quy định của Luật công chứng và Thông tư này; b) Người không đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra kết quả tập sự trước. Người không đạt yêu cầu trong ba kỳ kiểm tra kết quả tập sự trước thì không được đăng ký tham dự kiểm tra và phải tập sự lại.
11. Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản	**Thông tư 49/2014/TT-BNNPTNT** **Điều 5. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp nông nghiệp và phát triển nông thôn** Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: 1. Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt.

quyền tác giả	2. Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương trở lên. 3. Đã có kinh nghiệm thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn liên tục từ đủ 05 năm trở lên. 4. Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Giám định tư pháp. Thông tư 33/2014/TT-BGTVT **Điều 3. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải** Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: 1. Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt. 2. Có chuyên ngành đào tạo từ bậc đại học trở lên liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải. 3. Đã qua thực tế làm công tác chuyên môn về chuyên ngành được đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này từ đủ 05 năm trở lên. **Điều 4. Tiêu chuẩn đối với người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực giao thông vận tải** 1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn sau đây có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực giao thông vận tải: a) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt; b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên. 2. Trong trường hợp người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực cần giám định thì có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực giao thông vận tải. Thông tư 33/2014/TT-BCA **Điều 4. Tiêu chuẩn giám định viên kỹ thuật hình sự** Tiêu chuẩn giám định viên kỹ thuật hình sự theo khoản 1 Điều 7 Luật giám định tư pháp năm 2012 được quy định cụ thể như sau: 1. Là sĩ quan nghiệp vụ Công an, sĩ quan Quân đội nhân dân tại ngũ; 2. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt; 3. Có trình độ đại học trở lên và đã trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo từ đủ 03 năm trở lên, cụ thể: a) Giám định viên dấu vết đường vân: có trình độ đại học trở lên thuộc

	một trong các nhóm ngành an ninh và trật tự xã hội, nhóm ngành luật, nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin, ngành hóa học, ngành công nghệ hóa học, ngành kỹ thuật hóa học, ngành công nghệ kỹ thuật hóa học, ngành sư phạm hóa học ngành chỉ huy kỹ thuật hóa học, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin; b) Giám định viên dấu vết cơ học: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành an ninh và trật tự xã hội, nhóm ngành luật, nhóm ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí, nhóm ngành kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật, nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin; c) Giám định viên súng, đạn: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành an ninh và trật tự xã hội, nhóm ngành luật, nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin, ngành kỹ thuật cơ khí, ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí, ngành chỉ huy kỹ thuật, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin; d) Giám định viên tài liệu: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành an ninh và trật tự xã hội, nhóm ngành luật, nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài, nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin, nhóm ngành mỹ thuật, nhóm ngành mỹ thuật ứng dụng, ngành hóa học, ngành công nghệ hóa học, ngành công nghệ kỹ thuật hóa học, ngành sư phạm hóa học, ngành chỉ huy kỹ thuật hóa học, ngành nhiếp ảnh, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin; đ) Giám định viên cháy, nổ: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; nhóm ngành kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; ngành hóa học; ngành phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn, ngành chỉ huy kỹ thuật, ngành chỉ huy kỹ thuật công binh, ngành chỉ huy kỹ thuật hóa học; e) Giám định viên kỹ thuật: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong những nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; nhóm ngành kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin, nhóm ngành kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật, ngành phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn, ngành chỉ huy kỹ thuật, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin; g) Giám định viên âm thanh: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong những nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin; nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; nhóm ngành kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, ngành ngôn ngữ học, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin; h) Giám định viên sinh học: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong những nhóm ngành sinh học, nhóm ngành sinh học ứng dụng, nhóm ngành y học, nhóm ngành dịch vụ y tế, ngành sư phạm sinh học; i) Giám định viên hóa học: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong nhóm ngành dược học, ngành hóa học, ngành công nghệ hóa học, ngành công nghệ kỹ thuật hóa học, ngành công nghệ kỹ thuật môi trường,

	ngành công nghệ thực phẩm, ngành sư phạm hóa học, ngành địa chất học, ngành chỉ huy kỹ thuật hóa học; k) Giám định viên kỹ thuật số và điện tử: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong những nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông, nhóm ngành kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin. 4. Có chứng chỉ đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ giám định ở chuyên ngành được đề nghị bổ nhiệm do Viện Khoa học hình sự hoặc cơ quan Khoa học hình sự ở nước ngoài được công nhận tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về giáo dục và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập cấp. Thông tư 04/2014/TT-BXD **Điều 5. Điều kiện năng lực của giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc** Giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam đáp ứng quy định tại điểm a, b Khoản 1 điều 7 Luật Giám định tư pháp và đáp ứng điều kiện sau: 1. Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: a) Có kinh nghiệm thực tế từ đủ 05 năm trở lên thực hiện một trong các công việc: quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng; b) Có chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án hoặc chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ, chứng chỉ hành nghề: đấu thầu, kiểm định, kỹ sư định giá theo quy định của pháp luật về xây dựng phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng. 2. Đối với giám định tư pháp về chất lượng xây dựng: a) Trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình: - Có kinh nghiệm thực tế từ đủ 05 năm trở lên thực hiện một trong các công việc: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng; - Có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng theo quy định. b) Trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình: - Có kinh nghiệm thực tế từ đủ 05 năm trở lên thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, thí nghiệm

	chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng; - Được đào tạo nghiệp vụ kiểm định xây dựng theo quy định. c) Trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng: - Có kinh nghiệm thực tế từ đủ 05 năm trở lên thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng; - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định; - Được đào tạo nghiệp vụ kiểm định xây dựng theo quy định. 3. Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan: a) Có kinh nghiệm thực tế từ đủ 05 năm trở lên thực hiện một trong các công việc: quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng; b) Có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá theo quy định. **Điều 6. Điều kiện năng lực của tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc** Tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc là tổ chức kiểm định xây dựng có năng lực phù hợp với đối tượng và nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định. Các tổ chức tư vấn xây dựng khác khi thực hiện giám định tư pháp xây dựng phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: a) Có năng lực thực hiện một trong các công việc: quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng; b) Cá nhân chủ trì thực hiện giám định đáp ứng quy định tại Khoản 1 điều 5 Thông tư này. 2. Đối với giám định tư pháp về chất lượng xây dựng: a) Trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình: - Có năng lực thực hiện một trong các công việc: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng; - Cá nhân chủ trì thực hiện giám định đáp ứng quy định tại điểm a Khoản 2 điều 5 Thông tư này. b) Trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình:

	- Có năng lực thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, giám sát thi công xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng; - Cá nhân chủ trì thực hiện giám định đáp ứng quy định tại điểm b Khoản 2 điều 5 Thông tư này. c) Trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng: - Có năng lực thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng; - Cá nhân chủ trì thực hiện giám định đáp ứng quy định tại điểm c Khoản 2 điều 5 Thông tư này. 3. Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan: a) Có năng lực thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng; b) Cá nhân chủ trì thực hiện giám định đáp ứng quy định tại Khoản 3 điều 5 Thông tư này. **Điều 7. Điều kiện năng lực của văn phòng giám định tư pháp xây dựng** 1. Được thành lập và được cấp giấy đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Giám định tư pháp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. 2. Có trang thiết bị đảm bảo thực hiện giám định theo các nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng. 3. đáp ứng các yêu cầu về năng lực của tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng. Thông tư 138/2013/TT-BTC **Điều 5. Điều kiện về cơ sở vật chất của Văn phòng giám định tư pháp trong lĩnh vực tài chính** Văn phòng giám định tư pháp trong lĩnh vực tài chính phải có đủ các điều kiện sau: 1. Có trụ sở riêng thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tối thiểu là 03 (ba) năm kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định. Khi thay đổi trụ sở, Văn phòng giám định tư pháp phải thông báo bằng văn bản đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động trước 01 tháng. 2. Có phòng làm việc cho giám định viên và nhân viên; có tủ hoặc kho hoặc khu vực riêng lưu trữ hồ sơ giám định.

	Điều 6. Điều kiện đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực tài chính Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực tài chính phải có đủ điều kiện sau: 1. Đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật Giám định tư pháp. 2. Có cán bộ có kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn để thực hiện giám định. 3. Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện chuyên môn tài chính để thực hiện giám định theo quy định của pháp luật hiện hành. Thông tư 04/2013/TT-BVHTTDL **Điều 3. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp** 1. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật giám định tư pháp. 2. Tiêu chuẩn "Có trình độ đại học trở lên" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của Luật giám định tư pháp là có bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp (trường hợp bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sỹ, bằng tiến sỹ do cơ sở giáo dục của nước ngoài cấp thì các bằng đó phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về giáo dục và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên) thuộc một trong các chuyên ngành đào tạo sau đây: a) Mỹ thuật; b) Mỹ thuật ứng dụng; c) Nghệ thuật trình diễn; d) Nghệ thuật nghe nhìn; đ) Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam; e) Nhân văn; g) Xã hội học và nhân học; h) Thư viện; i) Bảo tàng; k) Luật; l) Chuyên ngành khác có liên quan. 3. Tiêu chuẩn "Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của Luật giám định tư pháp là đã trực tiếp làm công tác chuyên môn về chuyên ngành được đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này từ đủ 05 năm trở lên. Thông tư 02/2014/TT-BYT

	Điều 2. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần 1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật giám định tư pháp, không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 7 Luật giám định tư pháp và có đủ tiêu chuẩn cụ thể dưới đây được bổ nhiệm giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần: a) Tiêu chuẩn "có trình độ đại học trở lên" quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 Luật giám định tư pháp cụ thể như sau: Đối với giám định viên pháp y phải là bác sỹ, dược sỹ đại học hoặc tốt nghiệp đại học trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với lĩnh vực giám định pháp y; đối với giám định viên pháp y tâm thần phải là bác sỹ đã qua đào tạo định hướng chuyên khoa tâm thần trở lên; b) Tiêu chuẩn "đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo" quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 Luật giám định tư pháp là thời gian làm việc theo đúng chuyên ngành được đào tạo tại cơ sở y tế từ đủ 05 năm trở lên. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần là người trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần thì thời gian hoạt động thực tế chuyên môn phải từ đủ 03 năm trở lên; c) Chứng chỉ "đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định" quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 Luật giám định tư pháp là chứng chỉ do Viện Pháp y Quốc gia, Viện Pháp y tâm thần Trung ương hoặc cơ sở đào tạo có Bộ môn Pháp y, Bộ môn Tâm thần cấp cho người tham gia khóa đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định từ đủ 03 tháng trở lên theo chương trình đào tạo đã được Bộ Y tế phê duyệt. Người đã có bằng hoặc chứng chỉ định hướng chuyên khoa trở lên về pháp y, pháp y tâm thần thì không phải qua đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định. 2. Bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chứng chỉ đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần do cơ sở giáo dục của nước ngoài cấp phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về giáo dục hoặc theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
12. Hành nghề bán đấu giá tài sản	**Thông tư 23/2010/TT-BTP** **Điều 3. Giảm thời gian đào tạo nghề đấu giá** 1. Những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành luật theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP được giảm thời gian đào tạo kiến thức pháp luật nhưng không vượt quá 1/3 tổng số tiết học của phần kiến thức pháp luật trong chương trình đào tạo nghề đấu giá. 2. Cơ sở đào tạo nghề đấu giá thực hiện việc giảm thời gian đào tạo nghề đấu giá căn cứ vào quy định tại Thông tư này, chương trình của

	Gkhóa đào tạo nghề đấu giá và quy chế đào tạo của tổ chức mình. **Điều 4. Thực tập nghề đấu giá** 1. Cơ sở đào tạo nghề đấu giá có trách nhiệm liên hệ với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để tiếp nhận học viên thực tập, hướng dẫn viết báo cáo kết quả thực tập, đánh giá việc thực tập của học viên. 2. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản nơi nhận học viên thực tập có trách nhiệm tạo điều kiện cho học viên thực tập; cho phép học viên tham dự các cuộc đấu giá tài sản; cử đấu giá viên có kinh nghiệm bán đấu giá tài sản để hướng dẫn thực tập, giám sát và nhận xét về quá trình thực tập của học viên. 3. Học viên thực tập phải tuân thủ nội quy, quy chế của tổ chức bán đấu giá tài sản nơi mình thực tập, thực hiện các công việc theo sự hướng dẫn của đấu giá viên; hoàn thành báo cáo kết quả thực tập và nộp cho cơ sở đào tạo nghề đấu giá.
14. Hành nghề thừa phát lại	**Thông tư liên tịch 09/2014/TTLT-BTP- TANDTC-VKSNDTC-BTC** **Điều 18. Chế độ hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại** 1. Văn phòng Thừa phát lại là tổ chức hành nghề của Thừa phát lại, được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp, thực hiện các dịch vụ công, không vì mục đích lợi nhuận. 2. Văn phòng Thừa phát lại do một Thừa phát lại thành lập được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Văn phòng Thừa phát lại do từ hai Thừa phát lại trở lên thành lập được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh. 3. Chế độ tài chính của Văn phòng Thừa phát lại được thực hiện theo chế độ tài chính của loại hình doanh nghiệp tương ứng theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/Quyết định
16. Kinh doanh dịch vụ kế toán	**Thông tư 72/2007/TT-BTC** **2- Điều kiện đăng ký hành nghề kế toán** 2.1. Đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán: a) Có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, không thuộc đối tượng không được làm kế toán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Luật Kế toán; b) Có Chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ Tài chính cấp; c) Có văn phòng và địa chỉ giao dịch; d) Có đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán; đ) Riêng đối với người nước ngoài đăng ký hành nghề kế toán cá nhân tại Việt Nam phải có thêm điều kiện được phép cư trú tại Việt Nam từ 1 năm trở lên, trừ khi có quy định khác trong các điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có tham gia ký kết hoặc gia nhập. 2.2. Đối với người hành nghề kế toán trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán: a) Có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, không thuộc đối tượng không được làm kế toán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Luật Kế toán; b) Có Chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ Tài chính cấp; c) Có hợp đồng lao động làm việc trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. 2.3. Đối với doanh nghiệp dịch vụ kế toán: a) Có đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán; b) Có ít nhất 2 người có Chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ Tài chính cấp, trong đó Giám đốc doanh nghiệp phải là người có Chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên từ 2 năm trở lên. 2.4. Tại một thời điểm nhất định, người hành nghề kế toán chỉ được đăng ký hành nghề ở một doanh nghiệp dịch vụ kế toán, hoặc một doanh nghiệp kiểm toán, hoặc đăng ký hành nghề cá nhân.

	2.5. Người đăng ký hành nghề kế toán từ lần thứ hai trở đi phải có thêm điều kiện tham dự đầy đủ chương trình cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định tại khoản 6 của Thông tư này. 2.6. Trường hợp người hành nghề kế toán đã đăng ký hành nghề ở một doanh nghiệp dịch vụ kế toán chuyển sang đăng ký hành nghề ở doanh nghiệp dịch vụ kế toán khác hoặc tách ra hành nghề cá nhân thì phải có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ở doanh nghiệp trước. 2.7. Người không có tên trong danh sách đăng ký hành nghề kế toán được Hội nghề nghiệp xác nhận thì không được ký vào sổ kế toán (đối với dịch vụ làm kế toán), không được ký báo cáo tài chính (đối với dịch vụ lập báo cáo tài chính, dịch vụ làm kế toán trưởng) và không được ký báo cáo kết quả dịch vụ kế toán. 2.8. Doanh nghiệp dịch vụ kế toán sử dụng người không có tên trong Danh sách đăng ký hành nghề kế toán để ký vào sổ kế toán (đối với dịch vụ làm kế toán), ký báo cáo tài chính (đối với dịch vụ lập báo cáo tài chính, dịch vụ làm kế toán trưởng), hoặc để ký báo cáo kết quả dịch vụ kế toán thì doanh nghiệp dịch vụ kế toán và người đó sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật. 2.9. Người hành nghề kế toán bị xóa tên trong danh sách đăng ký hành nghề kế toán trong các trường hợp sau: a) Vi phạm một trong những hành vi bị nghiêm cấm có liên quan đến người hành nghề kế toán quy định tại Điều 14 của Luật Kế toán. b) Vi phạm một trong những trường hợp không được cung cấp dịch vụ kế toán quy định tại Điều 45 của Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh. c) Thực tế không hành nghề kế toán nhưng vẫn cố tình đăng ký hành nghề kế toán; hoặc đồng thời đăng ký hành nghề kế toán ở hai nơi. d) Vi phạm pháp luật hoặc vi phạm kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp mà pháp luật về kế toán nghiêm cấm. 2.10. Người hành nghề kế toán đã bị xoá tên trong danh sách đăng ký hành nghề kế toán không được đăng ký hành nghề lại trong thời hạn ít nhất là 3 năm kể từ ngày bị xoá tên. 2.11. Người hành nghề kế toán đã đăng ký hành nghề kế toán nhưng trên thực tế không hành nghề kế toán thì không được Hội nghề nghiệp tiếp tục xác nhận danh sách đăng ký hành nghề năm sau. **Điều 4. Điều kiện dự thi** 1. Người dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán phải có đủ các điều kiện sau đây: a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

	b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành Tài chính, Kế toán, Kiểm toán; c) Có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán từ 60 tháng trở lên tính từ tháng tốt nghiệp ghi trên quyết định tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học đến thời điểm đăng ký dự thi; d) Nộp đầy đủ, đúng mẫu hồ sơ dự thi và lệ phí thi theo quy định; đ) Không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Luật kế toán. **Điều 10. Điều kiện dự thi và nội dung thi sát hạch** 1. Những người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên của các tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận, muốn được cấp Chứng chỉ kiểm toán viên hoặc Chứng chỉ hành nghề kế toán của Việt Nam phải dự thi sát hạch kiến thức về luật pháp Việt Nam. Trường hợp tổ chức cấp chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên là cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không phải là tổ chức nghề nghiệp) thì người dự thi phải là hội viên chính thức của tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và tổ chức nghề nghiệp đó phải là thành viên của Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC). Nội dung học và thi để lấy chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên phải tương đương hoặc cao hơn nội dung học và thi theo quy định tại Điều 6 Thông tư này. 2. Tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận phải có đủ các điều kiện sau đây: a) Là thành viên của Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC); b) Có nội dung học và thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề kế toán tương đương hoặc cao hơn nội dung học và thi theo quy định tại Điều 6 Thông tư này. 3. Tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên bao gồm: a) Hiệp hội kế toán công chứng Anh (The Association of Chartered Certified Accountants - ACCA); b) Hiệp hội kế toán viên công chứng Australia (CPA Australia). 4. Các tổ chức nghề nghiệp nước ngoài chưa có tên tại khoản 3 Điều này khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này thì được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên. 5. Nội dung kỳ thi sát hạch để cấp Chứng chỉ kiểm toán viên gồm các phần: (1) Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp;

	(2) Tài chính và quản lý tài chính; (3) Thuế và quản lý thuế; (4) Kế toán tài chính, kế toán quản trị; (5) Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm. 6. Nội dung kỳ thi sát hạch để cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán gồm các phần (1), (2), (3) và (4) quy định tại khoản 5 Điều này. 7. Nội dung, yêu cầu từng phần thi sát hạch quy định tại Phụ lục số 01. 8. Người có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, đã tham dự và đạt yêu cầu các kỳ thi phối hợp giữa Bộ Tài chính Việt Nam với ACCA thì được miễn thi phần (1), (3) quy định tại khoản 5 Điều này. 9. Ngôn ngữ sử dụng trong kỳ thi là tiếng Việt. 10. Thời gian thi là 180 phút cho cả 05 phần thi. Người tham gia 04 phần thi thì thời gian thi là 145 phút. Người tham gia 03 phần thi thì thời gian thi là 110 phút.
17. Kinh doanh dịch vụ kiểm toán	**Thông tư 129/2012/TT-BTC** **Điều 4. Điều kiện dự thi** 2. Người dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên phải có đủ các điều kiện sau đây: a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác và có tổng số đơn vị học trình (hoặc tiết học) các môn học: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Phân tích hoạt động tài chính, Thuế từ 7% trên tổng số học trình (hoặc tiết học) cả khóa học trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác và có văn bằng, chứng chỉ hoàn thành các khoá học do Tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán cấp bảo đảm các quy định tại Điều 9 Thông tư này; c) Có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán từ 60 tháng trở lên tính từ tháng tốt nghiệp ghi trên quyết định tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học đến thời điểm đăng ký dự thi; hoặc thời gian thực tế làm trợ lý kiểm toán ở doanh nghiệp kiểm toán từ 48 tháng trở lên tính từ tháng ghi trên quyết định tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học đến thời điểm đăng ký dự thi; d) Nộp đầy đủ, đúng mẫu hồ sơ dự thi và lệ phí thi theo quy định. **Điều 10. Điều kiện dự thi và nội dung thi sát hạch** 1. Những người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên của các tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận, muốn được cấp Chứng chỉ kiểm toán viên hoặc Chứng chỉ hành nghề kế toán của Việt Nam phải dự thi sát hạch kiến thức về luật pháp Việt Nam.

	Trường hợp tổ chức cấp chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên là cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không phải là tổ chức nghề nghiệp) thì người dự thi phải là hội viên chính thức của tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và tổ chức nghề nghiệp đó phải là thành viên của Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC). Nội dung học và thi để lấy chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên phải tương đương hoặc cao hơn nội dung học và thi theo quy định tại Điều 6 Thông tư này. 2. Tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận phải có đủ các điều kiện sau đây: a) Là thành viên của Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC); b) Có nội dung học và thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề kế toán tương đương hoặc cao hơn nội dung học và thi theo quy định tại Điều 6 Thông tư này. 3. Tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên bao gồm: a) Hiệp hội kế toán công chứng Anh (The Association of Chartered Certified Accountants - ACCA); b) Hiệp hội kế toán viên công chứng Australia (CPA Australia). 4. Các tổ chức nghề nghiệp nước ngoài chưa có tên tại khoản 3 Điều này khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này thì được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên. 5. Nội dung kỳ thi sát hạch để cấp Chứng chỉ kiểm toán viên gồm các phần: (1) Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp; (2) Tài chính và quản lý tài chính; (3) Thuế và quản lý thuế; (4) Kế toán tài chính, kế toán quản trị; (5) Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm. 6. Nội dung kỳ thi sát hạch để cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán gồm các phần (1), (2), (3) và (4) quy định tại khoản 5 Điều này. 7. Nội dung, yêu cầu từng phần thi sát hạch quy định tại Phụ lục số 01. 8. Người có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, đã tham dự và đạt yêu cầu các kỳ thi phối hợp giữa Bộ Tài chính Việt Nam với ACCA thì được miễn thi phần (1), (3) quy định tại khoản 5 Điều này. 9. Ngôn ngữ sử dụng trong kỳ thi là tiếng Việt. 10. Thời gian thi là 180 phút cho cả 05 phần thi. Người tham gia 04 phần thi thì thời gian thi là 145 phút. Người tham gia 03 phần thi thì

	thời gian thi là 110 phút. Thông tư 150/2012/TT-BTC Điều 3. Đối tượng cập nhật kiến thức Đối tượng cập nhật kiến thức là kiểm toán viên hành nghề, kiểm toán viên đăng ký hành nghề kiểm toán; trừ trường hợp đăng ký hành nghề kiểm toán lần đầu trong thời gian từ ngày được cấp chứng chỉ kiểm toán viên đến ngày 31/12 của năm sau năm được cấp chứng chỉ kiểm toán viên **Điều 5. Thời gian cập nhật kiến thức** 1. Thời gian cập nhật kiến thức tối thiểu 40 giờ trong năm trước liền kề năm đăng ký hành nghề kiểm toán, trong đó có tối thiểu 20 giờ cập nhật kiến thức về pháp luật kế toán, kiểm toán của Việt Nam và 04 giờ cập nhật kiến thức về đạo đức nghề nghiệp. 2. Kiểm toán viên không hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 02 năm liên tục trở lên trước năm đăng ký hành nghề kiểm toán phải có tối thiểu 80 giờ cập nhật kiến thức trong năm trước liền kề năm đăng ký hành nghề kiểm toán, trong đó có tối thiểu 40 giờ cập nhật kiến thức về kế toán, kiểm toán và 08 giờ cập nhật kiến thức về đạo đức nghề nghiệp. 3. Số giờ cập nhật kiến thức hàng năm của kiểm toán viên được tính cộng dồn, từ ngày 16/8 của năm trước đến ngày 15/8 của năm sau. **Điều 6. Hình thức cập nhật kiến thức** 1. Kiểm toán viên tham gia các lớp học do hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp kiểm toán tổ chức, cụ thể như sau: a) Lớp học do hội nghề nghiệp được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức chung cho tất cả các kiểm toán viên; b) Lớp học do cơ sở đào tạo được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức chung cho tất cả các kiểm toán viên; c) Lớp học do doanh nghiệp kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận tự tổ chức cho các kiểm toán viên của mình. 2. Kiểm toán viên đồng thời là thành viên của tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán tham gia cập nhật kiến thức do tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán tổ chức. **Điều 11. Tính giờ cập nhật kiến thức** 1. Kiểm toán viên tham gia học cập nhật kiến thức được tính giờ cập nhật kiến thức theo tỷ lệ 1 giờ học bằng 1 giờ cập nhật kiến thức. Thời lượng được tính giờ cập nhật kiến thức không quá 04 giờ/buổi học và không quá 08 giờ/ngày học. 2. Kiểm toán viên tham gia giảng dạy các lớp cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên được tính giờ cập nhật kiến thức theo tỷ lệ 1 giờ giảng bằng 1,5 giờ cập nhật kiến thức. Thời lượng được tính giờ giảng không

	quá 04 giờ/buổi giảng và không quá 08 giờ/ngày giảng. 3. Số giờ cập nhật kiến thức của kiểm toán viên tham gia học tại các lớp học do tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán tổ chức chỉ được tính tối đa là 20 giờ/1 năm. 4. Kiểm toán viên phải tham gia đủ thời lượng của một chuyên đề học thì mới được tính số giờ cập nhật kiến thức của chuyên đề đó. Trường hợp kiểm toán viên không tham gia đủ thời lượng học của một chuyên đề thì không được tính giờ cập nhật kiến thức cho thời gian đã tham gia học của chuyên đề đó. 5. Kiểm toán viên tham gia học các lớp cập nhật kiến thức do hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo phối hợp với các đơn vị, tổ chức khác tổ chức thì được tính giờ cập nhật kiến thức theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo là đơn vị chủ trì tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức đó. 6. Kiểm toán viên tham gia học cập nhật kiến thức tại tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán mà mình là hội viên được tính giờ cập nhật kiến thức theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu: a) Kiểm toán viên là hội viên chính thức của tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán đó; b) Tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán là thành viên của Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC) và phải tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ bắt buộc đối với thành viên của IFAC; c) Tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán là đơn vị chủ trì tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức, kể cả trường hợp phối hợp với các tổ chức nghề nghiệp khác hoặc các cơ sở đào tạo khác được Bộ Tài chính chấp thuận cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên; d) Nội dung cập nhật kiến thức phù hợp với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này. 7. Về việc tính giờ cập nhật kiến thức cho các kiểm toán viên hành nghề tham gia vào quá trình soạn thảo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam: a) Chỉ tính giờ cập nhật kiến thức cho các kiểm toán viên có tên trong danh sách ban nghiên cứu, soạn thảo, cập nhật chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam theo quyết định của Bộ Tài chính hoặc tổ chức nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền và trực tiếp tham gia các buổi thảo luận, rà soát, cho ý kiến về nội dung các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam; Không được tính cho thời gian tham gia các cuộc hội thảo xin ý kiến về chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. b) Kiểm toán viên tham gia các buổi thảo luận, rà soát, cho ý kiến về nội dung các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam được tính theo tỷ lệ 1 giờ tham gia bằng 1 giờ cập nhật. Thời

	lượng được tính giờ cập nhật kiến thức không quá 04 giờ/buổi họp và không quá 08 giờ/ngày họp. Điều 12. Chưa đủ giờ cập nhật kiến thức 1. Trường hợp không có đủ thời gian cập nhật kiến thức theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 Thông tư này vì những lý do đặc biệt (thai sản, ốm đau kéo dài trên 02 tháng; hoặc ốm đau đột xuất vào đúng thời gian tổ chức lớp học cập nhật kiến thức cuối cùng đã đăng ký trong năm về nội dung có số giờ cập nhật kiến thức bị thiếu), kiểm toán viên sẽ được hoãn giờ cập nhật kiến thức trong năm nếu đảm bảo tất cả các điều kiện sau: a) Đã cập nhật kiến thức ít nhất 20 giờ; b) Có đơn xin hoãn giờ cập nhật kiến thức (theo mẫu Phụ lục 07/CNKT) để được hành nghề kiểm toán trong năm sau và gửi Bộ Tài chính trước ngày 31/8 hàng năm; c) Có tài liệu chứng minh cho những lý do nêu trên.
18. Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế	**Thông tư 117/2012/TT-BTC** **Điều 3. Nhân viên đại lý thuế** 1. Nhân viên đại lý thuế phải có đủ các điều kiện sau: a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam. b) Có chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế do Tổng cục Thuế cấp. c) Là thành viên sáng lập hoặc có hợp đồng lao động làm việc trong tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế. 2. Tại một thời điểm, người có chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế chỉ được hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế tại một (01) đại lý thuế. 3. Đại lý thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kiểm tra, xác nhận các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này đối với nhân viên đại lý thuế. **Điều 4. Các đối tượng không được làm nhân viên đại lý thuế** 1. Người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự. 2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù. 3. Người có hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hải quan, kiểm toán bị xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn một (01) năm, kể từ ngày có quyết định xử phạt.

	4. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. 5. Cán bộ, công chức thôi giữ chức vụ nhưng đang trong thời gian quy định không được kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 102/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ về việc quy định thời hạn không được kinh doanh trong lĩnh vực trách nhiệm quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức sau khi thôi giữ chức vụ. 6. Các trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế. **Điều 6. Điều kiện làm đại lý thuế** Đại lý thuế phải có đầy đủ các điều kiện sau: 1. Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. 2. Có ngành, nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. 3. Có ít nhất hai (02) nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế. **Điều 11. Điều kiện dự thi** Người dự thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế phải có các điều kiện sau: 1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 4 về các đối tượng không được làm nhân viên đại lý thuế quy định tại Thông tư này. 2. Có bằng cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật (chuyên ngành pháp luật kinh tế) và đã có thời gian làm việc trong lĩnh vực này từ hai (02) năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi. 3. Nộp đầy đủ hồ sơ dự thi theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.
23. Kinh doanh dịch vụ tập kết, kiểm tra hải quan trong, ngoài khu vực cửa khẩu	**Thông tư 38/2015/TT-BTC** **Điều 97. Địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (cảng nội địa)** 1. Điều kiện thành lập: a) Đã được quy hoạch trong hệ thống cảng nội địa do Thủ tướng Chính phủ công bố; b) Phải có diện tích từ 10 ha trở lên; c) Đảm bảo điều kiện làm việc cho cơ quan hải quan như trụ sở làm việc, nơi kiểm tra hàng hoá, nơi lắp đặt trang thiết bị phục vụ việc kiểm tra, giám sát hải quan, kho chứa tang vật vi phạm; d) Kho, bãi phải có hàng rào cứng kiên cố đảm bảo ngăn cách với khu vực xung quanh, được trang bị hệ thống camera, cân điện tử, các thiết bị khác để phục vụ thông quan hàng hoá. Hàng hoá ra vào kho, bãi

	phải được quản lý bằng Hệ thống máy tính và được kết nối với cơ quan hải quan. **Điều 98. Địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu** 1. Điều kiện thành lập a) Nằm trong quy hoạch của Bộ Tài chính về hệ thống các địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu; b) Có diện tích từ 01 (một) ha trở lên; c) Đảm bảo điều kiện làm việc cho cơ quan hải quan như trụ sở làm việc, nơi kiểm tra hàng hoá, nơi lắp đặt trang thiết bị (cân điện tử, máy soi…), kho chứa tang vật vi phạm; d) Kho, bãi phải có hàng rào cứng kiên cố đảm bảo ngăn cách với khu vực xung quanh, được trang bị hệ thống camera, cân điện tử, các thiết bị khác để thông quan hàng hoá nhanh chóng. Hàng hoá ra vào kho, bãi phải được quản lý bằng hệ thống máy tính và được kết nối với Hệ thống giám sát của cơ quan hải quan.
24. Kinh doanh chứng khoán	**Thông tư 210/2012/TT-BTC:** **Điều 3. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động** 1. Công ty chứng khoán có trụ sở làm việc, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận. 2. Công ty chứng khoán phải có vốn điều lệ là vốn thực góp, tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. 3. Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty chứng khoán phải đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 34 Thông tư này. 4. Có tối thiểu ba (03) người hành nghề chứng khoán cho mỗi nghiệp vụ kinh doanh đề nghị cấp phép hoạt động. 5. Cơ cấu cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu công ty chứng khoán: a) Công ty chứng khoán thành lập theo hình thức công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên phải có tối thiểu hai (02) cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là tổ chức đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều này, trong đó phải có ít nhất một (01) tổ chức là ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức nước ngoài theo quy định tại khoản 8 Điều này; b) Công ty chứng khoán thành lập theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, chủ sở hữu phải là ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định tại khoản 7 Điều này hoặc tổ chức nước ngoài theo quy định tại khoản 8 Điều này; c) Tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là tổ chức tối thiểu là 65% vốn điều lệ, trong đó các tổ chức là ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức nước ngoài theo quy định tại khoản 8 Điều này sở hữu tối thiểu

	30% vốn điều lệ của công ty chứng khoán; d) Cổ đông, thành viên sở hữu từ 10% trở lên vốn cổ phần hoặc phần vốn góp của một công ty chứng khoán và người có liên quan của cổ đông, thành viên góp vốn đó không được góp vốn trên 5% số cổ phần hoặc phần vốn góp của một công ty chứng khoán khác; đ) Công ty chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam không được góp vốn thành lập công ty chứng khoán khác tại Việt Nam. 6. Điều kiện đối với cá nhân tham gia góp vốn thành lập công ty chứng khoán: a) Là cá nhân không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định pháp luật và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn thành lập công ty chứng khoán; b) Chỉ được sử dụng vốn của chính mình để góp vốn, không được sử dụng vốn vay, vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác; c) Cá nhân tham gia góp vốn phải chứng minh khả năng góp vốn bằng tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi có trong tài khoản ngân hàng. Giá trị tiền tối thiểu phải bằng số vốn dự kiến góp vào công ty chứng khoán và thời điểm xác nhận của ngân hàng tối đa không quá ba mươi (30) ngày tính đến ngày hồ sơ đề nghị thành lập công ty chứng khoán đã đầy đủ và hợp lệ. 7. Điều kiện đối với tổ chức tham gia góp vốn thành lập công ty chứng khoán: a) Có tư cách pháp nhân; không đang trong tình trạng hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản và không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật; b) Hoạt động kinh doanh phải có lãi trong hai (02) năm liền trước năm góp vốn thành lập công ty chứng khoán và không có lỗ luỹ kế đến thời điểm góp vốn thành lập công ty chứng khoán; c) Trường hợp là ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán tham gia góp vốn: - Không đang trong tình trạng kiểm soát hoạt động, kiểm soát đặc biệt hoặc các tình trạng cảnh báo khác; - Đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được tham gia góp vốn, đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành. d) Trường hợp là các tổ chức kinh tế khác tham gia góp vốn: - Có thời gian hoạt động tối thiểu là năm (05) năm liên tục liền trước năm tham gia góp vốn thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán; - Vốn chủ sở hữu sau khi trừ đi tài sản dài hạn tối thiểu bằng số

	vốn dự kiến góp; - Vốn lưu động tối thiểu phải bằng số vốn dự kiến góp. đ) Chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành, không được sử dụng vốn ủy thác của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn. 8. Tổ chức nước ngoài tham gia góp vốn thành lập công ty chứng khoán phải đáp ứng quy định sau: a) Là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm và đã có thời gian hoạt động tối thiểu là hai (02) năm liền trước năm tham gia góp vốn thành lập; b) Chịu sự giám sát thường xuyên, liên tục của cơ quan quản lý, giám sát chuyên ngành ở nước ngoài trong lĩnh vực chứng khoán và được cơ quan này chấp thuận bằng văn bản về việc góp vốn thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam; c) Cơ quan quản lý, giám sát chuyên ngành ở nước ngoài trong lĩnh vực chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ký kết thỏa thuận hợp tác song phương hoặc đa phương về trao đổi thông tin, hợp tác quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán; d) Đáp ứng quy định có liên quan tại khoản 7 Điều này; đ) Tỷ lệ tham gia góp vốn thành lập công ty chứng khoán của các tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật. **Quyết định 132/QĐ-UBCK** Điều 1. Hướng dẫn về trụ sở làm việc của công ty chứng khoán. 1. Trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch (sau đây gọi là trụ sở làm việc) của công ty chứng khoán phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, tại một địa chỉ xác định có số phòng (nếu có), số tầng, tên tòa nhà (đối với các tòa nhà văn phòng cho thuê), số nhà, tên phố (đường) hoặc tên xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương). 2. Quyền sử dụng trụ sở làm việc của công ty chứng khoán tối thiểu là một năm kể từ ngày công ty chứng khoán nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc hồ sơ thay đổi địa điểm trụ sở làm việc. 3. Diện tích sàn giao dịch chứng khoán tại trụ sở chính của công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán tối thiểu là 100 m2. Điều 2. Hướng dẫn về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán 1. Diện tích, bố trí mặt bằng trụ sở làm việc:

	1.1. Tổng diện tích: 1.2. Bố trí phòng ban, mặt bằng giao dịch (theo các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đề nghị cấp phép hoặc chấp thuận): - Sàn giao dịch; - Phòng Môi giới chứng khoán; - Phòng Tự doanh chứng khoán; - Phòng Bảo lãnh phát hành chứng khoán; - Phòng Tư vấn đầu tư chứng khoán; - Phòng Lưu ký chứng khoán. 2. Cơ sở vật chất kỹ thuật thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: 2.1. Cơ sở vật chất chung: a. Hệ thống trang thiết bị văn phòng; b. Hệ thống dự phòng; c. Hệ thống lưu trữ thông tin, dữ liệu; d. Hệ thống an ninh, bảo mật. 2.2. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động Môi giới chứng khoán: a. Hệ thống quầy giao dịch; Ghế dành cho nhà đầu tư; b. Hệ thống công bố thông tin: Máy chiếu, màn chiếu; Tivi; Bảng dán công bố thông tin, Bàn ghế, máy tính nối mạng dành cho nhà đầu tư truy cập thông tin; Tủ, kệ đựng tài liệu công bố thông tin; c. Hệ thống máy chủ: Máy chủ; Thiết bị tường lửa (Firewall), chuyển mạch (Switch), định tuyến (Router); d. Hệ thống lưu trữ: Kho, két; Các thiết bị, công cụ dụng cụ lưu trữ dữ liệu; Tủ hồ sơ; e. Hệ thống nhận lệnh, nhập lệnh: Điện thoại; Thiết bị ghi âm, ghi hình; Hệ thống internet; Máy trạm nhập lệnh;

	f. Hệ thống truyền lệnh: Đường truyền kết nối với các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán; Đường truyền kết nối giữa trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch; g. Hệ thống phần mềm: Phần mềm quản lý tài khoản; Phần mềm giao dịch; Phần mềm quản lý giao dịch ký quỹ trong trường hợp được phép thực hiện giao dịch ký quỹ; Phần mềm phục vụ hoạt động lưu ký. 2.3. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động Tự doanh chứng khoán: a. Hệ thống máy chủ; b. Hệ thống truyền lệnh; c. Hệ thống phần mềm; d. Hệ thống lưu trữ. 3. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán của Chi nhánh, Phòng giao dịch công ty chứng khoán thực hiện theo ủy quyền của công ty chứng khoán. Quyết định 15/2008/QĐ-BTC **Điều 4. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán** 1. Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán được cấp cho cá nhân đáp ứng được các điều kiện sau đây: a) Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc trường hợp đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Toà án cấm hành nghề kinh doanh; b) Chưa từng bị Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc đã chấp hành xong quyết định xử phạt sau một (01) năm, trong trường hợp bị xử phạt. c) Có trình độ đại học trở lên; d) Đạt yêu cầu trong kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán, phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp; đ) Có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán, bao gồm: Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và Thị trường chứng khoán, Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán, Chứng chỉ Phân tích và Đầu tư chứng khoán, Chứng chỉ Môi giới chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán. 2. Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính được cấp cho cá nhân đáp ứng được các điều kiện sau đây: a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; b) Có các chứng chỉ chuyên môn: Chứng chỉ Tư vấn tài chính và Bảo

	lãnh phát hành chứng khoán, Chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp. 3. Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ được cấp cho cá nhân đáp ứng được các điều kiện sau đây: a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này; b) Có chứng chỉ chuyên môn Quản lý quỹ và tài sản; c) Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ngoại trừ những trường hợp đã có chứng chỉ quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst), CIIA (Certified International Investment Analyst), ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants) hoặc đã có bằng thạc sỹ kinh tế, tài chính - kế toán, ngân hàng, chứng khoán tại các quốc gia là thành viên của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD). Trường hợp tốt nghiệp đại học chuyên ngành tài chính - kế toán, ngân hàng, chứng khoán tại các quốc gia là thành viên của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cần có tối thiểu một (01) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. 4. Những người có các văn bằng, chứng chỉ sau đây được miễn giảm một hoặc một số chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này: a) Bằng Tiến sỹ kinh tế, chứng chỉ quốc tế CIIA (Certified International Investment Analyst) hoặc giấy xác nhận đã đạt kỳ thi CFA bậc II (Chartered Financial Analyst level II) trở lên, được miễn giảm Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và Thị trường chứng khoán; Chứng chỉ Phân tích và Đầu tư chứng khoán; Chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp; b) Bằng thạc sỹ kinh tế, chứng chỉ quốc tế ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), chứng chỉ CPA (Certified Public Accountants) hoặc giấy xác nhận đã đạt kỳ thi CFA bậc I (Chartered Financial Analyst level I) được miễn giảm Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và Thị trường chứng khoán, Chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp; c) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đã được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài được miễn giảm tất cả chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán, ngoại trừ Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán. Thông tư 212/2012/TT-BTC Điều 3. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động 1. Có trụ sở và trang thiết bị đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: a) Quyền sử dụng trụ sở công ty có thời hạn tối thiểu một năm tính từ ngày hồ sơ thành lập công ty quản lý quỹ đã đầy đủ và hợp

	lệ; b) Có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị văn phòng, hệ thống máy tính, phần mềm phục vụ cho hoạt động phân tích đầu tư, phân tích và quản lý rủi ro, lưu trữ bảo quản chứng từ, tài liệu và các thiết bị bảo đảm an toàn, an ninh cho trụ sở làm việc của công ty. 2. Có Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) phụ trách nghiệp vụ (nếu có) đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này và tối thiểu năm (05) nhân viên nghiệp vụ có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ. 3. Có vốn điều lệ thực góp tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. 4. Cơ cấu cổ đông, thành viên góp vốn tại công ty quản lý quỹ a) Có tối thiểu hai (02) cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là tổ chức đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều này, trong đó phải có ít nhất một (01) tổ chức là ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán; Trường hợp công ty quản lý quỹ được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, chủ sở hữu phải là doanh nghiệp bảo hiểm hoặc ngân hàng thương mại hoặc công ty chứng khoán; b) Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là tổ chức phải sở hữu tối thiểu 65% vốn điều lệ, trong đó các tổ chức là ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán sở hữu tối thiểu 30% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ; c) Cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của một công ty quản lý quỹ và người có liên quan của cổ đông, thành viên góp vốn đó không được sở hữu trên 5% vốn điều lệ tại một công ty quản lý quỹ khác. 5. Điều kiện đối với cá nhân tham gia góp vốn: a) Không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Có năng lực tài chính đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này. 6. Điều kiện đối với tổ chức tham gia góp vốn: a) Có tư cách pháp nhân và không đang trong tình trạng hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản; không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật về doanh nghiệp; b) Có thời gian hoạt động tối thiểu là năm (05) năm liên tục liền trước năm tham gia góp vốn thành lập công ty quản lý quỹ. Trường

	hợp là ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán thì phải có thời gian hoạt động tối thiểu là hai (02) năm liên tục liền trước năm tham gia góp vốn thành lập công ty quản lý quỹ; c) Có năng lực tài chính đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này. 7. Điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài để góp vốn thành lập hoặc mua để sở hữu tới 49% vốn điều lệ; thành lập hoặc mua để sở hữu 100% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. **Điều 4. Điều kiện về năng lực tài chính đối với cổ đông, thành viên góp vốn** 1. Cá nhân chỉ được sử dụng vốn của mình và phải chứng minh đủ khả năng góp vốn bằng tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi có trong tài khoản ngân hàng. Giá trị tiền tối thiểu phải bằng số vốn dự kiến góp để thành lập công ty quản lý quỹ và thời điểm xác nhận của ngân hàng tối đa không quá ba mươi (30) ngày tính đến ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. 2. Tổ chức chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn hợp lệ, hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán phải không có ngoại trừ và đáp ứng các chỉ tiêu dưới đây: a) Có lãi trong hai (02) năm liền trước năm xin phép thành lập công ty quản lý quỹ và không có lỗ luỹ kế tính đến quý gần nhất tính tới thời điểm nộp hồ sơ đề nghị thành lập công ty quản lý quỹ; b) Phần còn lại của vốn chủ sở hữu, sau khi trừ đi tài sản dài hạn, tối thiểu bằng số vốn dự kiến góp, đồng thời vốn lưu động tối thiểu bằng số vốn dự kiến góp; c) Trường hợp tổ chức tham gia góp vốn là ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán thì không đang trong tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng, đình chỉ hoạt động hoặc các tình trạng cảnh báo khác, đồng thời đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được tham gia góp vốn, đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành. 3. Cổ đông, thành viên góp vốn là cá nhân, tổ chức nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện về năng lực tài chính quy định tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

	Điều 13. Chi nhánh 1. Trừ nghiệp vụ quản lý tài sản ủy thác, chi nhánh công ty quản lý quỹ được cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác theo sự phân cấp, ủy quyền của công ty quản lý quỹ. Việc thành lập chi nhánh công ty quản lý quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Có trụ sở, trang thiết bị đáp ứng điều kiện tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này; b) Giám đốc chi nhánh đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này và có tối thiểu hai (02) nhân viên nghiệp vụ có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại trụ sở của chi nhánh. Nhân sự tại chi nhánh không kiêm nhiệm làm việc tại trụ sở chính hoặc chi nhánh khác của công ty quản lý quỹ; c) Công ty quản lý quỹ không đang trong tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình công ty hoặc đang thực hiện các thủ tục thu hồi giấy phép theo quy định; không thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 22 Thông tư này; d) Công ty quản lý quỹ không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh.
26. Kinh doanh bảo hiểm	**Thông tư 124/2012/TT-BTC** **Điều 4. Điều kiện chung cấp Giấy phép thành lập và hoạt động** 1. Tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 63 Luật Kinh doanh bảo hiểm, khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và điểm a, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thành lập chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số123/2011/NĐ-CP. 2. Doanh nghiệp bảo hiểm có vốn điều lệ đã góp không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 46/2007/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm), khoản 4 Điều 43 Nghị định số 123/2011/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm). Chi nhánh nước ngoài có vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số123/2011/NĐ-CP. 3. Tổ chức, cá nhân góp vốn có hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 64 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Điều 7 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP(đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm), Điều 40 Nghị định số 123/2011/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe), khoản 2 và khoản 3 Điều 43 Nghị định số123/2011/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp tái bảo

	hiểm). Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thành lập chi nhánh tại Việt Nam phải có hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Nghị đinh số 123/2011/NĐ-CP. 4. Doanh nghiệp bảo hiểm dự kiến thành lập có loại hình doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động phù hợp với Luật Kinh doanh bảo hiểm và pháp luật có liên quan. Chi nhánh nước ngoài có Quy chế tổ chức và hoạt động phù hợp với Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản pháp luật có liên quan. 5. Người quản trị, điều hành dự kiến của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện về năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp bảo hiểm), khoản 2 Điều 12 Nghị định số 123/2011/NĐ-CP (đối với chi nhánh nước ngoài) và hướng dẫn của Bộ Tài chính. 6. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải có cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, hệ thống công nghệ thông tin để có thể hoạt động sau khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. **Điều 5. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm** Ngoài các điều kiện chung quy định tại Điều 4 Thông tư này, tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm phải đáp ứng thêm các điều kiện sau đây: 1. Đối với việc thành lập công ty cổ phần bảo hiểm 1.1. Có tối thiểu 02 cổ đông sáng lập là tổ chức. Đối với công ty cổ phần tái bảo hiểm, cổ đông là tổ chức phải hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. 1.2. Có cơ cấu vốn điều lệ đã góp phù hợp với quy định sau: a) Một cổ đông là cá nhân được sở hữu tối đa 10% vốn điều lệ; b) Một cổ đông là tổ chức được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ; c) Cổ đông và những người có liên quan được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ; d) Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của công ty cổ phần bảo hiểm trong thời hạn tối thiểu ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. 1.3. Tổ chức góp vốn phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Phải sử dụng vốn chủ sở hữu và không được sử dụng vốn vay, vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để tham gia góp vốn; có vốn chủ sở hữu trừ đi các khoản đầu tư dài hạn hình thành từ vốn chủ sở hữu phải lớn hơn số vốn dự kiến góp vào doanh nghiệp bảo hiểm vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;

	b) Tổ chức tham gia góp vốn từ 10% vốn điều lệ trở lên phải hoạt động kinh doanh có lãi và không có lỗ lũy kế trong ba (03) năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động; c) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng 50% vốn pháp định của doanh nghiệp bảo hiểm; góp vốn với số tiền không quá 25% vốn chủ sở hữu của tổ chức đó; d) Trường hợp tổ chức tham gia góp vốn là doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, công ty tài chính thì các tổ chức này phải đảm bảo duy trì và đáp ứng các điều kiện an toàn vốn và các điều kiện tài chính khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành. 1.4. Cá nhân góp vốn phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Phải sử dụng vốn của chính mình và không được sử dụng vốn vay, vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn. b) Phải chứng minh khả năng góp vốn bằng tiền: xác nhận của ngân hàng về số dư tiền đồng Việt Nam (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi có trong tài khoản tại ngân hàng (số dư tối thiểu phải bằng số tiền tham gia góp vốn). Thời điểm xác nhận của ngân hàng không quá ba mươi (30) ngày tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm. 2. Đối với việc thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) bảo hiểm 2.1. Chủ đầu tư tham gia góp vốn phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, trong đó: a) Tổ chức Việt Nam tham gia góp vốn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 123/2011/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm), khoản 3 Điều 43 Nghị định số 123/2011/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm). b) Tổ chức nước ngoài tham gia góp vốn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP. 2.2. Tổ chức tham gia góp vốn đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều này. **Điều 6. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh nước ngoài** Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài muốn thành lập chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số123/2011/NĐ-CP; quy định tại Điều 4, tiết a và tiết b điểm 1.3 khoản 1 Điều 5 Thông tư này. **Điều 22. Người quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài** 1. Người quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài quy định tại Thông tư này bao gồm: Chủ tịch Hội đồng

	quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty); Tổng Giám đốc (Giám đốc); Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc); thành viên Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên); Trưởng Ban kiểm soát; kiểm soát viên (đối với trường hợp doanh nghiệp không thành lập Ban kiểm soát); Trưởng bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ; Kế toán trưởng; Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp bảo hiểm); người đứng đầu các bộ phận nghiệp vụ; chuyên gia tính toán (đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ); chuyên gia tính toán dự phòng và biên khả năng thanh toán (đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài). 2. Việc bổ nhiệm các chức danh quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài thực hiện như sau: a) Đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty); Tổng Giám đốc (Giám đốc); chuyên gia tính toán (đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ), chuyên gia tính toán dự phòng và biên khả năng thanh toán (đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài): Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật. b) Các chức danh khác ngoài các chức danh quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được chủ động bổ nhiệm. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày chính thức bổ nhiệm, doanh nghiệp, chi nhánh phải báo cáo Bộ Tài chính bằng văn bản kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của người đảm nhiệm chức danh bổ nhiệm đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. **Điều 23. Tiêu chuẩn chung của người quản trị, điều hành** 1. Không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp. 2. Không phải là người đã từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật. 3. Chưa từng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bảo hiểm đã bị phá sản (trừ trường hợp phá sản vì lý do bất khả kháng), chi nhánh nước ngoài đã bị mất khả năng thanh toán, hoặc là người quản lý điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bị thu hồi Giấy phép hoạt động do vi phạm trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. 4. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. 5. Trong ba (03) năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm là người quản trị, điều hành:

	a) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính phê chuẩn hoặc buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm; b) Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chươngtrình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; c) Tại thời điểm được bổ nhiệm là người quản trị, điều hành doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật. **Điều 24. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty)** Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch thành viên, Chủ tịch công ty) phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP và các hướng dẫn sau: 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu năm (05) năm hoặc có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu ba (03) năm tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng. **Điều 25. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên (đối với trường hợp doanh nghiệp không phải thành lập Ban kiểm soát)** 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu ba (03) năm hoặc có kinh nghiệm quản lý điều hành từ cấp phòng (hoặc tương đương) trở lên thuộc trụ sở chính tối thiểu hai (02) năm tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng. 4. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (đối với công ty cổ phần bảo hiểm) phải đảm bảo số thành viên thường trú tại Việt Nam theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. **Điều 26. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc người đại diện trước pháp luật** Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc người đại diện trước pháp luật phải

	đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP và các hướng dẫn sau: 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp. 4. Có tối thiểu năm (05) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có tối thiểu ba (03) năm giữ chức vụ Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh nước ngoài hoặc giữ chức vụ từ Trưởng phòng, Trưởng ban nghiệp vụ tại trụ sở chính hoặc Giám đốc chi nhánh của doanh nghiệp bảo hiểm trở lên. 5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. **Điều 27. Tiêu chuẩn của Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện** 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp. 4. Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn dự kiến đảm nhiệm. 5. Đối với kế toán trưởng, ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của kế toán trưởng quy định tại các văn bản pháp luật về kế toán và có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về kế toán hoặc kiểm toán trong lĩnh vực bảo hiểm. 6. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. **Điều 28. Tiêu chuẩn đối với người đứng đầu các bộ phận nghiệp vụ** Người đứng đầu các bộ phận: nghiên cứu và phát triển sản phẩm, khai thác, thẩm định, bồi thường, tái bảo hiểm, đầu tư và kiểm tra, kiểm soát nội bộ phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp. Đối với người đứng đầu bộ phận tái bảo hiểm hoặc đầu tư phải có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về tái bảo hiểm hoặc đầu tư. 4. Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực dự

	kiến phụ trách. 5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. **Điều 29. Nguyên tắc phân công đảm nhiệm chức vụ** 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực (bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm hoặc môi giới bảo hiểm). 2. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động trong cùng lĩnh vực tại Việt Nam; Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực tại Việt Nam. 3. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu của tối đa một (01) chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc bộ phận nghiệp vụ của doanh nghiệp bảo hiểm. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của chi nhánh nước ngoài chỉ được kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu của tối đa một (01) bộ phận nghiệp vụ của chi nhánh đó. **Điều 31. Tiêu chuẩn của chuyên gia tính toán (Appointed Actuary) của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ** 1. Được đào tạo, có kinh nghiệm làm việc tối thiểu mười (10) năm về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và đã làm việc trong lĩnh vực này tối thiểu một (01) năm kể từ khilà thành viên (Fellow) của một trong những Hiệp hội các nhà tính toán bảo hiểm được quốc tế thừa nhận rộng rãi như: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Scotland, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa hoặc Hội các nhà tính toán bảo hiểm là thành viên chính thức của Hiệp hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế; hoặc có kinh nghiệm làm việc tối thiểu năm (05) năm về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ kể từ khi là thành viên (Fellow) của một trong các Hội trên. 2. Chưa vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh có liên quan đến công việc chuyên môn của mình. 3. Là người lao động tại doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ. 4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. Điều 34. Tiêu chuẩn và sử dụng chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh

	nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài 1. Tiêu chuẩn chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán: a) Là thành viên (fellow) của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế; hoặc b) Có tối thiểu năm (05) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ (đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài) hoặc trong lĩnh vực bảo hiểm sức khỏe (đối với doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe), và có tối thiểu 02 chứng chỉ tính toán được cấp bởi một trong các Hội sau: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Scotland, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa; c) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh có liên quan đến nhiệm vụ của mình; d) Chưa vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm (đối với trường hợp chuyên gia tính dự phòng và khả năng thanh toán của doanh nghiệp, chi nhánh nước ngoài là thành viên của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế). 2. Hình thức sử dụng chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán: Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài được sử dụng chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán theo các hình thức sau: a) Sử dụng người lao động của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài; b) Thuê chuyên gia tính toán của tổ chức cung cấp dịch vụ tính toán bảo hiểm; c) Thuê hoặc dùng chuyên gia tính toán của chủ đầu tư hoặc công ty mẹ hoặc công ty trong cùng tập đoàn của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài. 3. Kể từ ngày 01/01/2016, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài phải sử dụng chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này.” **Điều 36. Kiểm tra, kiểm soát nội bộ** Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây: 1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải xây dựng, ban hành quy trình nghiệp vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP và tổ chức kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

	2. Quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài là văn bản quy định về triển khai hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của mỗi cán bộ tại từng bộ phận và cơ chế phối hợp giữa các cán bộ, các bộ phận trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài. Quy trình nghiệp vụ phải đảm bảo các yêu cầu sau để phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ: a) Phân cấp ủy quyền rõ ràng, minh bạch về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, bộ phận trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài; b) Xác định trách nhiệm cụ thể đối với từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện từng giao dịch. 3. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ phải độc lập với các hoạt động điều hành, hoạt động kinh doanh và đảm bảo đánh giá, phát hiện kịp thời mọi rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến hiệu quả và mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, phản ánh kịp thời với cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài để có biện pháp xử lý thích hợp. 4. Người làm công việc kiểm tra, kiểm soát nội bộ phải có bằng đại học hoặc trên đại học; có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tối thiểu ba (03) năm. 5. Yêu cầu đối với quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ: Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ phải được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều lệ tổchức và hoạt động (đối với doanh nghiệp bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài) ban hành bằng văn bản và phải đáp ứng các yêu cầu sau: a) Cho phép kiểm tra chéo giữa các cá nhân, các bộ phận cùng tham gia một quy trình nghiệp vụ; b) Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thông báo quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ đến tất cả người lao động của doanh nghiệp để người lao động nhận thức được tầm quan trọng và tham gia một cách có hiệu quả vào hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ; c) Người điều hành các bộ phận, đơn vị nghiệp vụ, các cá nhân có liên quan phải thường xuyên xem xét, đánh giá về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; mọi khiếm khuyết của hệ thống này phải được báo cáo kịp thời với cấp quản lý trực tiếp; những khiếm khuyết lớn có thể gây tổn thất hoặc nguy cơ rủi ro phải được báo cáo ngay Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty), Ban Kiểm soát; d) Trưởng các bộ phận của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài báo cáo, đánh giá về kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại bộ phận do mình phụ trách hoặc trong phạm vi nhiệm vụ được giao; đề xuất biện pháp xử lý đối với những tồn tại, bất cập (nếu có) gửi lãnh đạo cấp quản lý trực tiếp theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo cấp quản lý trực tiếp.

	Thông tư 125/2012/TT-BTC **Điều 4. Quản lý vốn điều lệ đã góp, vốn được cấp** 1. Vốn điều lệ đã góp, vốn được cấp 1.1. Vốn điều lệ đã góp của doanh nghiệp bảo hiểm là số vốn do chủ sở hữu thực góp vào doanh nghiệp. 1.2. Vốn được cấp của chi nhánh nước ngoài là số vốn do doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thực cấp cho chi nhánh tại Việt Nam. 2. Sau khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, số tiền tại tài khoản phong tỏa của ngân hàng được chuyển thành vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp). 3. Vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) phải tương xứng với nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài. 3.1. Trường hợp vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) bằng mức vốn pháp định, nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài như sau: a) Về địa bàn hoạt động: Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm được mở tối đa 20 chi nhánh và văn phòng đại diện. b) Về phạm vi hoạt động: - Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài được kinh doanh bảo hiểm gốc các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khoẻ trừ bảo hiểm hàng không, bảo hiểm vệ tinh. - Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khoẻ, trừ bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí. - Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được kinh doanh môi giới bảo hiểm gốc hoặc môi giới tái bảo hiểm. 3.2. Trường hợp muốn mở rộng nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động ngoài các nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động quy định tại điểm 3.1, khoản 3 Điều này, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài thực hiện bổ sung vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) như sau: a) Đối với mỗi chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tăng thêm, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải bổ sung vốn điều lệ đã góp cao hơn mức vốn pháp định là 10 tỷ đồng VietNam. b) Đối với mỗi loại hình bảo hiểm mở rộng thêm, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải bổ sung vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) như sau: - Đối với mỗi loại hình bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh,

	doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài phải bổ sung vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) cao hơn mức vốn pháp định là 50 tỷ đồng Việt Nam. - Đối với loại hình bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí, việc bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính. c) Mức vốn điều lệ bổ sung để doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm kinh doanh mỗi loại hình bảo hiểm quy định tại tiết b, điểm 3.2, khoản 3 Điều này không thay thế cho mức vốn điều lệ bổ sung để thành lập thêm chi nhánh hoặc văn phòng đại diện quy định tại tiết a, điểm 3.2, khoản 3 Điều này và ngược lại. d) Đối với trường hợp kinh doanh đồng thời cả môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải bổ sung vốn điều lệ đã góp cao hơn mức vốn pháp định là 4 tỷ đồng Việt Nam. 4. Vốn điều lệ đã góp của doanh nghiệp tái bảo hiểm không thấp hơn mức vốn pháp định quy định tại khoản 4, Điều 43 Nghị định 123/2011/NĐ-CP Doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực và có vốn điều lệ đã góp thấp hơn mức vốn pháp định thì phải thực hiện bổ sung vốn điều lệ trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. **Điều 5. Quản lý vốn chủ sở hữu** 1. Trong suốt quá trình hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đảm bảo duy trì nguồn vốn chủ sở hữu đáp ứng các nguyên tắc sau: a) Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải luôn duy trì vốn chủ sở hữu không thấp hơn mức vốn quy định tại khoản 3, Điều 4 Thông tư này; b) Doanh nghiệp tái bảo hiểm phải luôn duy trì vốn chủ sở hữu không thấp hơn mức vốn pháp định quy định tại khoản 4, Điều 43 Nghị định 123/2011/NĐ-CP. 2. Hàng năm, căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đánh giá lại nguồn vốn chủ sở hữu. Trường hợp nguồn vốn chủ sở hữu chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thực hiện các thủ tục bổ sung vốn theo quy định của pháp luật trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. **Điều 7. Trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khoẻ và chi nhánh nước ngoài** **Điều 8. Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ**

27. Kinh doanh tái bảo hiểm	**Thông tư 124/2012/TT-BTC** **Điều 22. Người quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài** 1. Người quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài quy định tại Thông tư này bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty); Tổng Giám đốc (Giám đốc); Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc); thành viên Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên); Trưởng Ban kiểm soát; kiểm soát viên (đối với trường hợp doanh nghiệp không thành lập Ban kiểm soát); Trưởng bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ; Kế toán trưởng; Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp bảo hiểm); người đứng đầu các bộ phận nghiệp vụ; chuyên gia tính toán (đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ); chuyên gia tính toán dự phòng và biên khả năng thanh toán (đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài). 2. Việc bổ nhiệm các chức danh quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài thực hiện như sau: a) Đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty); Tổng Giám đốc (Giám đốc); chuyên gia tính toán (đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ), chuyên gia tính toán dự phòng và biên khả năng thanh toán (đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài): Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật. b) Các chức danh khác ngoài các chức danh quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được chủ động bổ nhiệm. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày chính thức bổ nhiệm, doanh nghiệp, chi nhánh phải báo cáo Bộ Tài chính bằng văn bản kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của người đảm nhiệm chức danh bổ nhiệm đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. **Điều 23. Tiêu chuẩn chung của người quản trị, điều hành** 1. Không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp. 2. Không phải là người đã từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật. 3. Chưa từng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bảo hiểm đã bị phá sản (trừ trường hợp phá sản vì lý do bất khả kháng), chi nhánh nước ngoài đã bị mất khả năng thanh toán, hoặc là người quản lý điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bị thu

	hồi Giấy phép hoạt động do vi phạm trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. 4. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. 5. Trong ba (03) năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm là người quản trị, điều hành: a) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính phê chuẩn hoặc buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm; b) Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chươngtrình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; c) Tại thời điểm được bổ nhiệm là người quản trị, điều hành doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật. **Điều 24. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty)** Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch thành viên, Chủ tịch công ty) phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP và các hướng dẫn sau: 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu năm (05) năm hoặc có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu ba (03) năm tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng. **Điều 25. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên (đối với trường hợp doanh nghiệp không phải thành lập Ban kiểm soát)** 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu ba (03) năm hoặc có kinh nghiệm quản lý điều hành từ cấp phòng (hoặc tương đương) trở lên thuộc trụ sở chính tối thiểu hai (02) năm tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng. 4. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (đối với công ty cổ phần bảo hiểm) phải đảm bảo số thành viên thường trú tại Việt Nam theo quy

	định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. **Điều 26. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc người đại diện trước pháp luật** Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc người đại diện trước pháp luật phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP và các hướng dẫn sau: 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp. 4. Có tối thiểu năm (05) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có tối thiểu ba (03) năm giữ chức vụ Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh nước ngoài hoặc giữ chức vụ từ Trưởng phòng, Trưởng ban nghiệp vụ tại trụ sở chính hoặc Giám đốc chi nhánh của doanh nghiệp bảo hiểm trở lên. 5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. **Điều 27. Tiêu chuẩn của Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện** 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp. 4. Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn dự kiến đảm nhiệm. 5. Đối với kế toán trưởng, ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của kế toán trưởng quy định tại các văn bản pháp luật về kế toán và có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về kế toán hoặc kiểm toán trong lĩnh vực bảo hiểm. 6. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. **Điều 28. Tiêu chuẩn đối với người đứng đầu các bộ phận nghiệp vụ** Người đứng đầu các bộ phận: nghiên cứu và phát triển sản phẩm, khai thác, thẩm định, bồi thường, tái bảo hiểm, đầu tư và kiểm tra, kiểm soát nội bộ phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học.

	3. Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp. Đối với người đứng đầu bộ phận tái bảo hiểm hoặc đầu tư phải có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về tái bảo hiểm hoặc đầu tư. 4. Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực dự kiến phụ trách. 5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. **Điều 29. Nguyên tắc phân công đảm nhiệm chức vụ** 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực (bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm hoặc môi giới bảo hiểm). 2. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động trong cùng lĩnh vực tại Việt Nam; Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực tại Việt Nam. 3. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu của tối đa một (01) chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc bộ phận nghiệp vụ của doanh nghiệp bảo hiểm. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của chi nhánh nước ngoài chỉ được kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu của tối đa một (01) bộ phận nghiệp vụ của chi nhánh đó. **Điều 36. Kiểm tra, kiểm soát nội bộ** Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây: 1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải xây dựng, ban hành quy trình nghiệp vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP và tổ chức kiểm tra, kiểm soát nội bộ. 2. Quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài là văn bản quy định về triển khai hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của mỗi cán bộ tại từng bộ phận và cơ chế phối hợp giữa các cán bộ, các bộ phận trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài. Quy trình nghiệp vụ phải đảm bảo các yêu cầu sau để phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ: a) Phân cấp ủy quyền rõ ràng, minh bạch về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, bộ phận trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước

	ngoài; b) Xác định trách nhiệm cụ thể đối với từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện từng giao dịch. 3. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ phải độc lập với các hoạt động điều hành, hoạt động kinh doanh và đảm bảo đánh giá, phát hiện kịp thời mọi rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến hiệu quả và mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, phản ánh kịp thời với cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài để có biện pháp xử lý thích hợp. 4. Người làm công việc kiểm tra, kiểm soát nội bộ phải có bằng đại học hoặc trên đại học; có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tối thiểu ba (03) năm. 5. Yêu cầu đối với quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ: Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ phải được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều lệ tổchức và hoạt động (đối với doanh nghiệp bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài) ban hành bằng văn bản và phải đáp ứng các yêu cầu sau: a) Cho phép kiểm tra chéo giữa các cá nhân, các bộ phận cùng tham gia một quy trình nghiệp vụ; b) Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thông báo quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ đến tất cả người lao động của doanh nghiệp để người lao động nhận thức được tầm quan trọng và tham gia một cách có hiệu quả vào hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ; c) Người điều hành các bộ phận, đơn vị nghiệp vụ, các cá nhân có liên quan phải thường xuyên xem xét, đánh giá về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; mọi khiếm khuyết của hệ thống này phải được báo cáo kịp thời với cấp quản lý trực tiếp; những khiếm khuyết lớn có thể gây tổn thất hoặc nguy cơ rủi ro phải được báo cáo ngay Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty), Ban Kiểm soát; d) Trưởng các bộ phận của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài báo cáo, đánh giá về kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại bộ phận do mình phụ trách hoặc trong phạm vi nhiệm vụ được giao; đề xuất biện pháp xử lý đối với những tồn tại, bất cập (nếu có) gửi lãnh đạo cấp quản lý trực tiếp theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo cấp quản lý trực tiếp. **Điều 43. Quản lý chương trình tái bảo hiểm** 1. Phê chuẩn chương trình tái bảo hiểm: a) Để đảm bảo an toàn, hiệu quả trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty), Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh nước ngoài có trách nhiệm phê chuẩn chương trình tái bảo hiểm phù hợp với năng

	lực tài chính, quy mô kinh doanh của doanh nghiệp, chi nhánh và các quy định pháp luật hiện hành; xem xét, đánh giá, điều chỉnh chương trình tái bảo hiểm theo định kỳ hàng năm hoặc khi tình hình thị trường có sự thay đổi. b) Chương trình tái bảo hiểm bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây: - Xác định khả năng chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài; - Xác định mức giữ lại phù hợp với rủi ro bảo hiểm được chấp nhận, những giới hạn về mức giữ lại trên một đơn vị rủi ro và mức bảo vệ tối đa từ doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm; - Xác định các loại hình và phương thức tái bảo hiểm phù hợp nhất với việc quản lý các rủi ro được chấp nhận; - Phương thức, tiêu chuẩn, quy trình lựa chọn doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm, bao gồm cách thức đánh giá mức độ rủi ro và an toàn tài chính của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm; - Danh sách các doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm dự kiến sẽ nhận tái bảo hiểm, lưu ý đến sự đa dạng hóa và xếp hạng các nhà nhận tái; - Phương thức sử dụng khoản tiền đặt cọc của nhà nhận tái, nếu có; - Quản lý rủi ro tích tụ đối với những lĩnh vực, vùng địa lý và các loại sản phẩm đặc thù; - Cách thức kiểm soát chương trình tái bảo hiểm, bao gồm hệ thống báo cáo và kiểm soát nội bộ. 2. Tổ chức thực hiện chương trình tái bảo hiểm: Trên cơ sở chương trình tái bảo hiểm đã được phê duyệt, Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài có trách nhiệm ban hành quy trình, hướng dẫn nội bộ về hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, cụ thể bao gồm: a) Quy trình khai thác bảo hiểm, trong đó nêu rõ các loại sản phẩm bảo hiểm được khai thác; quy tắc, điều khoản bảo hiểm và tổng mức trách nhiệm theo loại sản phẩm bảo hiểm; b) Xác định giới hạn trách nhiệm tự động được bảo hiểm theo hợp đồng tái bảo hiểm cố định đối với mỗi loại hình bảo hiểm; c) Xây dựng tiêu chuẩn đối với các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời; d) Đối chiếu các quy tắc, điều khoản của hợp đồng bảo hiểm gốc với điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm để đảm bảo mỗi rủi ro đều được bảo hiểm (đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài). 3. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài có trách nhiệm cập nhật thường xuyên danh sách về

	các doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm, kèm theo các thông tin về mức độ rủi ro, khả năng, mức độ sẵn sàng chi trả bồi thường tương ứng với trách nhiệm đã nhận tái bảo hiểm; yêu cầu đặt cọc tương ứng với mức độ rủi ro, hệ số tín nhiệm của từng doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm. **Điều 44. Mức giữ lại** 1. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải tính toán mức giữ lại cho từng loại hình bảo hiểm và theo từng loại rủi ro; mức giữ lại trên một rủi ro và trên một sự kiện bảo hiểm. 2. Khi tính toán mức giữ lại, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải xem xét đến các yếu tố dưới đây: a) Các quy định pháp luật về khả năng thanh toán; b) Năng lực khai thác; c) Khả năng tài chính; d) Khả năng sẵn sàng chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài; đ) Việc thu xếp bảo vệ cho các rủi ro lớn và các rủi ro thảm họa; e) Việc cân đối các kết quả hoạt động kinh doanh; g) Các yếu tố cấu thành của danh mục hợp đồng bảo hiểm; h) Diễn biến thị trường tái bảo hiểm trong nước và quốc tế. 3. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài chỉ được phép giữ lại mức trách nhiệm tối đa trên mỗi rủi ro hoặc trên mỗi tổn thất riêng lẻ không quá 5% vốn chủ sở hữu. Doanh nghiệp tái bảo hiểm chỉ được phép giữ lại mức trách nhiệm tối đa trên mỗi rủi ro hoặc trên mỗi tổn thất riêng lẻ không quá 10% vốn chủ sở hữu. 4. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không được nhận tái bảo hiểm đối với chính những rủi ro đã nhượng tái bảo hiểm. **Điều 45. Nhượng tái bảo hiểm** 1. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài có thể chuyển một phần trách nhiệm đã nhận bảo hiểm cho một hoặc nhiều doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác nhưng không được nhượng toàn bộ trách nhiệm bảo hiểm đã nhận trong một hợp đồng bảo hiểm cho doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác. 2. Đối với các loại hình tái bảo hiểm hạn chế (finite reinsurance), trước khi ký kết hợp đồng tái bảo hiểm, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài có văn bản do người đại diện trước pháp luật ký thông báo cho Bộ Tài chính các nội dung

	chính của hợp đồng tái bảo hiểm, mục đích ký kết hợp đồng, cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và chế độ kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp. 3. Việc nhượng tái bảo hiểm không được phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam và doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài. **Điều 46. Điều kiện của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm nước ngoài** 1. Doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm nước ngoài đang hoạt động hợp pháp và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về khả năng thanh toán theo quy định pháp luật của nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính. 2. Doanh nghiệp đứng đầu nhận tái bảo hiểm và doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm từ 10% tổng mức trách nhiệm của mỗi hợp đồng tái bảo hiểm phải được xếp hạng tối thiểu "BBB+" theo Standard & Poor's hoặc Fitch, "B++" theo A.M.Best, "Baal" theo Moody's hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm giao kết hợp đồng tái bảo hiểm. 3. Trường hợp tái bảo hiểm cho công ty mẹ ở nước ngoài hoặc các công ty trong cùng tập đoàn mà không có đánh giá xếp hạng tín nhiệm theo quy định nêu trên thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải nộp Bộ Tài chính văn bản của cơ quan quản lý bảo hiểm nước ngoài nơi công ty nhận tái bảo hiểm đóng trụ sở chính xác nhận công ty nhận tái bảo hiểm ở nước ngoài đảm bảo khả năng thanh toán tại năm tài chính gần nhất năm nhận tái bảo hiểm. Thông tư 125/2012/TT-BTC **Điều 4. Quản lý vốn điều lệ đã góp, vốn được cấp** 1. Vốn điều lệ đã góp, vốn được cấp 1.1. Vốn điều lệ đã góp của doanh nghiệp bảo hiểm là số vốn do chủ sở hữu thực góp vào doanh nghiệp. 1.2. Vốn được cấp của chi nhánh nước ngoài là số vốn do doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thực cấp cho chi nhánh tại Việt Nam. 2. Sau khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, số tiền tại tài khoản phong tỏa của ngân hàng được chuyển thành vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp). 3. Vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) phải tương xứng với nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài. 3.1. Trường hợp vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) bằng mức vốn pháp định, nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước

	ngoài như sau: a) Về địa bàn hoạt động: Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm được mở tối đa 20 chi nhánh và văn phòng đại diện. b) Về phạm vi hoạt động: - Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài được kinh doanh bảo hiểm gốc các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khoẻ trừ bảo hiểm hàng không, bảo hiểm vệ tinh. - Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khoẻ, trừ bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí. - Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được kinh doanh môi giới bảo hiểm gốc hoặc môi giới tái bảo hiểm. 3.2. Trường hợp muốn mở rộng nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động ngoài các nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động quy định tại điểm 3.1, khoản 3 Điều này, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài thực hiện bổ sung vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) như sau: a) Đối với mỗi chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tăng thêm, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải bổ sung vốn điều lệ đã góp cao hơn mức vốn pháp định là 10 tỷ đồng VietNam. b) Đối với mỗi loại hình bảo hiểm mở rộng thêm, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải bổ sung vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) như sau: - Đối với mỗi loại hình bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài phải bổ sung vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) cao hơn mức vốn pháp định là 50 tỷ đồng Việt Nam. - Đối với loại hình bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí, việc bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính. c) Mức vốn điều lệ bổ sung để doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm kinh doanh mỗi loại hình bảo hiểm quy định tại tiết b, điểm 3.2, khoản 3 Điều này không thay thế cho mức vốn điều lệ bổ sung để thành lập thêm chi nhánh hoặc văn phòng đại diện quy định tại tiết a, điểm 3.2, khoản 3 Điều này và ngược lại. d) Đối với trường hợp kinh doanh đồng thời cả môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải bổ sung vốn điều lệ đã góp cao hơn mức vốn pháp định là 4 tỷ đồng Việt Nam. 4. Vốn điều lệ đã góp của doanh nghiệp tái bảo hiểm không thấp hơn mức vốn pháp định quy định tại khoản 4, Điều 43 Nghị định 123/2011/NĐ-CP Doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực và có vốn điều

	lệ đã góp thấp hơn mức vốn pháp định thì phải thực hiện bổ sung vốn điều lệ trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. **Điều 5. Quản lý vốn chủ sở hữu** 1. Trong suốt quá trình hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đảm bảo duy trì nguồn vốn chủ sở hữu đáp ứng các nguyên tắc sau: a) Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải luôn duy trì vốn chủ sở hữu không thấp hơn mức vốn quy định tại khoản 3, Điều 4 Thông tư này; b) Doanh nghiệp tái bảo hiểm phải luôn duy trì vốn chủ sở hữu không thấp hơn mức vốn pháp định quy định tại khoản 4, Điều 43 Nghị định 123/2011/NĐ-CP. 2. Hàng năm, căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đánh giá lại nguồn vốn chủ sở hữu. Trường hợp nguồn vốn chủ sở hữu chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thực hiện các thủ tục bổ sung vốn theo quy định của pháp luật trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. **Điều 9. Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm** 1. Doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh loại hình tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khoẻ phải lập các loại dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tương tự doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 46/2007/NĐ-CP. Doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh loại hình tái bảo hiểm nhân thọ phải lập các loại dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tương tự doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 46/2007/NĐ-CP. 2. Doanh nghiệp tái bảo hiểm được phép lựa chọn và đề nghị Bộ Tài chính phê chuẩn phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm trước khi áp dụng theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này (đối với loại hình tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khoẻ), Điều 8 Thông tư này (đối với loại hình tái bảo hiểm nhân thọ). Trường hợp doanh nghiệp áp dụng phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ khác thì phải bảo đảm cho kết quả dự phòng nghiệp vụ cao hơn và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi áp dụng. 3. Doanh nghiệp tái bảo hiểm không được thay đổi phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm trong năm tài chính. Trong trường hợp thay đổi phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho năm tài chính kế tiếp, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải đề nghị và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi áp dụng.
28	Thông tư 124/2012/TT-BTC

	Điều 4. Điều kiện chung cấp Giấy phép thành lập và hoạt động 1. Tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 63 Luật Kinh doanh bảo hiểm, khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và điểm a, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thành lập chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số123/2011/NĐ-CP. 2. Doanh nghiệp bảo hiểm có vốn điều lệ đã góp không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 46/2007/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm), khoản 4 Điều 43 Nghị định số 123/2011/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm). Chi nhánh nước ngoài có vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số123/2011/NĐ-CP. 3. Tổ chức, cá nhân góp vốn có hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 64 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Điều 7 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP(đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm), Điều 40 Nghị định số 123/2011/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe), khoản 2 và khoản 3 Điều 43 Nghị định số123/2011/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm). Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thành lập chi nhánh tại Việt Nam phải có hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Nghị đinh số 123/2011/NĐ-CP. 4. Doanh nghiệp bảo hiểm dự kiến thành lập có loại hình doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động phù hợp với Luật Kinh doanh bảo hiểm và pháp luật có liên quan. Chi nhánh nước ngoài có Quy chế tổ chức và hoạt động phù hợp với Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản pháp luật có liên quan. 5. Người quản trị, điều hành dự kiến của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện về năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp bảo hiểm), khoản 2 Điều 12 Nghị định số 123/2011/NĐ-CP (đối với chi nhánh nước ngoài) và hướng dẫn của Bộ Tài chính. 6. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải có cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, hệ thống công nghệ thông tin để có thể hoạt động sau khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. **Điều 5. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm** Ngoài các điều kiện chung quy định tại Điều 4 Thông tư này, tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm phải đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

	1. Đối với việc thành lập công ty cổ phần bảo hiểm 1.1. Có tối thiểu 02 cổ đông sáng lập là tổ chức. Đối với công ty cổ phần tái bảo hiểm, cổ đông là tổ chức phải hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. 1.2. Có cơ cấu vốn điều lệ đã góp phù hợp với quy định sau: a) Một cổ đông là cá nhân được sở hữu tối đa 10% vốn điều lệ; b) Một cổ đông là tổ chức được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ; c) Cổ đông và những người có liên quan được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ; d) Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của công ty cổ phần bảo hiểm trong thời hạn tối thiểu ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. 1.3. Tổ chức góp vốn phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Phải sử dụng vốn chủ sở hữu và không được sử dụng vốn vay, vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để tham gia góp vốn; có vốn chủ sở hữu trừ đi các khoản đầu tư dài hạn hình thành từ vốn chủ sở hữu phải lớn hơn số vốn dự kiến góp vào doanh nghiệp bảo hiểm vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động; b) Tổ chức tham gia góp vốn từ 10% vốn điều lệ trở lên phải hoạt động kinh doanh có lãi và không có lỗ lũy kế trong ba (03) năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động; c) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng 50% vốn pháp định của doanh nghiệp bảo hiểm; góp vốn với số tiền không quá 25% vốn chủ sở hữu của tổ chức đó; d) Trường hợp tổ chức tham gia góp vốn là doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, công ty tài chính thì các tổ chức này phải đảm bảo duy trì và đáp ứng các điều kiện an toàn vốn và các điều kiện tài chính khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành. 1.4. Cá nhân góp vốn phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Phải sử dụng vốn của chính mình và không được sử dụng vốn vay, vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn. b) Phải chứng minh khả năng góp vốn bằng tiền: xác nhận của ngân hàng về số dư tiền đồng Việt Nam (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi có trong tài khoản tại ngân hàng (số dư tối thiểu phải bằng số tiền tham gia góp vốn). Thời điểm xác nhận của ngân hàng không quá ba mươi (30) ngày tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm. 2. Đối với việc thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) bảo hiểm

	2.1. Chủ đầu tư tham gia góp vốn phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, trong đó: a) Tổ chức Việt Nam tham gia góp vốn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 123/2011/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm), khoản 3 Điều 43 Nghị định số 123/2011/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm). b) Tổ chức nước ngoài tham gia góp vốn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP. 2.2. Tổ chức tham gia góp vốn đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều này. **Điều 6. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh nước ngoài** Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài muốn thành lập chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số123/2011/NĐ-CP; quy định tại Điều 4, tiết a và tiết b điểm 1.3 khoản 1 Điều 5 Thông tư này. **Điều 22. Người quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài** 1. Người quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài quy định tại Thông tư này bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty); Tổng Giám đốc (Giám đốc); Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc); thành viên Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên); Trưởng Ban kiểm soát; kiểm soát viên (đối với trường hợp doanh nghiệp không thành lập Ban kiểm soát); Trưởng bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ; Kế toán trưởng; Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp bảo hiểm); người đứng đầu các bộ phận nghiệp vụ; chuyên gia tính toán (đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ); chuyên gia tính toán dự phòng và biên khả năng thanh toán (đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài). 2. Việc bổ nhiệm các chức danh quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài thực hiện như sau: a) Đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty); Tổng Giám đốc (Giám đốc); chuyên gia tính toán (đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ), chuyên gia tính toán dự phòng và biên khả năng thanh toán (đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài): Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật. b) Các chức danh khác ngoài các chức danh quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được chủ

	động bổ nhiệm. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày chính thức bổ nhiệm, doanh nghiệp, chi nhánh phải báo cáo Bộ Tài chính bằng văn bản kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của người đảm nhiệm chức danh bổ nhiệm đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. **Điều 23. Tiêu chuẩn chung của người quản trị, điều hành** 1. Không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp. 2. Không phải là người đã từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật. 3. Chưa từng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bảo hiểm đã bị phá sản (trừ trường hợp phá sản vì lý do bất khả kháng), chi nhánh nước ngoài đã bị mất khả năng thanh toán, hoặc là người quản lý điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bị thu hồi Giấy phép hoạt động do vi phạm trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. 4. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. 5. Trong ba (03) năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm là người quản trị, điều hành: a) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính phê chuẩn hoặc buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm; b) Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chươngtrình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; c) Tại thời điểm được bổ nhiệm là người quản trị, điều hành doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật. **Điều 24. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty)** Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch thành viên, Chủ tịch công ty) phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP và các hướng dẫn sau: 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này.

	2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu năm (05) năm hoặc có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu ba (03) năm tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng. **Điều 25. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên (đối với trường hợp doanh nghiệp không phải thành lập Ban kiểm soát)** 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu ba (03) năm hoặc có kinh nghiệm quản lý điều hành từ cấp phòng (hoặc tương đương) trở lên thuộc trụ sở chính tối thiểu hai (02) năm tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng. 4. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (đối với công ty cổ phần bảo hiểm) phải đảm bảo số thành viên thường trú tại Việt Nam theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. **Điều 26. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc người đại diện trước pháp luật** Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc người đại diện trước pháp luật phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP và các hướng dẫn sau: 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp. 4. Có tối thiểu năm (05) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có tối thiểu ba (03) năm giữ chức vụ Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh nước ngoài hoặc giữ chức vụ từ Trưởng phòng, Trưởng ban nghiệp vụ tại trụ sở chính hoặc Giám đốc chi nhánh của doanh nghiệp bảo hiểm trở lên. 5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. **Điều 27. Tiêu chuẩn của Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện** 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp.

	4. Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn dự kiến đảm nhiệm. 5. Đối với kế toán trưởng, ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của kế toán trưởng quy định tại các văn bản pháp luật về kế toán và có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về kế toán hoặc kiểm toán trong lĩnh vực bảo hiểm. 6. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. **Điều 28. Tiêu chuẩn đối với người đứng đầu các bộ phận nghiệp vụ** Người đứng đầu các bộ phận: nghiên cứu và phát triển sản phẩm, khai thác, thẩm định, bồi thường, tái bảo hiểm, đầu tư và kiểm tra, kiểm soát nội bộ phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 23 Thông tư này. 2. Có bằng đại học hoặc trên đại học. 3. Có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp. Đối với người đứng đầu bộ phận tái bảo hiểm hoặc đầu tư phải có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về tái bảo hiểm hoặc đầu tư. 4. Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực dự kiến phụ trách. 5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. **Điều 29. Nguyên tắc phân công đảm nhiệm chức vụ** 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực (bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm hoặc môi giới bảo hiểm). 2. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động trong cùng lĩnh vực tại Việt Nam; Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực tại Việt Nam. 3. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu của tối đa một (01) chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc bộ phận nghiệp vụ của doanh nghiệp bảo hiểm. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của chi nhánh nước ngoài chỉ được kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu của tối đa một (01) bộ

	phận nghiệp vụ của chi nhánh đó. **Điều 31. Tiêu chuẩn của chuyên gia tính toán (Appointed Actuary) của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ** 1. Được đào tạo, có kinh nghiệm làm việc tối thiểu mười (10) năm về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và đã làm việc trong lĩnh vực này tối thiểu một (01) năm kể từ khilà thành viên (Fellow) của một trong những Hiệp hội các nhà tính toán bảo hiểm được quốc tế thừa nhận rộng rãi như: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Scotland, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa hoặc Hội các nhà tính toán bảo hiểm là thành viên chính thức của Hiệp hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế; hoặc có kinh nghiệm làm việc tối thiểu năm (05) năm về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ kể từ khi là thành viên (Fellow) của một trong các Hội trên. 2. Chưa vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh có liên quan đến công việc chuyên môn của mình. 3. Là người lao động tại doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ. 4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. Điều 34. Tiêu chuẩn và sử dụng chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài 1. Tiêu chuẩn chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán: a) Là thành viên (fellow) của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế; hoặc b) Có tối thiểu năm (05) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ (đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài) hoặc trong lĩnh vực bảo hiểm sức khỏe (đối với doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe), và có tối thiểu 02 chứng chỉ tính toán được cấp bởi một trong các Hội sau: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Scotland, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa; c) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh có liên quan đến nhiệm vụ của mình; d) Chưa vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm (đối với trường hợp chuyên gia tính dự phòng và khả năng thanh toán của doanh nghiệp, chi nhánh nước ngoài là thành viên của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế). 2. Hình thức sử dụng chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán: Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài được sử dụng chuyên gia

	tính toán dự phòng và khả năng thanh toán theo các hình thức sau: a) Sử dụng người lao động của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài; b) Thuê chuyên gia tính toán của tổ chức cung cấp dịch vụ tính toán bảo hiểm; c) Thuê hoặc dùng chuyên gia tính toán của chủ đầu tư hoặc công ty mẹ hoặc công ty trong cùng tập đoàn của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài. 3. Kể từ ngày 01/01/2016, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài phải sử dụng chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này.” **Điều 36. Kiểm tra, kiểm soát nội bộ** Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây: 1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải xây dựng, ban hành quy trình nghiệp vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP và tổ chức kiểm tra, kiểm soát nội bộ. 2. Quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài là văn bản quy định về triển khai hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của mỗi cán bộ tại từng bộ phận và cơ chế phối hợp giữa các cán bộ, các bộ phận trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài. Quy trình nghiệp vụ phải đảm bảo các yêu cầu sau để phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ: a) Phân cấp ủy quyền rõ ràng, minh bạch về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, bộ phận trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài; b) Xác định trách nhiệm cụ thể đối với từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện từng giao dịch. 3. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ phải độc lập với các hoạt động điều hành, hoạt động kinh doanh và đảm bảo đánh giá, phát hiện kịp thời mọi rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến hiệu quả và mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, phản ánh kịp thời với cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài để có biện pháp xử lý thích hợp. 4. Người làm công việc kiểm tra, kiểm soát nội bộ phải có bằng đại học hoặc trên đại học; có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tối thiểu ba (03) năm. 5. Yêu cầu đối với quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ: Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ phải được cấp có thẩm quyền quy

	định tại Điều lệ tổchức và hoạt động (đối với doanh nghiệp bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài) ban hành bằng văn bản và phải đáp ứng các yêu cầu sau: a) Cho phép kiểm tra chéo giữa các cá nhân, các bộ phận cùng tham gia một quy trình nghiệp vụ; b) Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thông báo quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ đến tất cả người lao động của doanh nghiệp để người lao động nhận thức được tầm quan trọng và tham gia một cách có hiệu quả vào hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ; c) Người điều hành các bộ phận, đơn vị nghiệp vụ, các cá nhân có liên quan phải thường xuyên xem xét, đánh giá về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; mọi khiếm khuyết của hệ thống này phải được báo cáo kịp thời với cấp quản lý trực tiếp; những khiếm khuyết lớn có thể gây tổn thất hoặc nguy cơ rủi ro phải được báo cáo ngay Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty), Ban Kiểm soát; d) Trưởng các bộ phận của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài báo cáo, đánh giá về kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại bộ phận do mình phụ trách hoặc trong phạm vi nhiệm vụ được giao; đề xuất biện pháp xử lý đối với những tồn tại, bất cập (nếu có) gửi lãnh đạo cấp quản lý trực tiếp theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo cấp quản lý trực tiếp. Thông tư 125/2012/TT-BTC **Điều 4. Quản lý vốn điều lệ đã góp, vốn được cấp** 1. Vốn điều lệ đã góp, vốn được cấp 1.1. Vốn điều lệ đã góp của doanh nghiệp bảo hiểm là số vốn do chủ sở hữu thực góp vào doanh nghiệp. 1.2. Vốn được cấp của chi nhánh nước ngoài là số vốn do doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thực cấp cho chi nhánh tại Việt Nam. 2. Sau khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, số tiền tại tài khoản phong tỏa của ngân hàng được chuyển thành vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp). 3. Vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) phải tương xứng với nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài. 3.1. Trường hợp vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) bằng mức vốn pháp định, nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài như sau: a) Về địa bàn hoạt động: Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm được mở tối đa 20 chi nhánh và văn phòng đại diện.

	b) Về phạm vi hoạt động: - Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài được kinh doanh bảo hiểm gốc các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khoẻ trừ bảo hiểm hàng không, bảo hiểm vệ tinh. - Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khoẻ, trừ bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí. - Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được kinh doanh môi giới bảo hiểm gốc hoặc môi giới tái bảo hiểm. 3.2. Trường hợp muốn mở rộng nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động ngoài các nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động quy định tại điểm 3.1, khoản 3 Điều này, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài thực hiện bổ sung vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) như sau: a) Đối với mỗi chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tăng thêm, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải bổ sung vốn điều lệ đã góp cao hơn mức vốn pháp định là 10 tỷ đồng VietNam. b) Đối với mỗi loại hình bảo hiểm mở rộng thêm, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải bổ sung vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) như sau: - Đối với mỗi loại hình bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài phải bổ sung vốn điều lệ đã góp (hoặc vốn được cấp) cao hơn mức vốn pháp định là 50 tỷ đồng Việt Nam. - Đối với loại hình bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí, việc bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính. c) Mức vốn điều lệ bổ sung để doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm kinh doanh mỗi loại hình bảo hiểm quy định tại tiết b, điểm 3.2, khoản 3 Điều này không thay thế cho mức vốn điều lệ bổ sung để thành lập thêm chi nhánh hoặc văn phòng đại diện quy định tại tiết a, điểm 3.2, khoản 3 Điều này và ngược lại. d) Đối với trường hợp kinh doanh đồng thời cả môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải bổ sung vốn điều lệ đã góp cao hơn mức vốn pháp định là 4 tỷ đồng Việt Nam. 4. Vốn điều lệ đã góp của doanh nghiệp tái bảo hiểm không thấp hơn mức vốn pháp định quy định tại khoản 4, Điều 43 Nghị định 123/2011/NĐ-CP Doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực và có vốn điều lệ đã góp thấp hơn mức vốn pháp định thì phải thực hiện bổ sung vốn điều lệ trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

	Điều 5. Quản lý vốn chủ sở hữu 1. Trong suốt quá trình hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đảm bảo duy trì nguồn vốn chủ sở hữu đáp ứng các nguyên tắc sau: a) Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải luôn duy trì vốn chủ sở hữu không thấp hơn mức vốn quy định tại khoản 3, Điều 4 Thông tư này; b) Doanh nghiệp tái bảo hiểm phải luôn duy trì vốn chủ sở hữu không thấp hơn mức vốn pháp định quy định tại khoản 4, Điều 43 Nghị định 123/2011/NĐ-CP. 2. Hàng năm, căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đánh giá lại nguồn vốn chủ sở hữu. Trường hợp nguồn vốn chủ sở hữu chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải thực hiện các thủ tục bổ sung vốn theo quy định của pháp luật trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. **Điều 7. Trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khoẻ và chi nhánh nước ngoài** **Điều 8. Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ**
29	Thông tư 116/2014/TT-BTC **Điều 6. Đại lý bảo hiểm** 1. Để được hoạt động bảo hiểm theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP đại lý bảo hiểm phải đáp ứng các yêu cầu sau: a) Đã có tối thiểu 3 tháng liên tục hoạt động đại lý bảo hiểm. b) Không vi phạm các quy định pháp luật và đạo đức hành nghề đại lý bảo hiểm. c) Được đào tạo tối thiểu là 16 giờ về bảo hiểm theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP. 2. Việc tổ chức đào tạo, thi và cấp chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành Thông tư 135/2012/TT-BTC . **Điều 34. Yêu cầu đối với đại lý bảo hiểm bảo hiểm** 1. Để triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, doanh nghiệp bảo hiểm phải đảm bảo tuyển chọn các đại lý bảo hiểm đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Không vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp đại lý của doanh nghiệp bảo hiểm trong thời gian hành nghề đại lý;

	b) Có chứng chỉ đại lý bán sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị theo quy định của pháp luật. Quy định này không áp dụng đối với các đại lý bảo hiểm đã đủ tiêu chuẩn và được doanh nghiệp bảo hiểm sử dụng để bán sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị trước ngày Thông tư này có hiệu lực. c) Đáp ứng một trong các điều kiện về kinh nghiệm dưới đây: - Là đại lý bảo hiểm và có ít nhất một (01) năm kinh nghiệm hoạt động đại lý bảo hiểm liên tục; hoặc - Là đại lý bảo hiểm, có ít nhất sáu (06) tháng kinh nghiệm làm việc liên tục trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và có chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán do Uỷ ban chứng khoán nhà nước cấp; hoặc - Là đại lý bảo hiểm, có ít nhất sáu (06) tháng kinh nghiệm hoạt động đại lý bảo hiểm liên tục và có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. 2. Doanh nghiệp bảo hiểm phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại hay tổn thất do hoạt động đại lý của mình gây ra theo thoả thuận tại hợp đồng đại lý bảo hiểm. Thông tư 115/2013/TT-BTC **Điều 25. Điều kiện đối với đại lý bảo hiểm** 1. Để triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ sử dụng các đại lý bảo hiểm đáp ứng đủ các điều kiện sau: a) Có chứng chỉ đại lý bảo hiểm do cơ sở đào tạo được Bộ Tài chính chấp thuận cấp; b) Không vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp đại lý của doanh nghiệp bảo hiểm trong thời gian hành nghề đại lý; c) Có ít nhất 06 (sáu) tháng kinh nghiệm hoạt động đại lý bảo hiểm nhân thọ liên tục hoặc 06 (sáu) tháng làm việc liên tục trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. 2. Doanh nghiệp bảo hiểm phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại hay tổn thất do hoạt động đại lý của mình gây ra theo thỏa thuận tại hợp đồng đại lý bảo hiểm.
31	Thông tư 46/2014/TT-BTC **Điều 4. Điều kiện dự thi** Công dân Việt Nam đăng ký dự thi thẩm định viên về giá phải có đủ các điều kiện sau: 1. Có năng lực hành vi dân sự, có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, liêm khiết, trung thực, khách quan và có ý thức chấp hành pháp luật. 2. Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành vật giá, thẩm

	định giá, kinh tế, kinh tế - kỹ thuật, kỹ thuật, luật do các tổ chức đào tạo hợp pháp ở Việt Nam hoặc nước ngoài cấp. 3. Có thời gian công tác thực tế từ 36 tháng trở lên tính từ ngày có bằng tốt nghiệp đại học đến ngày cuối của hạn nhận hồ sơ đăng ký dự thi theo chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Có Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá còn thời hạn do cơ quan, tổ chức có chức năng đào tạo chuyên ngành thẩm định giá cấp theo quy định của Bộ Tài chính, trừ các trường hợp sau: a) Người đã có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học trong nước hoặc nước ngoài về chuyên ngành vật giá, thẩm định giá; b) Người đã có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành kinh tế, kinh tế - kỹ thuật, kỹ thuật, luật và đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành thẩm định giá. 5. Nộp đầy đủ, đúng mẫu hồ sơ và phí dự thi theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.
32	Thông tư 127/2012/TT-BTC **Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện của tổ chức tư vấn định giá** 1. Các tổ chức tư vấn định giá trong nước đăng ký cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau: a) Là các công ty kiểm toán, công ty chứng khoán, doanh nghiệp thẩm định giá có chức năng định giá và đáp ứng các điều kiện về tổ chức và hoạt động đối với từng loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam; b) Có quy trình nghiệp vụ xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp với Nghị định số59/2011/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); c) Có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm về một (01) trong các lĩnh vực hoạt động sau: thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp. Trong thời gian ba (03) năm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp, mỗi năm phải thực hiện cung cấp dịch vụ thuộc các lĩnh vực nêu trên được ít nhất ba mươi (30) hợp đồng; d) Có ít nhất ba (03) thẩm định viên về giá đã được Bộ Tài chính cấp thẻ thẩm định viên về giá và đăng ký hành nghề thẩm định giá chuyên trách tại doanh nghiệp; đ) Đáp ứng các tiêu chí về số lượng, chất lượng của đội ngũ nhân viên làm việc trong các lĩnh vực, ngành nghề mà tổ chức đang hoạt động theo quy định tại điểm a Khoản này;

	e) Không bị xử phạt vi phạm hành chính với các tình tiết tăng nặng theo kết luận của cơ quan quyết định xử phạt trong lĩnh vực thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp trong vòng năm (05) năm liền kề trước năm đăng ký thực hiện dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp. Trường hợp tổ chức đề nghị được cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp bị cơquan nhà nước có thẩm quyền về kiểm tra, thanh tra kết luận có những sai phạm trong hoạt động thẩm định giá, xác định giá trị doanh nghiệp và đang trong quá trình chuyển hồsơ xử lý theo quy định của pháp luật thì cũng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký tổchức tư vấn định giá theo quy định tại Thông tư này. 2. Các tổ chức tư vấn định giá nước ngoài không thành lập pháp nhân tại Việt Nam chỉđược phép cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa khi hợp tác, liên danh với các tổ chức tư vấn định giá trong nước được Bộ Tài chính công nhận theo quy định tại Thông tư này. Điều kiện để các tổ chức nước ngoài được hợp tác, liên danh với tổ chức tư vấn định giá trong nước bao gồm: a) Là tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp theo pháp luật tại nước đặt trụ sở chính; b) Có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực sau: thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp.
33	Thông tư 75/2013/TT-BTC Điều 36. Mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức quản lý Mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức quản lý của công ty xổ số kiến thiết, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số điện toán Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Nghị định số30/2007/NĐ-CP và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP. Điều 37. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với các chức danh lãnh đạo quản lý Điều kiện, tiêu chuẩn đối với các chức danh lãnh đạo quản lý của công ty xổ số kiến thiết, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số điện toán Việt Nam do chủ sở hữu quy định và ghi trong điều lệ tổ chức hoạt động của công ty xổ số kiến thiết nhưng phải đáp ứng các điều kiện cơ bản sau đây: 1. Đối với Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc: a) Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam; b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; c) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên thuộc một trong các

	ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật kinh tế, quản trị kinh doanh; d) Có kinh nghiệm thực tế trong quản lý hoạt động doanh nghiệp; đ) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các điểm b, c, đ, e, g khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp; e) Các tiêu chuẩn về sức khỏe, đạo đức và các tiêu chuẩn khác quy định tại điều lệ của công ty xổ số kiến thiết do chủ sở hữu phê duyệt. 2. Đối với kiểm soát viên: a) Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam; b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; c) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động kinh doanh xổ số của công ty xổ số kiến thiết hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại điều lệ công ty xổ số kiến thiết; d) Có kinh nghiệm thực tế trong quản lý hoạt động doanh nghiệp; đ) Không có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị em ruột giữ chức danh Tổng giám đốc, kế toán trưởng, kiểm soát viên, thủ quỹ tại công ty xổ số kiến thiết; e) Không phải là người có liên quan của thành viên hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm kiểm soát viên; g) Các tiêu chuẩn về sức khỏe, đạo đức và các tiêu chuẩn khác quy định tại điều lệ của công ty xổ số kiến thiết do chủ sở hữu phê duyệt. 3. Các tiêu chuẩn này áp dụng cho việc bổ nhiệm các chức danh quản lý của công ty xổ số kiến thiết kể từ khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.
34	*Thông tư số 33/2010/TT-BCA* **Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về

	trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ sở kinh doanh sau đây còn phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy như sau: a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); sản xuất, kinh doanh gas; sản xuất pháo hoa; kinh doanh vũ trường; kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 7 tầng trở lên phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy. b) Các cơ sở kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 6 tầng trở xuống; sản xuất, kinh doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ; trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino; hoạt động in (trừ photocopy màu); kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh karaoke; xoa bóp (massage) phải có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy. 5. Các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự thuộc một trong các trường hợp sau đây không phải nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy: a) Cơ sở nằm trong các tòa nhà đã được thiết kế, thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy. b) Các cơ sở sản xuất con dấu; dịch vụ đòi nợ; dịch vụ tẩm quất; photocopy màu; sản xuất, kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Trách nhiệm chung Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc chấp hành các quy định về an ninh, trật tự và thực hiện các nội dung sau: a) Chỉ được tiến hành hoạt động kinh doanh khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp; tổ chức thực hiện và hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra người làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại cơ sở chấp hành đúng các quy định của Nghị định 72/2009/NĐ-CP Nghị định 107/2009/NĐ-CP Nghị định 109/2009/NĐ-CP hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan trong suốt quá trình hoạt động. b) Chấp hành việc kiểm tra, hướng dẫn của cơ quan Công an có thẩm quyền.

	c) Báo cáo định kỳ hàng quý (tuần cuối cùng của tháng thứ ba) cho cơ quan Công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự về tình hình chấp hành các quy định của pháp luật và những vấn đề khác có liên quan đến an ninh, trật tự trong quá trình hoạt động kinh doanh. d) Cung cấp cho cơ quan Công an có thẩm quyền: Danh sách và thông tin có liên quan đến người làm trong cơ sở kinh doanh (kể cả người nước ngoài); sơ đồ mặt bằng khu vực sản xuất, kinh doanh; sơ đồ kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); thống kê các phương tiện phục vụ cho công tác bảo vệ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy; thông tin liên lạc tại cơ sở kinh doanh khi có yêu cầu. đ) Có sổ quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu của Bộ Công an đã ban hành kèm theo Thông tư này. e) Khi thay đổi người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh và người đại diện theo pháp luật phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan Công an có thẩm quyền. g) Có văn bản thông báo về thời gian hoạt động hoặc tạm ngừng hoạt động kinh doanh cho cơ quan Công an có thẩm quyền. h) Không cho thuê, mượn, chuyển nhượng hoặc sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. i) Đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ xoa bóp (massage, tẩm quất), vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử có thường dành cho người nước ngoài, casino, dịch vụ đòi nợ phải đăng ký danh sách trích ngang nhân viên, kỹ thuật viên với Công an phường, xã, thị trấn. m) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài; kinh doanh Casino - Phải niêm yết nội quy hoạt động tại cơ sở kinh doanh; có nhân viên kiểm tra Hộ chiếu, Giấy thông hành của khách; có sổ quản lý khách sử dụng dịch vụ; phải được đăng ký tỷ lệ trả thưởng với cơ quan Tài chính theo quy định. - Các máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng phải bảo đảm chất lượng, đúng chủng loại và có kiểm định của cơ quan chức năng Việt Nam. - Phải thống kê số lượng, chủng loại máy; danh sách nhân viên làm tại cơ sở. - Không được cho người Việt Nam ở trong nước tham gia các trò chơi tại cơ sở kinh doanh. - Các cơ sở hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, Casino phải có bảo vệ là nhân viên của các công ty kinh doanh dịch vụ bảo vệ đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

35	**Thông tư 33/2010/TT-BCA** **Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ sở kinh doanh sau đây còn phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy như sau: a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); sản xuất, kinh doanh gas; sản xuất pháo hoa; kinh doanh vũ trường; kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 7 tầng trở lên phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy. b) Các cơ sở kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 6 tầng trở xuống; sản xuất, kinh doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ; trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino; hoạt động in (trừ photocopy màu); kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh karaoke; xoa bóp (massage) phải có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy. 4. Đối với các cơ sở kinh doanh có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự là Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy tại khu vực kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp. Trường hợp cơ sở kinh doanh thuê kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp thì phải có giấy tờ để chứng minh việc thuê kho. 5. Các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự thuộc một trong các trường hợp sau đây không phải nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy: a) Cơ sở nằm trong các tòa nhà đã được thiết kế, thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy. b) Các cơ sở sản xuất con dấu; dịch vụ đòi nợ; dịch vụ tẩm quất; photocopy màu; sản xuất, kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự**

	1. Trách nhiệm chung Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc chấp hành các quy định về an ninh, trật tự và thực hiện các nội dung sau: a) Chỉ được tiến hành hoạt động kinh doanh khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp; tổ chức thực hiện và hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra người làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại cơ sở chấp hành đúng các quy định của Nghị định 72/2009/NĐ-CP Nghị định 107/2009/NĐ-CP Nghị định 109/2009/NĐ-CP hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan trong suốt quá trình hoạt động. b) Chấp hành việc kiểm tra, hướng dẫn của cơ quan Công an có thẩm quyền. c) Báo cáo định kỳ hàng quý (tuần cuối cùng của tháng thứ ba) cho cơ quan Công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự về tình hình chấp hành các quy định của pháp luật và những vấn đề khác có liên quan đến an ninh, trật tự trong quá trình hoạt động kinh doanh. d) Cung cấp cho cơ quan Công an có thẩm quyền: Danh sách và thông tin có liên quan đến người làm trong cơ sở kinh doanh (kể cả người nước ngoài); sơ đồ mặt bằng khu vực sản xuất, kinh doanh; sơ đồ kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); thống kê các phương tiện phục vụ cho công tác bảo vệ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy; thông tin liên lạc tại cơ sở kinh doanh khi có yêu cầu. đ) Có sổ quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu của Bộ Công an đã ban hành kèm theo Thông tư này. e) Khi thay đổi người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh và người đại diện theo pháp luật phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan Công an có thẩm quyền. g) Có văn bản thông báo về thời gian hoạt động hoặc tạm ngừng hoạt động kinh doanh cho cơ quan Công an có thẩm quyền. h) Không cho thuê, mượn, chuyển nhượng hoặc sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. i) Đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ xoa bóp (massage, tẩm quất), vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử có thường dành cho người nước ngoài, casino, dịch vụ đòi nợ phải đăng ký danh sách trích ngang nhân viên, kỹ thuật viên với Công an phường, xã, thị trấn. o) Dịch vụ đòi nợ - Người lao động trong hoạt động dịch vụ đòi nợ phải có đủ điều kiện

	về tiêu chuẩn theo quy định. - Phải nộp cho cơ quan Công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự hợp đồng dịch vụ đòi nợ (bản sao) trước khi thực hiện hợp đồng. - Phải thông báo bằng văn bản cho Công an phường sở tại nơi thực hiện hợp đồng đòi nợ biết trước khi thực hiện. - Chỉ được hoạt động dịch vụ đòi nợ trong phạm vi pháp luật cho phép và được chủ nợ hoặc khách nợ ủy quyền.
38. Kinh doanh casino	**Thông tư số 33/2010/TT-BCA** **Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ sở kinh doanh sau đây còn phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy như sau: a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); sản xuất, kinh doanh gas; sản xuất pháo hoa; kinh doanh vũ trường; kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 7 tầng trở lên phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy. b) Các cơ sở kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 6 tầng trở xuống; sản xuất, kinh doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ; trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino; hoạt động in (trừ photocopy màu); kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh karaoke; xoa bóp (massage) phải có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy. 4. Đối với các cơ sở kinh doanh có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự là Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy tại khu vực kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp. Trường hợp cơ sở kinh doanh thuê kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp thì phải có giấy tờ để chứng minh việc thuê kho. 5. Các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự thuộc một trong các trường hợp sau đây không phải nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra an toàn về

	phòng cháy và chữa cháy: a) Cơ sở nằm trong các tòa nhà đã được thiết kế, thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy. b) Các cơ sở sản xuất con dấu; dịch vụ đòi nợ; dịch vụ tẩm quất; photocopy màu; sản xuất, kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Trách nhiệm chung Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc chấp hành các quy định về an ninh, trật tự và thực hiện các nội dung sau: a) Chỉ được tiến hành hoạt động kinh doanh khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp; tổ chức thực hiện và hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra người làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại cơ sở chấp hành đúng các quy định của Nghị định 72/2009/NĐ-CP Nghị định 107/2009/NĐ-CP Nghị định 109/2009/NĐ-CP hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan trong suốt quá trình hoạt động. b) Chấp hành việc kiểm tra, hướng dẫn của cơ quan Công an có thẩm quyền. c) Báo cáo định kỳ hàng quý (tuần cuối cùng của tháng thứ ba) cho cơ quan Công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự về tình hình chấp hành các quy định của pháp luật và những vấn đề khác có liên quan đến an ninh, trật tự trong quá trình hoạt động kinh doanh. d) Cung cấp cho cơ quan Công an có thẩm quyền: Danh sách và thông tin có liên quan đến người làm trong cơ sở kinh doanh (kể cả người nước ngoài); sơ đồ mặt bằng khu vực sản xuất, kinh doanh; sơ đồ kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); thống kê các phương tiện phục vụ cho công tác bảo vệ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy; thông tin liên lạc tại cơ sở kinh doanh khi có yêu cầu. đ) Có sổ quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu của Bộ Công an đã ban hành kèm theo Thông tư này. e) Khi thay đổi người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh và người đại diện theo pháp luật phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan Công an có thẩm quyền. g) Có văn bản thông báo về thời gian hoạt động hoặc tạm ngừng hoạt

	động kinh doanh cho cơ quan Công an có thẩm quyền. h) Không cho thuê, mượn, chuyển nhượng hoặc sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. i) Đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ xoa bóp (massage, tẩm quất), vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử có thường dành cho người nước ngoài, casino, dịch vụ đòi nợ phải đăng ký danh sách trích ngang nhân viên, kỹ thuật viên với Công an phường, xã, thị trấn. m) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài; kinh doanh Casino - Phải niêm yết nội quy hoạt động tại cơ sở kinh doanh; có nhân viên kiểm tra Hộ chiếu, Giấy thông hành của khách; có sổ quản lý khách sử dụng dịch vụ; phải được đăng ký tỷ lệ trả thưởng với cơ quan Tài chính theo quy định. - Các máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng phải bảo đảm chất lượng, đúng chủng loại và có kiểm định của cơ quan chức năng Việt Nam. - Phải thống kê số lượng, chủng loại máy; danh sách nhân viên làm tại cơ sở. - Không được cho người Việt Nam ở trong nước tham gia các trò chơi tại cơ sở kinh doanh. - Các cơ sở hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, Casino phải có bảo vệ là nhân viên của các công ty kinh doanh dịch vụ bảo vệ đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/ Quyết định
42. Kinh doanh khí	**Thông tư số 12/2010/TT-BKHCN** **Điều 11. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật sản xuất, chế biến LPG** 1. Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật sản xuất, chế biến LPG Thương nhân sản xuất, chế biến LPG lập 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật sản xuất, chế biến LPG gửi về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Hồ sơ gồm có: a) Giấy đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, chế biến LPG (theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này). b) Bản sao của các loại giấy sau: - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp; - Giấy chứng nhận kiểm định đối với các phương tiện đo sử dụng trong mua bán, thanh toán LPG; - Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng các loại máy thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn do cơ quan thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cấp còn hiệu lực; - Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 : 2008 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/TS 29001 : 2007; Trong trường hợp chưa có chứng chỉ, thương nhân cần gửi bản sao các tài liệu về hệ thống quản lý chất lượng đã xây dựng; - Giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 : 2005 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001: 2004 (nếu có); Trong trường hợp chưa có chứng chỉ, thương nhân cần gửi bản sao các tài liệu về hệ thống quản lý chất lượng đã xây dựng; - Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ quản lý chất lượng, đo lường LPG trong kinh doanh của cán bộ, nhân viên. c) Bản thuyết minh năng lực sản xuất, chế biến gồm các thông tin cơ bản sau: - Tên LPG thành phẩm; Bản công bố tiêu chuẩn áp dụng và chứng chỉ chất lượng phù hợp với bản công bố; Chứng chỉ chất lượng phải do tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định tại Thông tư số 08/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ

	tục đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp; - Sản lượng hàng năm, hệ thống bồn bể, công nghệ thiết bị sản xuất, chế biến tương ứng; - Bảng kê khai chủng loại, chất lượng và xuất xứ các nguyên liệu, phụ gia dùng trong quá trình sản xuất, chế biến LPG; - Sơ đồ hệ thống sản xuất, đặc tính kỹ thuật thiết bị công nghệ; - Năng lực phòng thử nghiệm, trong trường hợp sử dụng phòng thử nghiệm bên ngoài cần liệt kê đầy đủ tên tổ chức thử nghiệm và chỉ tiêu thử nghiệm mà tổ chức đó cung cấp dịch vụ; - Mẫu nhãn hàng hóa đối với mỗi loại sản phẩm LPG chai. d) Kế hoạch kiểm soát chất lượng LPG trong quá trình sản xuất và trước khi đưa sản phẩm LPG ra lưu thông. **Thông tư số 41/2011/TT-BCT** **Điều 43.** Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kiểm định chai chứa LPG Trạm kiểm định chai chứa LPG chỉ được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kiểm định chai chứa LPG khi đảm bảo các yêu cầu sau đây: 1. Phải có đầy đủ các quy định an toàn, quy trình kiểm định chai chứa LPG được lãnh đạo phê duyệt theo quy định. 2. Có đầy đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác kiểm định, cụ thể: a) Thiết bi thu hồi LPG còn lại trong chai; b) Thiết bị đo chiều dày kim loại, thiết bị siêu âm mối hàn; c) Thiết bị tháo lắp van chai; d) Thiết bị thử bền, thử kín; đ) Thiết bị loại bỏ nước; e) Thiết bị kiểm tra bên trong; g) Thiết bị làm sạch bề mặt; h) Cân khối lượng; i) Thiết bị đóng dấu; k) Thiết bị hút chân không. Tất cả các thiết bị trên phải có các thông số kỹ thuật và công suất phù hợp với công suất kiểmđịnh của trạm. 3. Có đầy đủ nhân lực cần thiết phục vụ cho công tác kiểm định. Nhân viên trực tiếp thực hiện kiểm định chai phải được huấn luyện về chuyên môn và an toàn trong công tác kiểm định chai và có kinh nghiệm làm việc tối thiểu là 2 năm. 4. Phải có đầy đủ phương án phòng cháy chữa cháy được phê

	duyệt, các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. **Điều 47.** Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG Cơ sở sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG khi đảm bảo các yêu cầu sau đây: 1. Có đầy đủ các quy định về an toàn, quy trình chế tạo chai chứa LPG và các quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm sau chế tạo đã được lãnh đạo cơ sở phê duyệt. 2. Có các trang thiết bị kiểm tra đáp ứng yêu cầu kiểm tra an toàn và chất lượng chai chứa LPG sau chế tạo, cụ thể: a) Hệ thống thử áp: Tạo được áp suất không nhỏ hơn 3 MPa; b) Hệ thống kiểm tra độ kín khí; c) Thiết bị kiểm tra không phá huỷ: Thiết bị kiểm tra chất lượng mối hàn, thiết bị đo chiều dày bằng siêu âm; d) Thiết bị kiểm tra thành phần, cơ tính của vật liệu chế tạo chai; đ) Thiết bị đo khối lượng; e) Thiết bị đo mô men xiết. 3. Có đầy đủ nhân lực vận hành các trang thiết bị kiểm tra và thợ hàn đáp ứng các yêu cầu: a) Nhân viên kỹ thuật vận hành các thiết bị kiểm tra phải được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, huấn luyện kỹ thuật an toàn theo quy định; b) Thợ hàn chai chứa LPG phải có chứng chỉ hàn thiết bị áp lực theo quy định. 4. Phải có đầy đủ phương án phòng cháy chữa cháy được phê duyệt, các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.
44. Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)	***Thông tư số 23/2009/TT-BCT*** **Điều 4. Yêu cầu chung** 1. Người liên quan trực tiếp đến hoạt động VLNCN, tiền chất thuốc nổ phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Có giấy tờ chứng nhận nhân thân hợp lệ và không bị cấm tham gia hoạt động VLNCN theo quy định tại khoản 5, Điều 5 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP; b) Có trình độ chuyên môn tương xứng với nhiệm vụ được giao và phải được huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động VLNCN theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP và quy định tại TCVN 6174:97, QCVN 02:2008/BCT đối với hoạt động VLNCN; TCVN 5507:2002 và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đối với tiền

	chất thuốc nổ; c) Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề theo quy định pháp luật lao động hiện hành; được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Chương V Thông tư này kiểm tra, sát hạch cấp Giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn VLNCN. 2. Người nước ngoài làm việc liên quan đến hoạt động VLNCN trong các doanh nghiệp Việt Nam ngoài việc đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 điều này, còn phải được cơ quan lao động có thẩm quyền cấp Giấy phép lao động; được huấn luyện kiến thức pháp luật về VLNCN và các quy định pháp luật liên quan của Việt Nam. 3. Lãnh đạo tổ chức, người quản lý bộ phận, người lao động liên quan trực tiếp đến hoạt động VLNCN, tiền chất thuốc nổ tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng do Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ quản lý VLNCN huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận. Nội dung huấn luyện theo yêu cầu tại điểm b, khoản 1, Điều này. **Điều 5. Điều kiện về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh VLNCN, tiền chất thuốc nổ** 1. Giám đốc phải có bằng tốt nghiệp đại học; Phó Giám đốc kỹ thuật, người quản lý các bộ phận liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất VLNCN phải có bằng tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành: hoá chất, vũ khí đạn, công nghệ hóa thuốc phóng, thuốc nổ; khai thác mỏ, địa chất; xây dựng công trình giao thông, thủy lợi.” (***Khoản 3 Điều 1Thông tư số 26/2012/TT-BCT*** Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 **Thông tư số 23/2009/TT-BCT*)*** 2. Người lao động có liên quan trực tiếp đến sản xuất VLNCN, tiền chất thuốc nổ phải được đào tạo và có chứng chỉ chuyên môn phù hợp với vị trí, chức trách đảm nhiệm. **Thông tư 35/2010/TT-BCA** **Điều 10. Phương tiện vận chuyển hàng nguy hiểm** Phương tiện cơ giới vận chuyển hàng nguy hiểm phải là phương tiện chạy bằng động cơ đốt trong hoặc là loại động cơ phòng nổ và phải bảo đảm các điều kiện sau đây: 1. Động cơ của phương tiện phải được cách ly với khoang chứa hàng bằng vật liệu không cháy hoặc buồng (khoang) đệm. 2. Ống xả của động cơ phải được đặt ở vị trí kín hoặc được che chắn, bảo đảm an toàn cháy, nổ.

	3. Hệ thống điện (kể cả bình ắc quy) phải được bảo đảm không phát sinh tia lửa; dây điện phải đảm bảo đúng tiết diện, cách điện phải tốt, lõi dây phải làm bằng đồng, trừ dây nối với bình ắc quy. 4. Sàn và kết cấu của khoang chứa hàng phải làm bằng vật liệu không bắt lửa và không phát sinh tia lửa do ma sát. 5. Có biện pháp che chắn tránh mưa, nắng. 6. Có dây tiếp đất đối với phương tiện chở chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ. 7. Có biểu trưng và biển báo theo quy định đối với phương tiện chuyên dùng để vận chuyển hàng nguy hiểm. 8. Có trang bị phương tiện chữa cháy theo quy định. Riêng đối với xe bồn vận chuyển khí đốt hóa lỏng thực hiện theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6484:1999 "Khí đốt hóa lỏng – xe bồn vận chuyển – Yêu cầu an toàn về thiết kế, chế tạo và sử dụng".
45. Kinh doanh tiền chất thuốc nổ	**Thông tư 23/2009/TT-BCT** **Điều 4. Yêu cầu chung** 1. Người liên quan trực tiếp đến hoạt động VLNCN, tiền chất thuốc nổ phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Có giấy tờ chứng nhận nhân thân hợp lệ và không bị cấm tham gia hoạt động VLNCN theo quy định tại khoản 5, Điều 5 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP; b) Có trình độ chuyên môn tương xứng với nhiệm vụ được giao và phải được huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động VLNCN theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP và quy định tại TCVN 6174:97, QCVN 02:2008/BCT đối với hoạt động VLNCN; TCVN 5507:2002 và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đối với tiền chất thuốc nổ; c) Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề theo quy định pháp luật lao động hiện hành; được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Chương V Thông tư này kiểm tra, sát hạch cấp Giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn VLNCN. 2. Người nước ngoài làm việc liên quan đến hoạt động VLNCN trong các doanh nghiệp Việt Nam ngoài việc đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 điều này, còn phải được cơ quan lao động có thẩm quyền cấp Giấy phép lao động; được huấn luyện kiến thức pháp luật về VLNCN và các quy định pháp luật liên quan của Việt Nam. 3. Lãnh đạo tổ chức, người quản lý bộ phận, người lao động liên quan trực tiếp đến hoạt động VLNCN, tiền chất thuốc nổ tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng do Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ quản lý VLNCN huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận. Nội dung huấn luyện theo yêu cầu tại điểm b, khoản 1, Điều này.

	Khoản 2 Điều 5. Điều kiện về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh VLNCN, tiền chất thuốc nổ 2. Người lao động có liên quan trực tiếp đến sản xuất VLNCN, tiền chất thuốc nổ phải được đào tạo và có chứng chỉ chuyên môn phù hợp với vị trí, chức trách đảm nhiệm. *Thông tư số 26/2012/TT-BCT* *Khoản 3 Điều 1* 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 **Thông tư số 23/2009/TT-BCT** như sau: "1. Giám đốc phải có bằng tốt nghiệp đại học; Phó Giám đốc kỹ thuật, người quản lý các bộ phận liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất VLNCN phải có bằng tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành: hoá chất, vũ khí đạn, công nghệ hóa thuốc phóng, thuốc nổ; khai thác mỏ, địa chất; xây dựng công trình giao thông, thủy lợi." **Thông tư 61/2014/TT-BCT** **Điều 3. Về cơ sở vật chất - kỹ thuật** 1. Tổ chức kinh doanh nitrat amôn hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên) phảicó Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự theo quy định tại Thông tư số33/2010/TT-BCA ngày 05 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về an ninh, trật tự đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện. 2. Địa điểm kho chứa hoặc bến cảng hoặc nơi tiếp nhận, bốc dỡ tiền chất thuốc nổ phải đảm bảo các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BCA ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ- CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 và Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. 3. Công cụ, thiết bị chứa đựng, lưu giữ tiền chất thuốc nổ phải đảm bảo không bị rò rỉ, thấm nước, phải được làm sạch, khô ráo trước khi chứa tiền chất thuốc nổ. **Điều 4. Về an toàn hóa chất** 1. Phải có Phiếu an toàn hóa chất bằng tiếng Việt đối với các tiền chất thuốc nổ do tổ chức kinh doanh và được lưu tại nơi có chứa tiền chất thuốc nổ. 2. Phải có nội quy về an toàn hóa chất và hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất tại khu vực tồn trữ, bảo quản tiền chất thuốc nổ. Trường hợp tiền chất thuốc nổ có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì biểu trưng cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy

	hiểm đó. 3. Không để tiền chất thuốc nổ trong điều kiện ngoài trời; không để cùng với vật liệu dễ cháy, hóa chất có tính khử và hóa chất, vật liệu có khả năng sinh nhiệt khi hút ẩm. 4. Trường hợp tiền chất thuốc nổ thuộc danh mục phải xây dựng Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Nghị định số26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất thì Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận theo quy định tại Thôngtư số 20/2013/TT-BCT ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Kế hoạch và Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp. **Điều 5. Yêu cầu về nhân lực** Người trực tiếp quản lý, điều hành và công nhân, người phục vụ liên quan đến kinh doanh tiền chất thuốc nổ phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất theo quy định tại Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.
46. Kinh doanh ngành nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ	***Thông tư số 23/2009/TT-BC*** **Điều 9. Hồ sơ cấp giấy phép sử dụng VLNCN** 1. Hồ sơ pháp lý Tổ chức có nhu cầu sử dụng VLNCN phải gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại Chương V, Thông tư này. Đối với tổ chức không thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép sử dụng VLNCN của Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, tổ chức có nhu cầu sử dụng VLNCN gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nơi sử dụng VLNCN. Hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN do lãnh đạo ký. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN nộp đơn dạng bản in hoặc dạng điện tử theo quy định tại Phụ lục 1, Thông tư này (mẫu 1a hoặc 1b); *(Không tính)* b) Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phải có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định pháp luật; c) Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự;

	d) Bản sao hợp lệ Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đối với các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản; Giấy phép thăm dò, khai thác dầu khí đối với các doanh nghiệp hoạt động dầu khí; Quyết định trúng thầu thi công công trình hoặc Hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản uỷ quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp; đ) Thiết kế thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng VLNCN đối với các công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với các hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải thỏa mãn các yêu cầu an toàn theo Quy phạm kỹ thuật an toàn trong khai thác và chế biến đá lộ thiên TCVN 5178:2004 hoặc Quy phạm kỹ thuật an toàn trong các hầm lò than và diệp thạch TCN-14-06-2006 hoặc Quy phạm kỹ thuật an toàn trong công tác xây dựng TCVN 5308:91 và các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng liên quan; e) Phương án nổ mìn theo nội dung hướng dẫn tại Phụ lục 5 Thông tư này; Phương án nổ mìn phải được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 4, Điều 22 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP phê duyệt, cho phép; g) Phương án giám sát ảnh hưởng nổ mìn thỏa mãn các yêu cầu của QCVN 02:2008/BCT (nếu có); kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố khẩn cấp đối với kho, phương tiện vận chuyển VLNCN; h) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy đối với kho VLNCN kèm theo hồ sơ kho bảo quản thoả mãn các quy định tại QCVN 02:2008/BCT đối với các tổ chức có kho bảo quản VLNCN; Trường hợp tổ chức đề nghị cấp phép sử dụng VLNCN không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp phép phải có bản sao công chứng hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển VLNCN với tổ chức có kho, phương tiện VLNCN thoả mãn các yêu cầu nêu trên hoặc bản sao công chứng hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh VLNCN để cung ứng VLNCN đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn; i) Quyết định bổ nhiệm người Chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và Danh sách thợ mìn, người liên quan trực tiếp đến sử dụng VLNCN; Giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng VLNCN (nếu có).
47. Kinh doanh dịch vụ nổ mìn	**Thông tư 33/2010/TT-BCA** **Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an

	ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP. 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ sở kinh doanh sau đây còn phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy như sau: a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); sản xuất, kinh doanh gas; sản xuất pháo hoa; kinh doanh vũ trường; kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn bản từ 7 tầng trở lên phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy. 4. Đối với các cơ sở kinh doanh có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự là Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy tại khu vực kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp. Trường hợp cơ sở kinh doanh thuê kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp thì phải có giấy tờ để chứng minh việc thuê kho.
48. Kinh doanh hóa chất trừ hóa chất bị cấm theo công ước quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học	**Thông tư 28/2010/TT- BCT** **Điều 5. Điều kiện về nhà xưởng, kho tàng** 1. Địa điểm a) Nhà xưởng, kho tàng phải được bố trí tại địa điểm phù hợp với các điều kiện về quy hoạch; b) Vị trí đặt nhà xưởng sản xuất hóa chất phải đảm bảo các yêu cầu thuận lợi về cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước, xử lý ô nhiễm và giao thông; c) Không đặt nhà xưởng, kho chứa hóa chất sát khu dân cư. Đối với kho lưu trữ hóa chất trong nhà xưởng để phục vụ sản xuất phải chọn vị trí kho đảm bảo yêu cầu công nghệ bảo quản hóa chất. Kho lưu trữ hóa chất phải đặt ở vị trí bên ngoài nhà xưởng sản xuất; d) Vị trí kho phải đảm bảo khoảng cách cho xe vận chuyển và xe chữa cháy ra vào dễ dàng; 2. Bố trí mặt bằng nhà xưởng, kho tàng Quy hoạch mặt bằng nhà xưởng phải được đạt tiêu chuẩn thiết kế trên cơ sở Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành về điều kiện khí hậu, địa chất thủy văn, khí tượng thủy văn, phân vùng động đất, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, an

	toàn lao động: a) Mặt bằng nhà xưởng phải bố trí các hạng mục công trình hợp lý và có công năng rõ ràng; b) Diện tích của nhà xưởng phải đáp ứng các quy định hiện hành để bố trí thiết bị sản xuất; c) Nhà xưởng sản xuất được thiết kế đảm bảo các điều kiện môi trường làm việc trong nhà đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế về nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió; d) Hệ thống đường giao thông nội bộ phải được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn cho vận chuyển trong nhà xưởng và chữa cháy. Nhà xưởng phải có tường bao ngăn cách cơ sở với bên ngoài; đ) Đối với các kho chứa hóa chất, việc thiết kế phải tuân thủ nguyên tắc an toàn về nguy cơ cháy hay đổ tràn là thấp nhất và phải bảo đảm tách riêng các chất có khả năng gây ra phản ứng hóa học với nhau; e) Nhà kho được thiết kế tùy thuộc vào loại hóa chất cần được bảo quản, phân loại theo nguy cơ nổ, cháy nổ và cháy được quy định trong Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2622:1995. Thiết kế cần tuân theo Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam và các Tiêu chuẩn Việt Nam có liên quan. Ngoài những quy định chung về kết cấu công trình, thiết kế các kho hóa chất phải thực hiện các tiêu chuẩn phòng, chống cháy nổ, cụ thể như: tính chịu lửa; ngăn cách cháy; thoát hiểm; hệ thống báo cháy; hệ thống chữa cháy; phòng trực chống cháy. 3. Kết cấu và bố trí kiến trúc công trình a) Các khu vực kín và rộng phải có lối thoát hiểm theo hai hướng. Lối thoát hiểm phải được chỉ dẫn rõ ràng (bằng bảng hiệu, sơ đồ …) và được thiết kế thuận lợi trong trường hợp khẩn cấp. Cửa thoát hiểm phải dễ mở trong bóng tối hoặc trong lớp khói dày đặc; b) Kho chứa phải được thông gió hở trên mái, trên tường bên dưới mái hoặc gần sàn nhà; c) Sàn kho không thấm chất lỏng, bằng phẳng không trơn trượt và không có khe nứt để chứa nước rò rỉ, chất lỏng bị đổ tràn hay nước chữa cháy đã bị nhiễm bẩn hoặc tạo các gờ hay lề bao quanh; d) Vật liệu xây dựng kho và vật liệu cách nhiệt phải là vật liệu không dễ bắt lửa và khung nhà phải được gia cố chắc chắn bằng bê tông hoặc thép. **Điều 6. Điều kiện về trang thiết bị** 1. Thiết bị sản xuất a) Thiết bị sản xuất phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành; b) Phải có lịch bảo dưỡng và vệ sinh định kỳ thiết bị sản xuất; c) Phải kiểm tra các thông số kỹ thuật của thiết bị sản xuất và có hệ

	thống bảo vệ an toàn cho người sử dụng. 2. Các thiết bị, phương tiện an toàn a) Lắp đặt các phương tiện chiếu sáng và thiết bị điện khác tại vị trí cần thiết, không được phép lắp đặt tạm thời. Mọi trang thiết bị điện phải được nối đất và có bộ ngắt mạch khi rò điện, bảo vệ quá tải; b) Phải sử dụng thiết bị chịu lửa đối với nơi lưu trữ dung môi có nhiệt độ bắt cháy thấp hoặc bụi hóa chất mịn; c) Trang bị đầy đủ các thiết bị dụng cụ ứng cứu sự cố tại cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Hệ thống báo cháy, dập cháy phải được lắp tại vị trí thích hợp và kiểm tra thường xuyên để bảo đảm ở trạng thái sẵn sàng sử dụng tốt. 3. Hệ thống xử lý khí thải và chất thải a) Nhà xưởng, kho hóa chất không được thải vào không khí các chất độc hại, không gây tiếng ồn, các yếu tố có hại khác, không vượt mức quy định hiện hành về vệ sinh môi trường. Khí thải của nhà xưởng, kho hóa chất phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học; b) Nhà xưởng, kho hóa chất phải có hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại; QCVN 24:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCVN 25:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lắp chất thải rắn; c) Chất thải rắn của nhà xưởng, kho hóa chất phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn. Nhà xưởng, kho hóa chất phải có dụng cụ thu gom và vận chuyển chất thải rắn ra khỏi khu vực sản xuất sau mỗi ca sản xuất; nơi chứa chất thải phải kín, cách biệt với khu sản xuất. **Điều 7. Điều kiện về phương tiện vận chuyển và vận hành an toàn** 1. Phương tiện vận chuyển hóa chất phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về loại hàng nguy hiểm cần vận chuyển và đảm bảo các yêu cầu sau: a) Được thiết kế bảo đảm phòng ngừa rò rỉ hoặc phát tán hóa chất vào môi trường. Khi vận chuyển, không để lẫn các hóa chất có khả năng phản ứng hóa học với nhau gây nguy hiểm; b) Các hóa chất phải được chứa trong bao bì phù hợp và vận chuyển bằng các phương tiện chuyên dùng;

	c) Có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa trên phương tiện vận chuyển. Nếu trên một phương tiện vận chuyển có nhiều loại hóa chất khác nhau thì phía ngoài phương tiện vận chuyển phải dán đầy đủ biểu trưng của từng loại hóa chất ở hai bên và phía sau phương tiện. 2. Vận hành an toàn tại kho hóa chất a) Cơ sở sản xuất hóa chất, kho chứa hóa chất phải xây dựng Biện pháp hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; b) Cơ sở sản xuất hóa chất phải xây dựng bảng nội quy về an toàn hóa chất, hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất. Trường hợp hóa chất có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì biểu trưng cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm đó; c) Việc vận hành tại kho hóa chất phải đảm bảo tính an toàn và vệ sinh kho nghiêm ngặt, tránh các nguy cơ có thể xảy ra như cháy, rò rỉ…; d) Nhân viên phụ trách kho phải áp dụng các chỉ dẫn về Phiếu an toàn hóa chất của tất cả các hóa chất được lưu trữ và vận chuyển; các hướng dẫn về công tác an toàn, công tác vệ sinh; các hướng dẫn khi có sự cố; đ) Bố trí hóa chất trong kho phải tách biệt chất nguy hại với khu vực có người ra vào thường xuyên; có khoảng trống giữa tường với các kiện hóa chất lưu trữ gần tường nhất và phải có lối đi lại bên trong thoáng gió, không cản trở thiết bị ứng cứu khi thực hiện việc kiểm tra và chữa cháy. **Thông tư số 55/2014/TT-BCT** **Điều 4. Hướng dẫn thực hiện điều kiện sản xuất hóa chất Bảng và hóa chất DOC, DOC-PSF** Các điều kiện sản xuất hóa chất Bảng và hóa chất DOC, DOC-PSF quy định tại các Điểm c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 15; Điểm c, d Khoản 1 Điều 16 và Điểm c, d Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 38/2014/NĐ-CP được hướng dẫn thực hiện như sau: 1. Yêu cầu cơ sở vật chất kỹ thuật a) Dây chuyền sản xuất hóa chất phải bảo đảm được chất lượng của hóa chất. Máy móc, thiết bị để sản xuất hóa chất Bảng phải có nguồn gốc rõ ràng và hợp pháp. Máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh theo quy định hiện hành về kiểm định máy móc, thiết bị, đáp ứng được công suất sản xuất và quy trình công nghệ sản xuất; b) Kho chứa hoặc kho chứa theo hợp đồng thuê kho phải phù hợp, đáp ứng được các yêu cầu công nghệ bảo quản hóa chất, đảm bảo tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về phòng, chống cháy nổ. Kho chứa hóa chất phải có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm treo ở nơi dễ nhận thấy, có hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm và thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm của hóa chất. Các hóa chất Bảng, hóa chất DOC tồn trữ phải có nhãn theo quy định

	của pháp luật hiện hành về ghi nhãn. Nhãn hóa chất Bảng phải đảm bảo độ bền cơ học, hóa học trong suốt quá trình tồn tại của hóa chất; c) Hệ thống xử lý khí thải và chất thải hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF phải tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường và đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về khí thải công nghiệp, về ngưỡng chất thải nguy hại, về chất thải rắn; d) Phòng thử nghiệm của cơ sở sản xuất hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF phải có khả năng phân tích được các chỉ tiêu chất lượng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đầu ra và các chỉ tiêu chất lượng quy định tại tiêu chuẩn áp dụng đối với nguyên liệu đầu vào để kiểm soát chất lượng sản phẩm. Trường hợp không có phòng thử nghiệm hoặc không có đủ năng lực thử nghiệm chỉ tiêu theo quy định thì phải có hợp đồng với phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc được công nhận để kiểm soát chất lượng hóa chất Bảng. 2. Yêu cầu về nhân lực a) Cán bộ quản lý, kỹ thuật, điều hành hoạt động sản xuất của cơ sở sản xuất hóa chất Bảng phải có bằng đại học về chuyên ngành hóa chất hoặc có chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn về hóa chất; b) Người lao động trực tiếp tiếp xúc với hóa chất Bảng và hóa chất DOC, DOC-PSF của cơ sở sản xuất phải được đào tạo, huấn luyện về an toàn hóa chất theo quy định tại Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.
49. Kinh doanh phân bón vô cơ	
(1). Sản xuất phân bón	**Điều 5 Thông tư số 29/2014/TT-BCT** **Điều 5. Hướng dẫn thực hiện điều kiện sản xuất phân bón vô cơ** Các điều kiện sản xuất phân bón vô cơ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 202/2013/NĐ-CPngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón (sau đây gọi tắt là Nghị định số 202/2013/NĐ-CP) được hướng dẫn thực hiện như sau: 1.Diện tích mặt bằng, nhà xưởng, kho chứa nguyên liệu, kho chứa thành phẩm phân bón phải phù hợp với công suất sản xuất. Công suất tối thiểu của cơ sở sản xuất phân bón vô cơ được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này. 2. Dây chuyền sản xuất phải đáp ứng công suất sản xuất, được cơ giới hóa và phải bảo đảm được chất lượng loại phân bón sản xuất. Máy móc, thiết bị để sản xuất phân bón phải có nguồn gốc rõ ràng và hợp pháp. Máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh theo quy

	định. 3. Quy trình công nghệ sản xuất đối với từng loại phân bón phải phù hợp với máy móc thiết bị và công suất sản xuất. 4. Phòng thử nghiệm của cơ sở sản xuất phân bón phải có khả năng phân tích được các chỉ tiêu chất lượng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đầu ra và các chỉ tiêu chất lượng quy định tại tiêu chuẩn áp dụng đối với nguyên liệu đầu vào để kiểm soát chất lượng sản phẩm. Cơ sở sản xuất phân bón vôcơ không có phòng thử nghiệm hoặc có phòng thử nghiệm nhưng không thử nghiệm được hết các chỉ tiêu chất lượng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì phải có hợp đồng với phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc được công nhận để kiểm soát chất lượng phân bón sản phẩm. 5. Kho chứa nguyên liệu, kho chứa thành phẩm phân bón phải phù hợpvới năng lực, công suất sản xuất. Kho chứa có các phương tiện bảo quản chất lượng phân bón trong thời gian lưu giữ. Phân bón xếp trong kho phải đảm bảo yêu cầu an toàn cho người lao động và hàng hoá. Kho chứa phân bón phải có nội quy thể hiện được nội dung về đảm bảo chất lượng phân bón và vệ sinh, an toàn lao động. 6. Tổ chức, cá nhân thuê tổ chức, cá nhân khác sản xuất phân bón vô cơ phải có hợp đồng lập thành văn bản và phải đáp ứng các điều kiện về chủ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 202/2013/NĐ-CP. Tổ chức, cá nhân nhận thuê sản xuất phân bón vô cơ phải đáp ứng các điều kiện về chủ thể quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 202/2013/NĐ-CP và yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật, tài liệu kỹ thuật quy định từ Khoản 1 đến Khoản 5 Điều này. Tổ chức, cá nhân thuê tổ chức, cá nhân khác sản xuất phân bón vô cơ lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất phân bón vô cơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.
(2). Kinh doanh phân bón	**Điều 13. Hướng dẫn thực hiện điều kiện kinh doanh phân bón vô cơ** Các điều kiện kinh doanh phân bón vô cơ quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 15 Nghị định số 202/2013/NĐ-CP được hướng dẫn thực hiện như sau: 1. Cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán phân bón vô cơ phải có biển hiệu, có bảng giá bán công khai từng loại phân bón, niêm yết tại nơi dễ thấy, dễ đọc. Phân bón bày bán phải được xếp đặt riêng, không để lẫn với các loại hàng hóa khác, phải được bảo quản ở nơi khô ráo, đảm bảo giữ được chất lượng phân bón và điều kiện vệ sinh môi trường. 2. Bao bì, các dụng cụ, thiết bị chứa đựng, lưu giữ, vận chuyển phải bảo đảm được chất lượng phân bón, bảo đảm vệ sinh môi trường, không rò rỉ, phát tán phân bón ra ngoài ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Phải có biện pháp xử lý bao bì, vỏ chai, lọ và phân bón đã quá hạn sử dụng. 3. Kho chứa phải đảm bảo các yêu cầu về vị trí xây dựng, yêu cầu về thiết kế phù hợp với phân bón đang kinh doanh, đáp ứng các yêu cầu về

	bảo vệ môi trường, về phòng chống cháy nổ. Trong kho chứa, phân bón phải được xếp đặt riêng rẽ, không để lẫn với các loại hàng hóa khác. 4. Phân bón nhập khẩu phải có nhãn mác, nguồn gốc xuất xứ theo quy định của pháp luật,thông báo kết quả kiểm tra nhà nước chất lượng nhập khẩu phân bón đối với lô hàng nhập khẩu trước khi lưu thông. Phân bón trong nước phải có hóa đơn, chứng từ hợp pháp chứng minh rõ nguồn gốc nơi sản xuất, nơi nhập khẩu hoặc nơi cung cấp loại phân bón kinh doanh. 5. Đối với các cửa hàng bán lẻ phân bón vô cơ, trường hợp không có kho chứa thì các công cụ, thiết bị chứa đựng phân bón phải đảm bảo được chất lượng phân bón, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.
	Điều 14. Giấy tờ, tài liệu xuất khẩu phân bón vô cơ Ngoài các giấy tờ, tài liệu theo quy định của pháp luật về xuất khẩu hàng hóa, tổ chức, cá nhân xuất khẩu phân bón vô cơ phải xuất trình Cơ quan Hải quan giấy tờ, tài liệu sau: 1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về kinh doanh phân bón do cơ quan có thẩm quyền cấp, chỉ xuất trình khi xuất khẩu lần đầu. 2.Trường hợp có yêu cầu kiểm tra chất lượng của tổ chức, cá nhân nước nhập khẩu thì phải nộp phiếu kết quả thử nghiệm chất lượng lô phân bón xuất khẩu phù hợp với quy định của hợp đồng xuất khẩu do Phòng thử nghiệm phân bón được chỉ định cấp hoặc Phiếu kết quả thử nghiệm/Giấy chứng nhận do một tổ chức thử nghiệm hoặc tổ chức chứng nhận phân bón của nước ký kết Hiệp định/Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (Mutual Recognition Arrangements/Agreements-MRA) với Việt Nam cấp. **Điều 15. Giấy tờ, tài liệu nhập khẩu phân bón vô cơ** Ngoài các giấy tờ, tài liệu theo quy định của pháp luật về nhập khẩu hàng hóa, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón vô cơ phải xuất trình cho Cơ quan Hải quan giấy tờ, tài liệu sau: 1. Trường hợp nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh phân bón a) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về kinh doanh phân bón do cơ quan có thẩm quyền cấp, chỉ xuất trình khi nhập khẩu lần đầu; b) Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy lô phân bón nhập khẩu do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp. 2. Trường hợp khác Trường hợp phân bón ngoài Danh mục được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa

	quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.
54. Kinh doanh thực phẩm thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương	
Quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	**Thông tư số 15/2012/TT-BYT** **Điều 1. Yêu cầu đối với cơ sở** 1. Địa điểm, môi trường: a) Có đủ diện tích để bố trí các khu vực của dây chuyền sản xuất thực phẩm và thuận tiện cho việc vận chuyển thực phẩm; b) Khu vực sản xuất không bị ngập nước, đọng nước; c) Không bị ảnh hưởng bởi động vật, côn trùng, vi sinh vật gây hại; d) Không bị ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm từ các khu vực ô nhiễm bụi, hoá chất độc hại và các nguồn gây ô nhiễm khác. 2. Thiết kế, bố trí nhà xưởng: a) Diện tích nhà xưởng, các khu vực phải phù hợp với công năng sản xuất thiết kế của cơ sở; b) Bố trí quy trình sản xuất thực phẩm theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng; c) Các khu vực kho nguyên liệu, kho thành phẩm; khu vực sản xuất, sơ chế, chế biến; khu vực đóng gói sản phẩm; khu vực vệ sinh; khu thay đồ bảo hộ và các khu vực phụ trợ liên quan phải được thiết kế tách biệt. Nguyên liệu, thành phẩm thực phẩm, vật liệu bao gói thực phẩm, phế thải phải được phân luồng riêng; d) Đường nội bộ phải được xây dựng bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh; cống rãnh thoát nước thải phải được che kín và vệ sinh khai thông thường xuyên; đ) Nơi tập kết, xử lý chất thải phải ở ngoài khu vực sản xuất thực phẩm. 3. Kết cấu nhà xưởng: a) Nhà xưởng phải có kết cấu vững chắc, phù hợp với tính chất, quy mô và quy trình công nghệ sản xuất thực phẩm; b) Vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm phải bảo đảm tạo ra bề mặt nhẵn, không thấm nước, không thôi nhiễm chất độc hại ra thực phẩm, ít bị bào mòn bởi các chất tẩy rửa, tẩy trùng và dễ lau chùi, khử trùng; c) Trần nhà phẳng, sáng màu, không bị dột, thấm nước, không bị rạn nứt, không bị dính bám các chất bẩn và dễ làm vệ sinh; d) Nền nhà phẳng, nhẵn, chịu tải trọng, không gây trơn trượt, thoát nước

	tốt, không thấm, đọng nước và dễ làm vệ sinh; đ) Cửa ra vào, cửa sổ bằng vật liệu chắc chắn, nhẵn, ít thấm nước, kín, phẳng thuận tiện cho việc làm vệ sinh, bảo đảm tránh được côn trùng, vật nuôi xâm nhập. e) Cầu thang, bậc thềm và các kệ làm bằng các vật liệu bền, không trơn, dễ làm vệ sinh và bố trí ở vị trí thích hợp. 4. Hệ thống thông gió: a) Phù hợp với đặc thù sản xuất thực phẩm, bảo đảm thông thoáng cho các khu vực của cơ sở, đáp ứng các tiêu chuẩn về khí thải công nghiệp, dễ bảo dưỡng và làm vệ sinh; b) Hướng của hệ thống thông gió phải bảo đảm gió không được thổi từ khu vực nhiễm bẩn sang khu vực sạch. 5. Hệ thống chiếu sáng: a) Hệ thống chiếu sáng bảo đảm theo quy định để sản xuất, kiểm soát chất lượng an toàn sản phẩm; b) Các bóng đèn chiếu sáng phải được che chắn an toàn bằng hộp, lưới để tránh bị vỡ và bảo đảm các mảnh vỡ không rơi vào thực phẩm. 6. Hệ thống cung cấp nước: a) Có đủ nước để sản xuất thực phẩm và phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về chất lượng nước ăn uống số 01:2009/BYT; b) Có đủ nước để vệ sinh trang thiết bị, dụng cụ và vệ sinh cơ sở và phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về chất lượng nước sinh hoạt số 02:2009/BYT; c) Các nguồn nước trên phải được kiểm tra chất lượng, vệ sinh ít nhất 6 tháng/lần theo quy định. 7. Hơi nước và khí nén: a) Hơi nước, khí nén sử dụng cho sản xuất thực phẩm phải bảo đảm sạch, an toàn, không gây ô nhiễm cho thực phẩm; b) Nước dùng để sản xuất hơi nước, làm lạnh, phòng cháy, chữa cháy hay sử dụng với mục đích khác phải có đường ống riêng, màu riêng để dễ phân biệt và không được nối với hệ thống nước sử dụng cho sản xuất thực phẩm. 8. Hệ thống xử lý chất thải, rác thải: a) Có đủ dụng cụ thu gom chất thải, rác thải; dụng cụ làm bằng vật liệu ít bị hư hỏng, bảo đảm kín, có nắp đậy, có khoá trong các trường hợp cần thiết. Dụng cụ chứa đựng chất thải nguy hiểm phải được thiết kế đặc biệt, dễ phân biệt, khi cần có thể khoá để tránh ô nhiễm; b) Hệ thống xử lý chất thải phải được vận hành thường xuyên và xử lý chất thải đạt các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

	9. Nhà vệ sinh, khu vực thay đồ bảo hộ lao động: a) Nhà vệ sinh phải được bố trí riêng biệt với khu vực sản xuất thực phẩm; cửa nhà vệ sinh không được mở thông vào khu vực sản xuất; ít nhất phải có 01 (một) nhà vệ sinh cho 25 người; b) Hệ thống thông gió bố trí phù hợp, bảo đảm không được thổi từ khu vực nhà vệ sinh sang khu vực sản xuất; hệ thống thoát nước phải dễ dàng loại bỏ chất thải và bảo đảm vệ sinh. Có bảng chỉ dẫn "Rửa tay sau khi đi vệ sinh" ở vị trí dễ nhìn tại khu vực nhà vệ sinh; c) Có phòng thay trang phục bảo hộ lao động trước và sau khi làm việc. 10. Nguyên liệu thực phẩm và bao bì thực phẩm: a) Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, chất bảo quản sử dụng trong sản xuất thực phẩm phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được phép sử dụng theo quy định; b) Bao bì thực phẩm phải bảo đảm chắc chắn, an toàn; không thôi nhiễm các chất độc hại, không ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn thực phẩm; không bị ô nhiễm bởi các tác nhân ảnh hưởng đến sức khoẻ người tiêu dùng theo quy định. **Điều 2. Yêu cầu đối với trang thiết bị, dụng cụ** 1. Trang thiết bị, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm phải được thiết kế chế tạo bảo đảm an toàn; được làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm thực phẩm; phù hợp với yêu cầu công nghệ sản xuất, dễ làm sạch, khử trùng, bảo dưỡng. Đối với trang thiết bị, dụng cụ sản xuất cơ động phải bền, dễ di chuyển, tháo lắp và dễ làm vệ sinh. 2. Phương tiện rửa và khử trùng tay: a) Có đủ các thiết bị rửa tay, khử trùng tay, ủng, giầy, dép trước khi vào khu vực sản xuất thực phẩm; b) Nơi rửa tay phải cung cấp đầy đủ nước sạch, nước sát trùng, khăn hoặc giấy lau tay sử dụng một lần hay máy sấy khô tay; c) Phân xưởng sản xuất thực phẩm phải có bồn rửa tay, số lượng ít nhất phải có 01(một) bồn rửa tay cho 50 công nhân. 3. Thiết bị, dụng cụ sản xuất thực phẩm: a) Có đủ và phù hợp để xử lý nguyên liệu, chế biến, đóng gói thực phẩm; b) Được chế tạo bằng vật liệu không độc, ít bị mài mòn, không bị han gỉ, không thôi nhiễm các chất độc hại vào thực phẩm, không gây mùi lạ hay làm biến đổi thực phẩm; c) Dễ làm vệ sinh, bảo dưỡng; không làm nhiễm bẩn thực phẩm do dầu mỡ bôi trơn, mảnh vụn kim loại; d) Phương tiện, trang thiết bị của dây chuyền sản xuất phải có quy trình vệ sinh, quy trình vận hành.

	4. Phòng chống côn trùng và động vật gây hại: a) Thiết bị phòng chống côn trùng và động vật gây hại phải được làm bằng các vật liệu không gỉ, dễ tháo rời để làm vệ sinh, thiết kế phù hợp, đảm bảo phòng chống hiệu quả côn trùng và động vật gây hại; b) Không sử dụng thuốc, động vật để diệt chuột, côn trùng và động vật gây hại trong khu vực sản xuất thực phẩm. 5. Thiết bị dụng cụ giám sát, đo lường: a) Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ giám sát chất lượng, an toàn sản phẩm và phải đánh giá được các chỉ tiêu chất lượng, an toàn sản phẩm chủ yếu của thực phẩm; b) Thiết bị, dụng cụ giám sát bảo đảm độ chính xác và được bảo dưỡng, kiểm định định kỳ theo quy định. 6. Chất tẩy rửa và sát trùng: a) Chỉ sử dụng các hóa chất tẩy rửa, sát trùng theo quy định của Bộ Y tế; b) Phải được đựng trong bao bì dễ nhận biết, có hướng dẫn sử dụng và không được để trong nơi sản xuất thực phẩm. **Điều 3. Yêu cầu đối với người trực tiếp sản xuất thực phẩm** 1. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải được tập huấn và được cấp Giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm theo quy định. 2. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải được khám sức khoẻ được cấp Giấy xác nhận đủ sức khoẻ theo quy định của Bộ Y tế; đối với những vùng có dịch bệnh tiêu chảy đang lưu hành theo công bố của Bộ Y tế, người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải được cấy phân phát hiện mầm bệnh gây bệnh đường ruột (tả, lỵ trực khuẩn và thương hàn) và phải có kết quả cấy phân âm tính; việc khám sức khoẻ, xét nghiệm do các cơ sở y tế từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên thực hiện. 3. Người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh thuộc danh mục các bệnh hoặc chứng bệnh truyền nhiễm mà người lao động không được phép tiếp xúc trực tiếp trong quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm đã được Bộ Y tế quy định thì không được tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất thực phẩm. 4. Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải mặc trang phục bảo hộ riêng, đội mũ, đi găng tay chuyên dùng, đeo khẩu trang. 5. Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải tuân thủ các quy định về thực hành đảm bảo vệ sinh: giữ móng tay ngắn, sạch sẽ và không đeo nhẫn, đồng hồ. Không hút thuốc, khạc nhổ trong khu vực sản xuất thực phẩm. **Điều 4. Yêu cầu đối với bảo quản thực phẩm trong sản xuất thực phẩm**

	1. Nguyên liệu, bao bì, thành phẩm thực phẩm phải được bảo quản trong khu vực chứa đựng, kho riêng, diện tích đủ rộng để bảo quản thực phẩm; thiết kế phù hợp với yêu cầu bảo quản, giao nhận của từng loại thực phẩm và nguyên liệu thực phẩm; vật liệu xây dựng tiếp xúc với thực phẩm bảo đảm an toàn. 2. Kho thực phẩm phải bảo đảm chắc chắn, an toàn, thông thoáng, dễ vệ sinh và phòng chống được côn trùng, động vật gây hại xâm nhập và cư trú. 3. Khu vực chứa đựng, kho bảo quản thực phẩm phải có đầy đủ biển tên; nội quy, quy trình, chế độ vệ sinh; đối với nguyên liệu, thành phẩm thực phẩm có yêu cầu bảo quản đặc biệt phải có sổ sách theo dõi nhiệt độ, độ ẩm và các điều kiện khác. 4. Có đủ giá, kệ bảo quản làm bằng các vật liệu chắc chắn, hợp vệ sinh; bảo đảm đủ ánh sáng và che chắn an toàn. Nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm phải được đóng gói và bảo quản ở vị trí cách nền tối thiểu 20cm, cách tường tối thiểu 30cm và cách trần tối thiểu 50cm. 5. Có thiết bị chuyên dụng điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, thông gió và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm; thiết bị chuyên dụng phải phù hợp, bảo đảm có thể theo dõi và kiểm soát được chế độ bảo quản đối với từng loại thực phẩm theo yêu cầu của nhà sản xuất; các thiết bị dễ bảo dưỡng và làm vệ sinh. 6. Có đủ thiết bị, dụng cụ giám sát nhiệt độ, độ ẩm và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm khác trong suốt quá trình sản xuất thực phẩm. 7. Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, chất bảo quản thực phẩm và sản phẩm thực phẩm phải được chứa đựng, bảo quản theo các quy định về bảo quản sản phẩm của nhà sản xuất và yêu cầu của loại thực phẩm về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm. 8. Nước đá dùng trong bảo quản thực phẩm phải được sản xuất từ nguồn nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN) về nước sạch số 02:2009/BYT. **Chương II** **ĐIỀU KIỆN CHUNG BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH THỰC PHẨM** **Điều 5. Yêu cầu đối với cơ sở** 1. Có đủ diện tích để bố trí các khu vực bày bán thực phẩm, khu vực chứa đựng, bảo quản và thuận tiện để vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm. 2. Không bị ngập nước, đọng nước. 3. Không bị ảnh hưởng bởi động vật, côn trùng, vi sinh vật gây hại. 4. Không bị ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm từ các khu vực ô nhiễm

	bụi, hoá chất độc hại, các nguồn gây ô nhiễm khác. 5. Thiết kế các khu vực kinh doanh thực phẩm, vệ sinh, thay đồ bảo hộ và các khu vực phụ trợ phải tách biệt, phù hợp với yêu cầu thực phẩm kinh doanh. 6. Kết cấu nhà cửa các khu vực vững chắc, phù hợp với tính chất, quy mô kinh doanh thực phẩm; xây dựng bằng vật liệu phù hợp, bảo đảm vệ sinh, tránh được các vi sinh vật gây hại, côn trùng, động vật phá hoại xâm nhập và cư trú. 7. Nền nhà phẳng, nhẵn; có bề mặt cứng, chịu tải trọng, mài mòn; thoát nước tốt, không gây trơn trượt; không đọng nước và dễ làm vệ sinh. 8. Trần nhà phẳng, sáng màu, làm bằng vật liệu bền, chắc, không bị dột, thấm nước, không rạn nứt, rêu mốc, đọng nước và dính bám các chất bẩn. 9. Cửa ra vào, cửa sổ phải nhẵn, phẳng thuận tiện cho việc làm vệ sinh; những nơi cần thiết phải có lưới bảo vệ tránh sự xâm nhập của côn trùng và động vật gây hại. 10. Nguồn ánh sáng, cường độ ánh sáng phải bảo đảm theo quy định; các bóng đèn cần được che chắn an toàn. 11. Hệ thống thông gió phù hợp với yêu cầu bảo quản thực phẩm, bảo đảm thông thoáng ở các khu vực. 12. Có đủ dụng cụ thu gom chất thải, rác thải; dụng cụ làm bằng vật liệu ít bị hư hỏng, bảo đảm kín, có nắp đậy và được vệ sinh thường xuyên. 13. Khu vực vệ sinh của cơ sở phải được bố trí ngăn cách với khu vực kinh doanh thực phẩm; cửa nhà vệ sinh không được mở thông vào khu vực bảo quản thực phẩm; ít nhất phải có 01 (một) nhà vệ sinh cho 25 người; có đủ nước sạch phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN) về nước sạch số 02:2009/BYT, dụng cụ, xà phòng, các chất tẩy rửa để vệ sinh và rửa tay; có bảng chỉ dẫn "Rửa tay sau khi đi vệ sinh" ở nơi dễ nhìn. 14. Có đủ nước sạch để vệ sinh trang thiết bị, dụng cụ và vệ sinh cơ sở và phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về chất lượng nước sinh hoạt số 02:2009/BYT. 15. Thực phẩm kinh doanh phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, còn hạn sử dụng. **Điều 6. Yêu cầu đối với trang thiết bị dụng cụ** 1. Đủ trang thiết bị phục vụ kinh doanh, bảo quản phù hợp với yêu cầu của từng loại thực phẩm (giá kệ, tủ bày sản phẩm, trang thiết bị điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, thông gió ở khu vực chứa đựng, bày bán, bảo quản thực phẩm); có quy định về quy trình, chế độ vệ sinh đối với cơ sở. 2. Đủ trang thiết bị để kiểm soát được nhiệt độ, độ ẩm, thông gió và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm theo yêu cầu kỹ thuật của từng loại sản phẩm thực phẩm trong suốt quá trình kinh doanh thực phẩm.

	3. Thiết bị phòng chống côn trùng và động vật gây hại không han gỉ, dễ tháo rời để bảo dưỡng và làm vệ sinh, thiết kế bảo đảm hoạt động hiệu quả phòng chống côn trùng và động vật gây hại; không sử dụng thuốc, động vật diệt chuột, côn trùng trong khu vực kinh doanh, bảo quản thực phẩm. 4. Thiết bị, dụng cụ giám sát, đo lường chất lượng, an toàn sản phẩm phải đảm bảo độ chính xác và được bảo dưỡng, kiểm định định kỳ theo quy định. **Điều 7. Yêu cầu đối với người trực tiếp kinh doanh thực phẩm** 1. Chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm phải được tập huấn và được cấp Giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm theo quy định. 2. Chủ cơ sở hoặc người quản lý có tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm phải được khám sức khoẻ được cấp Giấy xác nhận đủ sức khoẻ theo quy định của Bộ Y tế. Việc khám sức khoẻ do các cơ sở y tế từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên thực hiện. 3. Người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh thuộc danh mục các bệnh hoặc chứng bệnh truyền nhiễm mà người lao động không được phép tiếp xúc trực tiếp trong quá trình kinh doanh thực phẩm, đã được Bộ Y tế quy định thì không được tham gia trực tiếp vào quá trình kinh doanh thực phẩm. 4. Người trực tiếp kinh doanh thực phẩm phải mặc trang phục bảo hộ riêng; không hút thuốc, khạc nhổ trong khu vực kinh doanh thực phẩm.
Điều kiện để được xác nhận nội dung quảng cáo	**Thông tư số 40/2012/TT-BCT** **Điều 3. Điều kiện để được xác nhận nội dung quảng cáo** 1. Cơ sở có hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. 2. Sản phẩm thực phẩm không thuộc danh mục những sản phẩm, hàng hóa bị cấm quảng cáo theo quy định của pháp luật hiện hành. 3. Sản phẩm thực phẩm của cơ sở đáp ứng quy định về điều kiện an toàn thực phẩm hoặc sản phẩm của cơ sở/quốc gia có tên trong danh sách được cơ quan thẩm quyền Việt Nam công nhận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành. 4. Nội dung quảng cáo phải chính xác, đúng với chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm như đã công bố và đăng ký.
Điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh	**Thông tư số 59/2014/TT-BCT** **Điều 5. Cơ sở sản xuất dầu thực vật** 1. Địa điểm sản xuất

dầu thực vật	a) Được xây dựng theo quy hoạch hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; b) Phải xa nguồn ô nhiễm, độc hại, không bị ảnh hưởng xấu bởi các tác nhân gây ô nhiễm từ môi trường xung quanh làm ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn thực phẩm của sản phẩm dầu thực vật; c) Có đủ diện tích để bố trí dây chuyền sản xuất phù hợp với công suất thiết kế của cơ sở, đảm bảo các công đoạn sản xuất, đáp ứng yêu cầu công nghệ và các biện pháp vệ sinh công nghiệp. 2. Bố trí, thiết kế nhà xưởng a) Bố trí mặt bằng dây chuyền sản xuất phải phù hợp với hướng gió để tránh ảnh hưởng xấu từ các nguồn ô nhiễm như: khí thải lò hơi, trạm xử lý nước thải, nơi tập kết chất thải rắn, các loại bã dầu, khu vệ sinh và các nguồn ô nhiễm khác; b) Thiết kế nhà xưởng theo quy tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng là dầu thực vật; c) Cách biệt giữa các khu vực: kho (nguyên liệu, phụ liệu, chất hỗ trợ chế biến, bảo quản sản phẩm); sản xuất (sơ chế, làm sạch nguyên liệu, chưng sấy, ép, trích ly, tinh luyện, chiết hoặc rót và hoàn thiện sản phẩm, hệ thống vệ sinh công nghiệp (CIP), cơ khí động lực); tập kết chất thải rắn, hệ thống thu gom nước thải, bã dầu và các công trình phụ trợ để tránh lây nhiễm chéo; d) Hệ thống đường giao thông nội bộ phải được thiết kế, xây dựng đảm bảo bền, chắc, không gây bụi, đường di chuyển trên cao phải có lan can hoặc vách ngăn dễ quan sát, bảo đảm an toàn lao động; đ) Hệ thống thoát nước (nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước mưa) phải được thiết kế, xây dựng riêng biệt, có nắp đậy, đảm bảo độ dốc để thoát nước, không đọng nước cục bộ. 3. Kết cấu nhà xưởng a) Nền nhà khu vực sản xuất phải đảm bảo dễ thoát nước, được làm từ vật liệu bền, khó bong tróc, chống trơn và dễ vệ sinh. Hệ thống thoát nước trong khu vực sản xuất phải có nắp đậy; b) Các hố ga, hố thu nước phải có bẫy ngăn mùi, ngăn côn trùng và hạn chế vi sinh vật từ cống thoát nước xâm nhập vào bên trong nhà xưởng; c) Hệ thống các đường ống (dẫn dầu thực vật, dẫn và thu hồi dung môi, làm sạch thiết bị) phải được thiết kế, chế tạo từ các vật liệu phù hợp, sơn màu khác nhau và phải có chỉ dẫn dễ phân biệt. 4. Hệ thống thông gió a) Nhà xưởng phải có các cửa thông gió đảm bảo sự lưu thông của không khí, dễ thoát nhiệt và khí phát sinh trong quá trình sản xuất; b) Khu vực chưng sấy, trích ly phải được thông gió để đảm bảo nhiệt độ môi trường làm việc và an toàn lao động theo quy định;

	c) Khu vực ép nguyên liệu phải có hệ thống lọc bụi và thông gió phù hợp, đảm bảo vận hành tốt, không gây ô nhiễm cho các công đoạn sản xuất khác; d) Khu vực tinh luyện dầu phải được thiết kế đảm bảo thông thoáng, thoát nhiệt và thoát mùi nhanh; đ) Khu vực đặt hệ thống thiết bị chiết rót sản phẩm phải luôn khô, thoáng, sạch sẽ. 5. Hệ thống cung cấp hơi nước, nhiệt và khí nén a) Nồi hơi phải được thiết kế, chế tạo từ vật liệu phù hợp, bố trí ở khu vực riêng, ngăn cách với khu vực sản xuất, phải được kiểm tra, kiểm định định kỳ theo quy định hiện hành; b) Hệ thống đường ống cấp hơi nước, khí nén phải được thiết kế, chế tạo từ các vật liệu phù hợp, lắp đặt bảo đảm an toàn, có ký hiệu hoặc chỉ dẫn phân biệt với các hệ thống đường ống khác, phải được kiểm tra định kỳ theo quy định hiện hành. 6. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải, nước thải, khí thải a) Đối với chất thải rắn - Bã dầu sau ép, trích ly phải được thu gom vào khu vực riêng, có diện tích phù hợp với công suất thiết kế của dây chuyền sản xuất, được thu dọn sạch sẽ định kỳ không quá 48 giờ/lần để tránh lây nhiễm chéo trong quá trình sản xuất; - Giấy, nhãn, vỏ chai, can, thùng, nắp hỏng và các chất thải rắn khác trong quá trình sản xuất phải được thu gom và chứa đựng trong thùng hoặc dụng cụ chứa đựng phù hợp và đặt ở vị trí dễ quan sát để thuận tiện cho việc thu gom, xử lý và không ảnh hưởng xấu đến quá trình sản xuất; - Chất thải trong khu vực phụ trợ, chất thải sinh hoạt phải được thu gom, phân loại và tập kết tại khu vực riêng để xử lý; - Phải được xử lý bởi tổ chức hoặc cá nhân được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động trong lĩnh vực xử lý môi trường. b) Đối với nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt - Khu vực xử lý nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phải bố trí cách biệt với khu vực sản xuất và đặt ở cuối hướng gió; - Công suất, công nghệ xử lý phải phù hợp với lưu lượng thải tại công suất đỉnh của cơ sở sản xuất và đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định về môi trường; c) Khí thải từ khu vực sản xuất và hệ thống lò hơi phải được xử lý để tránh ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất khác; d) Đối với chất thải nguy hại - Phải được thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý riêng theo quy định hiện hành;

	- Phải được quản lý và xử lý bởi tổ chức hoặc cá nhân được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động trong lĩnh vực xử lý môi trường đối với chất thải nguy hại. 7. Hệ thống kho a) Yêu cầu chung đối với các kho (nguyên liệu, bảo quản dầu thực vật thô, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, vật tư, bao bì, thành phẩm) phải: - Đảm bảo đủ sức chứa theo công suất thiết kế của dây chuyền sản xuất; - Có chế độ bảo dưỡng và làm vệ sinh định kỳ theo quy định của cơ sở; - Đáp ứng các điều kiện bảo quản theo hướng dẫn hoặc quy định của nhà sản xuất; - Phòng chống được sự xâm hại của côn trùng, loài gặm nhấm và các tác nhân gây hại khác; - Có thông tin để nhận biết từng loại nguyên liệu, bảo quản dầu thực vật thô, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, vật tư, bao bì, thành phẩm chứa trong kho, có hồ sơ theo dõi xuất và nhập tại từng kho. b) Kho hóa chất phải phù hợp với yêu cầu, điều kiện bảo quản theo quy định của nhà sản xuất và quy định hiện hành về bảo quản hóa chất; c) Kho thành phẩm Ngoài việc thực hiện các quy định tại điểm a Khoản 7 của Điều này, kho thành phẩm phải: - Đảm bảo độ ẩm, nhiệt độ phù hợp với từng loại dầu thực vật, tránh ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp vào sản phẩm; - Có đầy đủ các thông tin về: tên sản phẩm, lô sản xuất, ngày sản xuất, ca sản xuất và các thông tin khác theo quy định của cơ sở; - Có khu vực riêng để lưu giữ tạm thời các sản phẩm không đạt chất lượng trong quá trình chờ xử lý. 8. Khu vực sản xuất dầu thực vật thô a) Nguyên liệu phải được bảo quản trong kho hoặc xi-lô để đảm bảo an toàn chất lượng nguyên liệu; b) Các loại hóa chất sử dụng để bảo quản nguyên liệu và sản xuất dầu thực vật phải thuộc danh mục cho phép theo quy định hiện hành, không ảnh hưởng xấu đến chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm; c) Giai đoạn làm sạch và sơ chế nguyên liệu - Nguyên liệu trước khi đưa vào sản xuất phải được kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, nấm mốc gây độc, kim loại nặng; chỉ được sử dụng nguyên liệu đạt yêu cầu chất lượng và an toàn thực phẩm để sản xuất dầu thực vật; - Nguyên liệu trước khi đưa vào ép, trích ly phải được tách hết đất, đá, cát, kim loại và các tạp chất khác.

	d) Giai đoạn ép, trích ly và thu hồi dầu thực vật thô đảm bảo không bị tạp nhiễm bởi côn trùng, bụi bẩn, nhiễm chéo từ bã dầu và các nguồn gây nhiễm khác, kiểm soát được chất lượng và dư lượng dung môi. 9. Khu vực sản xuất dầu thực vật thành phẩm a) Giai đoạn tinh luyện dầu thực vật phải đảm bảo tách được các chất có hại hòa tan trong dầu thô, đảm bảo an toàn thực phẩm, không làm biến đổi các chất dinh dưỡng và chất lượng dầu thực vật; b) Giai đoạn chiết hoặc rót dầu thực vật - Khu vực chiết hoặc rót phải tách biệt với các khu vực sản xuất khác; có chế độ kiểm soát các thiết bị trước mỗi lần sản xuất hoặc ca sản xuất để đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt; - Quá trình chiết hoặc rót phải được giám sát bởi thiết bị hoặc người lao động để đảm bảo định lượng, chất lượng, an toàn thực phẩm của sản phẩm. c) Giai đoạn hoàn thiện sản phẩm - Dầu thực vật thành phẩm được ghi và phân lô theo ca hoặc theo chu kỳ sản xuất, mỗi lô sản phẩm phải được kiểm tra chất lượng, cảm quan, bao bì, nhãn mác trước khi nhập hoặc xuất kho để sản phẩm bảo đảm chất lượng và an toàn thực phẩm trước khi phân phối và lưu thông trên thị trường; - Dầu thực vật thành phẩm phải được bảo quản ở nhiệt độ phù hợp với đặc tính của từng loại theo quy định của cơ sở sản xuất, tránh ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp vào sản phẩm. 10. Vận chuyển nội bộ a) Chủ cơ sở quy định cụ thể (bằng văn bản) đối với phương tiện, phương thức, điều kiện bảo quản và quản lý an toàn thực phẩm của sản phẩm trong quá trình vận chuyển dầu thực vật thuộc phạm vi nội bộ; b) Không vận chuyển dầu thực vật cùng các loại vật tư, nguyên liệu, hóa chất có thể gây nhiễm chéo ảnh hưởng xấu đến chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm. 11. Hệ thống kiểm soát chất lượng nguyên liệu và sản phẩm a) Khu vực kiểm soát chất lượng được bố trí riêng biệt, thuận tiện cho việc kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất; được trang bị hệ thống máy móc, thiết bị, dụng cụ tối thiểu để đo đạc, kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng cơ bản đối với các nguyên liệu chính và thành phẩm. Bộ phận kiểm tra vi sinh vật phải đảm bảo vô trùng và cách biệt với các bộ phận kiểm tra khác; b) Trường hợp không có phòng kiểm soát chất lượng thì cơ sở phải có hợp đồng thuê khoán với đơn vị kiểm tra, phân tích có năng lực và chuyên môn phù hợp để kiểm soát các chỉ tiêu cơ bản của nguyên liệu chính và thành phẩm; c) Có khu vực lưu mẫu, hồ sơ lưu mẫu và bảo đảm thực hiện chế độ lưu,

	hủy mẫu theo yêu cầu bảo quản của từng loại mẫu. 12. Quản lý hồ sơ a) Có đầy đủ hồ sơ quản lý (hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, phiếu kiểm nghiệm chất lượng, hồ sơ công bố hợp quy hoặc công bố phù hợp an toàn thực phẩm và các tài liệu khác có liên quan) đối với nguyên liệu, phụ liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, vật tư, bao bì, hóa chất phục vụ truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm; b) Có đầy đủ hồ sơ quản lý an toàn thực phẩm theo quy định (Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận bản công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm) đối với các sản phẩm dầu thực vật được sản xuất tại cơ sở. **Điều 6. Dụng cụ, trang thiết bị, bao bì chứa đựng dầu thực vật** 1. Dụng cụ, bao bì chứa đựng dầu thực vật thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ Y tế ban hành các quy chuẩn Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. 2. Thiết bị trung hòa (tách axit béo tự do) phải kiểm soát được nhiệt độ, tốc độ khuấy để tách triệt để cặn xà phòng, đảm bảo chất lượng dầu thực vật theo quy định. 3. Thiết bị lắng phải có đủ dung tích, được thiết kế và chế tạo phù hợp để kiểm soát được quá trình lắng của từng loại sản phẩm. 4. Thiết bị chiết hoặc rót và đóng nắp dầu thành phẩm phải được sắp xếp để tránh các vật lạ hoặc côn trùng xâm nhập vào sản phẩm. 5. Các thiết bị, dụng cụ sản xuất phải được định kì bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa hoặc thay mới khi bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu hư hỏng. 6. Các thiết bị kiểm tra đo lường, thử nghiệm, thiết bị có quy định an toàn nghiêm ngặt phải được hiệu chuẩn, kiểm định theo quy định. 7. Có hệ thống kiểm soát báo động khi các thông số chế biến (nhiệt độ, áp suất) vượt quá quy định. 8. Dụng cụ đựng phế thải và hóa chất độc hại được thiết kế đặc biệt dễ nhận biết, có cấu trúc phù hợp, làm từ vật liệu bền, t hư hỏng và có thể khóa được để tránh sự nhiễm bẩn. 9. Chỉ tiến hành việc sửa chữa và bảo dưỡng máy móc trong phạm vi ngoài khu vực sản xuất hoặc khi ngừng sản xuất. Trường hợp tiến hành sửa chữa tại chỗ hoặc bảo dưỡng máy móc theo định kì sau khi hoàn thành phải tiến hành làm vệ sinh thiết bị và khu vực xung quanh. 10. Dầu mỡ để bôi trơn các bộ phận của trang thiết bị, máy móc tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm phải thuộc loại được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm.

	Điều 7. Chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất và khách thăm quan 1. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất phải có Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do các cơ quan, đơn vị có chức năng được cơ quan có thẩm quyền chỉ định thực hiện. 2. Chủ cơ sở phải có trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho chủ cơ sở và người trực tiếp tham gia sản xuất theo định kỳ ít nhất 01 (một) lần trong 01 (một) năm tại các cơ sở y tế cấp quận hoặc huyện trở lên. Hồ sơ theo dõi sức khỏe của tất cả các cá nhân và được lưu trữ đầy đủ tại cơ sở. 3. Chỉ tuyển dụng những người có đủ tiêu chuẩn về sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế đối với những người trực tiếp tham gia sản xuất, chế biến thực phẩm. 4. Người trực tiếp sản xuất khi mắc bệnh phải báo cáo với người có thẩm quyền để bố trí làm việc khác hoặc nghỉ điều trị theo chế độ và chỉ được làm việc trở lại khi có chứng nhận đã khỏi bệnh và có đủ tiêu chuẩn sức khỏe để tham gia sản xuất, chế biến thực phẩm của cơ quan y tế có thẩm quyền. 5. Người tham gia sản xuất, chế biến phải có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh cá nhân, trước khi vào làm việc, thay trang phục bảo hộ lao động phù hợp với vị trí làm việc. 6. Khách tham quan cơ sở phải thay trang phục bảo hộ lao động và thực hiện đầy đủ các quy định về vệ sinh cá nhân của cơ sở. **Chương III** **ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH SẢN PHẨM** **Điều 8. Cơ sở kinh doanh dầu thực vật** 1. Khu vực bày bán, bảo quản, chứa đựng sản phẩm phải luôn khô ráo, sạch sẽ, bảo đảm không làm thay đổi đặc tính của sản phẩm, không bị ô nhiễm bởi các hóa chất độc hại, tạp chất hay các vi sinh vật gây ảnh hưởng tới sức khỏe người sử dụng. 2. Tuân thủ độ cao xếp lớp lưu kho theo hướng dẫn của nhà sản xuất. 3. Có quy trình vệ sinh cơ sở và ghi nhật ký vệ sinh do chủ cơ sở quy định. **Điều 9. Dụng cụ, trang thiết bị kinh doanh dầu thực vật** Cơ sở kinh doanh phải có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ đảm bảo đáp ứng các điều kiện về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng và các điều kiện khác theo yêu cầu của nhà sản xuất đối với từng loại sản phẩm trong suốt quá trình bảo quản và kinh doanh sản phẩm dầu thực vật. **Điều 10. Quản lý hồ sơ** Cơ sở kinh doanh dầu thực vật phải lưu giữ đầy đủ các hồ sơ, chứng từ pháp lý chứng minh nguồn gốc xuất xứ và chất lượng sản phẩm phục vụ

	truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm. **Điều 11. Vận chuyển dầu thực vật** 1. Phương tiện vận chuyển phải đảm bảo tránh côn trùng xâm nhập, tránh nhiễm bẩn từ các nguồn gây nhiễm khác và dễ làm sạch. 2. Trong quá trình vận chuyển phải phân loại và sắp xếp riêng các sản phẩm dầu thực vật khác nhau, bảo đảm duy trì các điều kiện bảo quản sản phẩm theo yêu cầu của nhà sản xuất trong suốt quá trình vận chuyển. 3. Không vận chuyển sản phẩm dầu thực vật cùng các loại hàng hóa độc hại hoặc có thể gây nhiễm chéo ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn thực phẩm của sản phẩm. 4. Phương tiện vận chuyển và các loại trang thiết bị, dụng cụ dùng để chứa đựng sản phẩm trong quá trình vận chuyển phải được vệ sinh sạch sẽ thường xuyên. 5. Cơ sở phải có nội quy quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình vận chuyển sản phẩm dầu thực vật.
Điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở sữa chế biến	**Thông tư số 54/2014/TT-BCT,** **Điều 5. Cơ sở sản xuất sữa chế biến** 1. Địa điểm sản xuất a) Được xây dựng theo quy hoạch hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; b) Phải xa nguồn ô nhiễm, độc hại, không bị tác động bởi các tác nhân gây ô nhiễm khác từ môi trường xung quanh làm ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn thực phẩm của sản phẩm sữa chế biến; c) Có đủ diện tích để bố trí dây chuyền sản xuất phù hợp với công suất thiết kế của cơ sở, đảm bảo các công đoạn sản xuất đáp ứng yêu cầu công nghệ và các biện pháp vệ sinh công nghiệp. 2. Bố trí, thiết kế nhà xưởng a) Bố trí mặt bằng dây chuyền sản xuất phù hợp, không bị ảnh hưởng xấu từ các nguồn ô nhiễm như: lò hơi, trạm xử lý nước thải, nơi tập kết chất thải rắn, khu vệ sinh; b) Thiết kế nhà xưởng theo quy tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng là sữa chế biến các loại; c) Cách biệt giữa các khu vực: kho nguyên liệu; kho vật tư, bao bì; kho thành phẩm; khu vực sản xuất (chuẩn bị nguyên liệu; chế biến; chiết, rót, đóng gói và hoàn thiện sản phẩm; hệ thống vệ sinh công nghiệp (CIP); cơ khí động lực); kho hóa chất; khu tập kết chất thải rắn và hệ thống thu gom xử lý nước thải; các công trình phụ trợ để tránh lây nhiễm chéo; d) Hệ thống đường giao thông nội bộ phải được thiết kế và xây dựng đảm bảo bền, chắc, không gây bụi, đường di chuyển trên cao phải có lan

	can hoặc vách ngăn dễ quan sát, bảo đảm an toàn lao động; đ) Hệ thống thoát nước (nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, nước mưa) phải được thiết kế và xây dựng riêng biệt, có nắp đậy, đảm bảo độ dốc thoát nước, không đọng nước cục bộ. 3. Kết cấu nhà xưởng a) Nền nhà khu vực sản xuất phải đảm bảo dễ thoát nước, được làm từ vật liệu bền, khó bong tróc, chống trơn và dễ vệ sinh. Hệ thống thoát nước trong khu vực sản xuất phải có nắp đậy; b) Các hố ga, hố thu nước phải có bẫy ngăn mùi, ngăn côn trùng và hạn chế vi sinh vật từ cống thoát nước thâm nhập vào bên trong nhà xưởng; c) Hệ thống các đường ống phải được thiết kế, chế tạo từ các vật liệu phù hợp, sơn màu khác nhau và có chỉ dẫn dễ phân biệt. 4. Hệ thống thông gió a) Nhà xưởng phải có các cửa thông gió đảm bảo sự lưu thông của không khí, dễ thoát nhiệt và khí phát sinh trong quá trình sản xuất; trường hợp thông gió cưỡng bức thì thiết bị điều hòa phải đảm bảo đủ không khí sạch, dễ lưu thông; b) Khu vực đặt hệ thống thiết bị chiết rót sản phẩm phải luôn khô, thoáng, sạch sẽ. 5. Hệ thống cấp nước và chứa nước a) Phải đảm bảo đủ nguồn nước cấp đạt tiêu chuẩn; b) Có đủ hệ thống bơm, xử lý nước, bồn/bể chứa nước, hệ thống đường ống dẫn luôn trong tình trạng sử dụng tốt; định kỳ kiểm tra để tránh hiện tượng chảy ngược hay tắc nghẽn đường ống; c) Đường ống cấp nước phải riêng biệt, có ký hiệu riêng dễ nhận biết, dễ vệ sinh và đảm bảo an toàn nguồn nước sạch, tránh tình trạng lây nhiễm; d) Bồn/bể chứa, bể lắng, bể lọc phải phù hợp với công nghệ xử lý nước cấp; thực hiện vệ sinh theo quy định hoặc khi cần thiết; đ) Trong trường hợp có sự cố về chất lượng nước, lập tức dừng sản xuất và cô lập sản phẩm sản xuất trong thời gian xảy ra sự cố; e) Có máy phát điện và máy bơm nước dự phòng trong trường hợp mất điện hoặc máy bơm nước bị hỏng để đáp ứng yêu cầu sản xuất liên tục của cơ sở; g) Nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn dùng để sản xuất sữa được chứa và bảo quản đảm bảo không bị thôi nhiễm hoặc bị nhiễm bẩn từ các nguồn ô nhiễm khác. 6. Hệ thống cung cấp hơi nước, nhiệt và khí nén a) Nồi hơi phải được thiết kế, chế tạo từ vật liệu phù hợp, bố trí ở khu vực riêng, ngăn cách với khu vực sản xuất, phải được kiểm tra, kiểm định định kỳ theo quy định hiện hành;

	b) Hệ thống đường ống cấp hơi nước, khí nén phải được thiết kế, chế tạo từ các vật liệu phù hợp, lắp đặt bảo đảm an toàn, có chỉ dẫn dễ phân biệt với các hệ thống đường ống khác, phải được kiểm tra định kỳ theo quy định hiện hành. 7. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải, nước thải, khí thải a) Đối với chất thải rắn - Phải được thu gom và chứa đựng trong thùng hoặc dụng cụ chứa đựng phù hợp và đặt ở vị trí phù hợp để thuận tiện cho việc thu gom, xử lý và không ảnh hưởng xấu đến quá trình sản xuất; - Các dụng cụ chứa phế liệu được ghi rõ hoặc có dấu hiệu phân biệt với dụng cụ chứa nguyên liệu, bán thành phẩm hay thành phẩm; làm bằng vật liệu không thấm nước, ít bị ăn mòn; đảm bảo kín, thuận tiện để làm vệ sinh (nếu sử dụng lại nhiều lần) hay tiêu hủy (nếu sử dụng 1 lần); - Phải được xử lý bởi tổ chức hoặc cá nhân do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động trong lĩnh vực xử lý môi trường. b) Đối với nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt - Khu vực xử lý nước thải được bố trí cách biệt với khu vực sản xuất; - Công suất và công nghệ xử lý phù hợp với lưu lượng thải tại công suất đỉnh của cơ sở sản xuất để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định về môi trường; - Không được thải trực tiếp nước thải chưa xử lý ra môi trường xung quanh; rãnh thoát nước trong khu vực sản xuất phải đảm bảo chảy từ nơi sạch đến nơi ít sạch hơn và đảm bảo thoát hết nước trong điều kiện ngừng dòng chảy; - Hố ga phải có nắp đậy, khu vực chế biến phải thực hiện vệ sinh cống rãnh hố ga sau mỗi ngày sản xuất; định kỳ khai thông cống rãnh, hố ga theo quy định. c) Khí thải từ khu vực sản xuất và hệ thống lò hơi phải được xử lý để tránh ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất khác. d) Đối với chất thải nguy hại - Phải được thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý riêng theo quy định hiện hành; - Được quản lý và xử lý bởi tổ chức hoặc cá nhân được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động trong lĩnh vực xử lý môi trường đối với chất thải nguy hại. 8. Hệ thống kho a) Kho nguyên liệu, phụ gia - Được bố trí riêng biệt với khu sản xuất; - Nguyên liệu, phụ gia được đặt trên kệ/giá đỡ, tránh ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp;

	- Đảm bảo các điều kiện quy định về nhiệt độ, độ ẩm, thời gian và điều kiện lưu giữ khác theo hướng dẫn hoặc quy định của nhà sản xuất; - Đối với nguyên liệu, phụ gia đã mở bao nhưng chưa sử dụng hết phải bao gói kín sau mỗi lần sử dụng và lưu kho theo quy định; - Nguyên liệu, phụ gia bảo quản trong kho phải ghi các thông tin về: dấu cách tên nguyên liệu, phụ gia và thời hạn sử dụng; - Đối với kho chứa sữa tươi nguyên liệu: Tại các trạm thu mua trung gian phải có hệ thống làm lạnh, có thiết bị, dụng cụ, hóa chất để kiểm tra chất lượng sữa tươi nguyên liệu, lưu mẫu sữa thu mua; bồn bảo quản sữa tươi nguyên liệu phải có lớp cách nhiệt, mặt trong bằng các loại vật liệu không bị thôi nhiễm, đảm bảo luôn duy trì ở nhiệt độ 4^{o}C đến 6^{o}C; thời gian bảo quản sữa tươi nguyên liệu tính từ khi vắt sữa tới khi chế biến không quá 48 giờ; bồn chứa phải được vệ sinh ngay sau khi không chứa sữa tươi nguyên liệu, đảm bảo không còn vi sinh vật, tồn dư hóa chất tẩy rửa theo quy định; - Thực hiện chế độ bảo dưỡng và vệ sinh định kỳ theo quy định của cơ sở; - Chỉ những người có trách nhiệm hoặc được phân công thực hiện mới được phép vào khu vực kho nguyên liệu. b) Kho vật tư, bao bì, hóa chất - Bố trí riêng biệt với khu sản xuất; - Vật tư, bao bì được sắp xếp tránh ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp; - Bao bì trực tiếp tiếp xúc với sản phẩm được bao gói theo quy định của nhà sản xuất; - Thời gian, điều kiện bảo quản theo hướng dẫn hoặc quy định của nhà sản xuất; - Thực hiện chế độ bảo dưỡng và vệ sinh định kỳ theo quy định của cơ sở. c) Kho thành phẩm - Bố trí riêng biệt với khu sản xuất, thuận tiện cho việc nhập và xuất sản phẩm; - Đảm bảo luôn duy trì nhiệt độ theo quy định, khô, sạch, thoáng mát, tránh ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp để không làm thay đổi các chỉ tiêu chất lượng, cảm quan và an toàn của sản phẩm; - Có khu vực dành riêng cho các sản phẩm không đạt chất lượng theo yêu cầu chờ xử lý; - Thực hiện chế độ bảo dưỡng và vệ sinh định kỳ theo quy định của cơ sở; - Sản phẩm được bảo quản trong kho thành phẩm phải ghi các thông tin về: tên sản phẩm, lô hàng, ngày sản xuất, ca sản xuất và thời hạn sử dụng;

	- Đối với các sản phẩm yêu cầu điều kiện bảo quản lạnh: + Sản phẩm phải được xếp trong kho lạnh, đảm bảo luôn duy trì sự lưu thông của khí lạnh đến từng sản phẩm trong kho lạnh; + Luôn duy trì nhiệt độ kho lạnh theo yêu cầu của từng loại sản phẩm. 9. Khu vực sản xuất a) Khu vực chuẩn bị nguyên liệu - Nguyên liệu sản xuất phải để riêng từng loại, đặt trên kệ hoặc giá đỡ; - Hương liệu được chuẩn bị riêng, đảm bảo không bị nhiễm chéo; - Các thiết bị đo lường phải đảm bảo chính xác và hoạt động tốt; - Vệ sinh thường xuyên, đảm bảo không bị bụi bẩn, đọng nước; - Chỉ những người có trách nhiệm hoặc được phân công thực hiện mới được vào khu vực tiếp nhận nguyên liệu chuẩn bị sản xuất. b) Khu vực chế biến - Thiết bị chế biến phải được vệ sinh sạch trước khi sử dụng cho một chu kỳ sản xuất sản phẩm trong ngày; - Rác thải được gom và đựng trong túi nilon để đúng nơi quy định; - Người làm việc trong khu vực phối trộn, tiếp xúc trực tiếp sản phẩm phải đeo găng tay chống thấm, bền, màu sáng và đảm bảo an toàn thực phẩm; - Vệ sinh khu vực hàng ngày hoặc ngay khi kết thúc chu kỳ sản xuất của từng loại sản phẩm; - Chỉ những người có trách nhiệm hoặc được phân công thực hiện mới được vào khu vực này để tránh xảy ra nhiễm chéo. c) Khu vực chiết, rót, đóng gói - Buồng hoặc phòng chiết, rót phải đảm bảo kín, vô trùng, duy trì nhiệt độ từ 20^{o}C đến 28^{o}C, áp suất dương so với bên ngoài; - Thiết bị chiết, rót trong buồng hoặc phòng phải đảm bảo vô trùng trong suốt quá trình chiết, rót sản phẩm; - Mặt phía trong của đường ống dẫn sản phẩm tới thiết bị chiết, rót phải được khử trùng đúng quy định; - Vệ sinh thiết bị chiết, rót hàng ngày hoặc ngay khi kết thúc chu kỳ sản xuất của từng loại sản phẩm; - Chỉ những người có trách nhiệm hoặc được phân công thực hiện mới được vào khu vực này để tránh xảy ra nhiễm chéo. d) Khu vực thành phẩm - Khu vực bao gói sữa thành phẩm phải vệ sinh sạch sẽ trước khi bao gói, bảo đảm luôn khô ráo; - Dụng cụ và thiết bị bao gói sữa thành phẩm (bao gói màng co, in hạn

	sử dụng, băng chuyền, đóng gói thùng) phải được vệ sinh sạch sẽ. 10. Vận chuyển nội bộ a) Chủ cơ sở quy định cụ thể (bằng văn bản) đối với phương tiện, phương thức, điều kiện bảo quản và quản lý an toàn thực phẩm của sản phẩm trong quá trình vận chuyển sản phẩm sữa chế biến thuộc phạm vi nội bộ; b) Không vận chuyển sản phẩm sữa chế biến cùng các loại vật tư, nguyên liệu, hóa chất có thể gây nhiễm chéo ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm. 11. Hệ thống kiểm soát chất lượng nguyên liệu và sản phẩm a) Khu vực kiểm soát chất lượng được bố trí riêng biệt, thuận tiện cho việc kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất; được trang bị hệ thống máy móc, thiết bị, dụng cụ tối thiểu để đo đạc, kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng cơ bản đối với các nguyên liệu chính và thành phẩm. Bộ phận kiểm tra vi sinh vật phải đảm bảo vô trùng và cách biệt với các bộ phận kiểm tra khác; b) Trường hợp không có phòng kiểm soát chất lượng thì cơ sở phải có hợp đồng thuê khoán với đơn vị kiểm tra, phân tích có năng lực và chuyên môn phù hợp để kiểm soát các chỉ tiêu cơ bản của nguyên liệu chính và thành phẩm; c) Có khu vực lưu mẫu, hồ sơ lưu mẫu và bảo đảm thực hiện chế độ lưu, hủy mẫu theo yêu cầu bảo quản của từng loại mẫu. 12. Quản lý hồ sơ a) Có đầy đủ hồ sơ quản lý (hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, phiếu kiểm nghiệm chất lượng, hồ sơ công bố hợp quy hoặc công bố phù hợp an toàn thực phẩm và các tài liệu khác liên quan) đối với nguyên liệu, phụ liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, vật tư, bao bì, hóa chất phục vụ truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm; b) Có đầy đủ hồ sơ quản lý an toàn thực phẩm theo quy định (Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận bản công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm) đối với các sản phẩm sữa chế biến được sản xuất tại cơ sở. **Điều 6. Dụng cụ, trang thiết bị, bao bì chứa đựng sữa chế biến** 1. Dụng cụ, bao bì chứa đựng tiếp xúc trực tiếp sản phẩm sữa chế biến thực hiện các quy định tại Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ Y tế ban hành các quy chuẩn Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. 2. Máy móc, thiết bị và đồ dùng tiếp xúc với sữa và các nguyên liệu được thiết kế và chế tạo đồng bộ, được làm bằng vật liệu không gỉ, không gây độc hại cho việc sử dụng đã định, khi cần được làm sạch, tẩy

	trùng và duy tu bảo dưỡng dễ dàng để tránh gây nhiễm bẩn. 3. Thiết bị dùng để xử lý nhiệt, làm nguội, làm lạnh và giữ lạnh sữa được thiết kế đảm bảo nhanh chóng đạt được nhiệt độ theo yêu cầu kỹ thuật, duy trì một cách hữu hiệu; có thể giám sát, kiểm soát được nhiệt độ theo đúng quy định. 4. Khí thổi trực tiếp vào sản phẩm (nếu có) phải đảm bảo vô trùng. 5. Có hệ thống kiểm soát báo động khi các thông số chế biến (nhiệt độ, áp suất) vượt quá quy định. 6. Dụng cụ đựng phế thải và hóa chất độc hại được thiết kế phù hợp và an toàn, dễ nhận biết, làm từ vật liệu bền, ít hư hỏng. 7. Thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất, chế biến, kiểm tra phải được định kỳ bảo dưỡng, thay mới khi bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu hư hỏng. Thiết bị kiểm tra, đo lường, thử nghiệm, thiết bị có quy định an toàn nghiêm ngặt phải được hiệu chuẩn, kiểm định theo quy định. 8. Việc sửa chữa và bảo dưỡng dụng cụ, thiết bị, máy móc chỉ được tiến hành ngoài khu vực sản xuất hoặc khi ngừng sản xuất. Trường hợp tiến hành sửa chữa tại chỗ hoặc bảo dưỡng dụng cụ, thiết bị, máy móc định kì phải tiến hành vệ sinh ngay sau khi kết thúc công việc. 9. Dầu mỡ để bôi trơn các bộ phận của trang thiết bị, máy móc có tiếp xúc với sản phẩm phải thuộc loại được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm. **Điều 7. Chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất và khách tham quan** 1. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất phải có Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do các cơ quan, đơn vị có chức năng được cơ quan có thẩm quyền chỉ định thực hiện. 2. Chủ cơ sở phải có trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho chủ cơ sở và người trực tiếp tham gia sản xuất theo định kỳ ít nhất 01 (một) lần trong 01 (một) năm tại các cơ sở y tế cấp quận hoặc huyện trở lên. Hồ sơ theo dõi sức khỏe của các cá nhân được lưu giữ đầy đủ tại cơ sở. 3. Chỉ tuyển dụng những người có đủ tiêu chuẩn về sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế đối với những người trực tiếp tham gia sản xuất, chế biến thực phẩm. 4. Người trực tiếp sản xuất khi mắc bệnh phải báo cáo với người có thẩm quyền để bố trí làm việc khác hoặc nghỉ điều trị theo chế độ và chỉ được làm việc trở lại khi có chứng nhận đã khỏi bệnh và có đủ tiêu chuẩn sức khỏe để tham gia sản xuất, chế biến thực phẩm của cơ quan y tế có thẩm quyền. 5. Người tham gia sản xuất, chế biến phải có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh cá nhân, trước khi vào làm việc, thay trang phục bảo hộ lao động phù hợp với vị trí làm việc. 6. Khách tham quan cơ sở phải thay trang phục bảo hộ lao động và thực

	hiện đầy đủ các quy định về vệ sinh cá nhân của cơ sở. **Chương III** **ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH SẢN PHẨM** **Điều 8. Cơ sở kinh doanh sữa chế biến** 1. Khu vực bày bán, bảo quản, chứa đựng sản phẩm phải luôn khô ráo và sạch sẽ, bảo đảm không làm thay đổi đặc tính của sản phẩm, không bị ô nhiễm bởi các hóa chất độc hại, tạp chất hay các vi sinh vật gây ảnh hưởng tới sức khỏe người sử dụng. 2. Tuân thủ độ cao xếp lớp lưu kho theo hướng dẫn của nhà sản xuất. 3. Có quy trình vệ sinh cơ sở và ghi nhật ký vệ sinh do chủ cơ sở quy định. **Điều 9. Dụng cụ, trang thiết bị kinh doanh sữa chế biến** Cơ sở kinh doanh phải có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ đảm bảo đáp ứng các điều kiện về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng và các điều kiện khác theo yêu cầu của nhà sản xuất đối với từng loại sản phẩm trong suốt quá trình bảo quản và kinh doanh sản phẩm sữa chế biến. **Điều 10. Quản lý hồ sơ** Cơ sở kinh doanh sữa chế biến phải lưu giữ đầy đủ các hồ sơ, chứng từ pháp lý chứng minh nguồn gốc xuất xứ và chất lượng sản phẩm phục vụ truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm. **Điều 11. Vận chuyển sữa chế biến** 1. Phương tiện vận chuyển phải đảm bảo tránh côn trùng xâm nhập, tránh nhiễm bẩn từ các nguồn gây nhiễm khác và dễ làm sạch. 2. Trong quá trình vận chuyển phải phân loại và sắp xếp riêng các sản phẩm sữa khác nhau, bảo đảm duy trì các điều kiện bảo quản sản phẩm theo yêu cầu của nhà sản xuất trong suốt quá trình vận chuyển. 3. Không vận chuyển sản phẩm sữa chế biến cùng các loại hàng hóa độc hại hoặc có thể gây nhiễm chéo ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn thực phẩm của sản phẩm. 4. Phương tiện vận chuyển và các loại trang thiết bị, dụng cụ dùng để chứa đựng sản phẩm trong quá trình vận chuyển phải được vệ sinh sạch sẽ thường xuyên. 5. Cơ sở phải có nội quy quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình vận chuyển sản phẩm sữa chế biến.
Điềukiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở	**Thông tư số 53/2014/TT-BCT: Chương II, Chương III: Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12**

sản xuất kinh doanh bia	**Điều 5. Cơ sở sản xuất bia** 1. Địa điểm sản xuất a) Được xây dựng theo quy hoạch hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. b) Phải xa nguồn ô nhiễm, độc hại và các tác nhân gây ô nhiễm khác từ môi trường xung quanh ảnh hưởng xấu đến chất lượng, an toàn thực phẩm của sản phẩm bia. c) Có đủ diện tích để bố trí dây chuyền sản xuất phù hợp với công suất thiết kế của cơ sở, đảm bảo các công đoạn sản xuất đáp ứng yêu cầu công nghệ và áp dụng các biện pháp vệ sinh công nghiệp. 2. Thiết kế, bố trí nhà xưởng a) Bố trí mặt bằng dây chuyền sản xuất phải phù hợp với hướng gió để tránh tác động xấu từ các nguồn ô nhiễm như: khí thải lò hơi, trạm xử lý nước thải, nơi tập kết chất thải rắn, khu vệ sinh và các nguồn ô nhiễm khác. b) Cách biệt giữa các khu vực: kho (nguyên liệu, phụ liệu, chất hỗ trợ chế biến, bảo quản sản phẩm); sản xuất (sơ chế, làm sạch và xử lý nguyên liệu, đường hóa, nhân men giống, lên men, lắng, lọc, chiết rót và hoàn thiện sản phẩm); hệ thống vệ sinh công nghiệp (CIP); cơ khí động lực; tập kết chất thải rắn và hệ thống thu gom xử lý nước thải; các công trình phụ trợ để tránh lây nhiễm chéo. c) Hệ thống đường giao thông nội bộ phải được thiết kế, xây dựng đảm bảo bền, chắc, không gây bụi; đường di chuyển trên cao phải có lan can hoặc vách ngăn dễ quan sát, bảo đảm an toàn lao động. d) Hệ thống thoát nước (nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa) phải được thiết kế, xây dựng riêng biệt, được che kín, đảm bảo độ dốc để thoát nước, không đọng nước cục bộ. 3. Kết cấu nhà xưởng a) Khu vực xay, nghiền nguyên liệu đảm bảo không gây bụi ra môi trường xung quanh và không ảnh hưởng đến các công đoạn sản xuất khác. b) Khu vực nấu phải được cung cấp đủ ánh sáng và thông gió tốt đảm bảo nhiệt độ môi trường làm việc theo quy định. c) Khu vực nhân men giống phải đảm bảo điều kiện vệ sinh, phù hợp yêu cầu công nghệ, thuận tiện cho việc vệ sinh và khử trùng. d) Khu vực lên men: - Sàn khu vực lên men làm từ vật liệu bền, chống trơn, khó bong tróc, có độ dốc đảm bảo thoát nước tốt; - Trường hợp các thiết bị lên men đặt trong nhà xưởng thì tường và trần nhà xưởng phải đảm bảo không thấm nước, dễ vệ sinh, không bị ẩm mốc;

	- Trường hợp thực hiện quá trình nhân giống nấm men tại nơi sản xuất: khu vực nhân giống phải được thiết kế đảm bảo vô trùng, có trang bị hệ thống diệt khuẩn, có chế độ kiểm soát các thiết bị để đảm bảo chất lượng men giống. Khuyến khích sử dụng cửa ra vào tự động đóng mở để kiểm soát tốt các điều kiện vô trùng tại khu vực nhân giống; - Trường hợp không thực hiện giai đoạn nhân giống nấm men tại nơi sản xuất thì phải có các trang thiết bị đảm bảo an toàn chất lượng giống tránh nhiễm khuẩn trong quá trình tiếp giống. đ) Khu vực lọc và chiết rót: - Phải bố trí riêng biệt, đảm bảo vô trùng, tránh côn trùng và lây nhiễm chéo từ các nguồn ô nhiễm xung quanh; - Sàn nhà xưởng làm từ vật liệu bền, chống trơn, khó bong tróc và đảm bảo thoát nước tốt. Hệ thống cống thoát nước phải có nắp đậy. 4. Hệ thống thông gió - Nhà xưởng phải có các cửa thông gió đảm bảo sự lưu thông của không khí, dễ thoát nhiệt và khí phát sinh trong quá trình sản xuất; - Khu vực xay, nghiền nguyên liệu phải lắp đặt hệ thống thông gió, lọc bụi để đảm bảo không gây ô nhiễm cho các công đoạn sản xuất khác; - Khu vực nấu phải được thiết kế thông thoáng, thoát nhiệt, thoát ẩm và thoát mùi nhanh, đảm bảo nhiệt độ môi trường làm việc và an toàn lao động theo quy định. 5. Hệ thống cung cấp nước sản xuất a) Phải đảm bảo đủ nguồn nước cấp đạt tiêu chuẩn. b) Có đủ hệ thống bơm, xử lý nước, bồn hoặc bể chứa nước, hệ thống đường ống dẫn luôn trong tình trạng sử dụng tốt; định kỳ kiểm tra để tránh hiện tượng chảy ngược hay tắc nghẽn đường ống. c) Đường ống cấp nước phải riêng biệt, có ký hiệu riêng dễ nhận biết, dễ vệ sinh và đảm bảo an toàn nguồn nước sạch, tránh tình trạng lây nhiễm. d) Bồn hoặc bể chứa, bể lắng, bể lọc phải phù hợp với công nghệ xử lý nước cấp; thực hiện vệ sinh theo quy định hoặc khi cần thiết. đ) Trong trường hợp có sự cố về chất lượng nước, lập tức dừng sản xuất và cô lập sản phẩm sản xuất trong thời gian xảy ra sự cố. e) Có máy phát điện và máy bơm nước dự phòng trong trường hợp mất điện hoặc máy bơm nước bị hỏng để đáp ứng yêu cầu sản xuất liên tục của cơ sở. g) Nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn dùng để nấu bia phải được chứa đựng trong các thiết bị riêng, đảm bảo không bị thôi nhiễm, không bị nhiễm bẩn hoặc nhiễm vi sinh vật từ các nguồn nhiễm khác. 6. Hệ thống cung cấp hơi nước, nhiệt và khí nén a) Nồi hơi phải được thiết kế, chế tạo từ vật liệu phù hợp, bố trí ở khu vực cách biệt với khu vực sản xuất, phải được kiểm tra, kiểm định định

	kỳ theo quy định hiện hành. b) Hệ thống đường ống cấp hơi nước, khí nén phải được thiết kế, chế tạo từ các vật liệu phù hợp, lắp đặt bảo đảm an toàn, có ký hiệu hoặc chỉ dẫn phân biệt với các hệ thống đường ống khác, phải được kiểm tra định kỳ theo quy định hiện hành. 7. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải, nước thải a) Chất thải rắn: - Phải được thu gom và chứa đựng trong thùng hoặc dụng cụ chứa đựng phù hợp và đặt ở vị trí dễ quan sát để thuận tiện cho việc thu gom, xử lý và không ảnh hưởng xấu đến quá trình sản xuất; - Các dụng cụ chứa phế liệu phải được ghi rõ hoặc có dấu hiệu phân biệt với dụng cụ chứa nguyên liệu, bán thành phẩm hay thành phẩm; làm bằng vật liệu không thấm nước, ít bị ăn mòn; đảm bảo kín, thuận tiện để làm vệ sinh (nếu sử dụng lại nhiều lần) hay tiêu hủy (nếu sử dụng 1 lần); - Bã hèm bia phải được thu dọn sạch sẽ, định kỳ không quá 48 giờ/lần; - Các loại giấy, nhãn, vỏ chai vỡ, nút cũ, hỏng có thể thu hồi để tái sử dụng, phải được thu gom, phân loại tại nguồn và được lưu giữ trong các túi hoặc thùng được phân biệt theo quy định của cơ sở trước khi vận chuyển đến nơi xử lý; - Các chất thải rắn phải được xử lý bởi tổ chức hoặc cá nhân do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động trong lĩnh vực xử lý môi trường. b) Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt: - Khu vực xử lý nước thải phải bố trí cách biệt với khu vực sản xuất; - Công suất và công nghệ xử lý phù hợp với lưu lượng thải tại công suất đỉnh của cơ sở sản xuất để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định về môi trường; - Không được thải trực tiếp nước thải chưa xử lý ra môi trường xung quanh; rãnh thoát nước trong khu vực sản xuất phải đảm bảo chảy từ nơi sạch đến nơi ít sạch hơn và đảm bảo thoát hết nước trong điều kiện ngừng dòng chảy; - Hố ga phải có nắp đậy, phải thực hiện vệ sinh cống rãnh trong khu vực chế biến sau mỗi ngày sản xuất; định kỳ khai thông cống rãnh, hố ga theo quy định; - Trường hợp cơ sở sản xuất bia xây dựng trong khu công nghiệp, nước thải phải xả vào hệ thống thoát nước tập trung của khu công nghiệp theo các quy định hiện hành về quản lý môi trường khu công nghiệp. c) Khí thải từ khu vực sản xuất và hệ thống lò hơi phải được xử lý để tránh ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất khác. d) Chất thải nguy hại: - Chất thải nguy hại phải được thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý

	riêng theo quy định hiện hành; - Phải được quản lý và xử lý bởi tổ chức hoặc cá nhân được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động trong lĩnh vực xử lý môi trường đối với chất thải nguy hại. 8. Hệ thống kho a) Yêu cầu chung đối với các kho (nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, vật tư, bao bì, thành phẩm) phải: - Đảm bảo đủ sức chứa theo công suất thiết kế của dây chuyền sản xuất; - Có chế độ bảo dưỡng và làm vệ sinh định kỳ theo quy định của cơ sở; - Đáp ứng các điều kiện bảo quản theo hướng dẫn hoặc quy định của nhà sản xuất; - Phòng chống được sự xâm hại của côn trùng, loài gặm nhấm và các tác nhân gây hại khác; - Có thông tin để nhận biết từng loại nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, vật tư, bao bì, thành phẩm chứa trong kho; có hồ sơ theo dõi việc xuất và nhập tại từng kho. b) Kho hóa chất phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện bảo quản theo quy định của nhà sản xuất và quy định hiện hành về bảo quản hóa chất. c) Kho thành phẩm Ngoài việc thực hiện các quy định tại điểm a Khoản 7 của Điều này phải: - Đảm bảo duy trì các điều kiện về nhiệt độ, độ ẩm phù hợp với yêu cầu kỹ thuật để bảo quản từng loại bia theo quy định của cơ sở sản xuất; - Có đầy đủ các thông tin về: tên sản phẩm, lô sản xuất, ngày sản xuất, ca sản xuất và các thông tin khác theo quy định của cơ sở; - Có khu vực riêng để lưu giữ tạm thời các sản phẩm không đạt chất lượng trong quá trình chờ xử lý. 9. Hệ thống kiểm soát chất lượng nguyên liệu và sản phẩm a) Khu vực kiểm soát chất lượng được bố trí riêng biệt, thuận tiện cho việc kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất; được trang bị hệ thống máy móc, thiết bị, dụng cụ tối thiểu để đo đạc, kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng cơ bản đối với các nguyên liệu chính và thành phẩm. Bộ phận kiểm tra vi sinh vật phải đảm bảo vô trùng và cách biệt với các bộ phận kiểm tra khác. b) Trường hợp không có phòng kiểm soát chất lượng thì cơ sở phải có hợp đồng với đơn vị kiểm tra, phân tích có năng lực và chuyên môn phù hợp để kiểm soát các chỉ tiêu cơ bản của nguyên liệu chính và thành phẩm. c) Có khu vực lưu mẫu, hồ sơ lưu mẫu và thực hiện chế độ lưu, hủy mẫu theo yêu cầu bảo quản của từng loại mẫu.

	10. Vận chuyển nội bộ a) Chủ cơ sở quy định cụ thể (bằng văn bản) đối với phương tiện, phương thức, điều kiện bảo quản và quản lý an toàn thực phẩm của sản phẩm bia trong quá trình vận chuyển thuộc phạm vi nội bộ. b) Không vận chuyển bia cùng các loại vật tư, nguyên liệu, hóa chất có thể gây nhiễm chéo ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm. 11. Quản lý hồ sơ a) Có hồ sơ quản lý (hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, phiếu kiểm nghiệm chất lượng, hồ sơ công bố hợp quy hoặc công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm, Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm và các tài liệu liên quan khác) đối với nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, phụ liệu, chất hỗ trợ chế biến, bao bì để phục vụ truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm. b) Có đầy đủ hồ sơ quản lý an toàn thực phẩm theo quy định (Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm và kết quả kiểm nghiệm định kỳ) đối với các sản phẩm bia được sản xuất tại cơ sở. **Điều 6. Trang thiết bị, dụng cụ, bao bì** 1. Dụng cụ, bao bì chứa đựng bia thực hiện quy định tại Thông tư số 34/2011/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ Y tế ban hành các quy chuẩn Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. 2. Thiết bị, dụng cụ chứa đựng nguyên liệu, thành phẩm phải được chế tạo từ vật liệu không làm thôi nhiễm vào sản phẩm. 3. Thiết bị xay nghiền phù hợp với yêu cầu công nghệ của mỗi loại nguyên liệu, phải đảm bảo vệ sinh sạch sẽ trước và sau khi nghiền. 4. Thiết bị nấu, đường hóa, lọc nước nha (nước hèm): a) Phải có đầy đủ các van an toàn ở trạng thái hoạt động tốt, được duy trì bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ để đảm bảo hoạt động an toàn trong điều kiện sản xuất với áp suất, nhiệt độ cao có đảo trộn. b) Phải đảm bảo tốc độ gia nhiệt trong khoảng thời gian phù hợp với công nghệ và công suất thiết kế, gia nhiệt đều trên bề mặt nồi nấu. c) Phải được tẩy rửa bằng hóa chất và khử trùng theo quy trình vệ sinh công nghiệp do chủ cơ sở ban hành. Các cửa mở ở nắp nồi nấu được bảo vệ bằng các viền nổi đảm bảo tránh nhiễm bẩn từ nước làm vệ sinh bề mặt thiết bị. 5. Thiết bị lọc bia được chế tạo từ các vật liệu tránh thôi nhiễm, dễ lắp đặt, vệ sinh và bảo dưỡng. Đảm bảo kín, tránh tổn thất CO2 và sự xâm nhập của oxy, vi sinh vật.

	6. Thiết bị lên men: a) Các đầu ống kết nối với thiết bị nhân men giống phải treo trên giá không đặt trực tiếp nền sàn và vệ sinh vô trùng trước khi sử dụng. b) Phải được tẩy rửa bằng hóa chất và khử trùng theo hệ thống vệ sinh công nghiệp do chủ cơ sở quy định. c) Các cửa mở ở nắp thiết bị lên men (tank) lên men được bảo vệ bằng các viền nổi để tránh nhiễm nước làm vệ sinh bề mặt thiết bị. 7. Thiết bị bài khí và bão hòa CO2 được chế tạo bằng vật liệu inox. 8. Thiết bị chiết rót: Phải đảm bảo rót đúng thể tích, không trào bọt; Luôn được duy trì trong tình trạng sạch và vô khuẩn trước khi vận hành, phải có quy trình vệ sinh và diệt khuẩn. 9. Hệ thống đường ống dẫn sản phẩm phải được tẩy rửa bằng hóa chất và khử trùng theo quy trình vệ sinh công nghiệp do chủ cơ sở ban hành. 10. Thiết bị vận chuyển nội bộ (xe nâng) phải được vệ sinh sạch sẽ trước, trong và sau khi vận chuyển sản phẩm. Sử dụng thiết bị vận chuyển chuyên dụng được chế tạo bằng vật liệu không làm ô nhiễm vào sản phẩm bia để đảm bảo an toàn thực phẩm. 11. Các thiết bị phụ trợ: a) Lò hơi, hệ thống gia nhiệt, cung cấp hơi nước được thiết kế đảm bảo an toàn thực phẩm. Khí nóng và hơi nước đảm bảo không gây ô nhiễm cho sản phẩm. b) Thiết bị kiểm tra đo lường, thử nghiệm, thiết bị có quy định an toàn nghiêm ngặt phải được hiệu chuẩn, kiểm định theo quy định. 12. Các quy định khác: a) Thiết bị, dụng cụ sử dụng trong sản xuất phải được định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa hoặc thay mới khi bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu hư hỏng. b) Dụng cụ chứa đựng phế thải và hóa chất độc hại được thiết kế dễ nhận biết, có cấu trúc phù hợp, làm từ vật liệu bền, ít hư hỏng và có thể khóa được để tránh sự nhiễm bẩn. c) Chỉ tiến hành việc sửa chữa và bảo dưỡng máy móc trong phạm vi ngoài khu vực sản xuất hoặc khi ngừng sản xuất. Trường hợp tiến hành sửa chữa tại chỗ hoặc bảo dưỡng máy móc theo định kì sau khi hoàn thành phải tiến hành làm vệ sinh thiết bị và khu vực xung quanh. d) Dầu mỡ để bôi trơn các bộ phận của trang thiết bị, máy móc tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm phải thuộc loại được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm. **Điều 7. Chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất và khách tham quan** 1. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất phải có Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do các cơ quan, đơn vị có chức năng được cơ quan có thẩm quyền chỉ định thực hiện.

	2. Chủ cơ sở có trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho chủ cơ sở và người trực tiếp tham gia sản xuất theo định kỳ ít nhất 01 (một) lần trong 01 (một) năm tại các cơ sở y tế cấp quận hoặc huyện trở lên. Hồ sơ theo dõi sức khỏe của các cá nhân được lưu giữ đầy đủ tại cơ sở. 3. Chỉ tuyển dụng những người có đủ tiêu chuẩn về sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế đối với những người trực tiếp tham gia sản xuất, chế biến thực phẩm. 4. Người trực tiếp sản xuất khi mắc bệnh phải báo cáo với người có thẩm quyền để bố trí làm việc khác hoặc nghỉ điều trị theo chế độ và chỉ được làm việc trở lại khi có chứng nhận đã khỏi bệnh và có đủ tiêu chuẩn sức khỏe để tham gia sản xuất, chế biến thực phẩm của cơ quan y tế có thẩm quyền. 5. Người tham gia sản xuất phải có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh cá nhân, trước khi vào làm việc, thay trang phục bảo hộ lao động phù hợp với vị trí làm việc. 6. Khách tham quan cơ sở phải thay trang phục bảo hộ lao động và thực hiện đầy đủ các quy định về vệ sinh cá nhân của cơ sở sản xuất. **Chương III** **ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH BIA** **Điều 8. Cơ sở kinh doanh** 1. Khu vực bày bán, bảo quản, chứa đựng sản phẩm phải luôn khô ráo, sạch sẽ, bảo đảm không làm thay đổi đặc tính của sản phẩm, không bị ô nhiễm bởi các hóa chất độc hại, tạp chất hay các vi sinh vật gây ảnh hưởng tới sức khỏe người sử dụng. 2. Tuân thủ độ cao xếp lớp lưu kho theo hướng dẫn của nhà sản xuất. 3. Có quy trình vệ sinh cơ sở và ghi nhật ký vệ sinh do chủ cơ sở quy định. **Điều 9. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh bia** Cơ sở kinh doanh phải có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ đảm bảo đáp ứng các điều kiện về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng và các điều kiện khác theo yêu cầu của cơ sở sản xuất đối với từng loại sản phẩm trong suốt quá trình bảo quản và kinh doanh sản phẩm. **Điều 10. Quản lý hồ sơ kinh doanh** Cơ sở kinh doanh bia phải lưu giữ đầy đủ các hồ sơ, chứng từ pháp lý chứng minh nguồn gốc xuất xứ, chất lượng liên quan đến sản phẩm phục vụ truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm. **Điều 11. Người trực tiếp kinh doanh bia hơi** Nhân viên xuất bán bia phải được trang bị đầy đủ bảo hộ cá nhân theo quy định, thực hiện thay găng tay sạch hoặc sát khuẩn tay trước khi chiết rót bia hơi.

	Điều 12. Vận chuyển bia trong kinh doanh 1. Phương tiện vận chuyển phải đảm bảo tránh côn trùng xâm nhập, tránh nhiễm bẩn từ các nguồn gây nhiễm khác và dễ làm sạch. 2. Trong quá trình vận chuyển phải phân loại và sắp xếp riêng các sản phẩm bia khác nhau, bảo đảm duy trì các điều kiện bảo quản sản phẩm theo yêu cầu của nhà sản xuất trong suốt quá trình vận chuyển. 3. Không vận chuyển sản phẩm cùng hàng hóa độc hại hoặc có thể gây nhiễm chéo ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn thực phẩm của sản phẩm. 4. Phương tiện vận chuyển và các loại trang thiết bị, dụng cụ dùng để chứa đựng sản phẩm trong suốt quá trình vận chuyển phải được vệ sinh sạch sẽ thường xuyên. 5. Cơ sở phải có nội quy quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình vận chuyển sản phẩm.
55. Xuất khẩu gạo	**Thông tư số 44/2010/TT-BCT** **Điều 16. Quy định đối với việc thuê, cho thuê kho chứa, cơ sở xay, xát thóc, gạo để đáp ứng điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo** 1. Tổ chức, cá nhân cho thuê kho chứa, cơ sở xay, xát thóc, gạo để đáp ứng điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo không được ký hợp đồng cho thuê vượt quá sức chứa thực tế của kho chứa, công suất xay, xát của cơ sở xay, xát cho thuê. Thương nhân thuê kho chứa, cơ sở xay, xát để đáp ứng điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo phải kiểm tra thực tế kho chứa, cơ sở xay, xát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hợp đồng thuê đã ký. 2. Thương nhân có Giấy chứng nhận không được cho thuê hoặc cho thuê lại kho chứa, cơ sở xay, xát để thương nhân khác thuê hoặc thuê lại kho chứa, cơ sở xay, xát đó sử dụng vào mục đích xin cấp Giấy chứng nhận. 3. Thương nhân thuê kho chứa, cơ sở xay, xát để đáp ứng điều kiện kinh doanh phải có hợp đồng thuê bằng văn bản, phù hợp với quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 4. Thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ.
56. Kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt	**TT 05/2014/TT-BCT** **Điều 4. Quy định chung về kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa** 2. Kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa thuộc Phụ lục III, IV, V thuộc loại hình kinh doanh có điều kiện. Điều kiện đối với từng nhóm hàng hóa quy định tại Mục 2 Chương này. **Điều 12. Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa**

	1. Doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Phụ lục III, IV, V được Bộ Công Thương xem xét cấp *Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa* (sau đây viết tắt là Mã số tạm nhập, tái xuất) khi đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 9 hoặc Điều 10 hoặc Điều 11 Thông tư này. **Điều 10. Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt** Doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc Phụ lục IV phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Được thành lập tối thiểu là 2 (hai) năm, đã có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất hàng hóa. 2. Có số tiền ký quỹ, đặt cọc là 7 tỷ VNĐ (bảy tỷ đồng Việt Nam) nộp tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh hoặc Chi nhánh Ngân hàng thương mại tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
57. Kinh Doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	**TT 05/2014/TT-BCT** **Điều 4. Quy định chung về kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa** 2. Kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa thuộc Phụ lục III, IV, V thuộc loại hình kinh doanh có điều kiện. Điều kiện đối với từng nhóm hàng hóa quy định tại Mục 2 Chương này. **Điều 12. Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa** 1. Doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Phụ lục III, IV, V được Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa (sau đây viết tắt là Mã số tạm nhập, tái xuất) khi đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 9 hoặc Điều 10 hoặc Điều 11 Thông tư này. **Điều 9. Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh** Doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Được thành lập tối thiểu là 2 (hai) năm, đã có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất hàng hóa. 2. Có số tiền ký quỹ, đặt cọc là 10 tỷ VNĐ (mười tỷ đồng Việt Nam) nộp tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh hoặc Chi nhánh Ngân hàng thương mại tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có kho, bãi theo quy định tại Khoản 3 Điều này. 3. Có kho, bãi phục vụ kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực phẩm đông

	lạnh, cụ thể: a) Kho, bãi có sức chứa tối thiểu là 100 (một trăm) công-ten-nơ lạnh loại 40 (bốn mươi) feet, diện tích tối thiểu là 1.500 m² (một nghìn năm trăm mét vuông). Kho, bãi được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào cứng, được xây dựng với chiều cao tối thiểu là 2,5m (hai phẩy năm mét); có đường dành cho xe chở công-ten-nơ di chuyển ra vào kho, bãi; có cổng ra vào và biển hiệu của doanh nghiệp sử dụng kho, bãi; b) Kho, bãi có đủ nguồn điện (gồm điện lưới và máy phát điện dự phòng có công suất tương đương) và các thiết bị chuyên dùng kèm theo để vận hành các công-ten-nơ lạnh theo sức chứa của kho, bãi; c) Kho, bãi phải thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc do doanh nghiệp ký hợp đồng thuê với thời hạn thuê tối thiểu là 3 (ba) năm; phải nằm trong khu vực quy hoạch hệ thống kho, bãi phục vụ kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực phẩm đông lạnh hoặc trong khu vực do Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quy định để xây dựng kho, bãi phục vụ kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực phẩm đông lạnh. Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới trao đổi, thống nhất với Tổng cục Hải quan, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Công Thương và ban hành quyết định về các khu vực quy hoạch, quy định trên địa bàn tỉnh; thông báo cho Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan để phối hợp; d) Kho, bãi mà doanh nghiệp đã kê khai để xin cấp Mã số tạm nhập, tái xuất không được cho doanh nghiệp khác thuê toàn bộ hoặc một phần để sử dụng vào mục đích xin cấp Mã số tạm nhập, tái xuất.
58. Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng	**TT 05/2014/TT-BCT** **Điều 4. Quy định chung về kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa** 2. Kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa thuộc Phụ lục III, IV, V thuộc loại hình kinh doanh có điều kiện. Điều kiện đối với từng nhóm hàng hóa quy định tại Mục 2 Chương này. **Điều 12. Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa** 1. Doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Phụ lục III, IV, V được Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa (sau đây viết tắt là Mã số tạm nhập, tái xuất) khi đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 9 hoặc Điều 10 hoặc Điều 11 Thông tư này. **Điều 11. Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng đã qua sử dụng** Doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng đã qua sử dụng thuộc Phụ lục V phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Được thành lập tối thiểu là 2 (hai) năm, đã có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất hàng hóa. 2. Có số tiền ký quỹ, đặt cọc là 7 tỷ VNĐ (bảy tỷ đồng Việt Nam) nộp

	tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh hoặc Chi nhánh Ngân hàng thương mại tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
60. Kinh doanh than	**Thông tư 14/2013/BCT** **Điều 4. Điều kiện kinh doanh than** 1. Chỉ doanh nghiệp mới được phép kinh doanh than. 2. Doanh nghiệp kinh doanh than phải được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó có đăng ký ngành nghề kinh doanh than. 3. Doanh nghiệp kinh doanh than tùy thuộc hoạt động kinh doanh cụ thể phải đảm bảo các điều kiện sau: a) Sở hữu hoặc thuê địa điểm kinh doanh, phương tiện vận tải, phương tiện bốc rót, kho bãi, bến cảng, phương tiện cân, đo khối lượng than để phục vụ hoạt động kinh doanh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật, điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ theo các quy định hiện hành. b) Phương tiện vận tải phải có trang bị che chắn chống gây bụi, rơi vãi, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường khi tham gia giao thông. c) Địa điểm, vị trí các cảng và bến xuất than, nhận than phải phù hợp với quy hoạch bến cảng của địa phương, có kho chứa than, có trang thiết bị bốc rót lên phương tiện vận tải đảm bảo an toàn, có biện pháp bảo vệ môi trường. d) Kho trữ than, trạm, cửa hàng kinh doanh than phải có ô chứa riêng biệt để chứa từng loại than khác nhau; vị trí đặt phải phù hợp với quy hoạch xây dựng của địa phương, bảo đảm các yêu cầu về môi trường, trật tự an toàn giao thông theo quy định hiện hành. Đối với than tự cháy phải có biện pháp, phương tiện phòng cháy - chữa cháy được cơ quan phòng cháy - chữa cháy địa phương kiểm tra và cấp phép. đ) Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên trực tiếp mua bán than, nhân viên trực tiếp thực hiện dịch vụ kinh doanh than phải có chứng chỉ hành nghề được cấp theo các quy định hiện hành. 4. Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh than có nguồn gốc hợp pháp. **Thông tư 15/2013/TT-BCT** **Điều 4. Điều kiện xuất khẩu than** 1. Chỉ có doanh nghiệp mới được phép xuất khẩu than. Doanh nghiệp xuất khẩu than là doanh nghiệp có đủ điều kiện kinh doanh than theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 07 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về điều kiện kinh doanh than. 2. Than được phép xuất khẩu khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: a) Đã qua chế biến và đạt tiêu chuẩn chất lượng hoặc tương đương tiêu

	chuẩn chất lượng quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này. b) Có nguồn gốc hợp pháp như quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về điều kiện kinh doanh than. c) Các quy định khác (nếu có) theo sự điều hành của Chính phủ về hoạt động xuất nhập khẩu từng thời kỳ.
62. Kinh doanh khoáng sản	**Thông tư 41/2012/TT-BCT** **Điều 4. Điều kiện xuất khẩu khoáng sản** 1. Chỉ có doanh nghiệp mới được phép xuất khẩu khoáng sản. Doanh nghiệp xuất khẩu khoáng sản là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, có đủ điều kiện theo quy định của Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hoá với nước ngoài. 2. Khoáng sản được phép xuất khẩu khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: a) Đã qua chế biến và có tên trong Danh mục tại Phụ lục kèm theo Thông tư này. b) Đạt tiêu chuẩn chất lượng không thấp hơn quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này. c) Có nguồn gốc hợp pháp, cụ thể là: - Được khai thác từ các mỏ, điểm mỏ có Giấy phép khai thác, Giấy phép khai thác tận thu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, còn hiệu lực; hoặc - Được nhập khẩu hợp pháp; hoặc - Do cơ quan nhà nước nhà nước có thẩm quyền tịch thu và phát mại. Khoáng sản nhập khẩu (để tái xuất hoặc để chế biến phục vụ xuất khẩu) được coi là hợp pháp khi có Tờ khai hàng hóa khoáng sản nhập khẩu có xác nhận của Hải quan cửa khẩu (bản sao có chứng thực theo quy định). Đối với khoáng sản tịch thu, phát mại, phải có các chứng từ sau: Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung công quỹ, Phiếu xuất kho, Biên bản bàn giao tài sản vi phạm hành chính bị tịch thu bán đấu giá (bản sao có chứng thực theo quy định).
63. Kinh doanh tiền chất công nghiệp	**Thông tư 42/2013/TT-BCT** **Điều 6. Sản xuất tiền chất công nghiệp** 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất tiền chất công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện về sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định

	chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. 2. Trong quá trình sản xuất, tổ chức, cá nhân sản xuất tiền chất công nghiệp không để thất thoát tiền chất vào điều chế chất ma túy và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm thất thoát tiền chất. **Điều 7. Kinh doanh tiền chất công nghiệp** Tổ chức, cá nhân kinh doanh tiền chất công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 26/2011/NĐ-CP. Trong quá trình kinh doanh, tổ chức, cá nhân phải xuất trình được các tài liệu, giấy tờ theo yêu cầu kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền và đảm bảo các điều kiện kinh doanh hóa chất: 1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về hóa chất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. 2. Chứng chỉ hoặc giấy tờ chứng minh các đối tượng trực tiếp tiếp xúc với tiền chất tại cơ sở kinh doanh gồm người phụ trách, người bán hàng, giao hàng, thủ kho đã được đào tạo về an toàn hóa chất. 3. Địa điểm kinh doanh, nơi bày bán phải bảo đảm giữ được chất lượng tiền chất công nghiệp theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Kho tồn trữ, bảo quản tiền chất hoặc khu vực tồn trữ, bảo quản tiền chất phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật an toàn và có các cảnh báo cần thiết tại nơi tồn trữ, bảo quản theo quy định của Luật Hóa chất và Thông tư này. 4. Cơ sở kinh doanh tiền chất công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. 5. Tiền chất công nghiệp phải có đầy đủ nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật. Chứng từ, hóa đơn mua bán tiền chất phải chứng minh rõ nguồn gốc nơi sản xuất, nơi nhập khẩu hoặc nơi cung cấp các loại tiền chất. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu tiền chất từ nước ngoài vào Việt Nam thì phải có một trong các tài liệu liên quan đến mua bán tiền chất như: Hợp đồng; thỏa thuận bán hàng, mua hàng; bản ghi nhớ; hóa đơn thương mại. 6. Sổ theo dõi tiền chất công nghiệp không được ghi chung với hàng hóa khác. Sổ theo dõi tiền chất gồm các thông tin: Tên đầy đủ của khách hàng; địa chỉ trụ sở chính; số điện thoại; số fax; tên tiền chất; số lượng mua hoặc bán; số lượng tồn kho; mục đích sử dụng. 7. Có Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc có xác nhận của bên mua, bên bán theo quy định của Luật Hóa chất đối với tiền chất công nghiệp là Sulfuric acid và Hydrochloric acid. Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc phải được lưu giữ tại bên bán, bên mua ít nhất 5 (năm) năm và phải xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. **Điều 9. Xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp** 1. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp thực

	hiện các quy định tại Nghị định số 58/2003/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định về kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và các quy định tại Thông tư này. 2. Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp. 3. Tổ chức, cá nhân trong Khu chế xuất khi nhập khẩu tiền chất từ các doanh nghiệp nội địa phải có Giấy phép của Bộ Công Thương. Tổ chức, cá nhân khi xuất khẩu tiền chất từ nội địa vào Khu chế xuất không phải xin Giấy phép của Bộ Công Thương.
64. Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài	**Thông tư 08/2013/TT-BCT** **Điều 2. Phạm vi thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá** Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được tiến hành các hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định của Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ của doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan. **Điều 3. Thực hiện quyền xuất khẩu** 1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền xuất khẩu, được mua hàng hoá tại Việt Nam để xuất khẩu ra nước ngoài, bao gồm hàng hoá do doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp khác nhập khẩu vào Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác, theo các điều kiện sau: a) Hàng hóa xuất khẩu không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền xuất khẩu theo cam kết quốc tế; b) Hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục hàng hoá xuất khẩu có điều kiện, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật; c) Hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, doanh nghiệp phải thực hiện theo lộ trình cam kết; d) Mặt hàng xuất khẩu phải phù hợp với nội dung quyền xuất khẩudoanh nghiệp đã được cấp phép thực hiện. 2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền xuất khẩu được trực tiếp làm thủ tục xuất khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật. 3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền xuất khẩu chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với việc xuất khẩu hàng hoá theo quy định của pháp luật. 4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền xuất

	khẩu chỉ được trực tiếp mua hàng hóa của thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền nhập khẩu, quyền phân phối hàng hóa đó để xuất khẩu; không được tổ chức mạng lưới mua gom hàng hóa tại Việt Nam để xuất khẩu, bao gồm việc mở địa điểm để mua gom hàng hóa xuất khẩu, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. **Điều 4. Thực hiện quyền nhập khẩu** 1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền nhập khẩu được nhập khẩu hàng hoá từ nước ngoài vào Việt Nam theo các điều kiện sau: a) Hàng hóa nhập khẩu không thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng nhập khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền nhập khẩu theo cam kết quốc tế; b) Hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục hàng hoá nhập khẩu có điều kiện, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật; c) Hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, doanh nghiệp phải thực hiện theo lộ trình cam kết; d) Mặt hàng nhập khẩu phải phù hợp với nội dung quyền nhập khẩu doanh nghiệp đã được cấp phép thực hiện. 2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền nhập khẩu được trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật. 3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền nhập khẩu chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với việc nhập khẩu hàng hoá theo quy định của pháp luật. 4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền nhập khẩu nhưng chưa được cấp phép quyền phân phối chỉ được trực tiếp bán hàng nhập khẩu cho các thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền xuất khẩu, quyền phân phối hàng hóa đó, không được tổ chức hoặc tham gia hệ thống phân phối hàng hóa tại Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. **Điều 5. Thực hiện quyền phân phối** 1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền phân phối được phân phối các hàng hoá sản xuất tại Việt Nam và các hàng hoá nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam theo các điều kiện sau: a) Hàng hoá phân phối không thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh và danh mục hàng hóa không được quyền phân phối theo cam kết quốc tế; b) Hàng hóa hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp

	phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật; c) Hàng hóa phân phối thuộc danh mục hàng hóa phân phối theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, doanh nghiệp phải thực hiện theo lộ trình cam kết; d) Mặt hàng phân phối phải phù hợp với nội dung quyền phân phối doanh nghiệp đã được cấp phép thực hiện. 2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền phân phối chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với việc phân phối hàng hoá theo quy định của pháp luật.
65. Hoạt động thương mại điện tử	**Thông tư 47/2014/TT-BCT** **Điều 3. Hoạt động kinh doanh hàng hóa hạn chế kinh doanh hoặc hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện trên website thương mại điện tử** 1. Thương nhân, tổ chức, cá nhân không được sử dụng website thương mại điện tử để kinh doanh các hàng hóa hạn chế kinh doanh sau: a) Súng săn và đạn súng săn, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ; b) Thuốc lá điếu, xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm khác; c) Rượu các loại; d) Thực vật, động vật hoang dã quý hiếm, bao gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến; đ) Các hàng hóa hạn chế kinh doanh khác theo quy định của pháp luật. 2. Thương nhân thiết lập website để bán các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phải công bố trên website của mình số, ngày cấp và nơi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ đó. Việc thông báo với Bộ Công Thương tại khoản 3 Điều 52 nghị định 52/2013/NĐCP thực hiện theo hình thức khai báo trực tuyến trên Cổng thông tin quản lý thương mại điện tử **Điều 9. Quy trình thông báo** 1. Việc tiếp nhận, xử lý thông báo website thương mại điện tử bán hàng được Bộ Công Thương thực hiện trực tuyến tại Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ www.online.gov.vn. 2. Thương nhân, tổ chức, cá nhân thiết lập website thương mại điện tử bán hàng truy cập vào Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử và thực hiện các bước sau: Bước 1: Thương nhân, tổ chức, cá nhân đăng ký tài khoản đăng nhập hệ thống bằng việc cung cấp những thông tin sau: - Tên thương nhân, tổ chức, cá nhân; - Số đăng ký kinh doanh của thương nhân hoặc số quyết định thành lập

	của tổ chức hoặc mã số thuế cá nhân của cá nhân; - Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động; - Địa chỉ trụ sở của thương nhân, tổ chức hoặc địa chỉ thường trú của cá nhân; - Các thông tin liên hệ. Bước 2: Trong thời hạn 3 ngày làm việc, thương nhân, tổ chức, cá nhân nhận kết quả từ Bộ Công Thương qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký về một trong các nội dung sau: - Nếu thông tin đăng ký tài khoản đầy đủ, thương nhân, tổ chức, cá nhân được cấp một tài khoản đăng nhập hệ thống và tiến hành tiếp Bước 3; - Nếu đăng ký tài khoản bị từ chối hoặc yêu cầu bổ sung, thương nhân, tổ chức, cá nhân phải tiến hành đăng ký lại hoặc bổ sung thông tin theo yêu cầu. Bước 3: Sau khi được cấp tài khoản đăng nhập hệ thống, thương nhân, tổ chức, cá nhân tiến hành đăng nhập, chọn chức năng Thông báo website thương mại điện tử bán hàng và tiến hành khai báo thông tin theo mẫu. Bước 4: Trong thời hạn 3 ngày làm việc, thương nhân, tổ chức, cá nhân nhận thông tin phản hồi của Bộ Công Thương qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký về một trong các nội dung sau: - Xác nhận thông tin khai báo đầy đủ, hợp lệ; - Cho biết thông tin khai báo chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ. Khi đó, thương nhân, tổ chức, cá nhân phải quay về Bước 3 để khai báo lại hoặc bổ sung các thông tin theo yêu cầu. 3. Thương nhân, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm theo dõi tình trạng xử lý hồ sơ qua thư điện tử hoặc tài khoản truy cập hệ thống đã được cấp để tiến hành cập nhật và chỉnh sửa thông tin theo yêu cầu. 4. Trong vòng 10 ngày làm vinc k có trách nhiệm theo dõi tình trạng xử lý hồ sơ qua thư điện tử hoặc tài khoản truKhoản 2 Điều này, nếu thương nhân, tổ chức, cá nhân không có phản hồi thì hồ sơ thông báo sẽ bị chấm dứt và phải tiến hành thông báo lại hồ sơ từ Bước 3.
67. Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp	**Thông tư số 48/2011/TT-BCT** **Điều 11. Điều kiện đối với tổ chức thử nghiệm được chỉ định** Tổ chức thử nghiệm được chỉ định phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 1. Được cấp chứng chỉ đảm bảo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005. 2. Đã đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm tại Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định. 3. Trong mỗi lĩnh vực chuyên ngành, có ít nhất 02 thử nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp hoạt động thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa

	tương ứng và có kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên. 4. Có đủ các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn cần thiết và quy trình thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. 5. Tổ chức thử nghiệm có chứng chỉ công nhận do tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận hợp pháp nước ngoài là thành viên của Hiệp hội Công nhận Thái Bình Dương (PAC) và Diễn đàn Công nhận quốc tế (IAF) cấp, được ưu tiên xem xét, chỉ định. **Điều 12. Điều kiện đối với tổ chức giám định được chỉ định** Tổ chức giám định được chỉ định phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 1. Đã đăng ký lĩnh vực hoạt động giám định theo quy định tại Luật Thương mại và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại, Thông tư số 06/2006/TT-BTM ngày 11 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn đăng ký dấu của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại. 2. Có năng lực giám định đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020:2001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020:1998. 3. Trong mỗi lĩnh vực chuyên ngành, có ít nhất 02 giám định viên có trình độ chuyên môn phù hợp hoạt động giám định sản phẩm, hàng hóa tương ứng và có kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên. 4. Có đủ các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn cần thiết và quy trình thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. 5. Tổ chức giám định có chứng chỉ công nhận do tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận hợp pháp nước ngoài là thành viên của Hiệp hội Công nhận Thái Bình Dương (PAC) và Diễn đàn Công nhận quốc tế (IAF) cấp, được ưu tiên xem xét, chỉ định. **Điều 13. Điều kiện đối với tổ chức kiểm định được chỉ định** Tổ chức kiểm định được chỉ định phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 1. Đã đăng ký lĩnh vực hoạt động kiểm định tại Bộ Công Thương. Đối với tổ chức kiểm định các thiết bị áp lực, thiết bị nâng nằm trong danh mục máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương phải tuân thủ các quy định tại Thông tư số 35/2009/TT-BCT ngày 09 tháng 12 năm 2009 quy định điều kiện hoạt động với tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn. 2. Có phòng thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005. 3. Trong mỗi lĩnh vực chuyên ngành, có ít nhất 02 kiểm định viên có trình độ chuyên môn phù hợp hoạt động kiểm định sản phẩm, hàng hóa tương ứng và có kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên.

	4. Có đủ các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn cần thiết và quy trình thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. 5. Tổ chức kiểm định có chứng chỉ công nhận do tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận hợp pháp nước ngoài là thành viên của Hiệp hội Công nhận Thái Bình Dương (PAC) và Diễn đàn Công nhận quốc tế (IAF) cấp, được ưu tiên xem xét, chỉ định. **Điều 14. Điều kiện đối với tổ chức chứng nhận được chỉ định** Tổ chức chứng nhận được chỉ định phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 1. Đã đăng ký lĩnh vực hoạt động chứng nhận tại Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định. 2. Hệ thống quản lý và năng lực hoạt động của tổ chức chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và hướng dẫn quốc tế cho mỗi loại hình tương ứng sau đây: a) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7457:2004 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC Guide 65:1996 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hoá; b) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021:2008 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021:2006 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý; c) Có năng lực đánh giá đáp ứng quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 19011:2003 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 19011:2002. 3. Có ít nhất 05 chuyên gia đánh giá thuộc biên chế chính thức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn) của tổ chức, có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên và chuyên môn phù hợp với hoạt động về chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường tương ứng và có kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên. 4. Có đủ các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/Quyết định
71. Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề	**Thông tư 15/2011/TT-BLDTBXH** **Điều 4. Trung tâm Đánh giá kỹ năng** 1. Cơ sở dạy nghề; cơ sở giáo dục và đào tạo; cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, công nghệ hoặc doanh nghiệp được Tổng cục Dạy nghề cấp Giấy chứng nhận Trung tâm Đánh giá kỹ năng khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có cơ sở vật chất cần thiết phục vụ cho việc thực hiện đánh giá kỹ năng nghề, bao gồm: phòng thi lý thuyết và phòng thi thực hành hoặc nhà xưởng có đủ phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ đáp ứng được yêu cầu quy định của đề thi theo từng bậc trình độ kỹ năng của từng nghề để cho người dự thi thực hiện thi lý thuyết và thi thực hành trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia; b) Có đội ngũ chuyên gia được cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng, ít nhất là 01 người đối với mỗi bậc trình độ kỹ năng của mỗi nghề được tổ chức thực hiện đánh giá kỹ năng nghề của người lao động; c) Có nguồn lực tài chính để đảm bảo cung cấp và đáp ứng đầy đủ vật tư, vật liệu cần thiết tương ứng với số lượng người dự thi tại Trung tâm của mỗi kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia; d) Có khả năng cung cấp cho người dự thi dịch vụ thuê, mượn trang bị bảo hộ lao động bắt buộc phải có hoặc các dụng cụ cầm tay được phép mang theo trong khi thi hoặc hướng dẫn người dự thi làm quen việc trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên máy tính trước khi thi phù hợp với yêu cầu đề thi của từng nghề được phép tổ chức đánh giá; đ) Có trang thông tin điện tử riêng và có khả năng kết nối mạng thông tin quản lý với bộ phận quản lý đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia tại Tổng cục Dạy nghề.
72. Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng chương trình liên kết đào tạo nghề với cơ sở dạy nghề nước ngoài và cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại	**Thông tư 23/2013/TT-BLDTBXH** **Điều 6. Về kiểm định chất lượng dạy nghề** 1. Trong quá trình hoạt động, cơ sở dạy nghề thực hiện liên kết đào tạo với cơ sở dạy nghề nước ngoài và cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm: a) Tự chịu trách nhiệm về chất lượng dạy nghề, định kỳ triển khai hoạt động tự đánh giá, đảm bảo chất lượng và nâng cao chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam hoặc của nước ngoài. Thực hiện tự đánh giá theo quy định của nước ngoài hoặc thực hiện tự kiểm định chất lượng định kỳ theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã

Việt Nam	hội Quy định về quy trình kiểm định chất lượng dạy nghề; b) Đối với cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài phải thực hiện đăng ký kiểm định chất lượng dạy nghề chậm nhất là sau 03 năm kể từ khi được cấp giấy phép hoạt động dạy nghề đối với trường cao đẳng nghề và chậm nhất là sau 02 năm kể từ khi được cấp phép hoạt động dạy nghề đối với trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề; c) Các chương trình đào tạo của cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài và các chương trình liên kết đào tạo với cơ sở dạy nghề nước ngoài để cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài phải được kiểm định trước khi tổ chức đào tạo tại Việt Nam; d) Chu kỳ thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình kiểm định chất lượng dạy nghề. 2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm định chất lượng chương trình liên kết đào tạo nghề và cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: a) Cơ quan, tổ chức của Việt Nam có thẩm quyền kiểm định chất lượng chương trình liên kết đào tạo nghề và cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; b) Cơ quan, tổ chức của nước ngoài có thẩm quyền kiểm định chất lượng chương trình liên kết đào tạo nghề và cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận. Quy trình công nhận như sau: - Tổ chức kiểm định chất lượng dạy nghề của nước ngoài gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị công nhận cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng chương trình liên kết đào tạo nghề hoặc cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là hồ sơ) tới Tổng cục Dạy nghề. Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị công nhận tổ chức kiểm định chất lượng dạy nghề của nước ngoài có thẩm quyền kiểm định chất lượng chương trình liên kết đào tạo nghề hoặc cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng dạy nghề của nước ngoài hoặc các tài liệu tương đương khác; Bản sao có chứng thực Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức kiểm định chất lượng dạy nghề của nước ngoài; Bản tóm tắt quá trình hoạt động; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Dạy nghề kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Tổng cục Dạy nghề thông báo bằng văn bản tới tổ chức kiểm định chất lượng dạy nghề của nước ngoài để hoàn thiện hồ sơ; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Dạy nghề tổ chức xem xét hồ sơ và trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận hoặc không công nhận cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng dạy nghề nước ngoài có thẩm quyền kiểm

	định chất lượng chương trình liên kết đào tạo nghề và cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 3. Tiêu chí, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng dạy nghề đối với kiểm định chất lượng chương trình liên kết đào tạo nghề và cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện như sau: a) Đối với kiểm định cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tiêu chí, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng dạy nghề thực hiện theo quy định tại Quyết định số 01/2008/QĐ-BLĐTBXHngày 17 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp nghề; Quyết định số 02/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng nghề; Thông tư số19/2010/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trung tâm dạy nghề; Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề; b) Đối với kiểm định chương trình liên kết đào tạo nghề, chương trình đào tạo của cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài, trường hợp văn bằng do cơ sở dạy nghề nước ngoài cấp thì tiêu chí, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề tuân theo quy định của quốc gia mà cơ sở dạy nghề nước ngoài đăng ký thành lập hợp pháp và đặt trụ sở chính; trường hợp văn bằng do cơ sở dạy nghề Việt Nam cấp thì tiêu chí, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề do pháp luật Việt Nam quy định.
73. Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	**Thông tư 06/2014/TT-BLDTBXH** **Điều 5. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động** Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 1. Là đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng hoặc có đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động. 2. Cơ sở vật chất, kỹ thuật: a) Có đủ thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định các đối tượng thuộc phạm vi kiểm định theo yêu cầu tại quy trình kiểm định. Thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định theo từng nhóm đối tượng kiểm định tối thiểu phải đáp ứng quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này. Các thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định phải được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật trong thời hạn sử dụng; b) Có thiết bị để nhập, lưu trữ và truyền dữ liệu điện tử về kết quả kiểm

	định đến Cơ quan đầu mối; c) Có đủ các quy trình kiểm định, quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định. 3. Kiểm định viên: Đối với mỗi đối tượng thuộc phạm vi kiểm định phải có ít nhất 02 (hai) kiểm định viên thuộc biên chế chính thức của tổ chức (là viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng không xác định thời hạn). 4. Hệ thống tổ chức, quản lý hoạt động kiểm định a) Tổ chức phải có người phụ trách chung về kỹ thuật. Trường hợp tổ chức có các phòng, ban được phân chia theo phạm vi hoạt động khác nhau thì mỗi phòng, ban phải có một người phụ trách chung về kỹ thuật; Người phụ trách chung về kỹ thuật phải là kiểm định viên, đồng thời phải có tối thiểu 05 (năm) năm công tác trong lĩnh vực kỹ thuật liên quan đến đối tượng thuộc phạm vi kiểm định (bao gồm: thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, sử dụng, vận hành hay bảo trì) hoặc đã trực tiếp làm công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tối thiểu 03 (ba) năm (không bao gồm thời gian thử việc và làm kỹ thuật viên kiểm định). b) Tổ chức phải có quy trình, quy chế giám sát chất lượng đối với hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, đáp ứng các yêu cầu sau: Đảm bảo hoạt động kiểm định trong phạm vi theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được cấp; tiến hành kiểm định theo đúng quy trình và thực hiện báo cáo kết quả kiểm định theo quy định; phòng ngừa việc giả mạo hồ sơ, tài liệu khi thực hiện kiểm định; ngăn chặn các hành vi gian lận trong hoạt động kiểm định; đảm bảo điều kiện về độc lập, khách quan trong hoạt động kiểm định (không kiểm định các đối tượng do chính Tổ chức trực tiếp sử dụng, kinh doanh). c) Trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, Tổ chức phải thiết lập, duy trì hệ thống quản lý chất lượng công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 hoặc TCVN ISO/IEC 17020:2001.
74. Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động	**Thông tư 27/2013/TT-BLDTBXH** **Điều 13. Điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên** 1. Tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện được cấp Chứng nhận huấn luyện cho người tham gia khóa huấn luyện nếu có: a) Trụ sở hợp pháp hoặc hợp đồng thuê, liên kết với cơ sở để có trụ sở hợp pháp còn thời hạn ít nhất 5 năm kể từ ngày nộp đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện; b) Số lượng phòng học lý thuyết phù hợp với quy mô huấn luyện; mỗi phòng có diện tích từ 30m^2 trở lên và bảo đảm diện tích bình quân ít nhất

	là 1,3 m^2/01 học viên; c) Chương trình, giáo trình huấn luyện được xây dựng theo chương trình khung huấn luyện được quy định tại Phụ lục III Thông tư này; d) Ít nhất 05 giảng viên cơ hữu huấn luyện kiến thức chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động. 2. Tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện được cấp Chứng chỉ huấn luyện cho người tham gia khóa huấn luyện nếu có: a) Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện theo quy định tại khoản 1 Điều này; b) Thủ trưởng và những người phụ trách các công việc kế toán, đào tạo. Thủ trưởng và người phụ trách huấn luyện phải có trình độ đại học trở lên; c) Đủ điều kiện huấn luyện chuyên ngành và thực hành, bao gồm: - Có số lượng máy, thiết bị, hóa chất, phòng, xưởng, khu thực hành để thực hành theo Chương trình khung huấn luyện được ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có hợp đồng thuê, liên kết hợp pháp với cơ sở để có máy, thiết bị, hóa chất, phòng, xưởng, khu thực hành tương ứng với quy mô, đối tượng huấn luyện và còn thời hạn ít nhất 5 năm kể từ ngày nộp đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện; trong đó diện tích phòng, xưởng thực hành ít nhất là 40 m^2 trở lên và bảo đảm diện tích ít nhất là 1,5 m^2/01 học viên; - Có chương trình, giáo trình huấn luyện chuyên ngành được xây dựng theo Chương trình khung huấn luyện do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành; - Có đủ số lượng giảng viên huấn luyện chuyên ngành về lý thuyết và thực hành tương ứng với quy mô huấn luyện; trong đó có ít nhất 5 giảng viên cơ hữu huấn luyện chuyên ngành, thực hành.
77. Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện	**Thông tư 43/2011/TTLT-BLDTBXH-BYT** **Điều 3. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động cho cơ sở cai nghiện thực hiện điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe** 1. Cơ sở vật chất phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số147/2003/NĐ-CP và các điều kiện cụ thể sau: a) Đối với phòng chuyên môn thực hiện việc điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe: Để được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, ngoài việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (sau đây gọi tắt là Thông tư số 41/2011/TT-BYT) phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

	- Khu vực thực hiện cắt cơn, giải độc, cấp cứu có diện tích sử dụng tối thiểu 5m^2/người cai nghiện; - Khu vực theo dõi sau cắt cơn, phục hồi sức khỏe: Diện tích sử dụng tối thiểu 5m^2/người cai nghiện; có các tiện nghi sinh hoạt thông thường (nhà vệ sinh chung; giường, chiếu, chăn, màn riêng cho mỗi người) để có thể bảo đảm thời gian lưu người cai nghiện ma túy tối thiểu là 20 ngày, kể từ ngày bắt đầu cắt cơn, giải độc; - Có đủ thiết bị y tế theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 41/2011/TT-BYT và các thiết bị theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này; - Có đủ thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc, thuốc cấp cứu và các loại thuốc cần thiết khác theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này. b) Về biện pháp, phương tiện bảo đảm an ninh trật tự, an toàn tính mạng cho cán bộ, nhân viên và người cai nghiện: Đáp ứng các quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐTBXH-BCAngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an hướng dẫn công tác phối hợp bảo đảm an ninh trật tự và trang bị, quản lý sử dụng công cụ hỗ trợ cho Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐTBXH-BCA); c) Về hệ thống điện, hệ thống nước, thiết bị phòng cháy, chữa cháy hệ thống xử lý nước thải, chất thải: Đáp ứng các quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về quản lý và bảo vệ môi trường trong các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 35/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTNMT). 2. Về nhân sự phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP cụ thể như sau: a) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện phải có giấy chứng nhận đã qua tập huấn về công tác quản lý cai nghiện ma túy do cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc cơ quan Y tế cấp tỉnh trở lên cấp; b) Người phụ trách chuyên môn và người trực tiếp thực hiện cai nghiện, phục hồi sức khỏe phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 41/2011/TT-BYT và các điều kiện sau: - Có giấy chứng nhận đã qua tập huấn phương pháp điều trị cai nghiện ma túy do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp; - Là người làm việc toàn thời gian tại cơ sở cai nghiện. c) Các nhân viên khác làm việc tại cơ sở cai nghiện phải có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận trình độ chuyên môn với chuyên ngành phù hợp nhiệm vụ được giao và quy mô hoạt động của cơ sở cai nghiện. **Điều 4. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động cho cơ sở cai nghiện thực hiện giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, hướng**

	nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng chống tái nghiện 1. Cơ sở vật chất phải đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP và các điều kiện cụ thể sau: a) Có khu ăn, nghỉ, sinh hoạt của người đến cai nghiện: Diện tích nhà ở tối thiểu là 5m^2/người cai nghiện; có các tiện nghi sinh hoạt thông thường (tối đa 10 người trên một nhà vệ sinh; có giường, chiếu, chăn, màn riêng cho mỗi người) bảo đảm điều kiện ăn, ở, sinh hoạt cho người cai nghiện hợp vệ sinh, trong thời gian cai nghiện. b) Có khu vực và trang thiết bị phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục, học văn hóa, chính trị pháp luật; vui chơi giải trí, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ; có đầy đủ tài liệu giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách cho người nghiện ma túy theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGD&ĐT-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy. c) Cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức lao động trị liệu, hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng, phòng chống tái nghiện: - Có xưởng dạy nghề hoặc phòng học nghề có trang thiết bị phù hợp với chương trình, giáo trình mục tiêu, nội dung từng nghề được tổ chức tại cơ sở; - Diện tích đất cho hoạt động lao động trị liệu và lao động sản xuất phải bảo đảm phù hợp cho từng loại nghề được tổ chức tại cơ sở; - Việc tổ chức lao động trị liệu phải có kế hoạch phân công phù hợp với độ tuổi, sức khỏe, giới tính của người nghiện ma túy; tùy từng nghề cụ thể mà bố trí làm việc từ nhẹ đến nặng, từ công việc giản đơn đến phức tạp. d) Khu vui chơi giải trí, văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao: - Có phòng tập thể dục, luyện tập dưỡng sinh, hình thể, sân chơi thể thao để phục hồi sức khỏe; - Có thiết bị luyện tập phục hồi chức năng cần thiết. đ) Có biện pháp, phương tiện bảo đảm an ninh trật tự, an toàn tính mạng cho cán bộ, nhân viên và người cai nghiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐTBXH-BCA. e) Có hệ thống điện, hệ thống nước, thiết bị phòng cháy, chữa cháy hệ thống xử lý nước thải, chất thải hoạt động ổn định theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 35/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTNMT. 2. Về nhân sự phải đáp ứng các quy định tại Điểm 2 Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CPvà các điều kiện cụ thể như sau: a) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện hoặc người phụ trách cai nghiện,

	phục hồi phải có: - Giấy xác nhận có thời gian làm công tác cai nghiện, phục hồi từ đủ 12 tháng trở lên do các cơ sở được phép hoạt động cai nghiện ma túy cấp; - Giấy chứng nhận đã qua tập huấn về công tác quản lý cai nghiện ma túy do cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc cơ quan Y tế cấp tỉnh trở lên cấp. b) Các nhân viên khác làm việc tại cơ sở cai nghiện phải có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận trình độ chuyên môn với chuyên ngành phù hợp nhiệm vụ được giao và quy mô hoạt động của cơ sở cai nghiện. **Điều 5. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động cho cơ sở cai nghiện thực hiện toàn bộ quy trình cai nghiện, phục hồi** Cơ sở cai nghiện thực hiện toàn bộ quy trình cai nghiện, phục hồi quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 147/2003/NĐ-CPvà các điều kiện quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này.
78. Kinh doanh dịch vụ chứng nhận và công bố hợp quy	**Thông tư 35/2012/TT-BLĐTBXH** **Điều 6. Điều kiện đối với tổ chức được chỉ định** Tổ chức chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận. 2. Hệ thống quản lý và năng lực hoạt động của tổ chức chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và hướng dẫn quốc tế cho mỗi loại hình tương ứng sau đây: a) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7457:2004 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC Guide 65:1996 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 1 Thông tư này; b)Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021:2008 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021:2006 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) đối với hoạt động chứng nhận hợp quy dịch vụ, quá trình, môi trường quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 1 Thông tư này. 3. Có ít nhất 05 chuyên gia đánh giá thuộc biên chế chính thức của tổ chức (bao gồm: viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn) và đáp ứng các yêu cầu sau: a) Có trình độ tốt nghiệp Đại học trở lên với chuyên ngành phù hợp với sản phẩm, hàng hóa đăng ký chứng nhận; b) Có kinh nghiệm liên quan trực tiếp đến sản phẩm, hàng hóa đánh giá từ 05 năm liên tục trở lên;

	c) Có năng lực đánh giá đáp ứng quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 19011:2003 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 19011:2002 - Hướng dẫn đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và/hoặc hệ thống quản lý môi trường; d) Đã được đào tạo về chứng nhận hệ thống quản lý. 4. Có đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật bao gồm văn phòng, các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn cần thiết và quy trình chứng nhận phù hợp.

LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư
80. Kinh doanh vận tải đường bộ	
Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	**Điều 4. Quy định đối với đơn vị kinh doanh vận tải**
	1. Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với những loại hình kinh doanh yêu cầu phải có giấy phép. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này, Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.
	2. Có và thực hiện đúng phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đã đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này.
	3. Quản lý xe ô tô kinh doanh vận tải
	a) Bảo đảm có số ngày xe tốt tối thiểu bằng 110% số ngày xe vận doanh theo phương án kinh doanh (chỉ áp dụng với vận tải hành khách tuyến cố định và vận tải hành khách bằng xe buýt);
	b) Xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo dưỡng để đảm bảo các phương tiện phải được bảo dưỡng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
	c) Lập Hồ sơ lý lịch phương tiện hoặc phần mềm quản lý phương tiện của đơn vị để theo dõi quá trình hoạt động và bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này;
	d) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2015, không được sử dụng xe khách có giường nằm hai tầng để hoạt động vận tải trên các tuyến đường cấp 5 và cấp 6 miền núi;
	đ) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, khoang chở hành lý của xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch phải được chia thành các ngăn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải để hành lý không bị xê dịch, đảm bảo an toàn của xe trong quá trình vận chuyển.
	Điều 5. Bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông
	Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi phải có bộ phận quản lý, theo dõi các

	điều kiện về an toàn giao thông để thực hiện các nhiệm vụ sau:
	1. Lập và thực hiện kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải của đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục 8a của Thông tư này; thống kê, phân tích tai nạn giao thông, tổ chức rút kinh nghiệm trong đội ngũ lái xe và cán bộ quản lý của đơn vị; cập nhật vào Lý lịch hành nghề lái xe hoặc phần mềm quản lý lái xe của đơn vị.
	2. Xây dựng và thực hiện quy trình bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu tại Phụ lục số 8b của Thông tư này.
	3. Kiểm tra các điều kiện về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trước khi xe tham gia hoạt động; đôn đốc, theo dõi việc thực hiện chế độ kiểm định kỹ thuật và bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện; kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình trạng kỹ thuật phương tiện.
	4. Quản lý, theo dõi các thông tin bắt buộc từ thiết bị giám sát hành trình của phương tiện để kịp thời cảnh báo và ngăn chặn các hành vi vi phạm; sử dụng thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô phục vụ cho hoạt động quản lý của đơn vị và cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền những thông tin bắt buộc của từng xe ô tô khi có yêu cầu; theo dõi, đề xuất sửa chữa, thay thế kịp thời hư hỏng của thiết bị giám sát hành trình; định kỳ lập báo cáo các hành vi vi phạm của đội ngũ lái xe thuộc đơn vị.
	5. Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông; giáo dục đạo đức nghề nghiệp; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
	4. Quản lý lái xe kinh doanh vận tải a) Lập và cập nhật đầy đủ các thông tin về quá trình làm việc của lái xe vào Lý lịch hành nghề lái xe hoặc phần mềm quản lý lái xe của đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này;
	b) Tổ chức khám sức khỏe khi tuyển dụng, khám sức khỏe định kỳ cho lái xe và chỉ sử dụng lái xe có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế; không tuyển dụng, sử dụng lái xe có sử dụng chất ma túy;
	c) Đơn vị kinh doanh vận tải phải sử dụng lái xe đã có ít nhất 03 năm kinh nghiệm điều khiển xe khách có sức chứa từ 30 chỗ trở lên để điều khiển xe khách có giường nằm hai tầng.
	5. Xây dựng hoặc áp dụng tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ a) Đơn vị kinh doanh vận tải phải xây dựng hoặc áp dụng Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ trưởng Giao thông vận tải ban hành. Trường hợp đơn vị tự xây dựng thì phải đối chiếu và công bố tương đương với mức chất lượng quy định trong Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.
	b) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi phải đăng ký chất lượng dịch vụ với Sở Giao thông

	vận tải nơi cấp phù hiệu chạy xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này.
	c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định khi đăng ký tham gia khai thác tuyến còn phải đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này và thông báo đến bến xe hai đầu tuyến trước khi hoạt động vận chuyển.
	6. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động vận tải của đơn vị để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra; thời gian lưu trữ tối thiểu 03 năm.
	Điều 6. Lắp đặt, quản lý, khai thác thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe 1. Thiết bị giám sát hành trình của xe phải được hợp quy, đảm bảo ghi nhận, truyền dẫn đầy đủ, liên tục về máy chủ của đơn vị kinh doanh vận tải chủ quản hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình (trong trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải ủy thác cho đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện thông qua hợp đồng có hiệu lực pháp lý) các thông tin bắt buộc gồm: hành trình, tốc độ vận hành, thời gian lái xe liên tục, thời gian làm việc của lái xe trong ngày. 2. Nghiêm cấm việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi để can thiệp vào quá trình hoạt động của thiết bị hoặc để phá sóng, làm nhiễu tín hiệu hệ thống định vị toàn cầu (GPS), mạng định vị toàn cầu (GSM). 3. Trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải a) Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên các phương tiện của đơn vị theo quy định. b) Duy trì tình trạng kỹ thuật tốt, đảm bảo truyền dẫn và cung cấp đầy đủ, chính xác, liên tục các thông tin bắt buộc theo quy định từ thiết bị giám sát hành trình trong suốt quá trình phương tiện tham gia giao thông. c) Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập vào phần mềm xử lý dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của các xe thuộc đơn vị cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. d) Cập nhật, lưu trữ có hệ thống các thông tin bắt buộc tối thiểu 01 năm. **Điều 7. Quy định về tập huấn nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải** 1. Đối tượng tập huấn: người điều hành vận tải, lái xe kinh doanh vận tải, nhân viên phục vụ trên xe. 2. Nội dung tập huấn: theo tài liệu và chương trình khung do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành.
KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG	**Điều 8. Tiêu chí thiết lập tuyến** 1. Có hệ thống đường bộ được công bố khai thác trên toàn bộ hành trình.

XE Ô TÔ THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH	2. Có bến xe nơi đi, bến xe nơi đến đã được cơ quan có thẩm quyền công bố đưa vào khai thác. **Điều 9. Điểm đón, trả khách** 1. Các tiêu chí của điểm đón, trả khách a) Điểm đón, trả khách chỉ được bố trí tại các vị trí đảm bảo an toàn giao thông, thuận tiện cho hành khách lên, xuống xe. b) Có đủ diện tích để xe dừng đón, trả khách bảo đảm không ảnh hưởng đến các phương tiện lưu thông trên đường. c) Điểm đón, trả khách phải được báo hiệu bằng Biển báo 434a theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ (QCVN 41: 2012/BGTVT) và có biển phụ như sau: "ĐIỂM ĐÓN, TRẢ KHÁCH TUYẾN CỐ ĐỊNH". d) Khoảng cách tối thiểu giữa 02 điểm đón, trả khách liền kề hoặc giữa điểm đón, trả khách với trạm dừng nghỉ hoặc giữa bến xe hai đầu tuyến là 05 kilômét. 2. Tổ chức giao thông tại điểm đón, trả khách a) Điểm đón, trả khách chỉ phục vụ các xe ô tô vận tải hành khách tuyến cố định đón, trả khách; nghiêm cấm sử dụng cho hoạt động khác. b) Tại điểm đón, trả khách chỉ cho phép mỗi xe ô tô vận tải hành khách tuyến cố định được dừng tối đa không quá 03 phút. 3. Xác định, phê duyệt, đầu tư, quản lý, khai thác điểm đón trả khách a) Sở Giao thông vận tải địa phương xác định vị trí điểm đón, trả khách tuyến cố định (đối với đường quốc lộ phải thống nhất với cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền) trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự và vệ sinh môi trường tại khu vực điểm đón, trả khách trên địa bàn địa phương. c) Điểm đón, trả khách được đầu tư, xây dựng theo nguyên tắc sau: đối với các tuyến đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, mở rộng, chủ đầu tư có trách nhiệm đưa vào thành một hạng mục trong dự án đầu tư xây dựng; đối với các tuyến đường bộ hiện đang khai thác, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng theo hình thức xã hội hóa hoặc từ nguồn ngân sách nhà nước. d) Sở Giao thông vận tải ra văn bản thông báo về việc đưa vào khai thác hoặc ngừng khai thác điểm đón, trả khách trên tuyến cố định. **Điều 10. Niêm yết** 1. Niêm yết trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải các thông tin sau: danh sách các tuyến trên địa bàn địa phương theo quy hoạch (sau khi cơ quan có thẩm quyền công bố quy hoạch); danh sách tuyến đang khai thác; tổng số chuyến xe tối đa được phép hoạt động vận chuyển trên từng tuyến trong một đơn vị thời gian và tổng số chuyến xe

	đã đăng ký hoạt động; danh sách các đơn vị vận tải hiện đang hoạt động vận chuyển trên tuyến; số điện thoại đường dây nóng của Sở Giao thông vận tải. 2. Niêm yết tại bến xe các thông tin sau: danh sách các tuyến, lịch xe xuất bến của các chuyến xe đang hoạt động tại bến; danh sách các đơn vị vận tải kinh doanh khai thác trên từng tuyến; số điện thoại đường dây nóng của đơn vị kinh doanh vận tải, Sở Giao thông vận tải địa phương. 3. Niêm yết tại quầy bán vé các thông tin sau: tên đơn vị kinh doanh vận tải, tên tuyến, giá vé, lịch xe xuất bến của từng chuyến xe, dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình, khối lượng hành lý miễn cước. 4. Niêm yết trên xe a) Niêm yết ở phía trên kính trước: điểm đầu, điểm cuối của tuyến. b) Niêm yết ở mặt ngoài hai bên thân xe hoặc hai bên cánh cửa xe: tên và số điện thoại của đơn vị kinh doanh vận tải. c) Niêm yết ở trong xe: biển số xe, giá vé, hành trình chạy xe, dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình, khối lượng hành lý miễn cước, số điện thoại đường dây nóng của đơn vị kinh doanh vận tải, Sở Giao thông vận tải nơi cấp phù hiệu. Ở vị trí lái xe dễ nhận biết khi điều khiển phương tiện, niêm yết khẩu hiệu : "Tính mạng con người là trên hết" theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 của Thông tư này. 5. Trách nhiệm niêm yết: Sở Giao thông vận tải thực hiện niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều này; bến xe thực hiện niêm yết tại bến xe và niêm yết tại quầy bán vé của tuyến do bến xe nhận ủy thác bán vé theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này; đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện niêm yết trên xe và niêm yết tại quầy bán vé do đơn vị tự bán vé theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. 6. Niêm yết thông tin tại quầy bán vé và trên xe có thể bằng nhiều hình thức. Khuyến khích các đơn vị vận tải, bến xe thực hiện niêm yết bằng thiết bị điện tử. Doanh nghiệp, hợp tác xã phải cung cấp cho bến xe liên quan các thông tin quy định phải niêm yết tại bến xe. **Điều 11. Quy định đối với xe vận tải hành khách theo tuyến cố định** 1. Niêm yết theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Thông tư này. 2. Số lượng, chất lượng, cách bố trí ghế ngồi, giường nằm trong xe phải đảm bảo đúng theo thiết kế của xe và được đánh số thứ tự lớn dần từ phía trước đến phía sau xe. 3. Trên xe phải trang bị dụng cụ thoát hiểm, bình chữa cháy còn sử dụng được và còn hạn theo quy định. 4. Có phù hiệu "XE CHẠY TUYẾN CỐ ĐỊNH" theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 của Thông tư này. 5. Trong cùng một thời điểm, mỗi xe chỉ được đăng ký và khai thác tối đa 02 tuyến vận tải hành khách cố định, các tuyến này được phép nối tiếp nhau (có bến đến là bến đi của tuyến tiếp theo).

	6. Xe ô tô phải có mặt tại bến xe trước giờ xe xuất bến tối thiểu 10 phút để thực hiện công tác kiểm tra an toàn kỹ thuật và các tác nghiệp khác tại bến xe theo quy trình bảo đảm an toàn giao thông quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này. **Điều 12. Quy định sử dụng xe trung chuyển hành khách** 1. Phải niêm yết ở mặt ngoài hai bên thân xe hoặc hai bên cánh cửa xe: tên và số điện thoại của doanh nghiệp, hợp tác xã. 2. Có phù hiệu "XE TRUNG CHUYỂN" theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 của Thông tư này. 3. Có sức chứa từ 16 chỗ ngồi trở xuống (kể cả người lái) và phải thuộc quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã. 4. Trên xe phải trang bị dụng cụ thoát hiểm, bình chữa cháy còn sử dụng được và còn hạn theo quy định. 5. Xe trung chuyển hành khách chỉ được sử dụng để vận chuyển hành khách (đi trên các tuyến cố định của đơn vị) đến bến xe, điểm đón, trả khách trên tuyến hoặc ngược lại và hành khách không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác ngoài giá vé trên tuyến cố định theo quy định. 6. Xe có phù hiệu "XE TRUNG CHUYỂN" không được tham gia hoạt động kinh doanh vận tải thu tiền trực tiếp và không được tính vào số lượng xe có của đơn vị theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh bằng xe ô tô.
KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT	**Điều 26. Quy định đối với xe buýt** 1. Xe phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô khách thành phố; số lượng và cách bố trí ghế ngồi, chỗ đứng trong xe phải đảm bảo đúng theo thiết kế của xe. 2. Trên xe có trang bị dụng cụ thoát hiểm, bình chữa cháy còn sử dụng được và còn hạn theo quy định. 3. Có phù hiệu "XE BUÝT" theo mẫu quy định tại Phụ lục 18 của Thông tư này. 4. Niêm yết: a) Niêm yết bên ngoài xe: Phía trên kính trước và sau xe: số hiệu tuyến, điểm đầu, điểm cuối của tuyến; Bên phải thành xe: số hiệu tuyến; giá vé và số điện thoại của doanh nghiệp, hợp tác xã. b) Niêm yết bên trong xe: biển số xe, số hiệu tuyến; sơ đồ vị trí điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng dọc tuyến; giá vé; số điện thoại đường dây nóng của đơn vị vận tải và Sở Giao thông vận tải địa phương; trách nhiệm

	của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và hành khách. Niêm yết ở vị trí lái xe dễ nhận biết khi điều khiển phương tiện khẩu hiệu: "Tính mạng con người là trên hết" theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 Thông tư này. c) Niêm yết thông tin trên xe có thể bằng nhiều hình thức, khuyến khích các đơn vị vận tải thực hiện niêm yết bằng thiết bị điện tử. **Điều 27. Đăng ký mầu sơn đặc trưng** 1. Trước khi đưa xe vào khai thác, doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện đăng ký mầu sơn đặc trưng. Giấy đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 của Thông tư này. 2. Giấy đăng ký gửi đến Sở Giao thông vận tải có tuyến xe buýt nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh. Sở Giao thông vận tải xác nhận và thông báo công khai màu sơn đặc trưng của đơn vị đã đăng ký trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải. 3. Đối với các tỉnh, thành phố có quy định màu sơn riêng cho xe buýt thì đơn vị vận tải phải thực hiện mầu sơn theo quy định của tỉnh, thành phố. **Điều 28. Điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt** 1. Điểm đầu, điểm cuối của tuyến xe buýt a) Có đủ diện tích cho xe buýt quay trở đầu xe, đỗ xe đảm bảo an toàn giao thông. b) Có bảng thông tin các nội dung: tên tuyến; số hiệu tuyến; hành trình; tần suất chạy xe; thời gian hoạt động trong ngày của tuyến; số điện thoại của cơ quan quản lý tuyến và doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khai thác tuyến; trách nhiệm của hành khách, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe. c) Có nhà chờ cho hành khách. 2. Điểm dừng xe buýt a) Khu vực xe buýt dừng đón, trả khách được báo hiệu bằng biển báo và vạch sơn kẻ đường theo quy định; trên biển báo hiệu phải ghi số hiệu tuyến, tên tuyến (điểm đầu - điểm cuối). b) Tại các điểm dừng xe buýt trong đô thị nếu có bề rộng hè đường từ 05 mét trở lên và ngoài đô thị nếu có bề rộng lề đường từ 2,5 mét trở lên phải xây dựng nhà chờ xe buýt. c) Sở Giao thông vận tải quy định mẫu điểm dừng xe buýt trong phạm vi địa phương mình. 3. Tại các bến xe khách, nhà ga đường sắt, cảng hàng không, cảng, bến thủy nội địa, cảng biển phải bố trí điểm đón, trả khách cho xe buýt để kết nối với các phương thức vận tải khác. 4. Nhà chờ xe buýt a) Sở Giao thông vận tải quy định mẫu nhà chờ xe buýt trong phạm vi địa phương mình. b) Tại nhà chờ xe buýt phải niêm yết các thông tin: số hiệu tuyến, tên tuyến, hành trình, tần suất chạy xe, thời gian hoạt động trong ngày của

	tuyến, số điện thoại cơ quan quản lý tuyến, bản đồ hoặc sơ đồ mạng lưới tuyến. 5. Điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt phải được xây dựng đảm bảo thuận tiện cho người khuyết tật tiếp c) Biểu đồ chạy xe, thời gian hoạt động của tuyến (không dưới 12 giờ trong một ngày). d) Nhãn hiệu, sức chứa của xe hoạt động trên tuyến. đ) Giá vé.
KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE TAXI	**Điều 37. Quy định đối với xe taxi** 1. Niêm yết a) Hai bên cánh cửa xe: tên, số điện thoại và biểu trưng (logo) của doanh nghiệp, hợp tác xã. b) Trong xe: bảng giá cước tính tiền theo kilômét, giá cước tính tiền cho thời gian chờ đợi và các chi phí khác (nếu có) mà hành khách phải trả. Niêm yết ở vị trí lái xe dễ nhận biết khi điều khiển phương tiện khẩu hiệu: "Tính mạng con người là trên hết" theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 Thông tư này. 2. Trên xe có trang bị bình chữa cháy còn sử dụng được và còn hạn theo quy định. 3. Phù hiệu và hộp đèn của xe taxi a) Có phù hiệu xe taxi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định riêng đối với các đơn vị thuộc địa phương quản lý hoặc theo mẫu phù hiệu "XE TAXI" quy định tại Phụ lục 20 của Thông tư này. Phù hiệu riêng phải có tem chống giả và kích thước thống nhất theo mẫu quy định tại Phụ lục 20. Địa phương tự in ấn, phát hành và thông báo mẫu phù hiệu riêng về Tổng cục Đường bộ Việt Nam trước khi thực hiện. b) Có hộp đèn với chữ "TAXI" gắn trên nóc xe, hộp đèn phải được bật sáng khi xe không có khách và tắt khi trên xe có khách. 4. Có đồng hồ tính tiền cước đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm định và kẹp chì. Từ 01 tháng 7 năm 2016, xe phải có thiết bị in hóa đơn kết nối với đồng hồ tính tiền cước. **Điều 38. Đăng ký biểu trưng** 1. Trước khi đưa xe vào khai thác, doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện việc đăng ký biểu trưng (logo) và số điện thoại giao dịch trên phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã. Giấy Đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 của Thông tư này. 2. Hồ sơ đăng ký gửi đến Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh. Sở Giao thông vận tải xác nhận biểu trưng (logo) của đơn vị nếu không trùng với biểu trưng (logo) đã đăng ký của doanh nghiệp, hợp tác xã khác và có trách nhiệm thông báo công khai biểu trưng (logo) của doanh nghiệp, hợp tác xã trên Trang

	thông tin điện tử của Sở. **Điều 39. Hồ sơ lắp đặt thiết bị thông tin liên lạc** Trước khi đưa xe vào khai thác, doanh nghiệp, hợp tác xã phải có trung tâm điều hành, đăng ký tần số liên lạc và có thiết bị liên lạc giữa trung tâm và các xe. Hồ sơ lắp đặt thiết bị thông tin liên lạc được gửi đến Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh để theo dõi, quản lý. **Điều 40. Điểm đón, trả khách, điểm đỗ xe taxi** 1. Xe taxi được đón, trả khách tại các vị trí không cấm dừng, đỗ. 2. Tùy theo tình hình thực tế, Sở Giao thông vận tải các địa phương kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép xây dựng các điểm đón, trả khách cho xe taxi tại các đầu mối giao thông, khu dân cư, các địa điểm văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, nghỉ dưỡng, chữa bệnh và trên các tuyến đường trong khu vực nội thành, nội thị. 3. Các điểm đón, trả khách cho xe taxi phải đảm bảo an toàn giao thông và được báo hiệu bằng biển báo, vạch sơn kẻ đường theo quy định. 4. Điểm đỗ xe taxi a) Điểm đỗ xe taxi gồm 02 loại: điểm đỗ xe taxi do doanh nghiệp, hợp tác xã tổ chức và quản lý; điểm đỗ xe taxi công cộng do cơ quan quản lý nhà nước của địa phương tổ chức và quản lý. b) Yêu cầu đối với điểm đỗ xe taxi: đảm bảo trật tự, an toàn và không gây ùn tắc giao thông; đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường. 5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và công bố quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi, điều tiết số lượng xe taxi và tổ chức điểm đỗ xe taxi công cộng phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải và đặc thù của địa phương. **Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã** 1. Đăng ký mẫu thẻ tên và đồng phục của lái xe với Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh. Cấp đồng phục và thẻ tên cho lái xe; thẻ tên phải được dán ảnh, ghi rõ họ tên, đơn vị quản lý. 2. Chịu trách nhiệm khi lái xe, nhân viên phục vụ trên xe chở quá trọng tải hoặc quá số người theo quy định.
KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THEO HỢP ĐỒNG	**Điều 44. Quy định đối với xe ô tô vận tải hành khách theo hợp đồng** 1. Niêm yết: tên và số điện thoại của đơn vị kinh doanh vận tải ở phần đầu mặt ngoài hai bên thân xe hoặc hai bên cánh cửa xe. Niêm yết ở vị trí lái xe dễ nhận biết khi điều khiển phương tiện khẩu hiệu: "Tính mạng con người là trên hết" theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 Thông tư này.

	2. Số lượng, chất lượng, cách bố trí ghế ngồi trong xe phải đảm bảo đúng theo thiết kế của xe. 3. Trên xe có trang bị dụng cụ thoát hiểm, bình chữa cháy còn sử dụng được và còn hạn theo quy định. 4. Có phù hiệu "XE HỢP ĐỒNG" theo mẫu quy định tại Phụ lục 21 của Thông tư này.
KINH DOANH VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH BẰNG XE Ô TÔ	**Điều 46. Quy định đối với xe ô tô vận tải khách du lịch** 1. Niêm yết: tên và số điện thoại của đơn vị kinh doanh vận tải ở phần đầu mặt ngoài hai bên thân xe hoặc hai bên cánh cửa xe. Niêm yết ở vị trí lái xe dễ nhận biết khi điều khiển phương tiện khẩu hiệu: "Tính mạng con người là trên hết" theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 của Thông tư này. 2. Số lượng, chất lượng, cách bố trí ghế ngồi trong xe phải đảm bảo đúng theo thiết kế của xe. 3. Trên xe có trang bị dụng cụ thoát hiểm, bình chữa cháy còn sử dụng được và còn hạn theo quy định. 4. Có biển hiệu "XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH" theo quy định.
80b. Hoạt động vận tải đường bộ Việt Nam – Lào	**Thông tư 38/2011/TT-BGTVT**
	Điều 6. Điều kiện cấp Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế
	1. Đối tượng được cấp Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế là các doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ôtô (đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách và kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ) hoặc có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận tải bằng xe ôtô (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa khác);
	2. Có kinh nghiệm 03 (ba) năm trở lên trong hoạt động vận tải trong nước; không bị tuyên bố phá sản hoặc đang trong tình trạng tuyên bố phá sản;
	3. Có đủ số lượng phương tiện để thực hiện phương án kinh doanh.
80d. Hoạt động vận tải đường bộ Việt Nam – Campuchia	**Thông tư 10/2006/TT-BGTVT**

	Khoản 2 mục 3. Điều kiện cấp giấy phép:
	"a) Là doanh nghiệp, hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp) được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;". (được sửa đổi bởi khoản 1 điều 2 Thông tư 24/2011/TT-BGTVT)
	b) Độ tin cậy của doanh nghiệp:
	- Doanh nghiệp không vi phạm các quy định về hợp đồng kinh tế và các quy định khác của pháp luật Việt Nam;
	- Doanh nghiệp không bị tuyên bố phá sản hoặc đang trong tình trạng tuyên bố phá sản.
	c) Trình độ chuyên môn: người phụ trách kinh doanh vận tải của doanh nghiệp phải có bằng đại học chuyên ngành vận tải đường bộ.
80đ. Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia	**Thông tư 10/2006/TT-BGTVT**
	Khoản 2 mục 4 **2. Điều kiện đối với phương tiện được cấp giấy phép**
	a) Phương tiện vận chuyển khách theo tuyến cố định, vận chuyển khách theo hợp đồng (kể cả vận chuyển khách du lịch): có từ 10 chỗ ngồi trở lên (kể cả người lái);
	b) Phương tiện vận chuyển khách bằng taxi: có 5 chỗ ngồi (kể cả người lái);
	c) Phương tiện vận chuyển hàng: xe tải, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc đi theo xe tải, đầu kéo nối ghép với rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được tính là một xe.
	d) Theo thoả thuận với phía Campuchia về số lượng giấy phép, cơ quan cấp phép căn cứ các tiêu chí và điều kiện để lựa chọn doanh nghiệp và phương tiện cấp phép.
80e. Hoạt động vận tải đường bộ Việt Nam – Trung Quốc	**Thông tư 23/2012/TT-BGTVT**
	Điều 4. Phạm vi hoạt động của phương tiện 1. Đối với vận tải hành khách định kỳ (theo tuyến cố định): Phương tiện khởi hành từ bến xe đầu tuyến; đi theo hành trình, dừng nghỉ tại các trạm dừng nghỉ theo quy định và kết thúc tại bến xe cuối tuyến. 2. Đối với vận tải hàng hóa, vận tải hành khách không định kỳ (theo hợp đồng và vận tải khách du lịch): Không giới hạn địa điểm khởi hành tại

	Việt Nam. Phương tiện được hoạt động từ các tỉnh, thành phố của Việt Nam đi qua các cặp cửa khẩu đã được Chính phủ hai nước cho phép đến các điểm trong phạm vi quy định trên lãnh thổ của Trung Quốc. Phương tiện được dừng nghỉ tại các trạm dừng nghỉ, bãi đỗ xe, bến xe dọc hành trình do hai nước công bố.
	Điều 7. Điều kiện cấp giấy phép vận tải
	1. Phương tiện được cấp giấy phép vận tải thuộc quyền sử dụng của các doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ việc kinh doanh vận tải hành khách và kinh doanh vận tải hàng hóa trên đường bộ (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp, hợp tác xã).
	2. Xe công vụ được cấp giấy phép vận tải là xe phục vụ các cơ quan Nhà nước, các cơ quan của Đảng, đoàn thể và tổ chức chính trị xã hội các cấp đi công tác.
	3. Các phương tiện vận tải như xe cứu hoả, cứu hộ, cứu nạn và cứu trợ nhân đạo đi làm nhiệm vụ khẩn cấp được miễn cấp giấy phép vận tải.
	4. Doanh nghiệp, hợp tác xã phải hướng dẫn người lái xe nắm được các điều kiện giao thông, bến bãi, điểm dừng nghỉ, hệ thống biển báo trên hành trình ở Trung Quốc; cung cấp cho lái xe và nhân viên phục vụ danh sách hành khách của chuyến đi để xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. Mẫu Danh sách hành khách tuyến cố định và hợp đồng theo quy định tại Phụ lục IVb và IVc của Thông tư này.
	5. Số lượng phương tiện vận tải hoạt động trên các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước do cơ quan có thẩm quyền của hai nước thống nhất. Trong trường hợp có nhiều phương tiện đủ điều kiện được cấp giấy phép vận tải nhưng hạn mức theo quy định không đủ để cấp cho tất cả các phương tiện đã nộp hồ sơ, cơ quan cấp phép ưu tiên phương tiện vận tải hành khách định kỳ, vận tải hành khách theo hợp đồng và vận chuyển khách du lịch, đồng thời căn cứ vào thời gian nộp hồ sơ hợp lệ để cấp phép cho phương tiện theo nguyên tắc cấp cho phương tiện có hồ sơ nộp sớm hơn.
81. Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bão dưỡng xe ô-tô	**Thông tư 19/2012/BGTVT** **Điều 3. Quy định về bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô của cơ sở sản xuất, thương nhân nhập khẩu** 1. Cơ sở sản xuất, thương nhân nhập khẩu phải công bố tài liệu về chế độ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô cho người mua, trong đó ghi rõ chế độ bảo hành, bảo dưỡng cho từng loại xe ô tô bán ra thị trường; 2. Địa điểm bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô phải bố trí tại các tỉnh, thành phố, nơi cơ sở sản xuất, thương nhân nhập khẩu kinh doanh xe ô tô; 3. Cơ sở sản xuất, thương nhân nhập khẩu có thể thuê các cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô đáp ứng yêu cầu quy định để thực hiện dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô; 4. Nội dung bảo hành, bảo dưỡng và chu kỳ bảo dưỡng xe ô tô thực hiện

	theo quy định của nhà sản xuất xe ô tô; 5. Trường hợp phát hiện xe ô tô nhập khẩu có lỗi kỹ thuật trong quá trình thiết kế chế tạo hoặc vi phạm các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành bắt buộc áp dụng cho đối tượng sản phẩm đó thì thương nhân nhập khẩu phải thực hiện việc triệu hồi sản phẩm bị lỗi kỹ thuật theo quy định tại Chương III của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới. **Điều 4. Tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu đối với cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô của cơ sở sản xuất, thương nhân nhập khẩu** Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô của cơ sở sản xuất, thương nhân nhập khẩu phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này. Phụ lục 1 2. Quy định về mặt bằng 2.1. Mặt bằng cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô bao gồm: mặt bằng tổng khu vực và mặt bằng nhà xưởng. 2.1.1. Mặt bằng tổng thể khu vực bao gồm: các công trình xây dựng (nhà xưởng, nhà kho, nhà điều hành), đường giao thông nội bộ, nơi đỗ xe, nơi trồng cây xanh, cổng ra vào, hàng rào bảo vệ phải được cung cấp điện, nước đầy đủ, có hệ thống thoát nước, có đường ra vào thuận tiện cho các phương tiện đảm bảo an toàn giao thông. 2.1.2. Mặt bằng nhà xưởng bao gồm các diện tích phục vụ trực tiếp công việc bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô, phải được bố trí đầy đủ cho các công việc bảo hành, bảo dưỡng có liên quan và có diện tích tối thiểu là 300 m^2. Nhà xưởng dịch vụ kỹ thuật phải được xây dựng chắc chắn, có mái che, cửa ra vào thuận tiện phù hợp với loại xe ô tô vào bảo hành, bảo dưỡng. 5. Quy định về nhân lực 5.1. Người điều hành cơ sở bảo hành, bảo dưỡng tối thiểu phải có bằng tốt nghiệp trung cấp cơ khí ô tô hoặc tương đương, có ít nhất là 5 năm kinh nghiệm, hoặc phải là thợ cơ khí ô tô bậc 5/7 trở lên. 5.2. Thợ sửa chữa làm việc tại các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng phải qua đào tạo và có chứng chỉ đào tạo nghề tương ứng. 5.3. Người sử dụng thiết bị phải được huấn luyện sử dụng thiết bị. 5.4. Phải có ít nhất 01 thợ cơ khí ô tô từ bậc 5/7 trở lên hoặc tương đương. 5.5. Các công việc kiểm ra, lắp ráp, điều chỉnh phải do thợ cơ khí ô tô có trình độ tối thiểu từ 3/7 trở lên hoặc tương đương thực hiện. 5.6. Các công nhân làm nhiệm vụ thử xe phải có giấy phép lái xe phù hợp. 6. Quy định về môi trường

	6.1. Có hệ thống thu gom, lưu giữ các chất thải, không gây ảnh hưởng môi trường; 6.2. Có biện pháp giảm thiểu bụi khí thải, hạn chế tiếng ồn, phát sáng, phát nhiệt ảnh hưởng xung quanh; 6.3. Đảm bảo các quy định hiện hành về phòng chống cháy, nổ, vệ sinh, an toàn lao động và không gây cản trở giao thông công cộng. **Điều 5. Kiểm tra cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô của cơ sở sản xuất, thương nhân nhập khẩu** 3. Trường hợp cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô được ủy quyền hoặc có Giấy xác nhận thỏa mãn tiêu chuẩn cơ sở bảo hành, bảo dưỡng của hãng sản xuất xe ô tô, sẽ được xem xét miễn thực hiện việc đánh giá phù hợp tại cơ sở bảo hành, bảo dưỡng của cơ sở sản xuất, thương nhân nhập khẩu.
82. Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới	**Điều 4 Thông tư 59/2013/BGTVT** **Điều 4. Điều kiện thành lập Trung tâm** Tổ chức, cá nhân được đăng ký thành lập Trung tâm khi có đủ các điều kiện sau: a) Trung tâm phù hợp với Quy hoạch Hệ thống Trung tâm đăng kiểm của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; b) Đảm bảo đầy đủ các điều kiện đối với Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; c) Được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chấp thuận về địa điểm xây dựng Trung tâm. **Cấp Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới** **Điều 7 Thông tư 59/2013/TT-BGTVT** a) Đơn đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này; b) Danh sách trích ngang các chức danh làm việc tại Trung tâm Đăng kiểm và các văn bằng chứng chỉ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ (bản sao có chứng thực); c) Danh mục thiết bị kiểm định, dụng cụ kiểm tra, thiết bị thông tin, truyền số liệu và các thiết bị khác theo quy định tại Thông tư số 11/2009/TT-BGTVT ngày 24/06/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện đối với Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; d) Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoàn công của Trung tâm (bản sao chụp); đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức sự nghiệp (bản sao có chứng

	thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu).
83. Cơ sở đào tạo lái xe	**Khoản 1 Điều 1 Thông tư 38/2013/BGTVT (sửa đổi bổ sung điều 4 TT 46/2012/BGTVT)** **Điều 4. Cơ sở đào tạo lái xe** 1. Cơ sở đào tạo lái xe là cơ sở dạy nghề do cơ quan có thẩm quyền thành lập, có chức năng đào tạo lái xe. 2. Cơ sở đào tạo lái xe phải phù hợp với quy hoạch cơ sở đào tạo lái xe được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe theo quy định tại Thông tư này." **TT 46/2012/BGTVT** **Điều 5. Tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe** Cơ sở đào tạo lái xe phải có đủ hệ thống phòng học chuyên môn, phòng nghiệp vụ, đội ngũ giáo viên, xe tập lái, sân tập lái và tuyến đường tập lái bảo đảm các tiêu chuẩn dưới đây: 1. Hệ thống phòng học chuyên môn a) Phòng học chuyên môn bảo đảm diện tích tối thiểu 50 m^2 cho lớp học không quá 35 học viên; bảo đảm môi trường sư phạm; b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô và các hạng A3, A4 phải có đủ các phòng học chuyên môn: Pháp luật giao thông đường bộ, cấu tạo và sửa chữa thông thường, Kỹ thuật lái xe, Nghiệp vụ vận tải, Đạo đức người lái xe (có thể xếp chung với phòng học Nghiệp vụ vận tải) bố trí tập trung và phòng học Thực tập bảo dưỡng sửa chữa; c) Cơ sở đào tạo lái xe mô tô hai bánh các hạng A1, A2 phải có 01 phòng học chung Pháp luật giao thông đường bộ và Kỹ thuật lái xe. 2. Phòng học Pháp luật giao thông đường bộ a) Có thiết bị nghe nhìn (màn hình, đèn chiếu), tranh vẽ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, sa hình; b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô và các hạng A3, A4 phải có phòng học Pháp luật giao thông đường bộ trên máy tính, bố trí riêng biệt gồm: máy chủ, máy in và ít nhất 10 máy tính được nối mạng, cài đặt phần mềm học Pháp luật giao thông đường bộ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao; c) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có lưu lượng 500 học viên trở lên phải có thêm phòng học Pháp luật giao thông đường bộ đủ chỗ ngồi cho ít nhất 100 học viên; phòng học Pháp luật giao thông đường bộ trên máy tính phải có máy chủ, ít nhất 20 máy tính được nối mạng, cài đặt phần mềm học Pháp luật giao thông đường bộ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao để học viên ôn luyện; d) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có lưu lượng từ 1.000 học viên trở lên, ngoài

	quy định tại điểm c khoản này, phải bổ sung thêm 01 phòng học Pháp luật giao thông đường bộ. 3. Phòng học cấu tạo và sửa chữa thông thường a) Có mô hình cắt bỏ động cơ, hệ thống truyền lực; mô hình hệ thống điện; b) Có hình hoặc tranh vẽ sơ đồ mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái; c) Có các cụm chi tiết tháo rời của ô tô. 4. Phòng học Kỹ thuật lái xe a) Có phương tiện nghe nhìn phục vụ giảng dạy (như băng đĩa, đèn chiếu,...); b) Có hình hoặc tranh vẽ mô tả các thao tác lái xe cơ bản (điều chỉnh ghế lái và đệm tựa, tư thế ngồi lái, vị trí cầm vô lăng lái,...); c) Có ô tô được kê kích bảo đảm an toàn để tập số nguội, số nóng (có thể bố trí ở nơi riêng biệt); d) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có lưu lượng từ 1.000 học viên trở lên phải có 02 phòng học Kỹ thuật lái xe. 5. Phòng học Nghiệp vụ vận tải a) Có hệ thống bảng, biểu phục vụ giảng dạy nghiệp vụ chuyên môn về vận tải hàng hóa, hành khách; b) Có các tranh vẽ ký hiệu trên kiện hàng. 6. Phòng học Thực tập bảo dưỡng sửa chữa a) Có hệ thống thông gió và chiếu sáng bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động; b) Nền nhà đủ cứng vững, phẳng, không gây bụi, không bị rạn nứt, không trơn trượt; c) Bảo đảm cho lớp học không quá 18 học viên, được trang bị đồ nghề chuyên dùng với mức tối thiểu là 8 - 10 người /bộ và có tủ riêng đựng đồ nghề; d) Có các hệ thống, tổng thành chủ yếu của ô tô như: động cơ tổng thành hoạt động tốt, hệ thống truyền động, hệ thống lái, hệ thống điện; đ) Có bàn tháo lắp, bảng, bàn ghế cho giảng dạy, thực tập. 7. Phòng điều hành giảng dạy Có bảng ghi chương trình đào tạo, tiến độ đào tạo năm học, bàn ghế và các trang thiết bị cần thiết cho cán bộ quản lý đào tạo. 8. Phòng chuẩn bị giảng dạy của giáo viên (có thể xếp chung với phòng điều hành giảng dạy) Có đủ bàn, ghế, bảng, tủ đựng tài liệu, đồ dùng dạy học cần thiết.

	9. Tiêu chuẩn chung giáo viên dạy lái xe a) Có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt; b) Có đủ sức khỏe theo quy định; c) Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; d) Có chứng chỉ đào tạo sư phạm, trừ trường hợp đã tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học sư phạm kỹ thuật 10. Tiêu chuẩn giáo viên dạy lý thuyết Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 9 Điều này, còn phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau: a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề; có trình độ A về tin học trở lên; b) Giáo viên dạy môn Pháp luật giao thông đường bộ phải có giấy phép lái xe ô tô; giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe hạng tương ứng hạng xe đào tạo trở lên. 11. Tiêu chuẩn giáo viên dạy thực hành Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 9 Điệu này, còn phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau: a) Giáo viên dạy lái xe các hạng A1, A2, A3, A4 phải có giấy phép lái xe hạng tương ứng. Giáo viên dạy lái xe ô tô phải có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo, nhưng không thấp hơn hạng B2; thời gian hành nghề lái xe của giáo viên dạy các hạng B1, B2 từ 03 năm trở lên; thời gian hành nghề lái xe của giáo viên dạy các hạng C, D, E và F từ 05 năm trở lên; b) Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo hướng dẫn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam và được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo mẫu quy định tại các Phụ lục 1a và Phụ lục 1b của Thông tư này. 12. Xe tập lái a) Có đủ xe tập lái các hạng tương ứng với lưu lượng đào tạo ghi trong giấy phép đào tạo lái xe; b) Thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe. Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 30% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo; c) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô phải có xe số tự động (thuộc sở hữu hoặc hợp đồng), bảo đảm số giờ tập lái theo nội dung, chương trình đào tạo; d) Ô tô tải được đầu tư mới để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải là xe có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo; đ) Có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực; e) Có hệ thống phanh phụ bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành

	lái xe, kết cấu chắc chắn, thuận tiện, an toàn, bảo đảm hiệu quả phanh trong quá trình sử dụng; g) Thùng xe phải có mui che mưa, nắng và ghế ngồi chắc chắn cho người học; h) Hai bên cánh cửa hoặc hai bên thành xe, kể cả xe hợp đồng phải ghi tên cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý trực tiếp và điện thoại liên lạc theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này; i) Ô tô phải có 02 biển "TẬP LÁI" theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này, được làm bằng kim loại nền màu xanh, chữ màu trắng, lắp cố định ở trước và sau xe: Biển trước kích thước 10 cm x 25 cm lắp cố định trên thanh cản trước bên trái đối với các hạng xe; Biển sau kích thước 10 cm x 25 cm đối với xe hạng B, kích thước 35 cm x 35 cm đối với xe các hạng C, D, E, F lắp ở vị trí giữa thành sau không trùng với vị trí lắp đặt biển số đăng ký và không được dán lên kính sau xe; k) Mô tô ba bánh, máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg phải có 02 biển "TẬP LÁI" theo mẫu quy định tại Phụ lục 3, được làm bằng kim loại nền màu xanh, chữ màu trắng lắp phía trước và phía sau xe với kích thước: 15cm x 20cm đối với mô tô, 20 cm x 25 cm đối với máy kéo; l) Có giấy phép xe tập lái do Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải cấp khi đủ điều kiện quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, khoản này. 13. Sân tập lái xe a) Thuộc quyền sử dụng của cơ sở đào tạo lái xe. Nếu thuê sân tập lái phải có hợp đồng với thời hạn bằng hoặc dài hơn thời hạn của giấy phép đào tạo lái xe; b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có lưu lượng đào tạo 1.000 học viên trở lên phải có ít nhất 02 sân tập lái xe, bảo đảm diện tích mỗi sân theo quy định; c) Sân tập lái ô tô phải có đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đủ tình huống các bài học theo nội dung chương trình đào tạo. Kích thước các hình tập lái phù hợp tiêu chuẩn Trung tâm sát hạch lái xe đối với từng hạng xe tương ứng; d) Mặt sân có cao độ và hệ thống thoát nước bảo đảm không bị ngập nước; bề mặt các làn đường và hình tập lái trong sân được thảm nhựa hoặc bê tông xi măng, có đủ vạch sơn kẻ đường và hình các bài tập lái được bó vỉa; đ) Có diện tích dành cho cây xanh; nhà chờ có ghế ngồi cho học viên học thực hành. 14. Diện tích tối thiểu của sân tập lái a) Đào tạo các hạng A1, A2 : 700 m^2; b) Đào tạo các hạng A1, A2, A3, A4 : 1.000 m^2; c) Đào tạo các hạng B1 và B2 : 8.000 m^2;

	d) Đào tạo đến hạng C : 10.000 m^2; đ) Đào tạo đến các hạng D, E và F : 14.000 m^2. 15. Đường tập lái xe ô tô Đường giao thông công cộng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải quy định cho cơ sở đào tạo để dạy lái xe phải có đủ các tình huống giao thông phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, như: đường bằng, đường hẹp, đường dốc, đường vòng, qua cầu, đường phố, thị xã, thị trấn đông người. Tuyến đường tập lái (kể cả đường thuộc địa bàn tỉnh, thành phố khác) phải được ghi rõ trong giấy phép xe tập lái. 16. Xác định lưu lượng đào tạo lái xe ô tô Trên cơ sở bảo đảm các điều kiện về phòng học, sân tập lái, đội ngũ giáo viên và bộ máy quản lý, lưu lượng đào tạo mỗi hạng giấy phép lái xe được xác định bằng số lượng xe tập lái hạng đó nhân với số lượng học viên quy định trên một xe và nhân với hệ số 2 (hai), số lượng học viên học thực hành tại một thời điểm không được vượt quá khả năng đáp ứng số xe tập lái từng hạng của cơ sở đào tạo.
84. Kinh doanh dịch vụ đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;	**Điều 7 thông tư 16/2012/BGTVT** **Điều 7. Cơ sở đào tạo** 1. Được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Có đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư này. 3. Được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận. **Điều 9 thông tư 16/2012/BGTVT** **Điều kiện cấp giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ** b) Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc quy định chức năng, nhiệm vụ, hoặc đăng ký hoạt động khoa học (bản sao có chứng thực); c) Kê khai về cơ sở vật chất **Điều 10. Giáo viên và Học viên** 1. Giáo viên Thẩm tra an toàn giao thông đường bộ phải đáp ứng một trong các tiêu chuẩn dưới đây: a) Đủ điều kiện đảm nhận chức danh chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông đường bộ; b) Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành giao thông đường bộ và có ít nhất 10 năm kinh nghiệm đối với một trong các lĩnh vực: giảng dạy về an toàn giao thông đường bộ; quản lý nhà nước về an toàn giao thông đường bộ; soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn giao thông đường bộ. 2. Học viên phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

	a) Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam; b) Có năng lực hành vi dân sự; có đủ sức khỏe; c) Có trình độ chuyên môn, thời gian làm việc và kinh nghiệm công tác theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
85. Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe	**Thông tư 46/2012/BGTVT** **Điều 30. Trung tâm sát hạch lái xe** 1. Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với quy hoạch và phân loại như sau: a) Trung tâm sát hạch loại 1: sát hạch lái xe tất cả các hạng; b) Trung tâm sát hạch loại 2: sát hạch lái xe đến hạng C; c) Trung tâm sát hạch loại 3: sát hạch lái xe đến hạng A4. 2. Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, việc xây dựng mới trung tâm sát hạch loại 1 hoặc nâng hạng từ loại 2 lên loại 1 phải có ý kiến thoả thuận chủ trương của Bộ Giao thông vận tải; việc xây dựng mới trung tâm sát hạch loại 2 phải có ý kiến thoả thuận chủ trương của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Việc xây dựng mới trung tâm sát hạch loại 3 do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; trường hợp nâng cấp sân tập lái thành trung tâm sát hạch lái xe loại 3 do Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định. 3. Tổng cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 22a của Thông tư này. Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 22b của Thông tư này.
87. Kinh doanh dịch vụvận tải đường thủy	**Thông tư 08/2012/TT-BGTVT** **Điều 3. Phạm vi hoạt động của phương tiện** 1. Phương tiện thủy của Việt Nam được cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới chỉ được phép hoạt động vận tải thủy qua lại theo tuyến đường thủy và các cảng biển của phía Campuchia theo quy định tại khoản 1, khoản 4.1 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Phương tiện thủy của Campuchia khi vào Việt Nam không được phép vận chuyển hàng hóa hoặc hành khách giữa hai điểm trong lãnh thổ của Việt Nam và chỉ được phép hoạt động qua lại theo tuyến đường thủy và các cảng bến của Việt Nam theo quy định tại khoản 2, khoản 4.2 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. **Điều 6 Thông tư 08/2012/TT-BGTVT**

	Khoản 2 Điều 1 Thông tư 03/2013/TT-BGTVT 1. Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện 2. Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường 3. Bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người kinh doanh vận tải hàng hóa dễ cháy, dễ nổ đối với người thứ ba; bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của người kinh doanh vận tải hành khách đối với hành khách
89. Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa	**Thông tư 57/2014/BGTVT** **Điều 3.Tiêu chuẩn chung đối với phòng học** 1. Diện tích tối thiểu mỗi phòng học phải đạt 48 m2, định mức chung phải đạt ít nhất 1,5 m2/học sinh. 2. Đủ tiêu chuẩn ánh sáng tự nhiên và có các thiết bị chiếu sáng nhân tạo. 3. Có không gian thông thoáng, xa nơi có tiếng ồn và nơi môi trường bị ô nhiễm. 4. Có đủ trang thiết bị kỹ thuật, mô hình học cụ, đồ dùng giảng dạy theo yêu cầu của từng môn học. **Điều 4.Tiêu chuẩn riêng đối với các phòng học chuyên môn** 1. Phòng học ngoại ngữ: có hệ thống loa, đài, đầu đĩa phát băng, đĩa ghi âm để học phát âm và nghe các bài khoá. 2. Phòng học tin học: có ít nhất 05 máy vi tính đang hoạt động, được lắp đặt trên các bàn chuyên dùng. 3. Phòng học pháp luật về giao thông đường thuỷ nội địa: a) Có sa bàn đắp nổi hoặc sơ đồ khu vực luồng điển hình, mô hình hệ thống báo hiệu đường thuỷ nội địa phục vụ cho việc giảng dạy các tình huống khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông; b) Có các bản vẽ về báo hiệu đường thuỷ nội địa, bản đồ hệ thống sông ngòi và các tuyến đường thuỷ nội địa Việt Nam; c) Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này. 4. Phòng học điều khiển phương tiện thuỷ nội địa: a) Có mô phỏng hoặc tối thiểu là mô hình hệ thống điều khiển; b) Có đồ dùng, thiết bị để giảng dạy thao tác cơ bản về hệ thống điều khiển đủ số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư này. 5. Phòng học lý thuyết máy - điện: a) Có mô hình, các bản vẽ chi tiết máy, các thiết bị đo lường về thông số máy;

	b) Có bảng điện tàu thuỷ, các thiết bị đo điện; c) Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục III và Phụ lục IV của Thông tư này. 6. Phòng học thủy nghiệp cơ bản: các thiết bị, hiện vật phục vụ giảng dạy, học tập có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục V của Thông tư này. **Điều 5.Tiêu chuẩn đối với xưởng thực hành** 1. Xưởng thực hành nguội: a) Diện tích từ 60 m2 trở lên; b) Các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập, có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này. 2. Xưởng thực hành máy - điện - cơ khí: a) Diện tích từ 60 m2 trở lên, các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập; b) Có các loại máy tàu thuỷ theo hạng bằng được đào tạo, bổ túc; c) Có sơ đồ, mô hình hệ thống điện máy tàu và mạng điện trên phương tiện, các thiết bị điện cần thiết trên phương tiện; d) Thiết bị phục vụ sửa chữa máy tàu thuỷ có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này. **Điều 6.Tiêu chuẩn đối với khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy** 1. Có vùng nước để dạy thực hành lái và vận hành máy phương tiện thuỷ nội địa được Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Sở Giao thông vận tải đồng ý, có khu vực luồng chạy tàu thuyền được lắp đặt những báo hiệu cần thiết để người học thực hành. 2. Có cầu tàu cố định để dạy nghề thuyền trưởng từ hạng nhì trở lên hoặc lắp đặt tối thiểu cầu tạm để dạy nghề thuyền trưởng hạng ba, thuyền trưởng hạng tư và chứng chỉ chuyên môn; có báo hiệu giới hạn vùng nước để các phương tiện thực hành ra vào bến trong các tình huống, có đủ loại cọc bích và đệm chống va phục vụ thực hiện các thao tác nghề nghiệp của thuyền viên. 3. Có đủ phương tiện thực hành theo hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn (sau đây viết tắt là GCNKNCM, CCCM). Trong khi thực hành, phương tiện phải treo biển "Phương tiện huấn luyện". 4. Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VIII của Thông tư này. 5. Có địa điểm để người học ngồi quan sát, chờ thực hành. **Điều 7. Tài liệu phục vụ giảng dạy**

	1. Có chương trình, giáo trình đào tạo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, có hệ thống các tài liệu tham khảo chuyên ngành. 2. Có đủ giáo án, bài giảng của từng môn học được phê duyệt theo quy định. 3. Có đủ sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý giảng dạy, theo dõi học tập và được ghi chép đầy đủ theo quy định. **Điều 8.Đội ngũ giáo viên** 1. Bao gồm giáo viên cơ hữu, giáo viên thỉnh giảng. 2. Cơ sở dạy nghề phải đảm bảo đủ giáo viên để giảng dạy các môn học theo đúng chương trình quy định, có phân công và công bố lịch lên lớp theo từng học kỳ (đối với chương trình đào tạo) hoặc toàn khoá học (đối với chương trình bổ túc, bồi dưỡng). 3. Số giáo viên thỉnh giảng không vượt quá 50% số giáo viên tham gia giảng dạy từng chương trình. **Điều 9.Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên** 1. Đạt trình độ chuẩn của giáo viên dạy nghề theo quy định của Luật Dạy nghề. 2. Có phẩm chất, đạo đức tốt. 3. Đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp. 4. Lý lịch bản thân rõ ràng. **Điều 10. Tiêu chuẩn riêng đối với giáo viên** 1. Giáo viên dạy lý thuyết: a) Phải có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề trở lên đúng chuyên ngành hoặc tương đương chuyên ngành được phân công giảng dạy; b) Ngoại ngữ trình độ A tiếng Anh trở lên; c) Tin học trình độ A trở lên. 2. Giáo viên dạy tiếng Anh phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngoại ngữ tiếng Anh trở lên. 3. Giáo viên dạy thực hành: a) Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng GCNKNCM được phân công giảng dạy; b) Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh GCNKNCM hạng nhất từ 36 tháng trở lên. **Điều 12. Quy định đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa** 1. Cơ sở dạy nghề đáp ứng quy định về cơ sở vật chất, kỹ thuật đào tạo

	thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đến hạng nào thì được phép đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đến hạng đó. 2. Cơ sở dạy nghề đáp ứng quy định về cơ sở vật chất, kỹ thuật đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng cao hơn được đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng thấp hơn.
91. Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp	**Tiêu chí chỉ định các cơ sở đào tạo Đào tạo viên bán hàng đa cấp** **(Khoản 2 Điều 13 Thông tư 24/2014/TT-BCT)** Cục Quản lý cạnh tranh căn cứ nhu cầu đào tạo thực tế, chỉ định các cơ sở đào tạo Đào tạo viên bán hàng đa cấp trên cơ sở đáp ứng các tiêu chí sau: - Có chức năng, kinh nghiệm đào tạo phù hợp; - Có cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ hoạt động đào tạo
97. Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay	V. GIẢI TRÌNH NĂNG LỰC (a) AMO phải xây dựng và lưu giữ tài liệu giải trình năng lực được Cục HKVN phê chuẩn. Tổ chức bảo dưỡng không được thực hiện bảo dưỡng, bảo dưỡng dự phòng, hoặc cải tiến vật phẩm hàng không cho đến khi vật phẩm đó được liệt kê trong tài liệu giải trình năng lực theo yêu cầu của Phần 5 Thông tư 01/2011/TT-BGTVT. (b) Tài liệu giải trình năng lực phải chỉ rõ kiểu, loại, số quy cách hoặc tên gọi khác của nhà sản xuất vật phẩm. (c) Vật phẩm chỉ có thể được liệt kê trong tài liệu giải trình năng lực nếu thuộc năng định và cấp đã được phê chuẩn trong Giấy chứng nhận phê chuẩn tổ chức bảo dưỡng, và chỉ sau khi tổ chức bảo dưỡng đã thực hiện tự đánh giá theo quy định của Phần 5 Thông tư 01/2011/TT-BGTVT. (1) Tổ chức bảo dưỡng phải thực hiện tự đánh giá năng lực để thực hiện bảo dưỡng vật phẩm theo quy định của Điều này nhằm đảm bảo sự đầy đủ về cơ sở nhà xưởng, trang thiết bị, vật liệu, dữ liệu bảo dưỡng, các quy trình, đội ngũ nhân viên được đào tạo để thực hiện công việc bảo dưỡng vật phẩm theo yêu cầu của Phần 5 Thông tư 01/2011/TT-BGTVT.; (2) Nếu tổ chức bảo dưỡng xác định có đủ năng lực, thì có thể đưa vật phẩm vào tài liệu giải trình năng lực. (d) Hồ sơ đánh giá nêu tại khoản (c) của Điều này phải được ký bởi giám đốc điều hành và phải được AMO lưu giữ. (e) Khi liệt kê vật phẩm bổ sung vào tài liệu giải trình năng lực của mình, tổ chức bảo dưỡng gửi một bản sao cho Cục HKVN. (f) Tài liệu giải trình năng lực phải luôn có đủ để công chúng và Cục HKVN kiểm tra. (g) Hồ sơ tự đánh giá phải có đầy đủ để Cục HKVN kiểm tra. (h) AMO phải lưu giữ tài liệu giải trình năng lực và hồ sơ tự đánh giá 24 tháng kể từ ngày giám đốc điều hành chấp thuận chúng. I. YÊU CẦU VỀ NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO (a) AMO phải bổ nhiệm nhân sự cho bộ máy điều hành được Cục HKVN chấp thuận. Trong trách nhiệm của những người này có việc đảm bảo cho

	AMO tuân thủ các yêu cầu của Phần này. (b) Việc bổ nhiệm nhân sự vào các chức vụ điều hành phải thể hiện được cơ cấu điều hành của AMO, và phải bảo đảm tất cả các chức năng của AMO nêu tại Phần này. (c) Các cán bộ điều hành phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc điều hành. (d) AMO phải có đủ nhân sự để lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận cho phép khai thác phù hợp với phê chuẩn. (e) Năng lực của đội ngũ nhân viên tham gia bảo dưỡng phải được đánh giá theo quy trình và tiêu chuẩn được Cục HKVN chấp thuận. (f) Nhân viên ký xác nhận bảo dưỡng hoặc Giấy chứng nhận cho phép khai thác phải được đánh giá theo các yêu cầu của Phần 4 và Phần 7 Thông tư 01/2011/TT-BGTVT, căn cứ theo công việc thực hiện và được Cục HKVN chấp thuận. (g) Đội ngũ nhân viên bảo dưỡng và ký xác nhận bảo dưỡng phải đáp ứng các yêu cầu về phân loại, được đào tạo ban đầu và đào tạo lại theo các nhiệm vụ và trách nhiệm được phân công, phù hợp với chương trình được Cục HKVN chấp thuận. (h) Chương trình đào tạo do AMO xây dựng phải bao gồm đào tạo kiến thức và kỹ năng liên quan đến yếu tố và khả năng con người, bao gồm hiệp đồng với nhân viên bảo dưỡng khác và tổ lái. Phụ lục các yêu cầu chi tiết về lập kế hoạch nhân lực VII. HỒ SƠ ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN XÁC NHẬN BẢO DƯỠNG (a) AMO phải có danh sách đội ngũ nhân viên xác nhận bảo dưỡng, trong đó bao gồm chi tiết về phạm vi được uỷ quyền của họ. (b) Đội ngũ nhân viên xác nhận bảo dưỡng phải được thông báo rõ bằng văn bản phạm vi được uỷ quyền của họ. Phụ lục yêu cầu chi tiết liên quan đến hồ sơ nhân viên xác nhận bảo dưỡng. VIII. CHƯƠNG TRÌNH AN TOÀN (a) AMO phải có chương trình an toàn được Cục HKVN chấp thuận. (b) Chương trình an toàn phải xác lập hệ thống điều hành an toàn mà tối thiểu phải thực hiện được các nhiệm vụ sau đây: (1) Xác định được các rủi ro uy hiếp an toàn; (2) Đảm bảo các hành động khắc phục cần thiết để duy trì mức an toàn có thể chấp thuận được thực hiện; (3) Giám sát liên tục và đánh giá thường xuyên mức an toàn đạt được; và (4) Đặt ra mục tiêu thường xuyên nâng cao mức an toàn chung. (c) Hệ thống điều hành an toàn của AMO phải xác định rõ các ranh giới về trách nhiệm an toàn trong toàn bộ tổ chức bảo dưỡng, bao gồm cả trách nhiệm trực tiếp về an toàn của bộ máy điều hành cao nhất B. CƠ SỞ NHÀ XƯỞNG, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỮ LIỆU I. TỔNG QUÁT (a) AMO phải có đầy đủ đội ngũ nhân viên, cơ sở nhà xưởng, trang thiết bi, vật liệu về số lượng và chất lượng đáp ứng các tiêu chuẩn yêu cầu cho việc cấp Giấy chứng nhận phê chuẩn và năng định của tổ chức bảo

	dưỡng. II. YÊU CẦU VỀ CƠ SỞ NHÀ XƯỞNG (a) Cơ sở nhà xưởng phải thích hợp cho tất cả công việc theo kế hoạch để đảm bảo không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời tiết. (b) Môi trường làm việc phải thích hợp cho các công việc được thực hiện và không được ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc của đội ngũ nhân viên. (c) Văn phòng làm việc phải phù hợp cho bộ máy điều hành, các bộ phận đảm bảo chất lượng, lập kế hoạch, kỹ thuật và thống kê kỹ thuật. (d) Các xưởng chuyên dụng phải được ngăn cách với các khoang (bay) của hanga, một cách thích hợp, để đảm bảo môi trường làm việc và không xảy ra ô nhiễm khu vực làm việc. (e) Phải có kho bảo quản trang thiết bị, dụng cụ, thiết bị tàu bay và vật liệu. (f) Điều kiện bảo quản phải đảm bảo an toàn cho các thiết bị dùng được, ngăn cách thiết bị dùng được với thiết bị không dùng được, phòng ngừa sự suy giảm chất lượng và hư hỏng của thiết bị bảo quản trong kho. Phụ lục các yêu cầu về cơ sở nhà xưởng III. TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ VÀ VẬT LIỆU (a) AMO phải có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ và vật liệu cần thiết để thực hiện các công việc được phê chuẩn. Trang thiết bị, dụng cụ và vật liệu phải được AMO kiểm soát hoàn toàn. "Phải có đầy đủ" trong trường hợp này được hiểu là phải thường xuyên có các trang thiết bị, dụng cụ và vật liệu cần thiết và ở trạng thái tốt để sẵn sàng cho việc sử dụng, ngoại trừ những dụng cụ ít sử dụng đến mức không cần thường xuyên phải có. (b) Cục HKVN có thể miễn trừ việc AMO phải sở hữu các trang thiết bị và dụng cụ chuyên dụng để thực hiện bảo dưỡng hoặc sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay nêu trong Giấy chứng nhận phê chuẩn của AMO, nếu các trang thiết bị và dụng cụ được thuê mượn, bằng hợp đồng, và được AMO kiểm soát đầy đủ khi cần. Ghi chú: Cục HKVN không nhất thiết phải sửa đổi năng định của phê chuẩn để loại bỏ một loại tàu bay hoặc thiết bị tàu bay vì lý do thiếu dụng cụ trên cơ sở xác định đây chỉ là tình huống tạm thời và AMO đã có thoả thuận hoặc hợp đồng trước đó về việc thuê các trang thiết bị và dụng cụ trước khi thực hiện bảo dưỡng hoặc sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay đó. (c) AMO phải kiểm soát trang thiết bị, dụng cụ chính xác, thiết bị thử nghiệm sử dụng để xác định tình trạng đủ điều kiện bay hoặc các khiếm khuyết. (d) AMO phải đảm bảo các trang thiết bị, dụng cụ chính xác, thiết bị thử nghiệm sử dụng để xác định tình trạng đủ điều kiện bay hoặc các khiếm khuyết được hiệu chuẩn để đảm bảo cấp chính xác so với các chuẩn được truy nguyên đến các chuẩn quốc gia. (e) AMO phải lưu giữ hồ sơ hiệu chuẩn và các chuẩn sử dụng để hiệu chuẩn. Phụ lục các yêu cầu chi tiết liên quan đến thiết bị, dụng cụ và vật liệu. IV. DỮ LIỆU KỸ THUẬT ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY (a) AMO phải có đầy đủ dữ liệu kỹ thuật đủ điều kiện bay thích hợp với công việc thực hiện được phê chuẩn do tổ chức thiết kế tàu bay/thiết bị

	tàu bay, các tổ chức thiết kế được phê chuẩn của quốc gia sản xuất và quốc gia thiết kế cung cấp. Ghi chú: Cục HKVN có thể chấp thuận và yêu cầu AMO phải có đầy đủ dữ liệu do các nhà chức trách khác hoặc tổ chức thiết kế cung cấp. (b) Khi AMO sửa đổi dữ liệu được phê chuẩn nêu tại khoản (a) sang dạng trình bày có lợi hơn cho các hoạt động bảo dưỡng, thì AMO đó phải trình Cục HKVN chấp thuận sửa đổi tài liệu giải trình tổ chức bảo dưỡng. (c) Toàn bộ dữ liệu được phê chuẩn mà AMO sử dụng phải được cập nhật và sẵn sàng để đội ngũ nhân viên có thể truy cập để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Phụ lục các yêu cầu chi tiết liên quan đến dữ liệu được phê chuẩn
100. Kinh doanh dịch vụ cung cấp bảo đảm hoạt động bay	**Khoản 2 điều 67 Quy chế không lưu HKDD ban hành kèm QĐ 32/2007/BGTVT** **Điều 67. Cấp giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu** 1. Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu phải được cấp giấy phép khai thác. 2. Điều kiện cấp giấy phép khai thác bao gồm: a) Có tổ chức bộ máy, nhân viên không lưu được cấp giấy phép phù hợp; b) Có kết cấu hạ tầng, hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị được cấp giấy phép khai thác phù hợp và có đủ khả năng đảm bảo khai thác kỹ thuật; c) Có đầy đủ tài liệu hướng dẫn khai thác được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt. **Khoản 2 điều 62 Quy chế thông báo tin tức hàng không ban hành kèm QĐ 21/2007/BGTVT** 2. Điều kiện cấp giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không bao gồm: a) Có tổ chức bộ máy phù hợp với nhiệm vụ cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không như được quy định tại Điều 11 của Quy chế này; b) Có đủ hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị thông báo tin tức hàng không, phương tiện thông tin liên lạc, tài liệu liên quan như được quy định tại Điều 60 của Quy chế này; có giấy phép khai thác hệ thống tự động hóa dịch vụ thông báo tin tức hàng không (nếu sử dụng); c) Nhân viên thông báo tin tức hàng không có giấy phép, chứng chỉ chuyên môn còn hiệu lực, phù hợp với vị trí công tác; d) Có đủ tài liệu hướng dẫn khai thác phù hợp được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt. **Khoản 2 điều 42 Quy chế khí tượng HKDD ban hành kèm QĐ 12/2007/BGTVT** 2. CSCCDV khí tượng được cấp Giấy phép khai thác khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Có tổ chức bộ máy cung cấp dịch vụ khí tượng phù hợp;

	b) Có đủ hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị khí tượng, phương tiện thông tin liên lạc; có giấy phép khai thác; c) Nhân viên khí tượng đủ về số lượng và có giấy phép nhân viên hàng không phù hợp; d) Có đầy đủ tài liệu hướng dẫn khai thác được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt. **Khoản 2 điều 21 Quy chế thông tin, dẫn đường, giám sát HKDD ban hành kèm QĐ 14/2007/BGTVT** 2. Điều kiện cấp giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ CNS bao gồm: a) Có tổ chức bộ máy cung cấp dịch vụ CNS phù hợp; b) Có đủ hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị CNS, có giấy phép khai thác theo quy định; c) Có đủ nhân viên CNS, có giấy phép nhân viên hàng không theo quy định; d) Có đủ tài liệu hướng dẫn khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp
101. Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không	
(1) cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không	**Thông tư 61/2011/BGTVT** **Điều 15. Yêu cầu chung đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không** 1. Có tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và hệ thống văn bản quản lý đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ phù hợp. 2. Có phòng học, trang bị, thiết bị, cơ sở thực hành phù hợp với mục đích, nội dung đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu theo quy định. 3. Có đội ngũ giáo viên phù hợp với chuyên ngành đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu theo quy định. 4. Có chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định. 5. Có giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu theo quy định. 6. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, pháp luật về giáo dục, đào tạo và dạy nghề. **Điều 16. Yêu cầu tối thiểu về phòng học, trang bị, thiết bị, cơ sở thực hành của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.** 1. Phòng học phải có đủ diện tích, ánh sáng, độ thông thoáng thiết bị

	nghe, nhìn và các thiết bị khác phục vụ cho việc học tập. 2. Cơ sở thực hành, phòng thực tập phải có diện tích và không gian phù hợp với thiết bị, máy móc được sử dụng và đảm bảo điều kiện tối thiểu phù hợp với quy định của nhà nước đối với cơ sở dạy nghề. 3. Thư viện phải có đủ sách, giáo trình, tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập. 4. Trang bị, thiết bị phục vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ một số chuyên ngành phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thành viên tổ lái, giáo viên huấn luyện bay phải có tàu bay huấn luyện, buồng lái giả định; xưởng bảo dưỡng tàu bay; thiết bị kiểm tra phi công, luyện tập thể lực và các thiết bị khác theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thành viên tổ lái, giáo viên huấn luyện bay; b) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ tiếp viên hàng không: có mô hình khoang tàu bay được trang bị đủ hệ thống an ninh, an toàn, khẩn nguy, cấp cứu, hệ thống dưỡng khí và các dụng cụ phục vụ hành khách trên tàu bay được Cục Hàng không Việt Nam cấp phép hoặc phê chuẩn và các thiết bị khác theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ tiếp viên hàng không; c) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay: có tàu bay học cụ được trang bị thiết bị điện, điện tử, thông tin liên lạc còn hoạt động; dụng cụ thực hành về cơ giới, điện, điện tử, công nghệ thông tin, sơ đồ kết cấu tàu bay phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các thiết bị khác theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay; d) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên không lưu: có hệ thống huấn luyện giả định cho nhân viên không lưu (trừ nhân viên thực hiện nhiệm vụ thủ tục bay, thông báo-hiệp đồng bay, đánh tín hiệu) phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các thiết bị khác theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên không lưu; đ) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không: có đủ thiết bị thực hành phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các thiết bị khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; e) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên an ninh hàng không: có các thiết bị hoặc mô hình giả định và phần mềm giảng dạy an ninh soi chiếu hành khách, hành lý, hàng hóa; các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật phẩm nguy hiểm; phòng thực hành được trang bị thiết bị giảng dạy phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các thiết bị khác

	theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên an ninh hàng không; g) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thông báo tin tức hàng không: có hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ; có đủ thiết bị thực hành phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các thiết bị khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thông báo tin tức hàng không; h) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên khí tượng hàng không: có thiết bị và hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các thiết bị khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên khí tượng hàng không; i) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên điều độ, khai thác bay: có các tài liệu liên quan đến tính năng, kỹ thuật các loại tàu bay đang khai thác, phần mềm về điều độ, khai thác bay; các thiết bị thực hành và hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các tài liệu khác phù hợp với yêu cầu của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO); k) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay: có thiết bị, phương tiện thực hành, bãi tập, tài liệu hướng dẫn khai thác thiết bị, phương tiện phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các tài liệu khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về quản lý, khai thác cảng hàng không; l) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay: có trang bị, thiết bị, tài liệu, hệ thống thông tin, dữ liệu, phần mềm hướng dẫn thực hành khai thác phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, tài liệu hướng dẫn khai thác và các quy định khác tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan; m) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng: có quy trình xây dựng, thiết kế phương thức bay và khai thác phương thức bay, hệ thống bản đồ hàng không, hệ thống thông tin, dữ liệu và trang thiết bị phục vụ công tác thiết kế phương thức bay phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và tài liệu khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng và các yêu cầu của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) liên quan; b) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên tìm kiếm cứu nạn hàng không: có sơ đồ, mô hình tổ chức hệ thống tìm kiếm cứu nạn hàng không, quy trình tổ chức tìm kiếm cứu nạn; các tình huống giả định, băng hình diễn tập tìm kiếm cứu nạn hàng không; hệ thống thiết bị, bản các ký

	hiệu mã, cốt quốc tế liên quan đến hoạt động bay dân dụng và hoạt động tìm kiếm, cứu nạn; hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn hàng không phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và tài liệu khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về tìm kiếm cứu nạn hàng không. **Điều 17. Giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không** 1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải có đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để đảm bảo mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy. Cơ sở đào tạo, huấn luyện có thể duy trì các hình thức giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không. Số lượng giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện không được lớn hơn 50% số lượng giáo viên chuyên ngành hàng không của cơ sở. 2. Tiêu chuẩn giáo viên chuyên ngành hàng không a) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo và dạy nghề; đối với giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; b) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành không tương ứng; c) Có chứng chỉ chuyên môn liên quan hoặc có kinh nghiệm 5 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy.
(2) Cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không	**Thông tư 61/2011/BGTVT** **Điều 26. Yêu cầu đối với cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không** 1. Có chương trình đánh giá trình độ tiếng Anh theo thang đánh giá của ICAO, bao gồm: a) Phương thức kiểm tra (kiểm tra trực tiếp, gián tiếp) phù hợp với chuyên môn của người được kiểm tra; b) Có ngân hàng câu hỏi phù hợp và đủ điều kiện để đánh giá các trình độ khác nhau theo quy định của ICAO; c) Chấm bài theo các tiêu chí đánh giá của ICAO, mỗi bài phải có ít nhất 02 giáo viên cùng chấm, kết quả của mỗi tiêu chí được tính theo phương pháp trung bình cộng được thể hiện trên phiếu kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh và có chữ ký của 02 giáo viên kiểm tra; bài kiểm tra phỏng vấn phải được ghi âm để lưu trữ trong hồ sơ; d) Quy trình bàn giao bài kiểm tra, xác định tính hợp lệ của bài kiểm tra, niêm phong bài kiểm tra; đ) Nội quy kiểm tra: trình tự tổ chức kiểm tra, quy trình kiểm tra; thời gian kiểm tra; nội quy phòng kiểm tra; thiết bị, tài liệu tại phòng kiểm tra; nhiệm vụ, quyền hạn của người tham dự kiểm tra, người kiểm tra, người

	giám sát kiểm tra; xử lý trường hợp phạm quy; e) Công bố kết quả kiểm tra, phúc tra, giải quyết khiếu nại; g) Chế độ lưu trữ hồ sơ, tài liệu kiểm tra, báo cáo; h) Các nội dung khác có liên quan. 2. Có giáo viên đánh giá đáp ứng một trong các yêu cầu sau đây: a) Là chuyên gia khai thác trong lĩnh vực chuyên ngành hàng không tương ứng, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm, có trình độ cử nhân Anh ngữ hoặc tương đương, có chứng chỉ giáo viên đánh giá tiếng Anh hàng không do cơ sở đào tạo được Cục Hàng không Việt Nam công nhận; b) Là giáo viên tiếng Anh có ít nhất 05 năm liên tục giảng dạy tại các trường đại học cao đẳng, có chứng chỉ giáo viên tiếng Anh hàng không Mức 6 theo thang đánh giá của ICAO hoặc chứng chỉ giáo viên đánh giá tiếng Anh hàng không do cơ sở đào tạo được Cục Hàng không Việt Nam công nhận. 3. Hệ thống thiết bị kiểm tra, đánh giá phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu như sau: a) Các thiết bị nghe, nhìn đảm bảo chất lượng tốt; b) Hệ thống máy tính được cài đặt chương trình phần mềm kiểm tra (đối với phương thức kiểm tra gián tiếp bằng máy tính); c) Thiết bị ghi âm có dung lượng phù hợp với bài kiểm tra; d) Các thiết bị khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan lĩnh vực kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không. 4. Điểm xếp loại trình độ: là điểm thấp nhất trong số điểm trung bình cộng của từng tiêu chí đã được chấm thể hiện trong phiếu kiểm tra, đánh giá. Kết quả đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không của cơ sở (ghi trên Phiếu kiểm tra, đánh giá) được gửi 01 bản về Cục Hàng không Việt Nam để ghi vào giấy phép nhân viên hàng không.
102. Kinh doanh vận tải đường sắt	**Điều 7 Thông tư 30/2014?TT-BGTVT** **Điều kiện cấp Chứng chỉ an toàn đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt** 1. Phương tiện giao thông đường sắt thuộc quản lý của doanh nghiệp phải bảo đảm các điều kiện lưu hành theo quy định của pháp luật. 2. Có phương án sản xuất kinh doanh do doanh nghiệp ban hành phù hợp với biểu đồ chạy tàu đã công bố. 3. Có ít nhất 01 cán bộ phụ trách công tác an toàn có trình độ đại học về chuyên ngành vận tải đường sắt và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trực tiếp về quản lý, khai thác vận tải đường sắt. 4. Các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu phải bảo đảm tiêu chuẩn và phải được huấn luyện nghiệp vụ an toàn lao động theo

	quy định của pháp luật. 5. Có phương án sắp xếp bố trí nhân lực phục vụ trên tàu khách, tàu hàng phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. 6. Có phương án bảo đảm an toàn giao thông đường sắt và phương án ứng phó sự cố thiên tai, cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai, tai nạn, sự cố.
103. Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt	**Điều 7 Thông tư 30/2014?TT-BGTVT** **Điều kiện cấp Chứng chỉ an toàn đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt** 1. Phương tiện giao thông đường sắt thuộc quản lý của doanh nghiệp phải bảo đảm các điều kiện lưu hành theo quy định của pháp luật. 2. Có phương án sản xuất kinh doanh do doanh nghiệp ban hành phù hợp với biểu đồ chạy tàu đã công bố. 3. Có ít nhất 01 cán bộ phụ trách công tác an toàn có trình độ đại học về chuyên ngành vận tải đường sắt và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trực tiếp về quản lý, khai thác vận tải đường sắt. 4. Các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu phải bảo đảm tiêu chuẩn và phải được huấn luyện nghiệp vụ an toàn lao động theo quy định của pháp luật. 5. Có phương án sắp xếp bố trí nhân lực phục vụ trên tàu khách, tàu hàng phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. 6. Có phương án bảo đảm an toàn giao thông đường sắt và phương án ứng phó sự cố thiên tai, cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai, tai nạn, sự cố.
104. Kinh doanh đường sắt đô thị	**Điều 7 Thông tư 30/2014?TT-BGTVT** **Điều kiện cấp Chứng chỉ an toàn đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt** 1. Phương tiện giao thông đường sắt thuộc quản lý của doanh nghiệp phải bảo đảm các điều kiện lưu hành theo quy định của pháp luật. 2. Có phương án sản xuất kinh doanh do doanh nghiệp ban hành phù hợp với biểu đồ chạy tàu đã công bố. 3. Có ít nhất 01 cán bộ phụ trách công tác an toàn có trình độ đại học về chuyên ngành vận tải đường sắt và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trực tiếp về quản lý, khai thác vận tải đường sắt. 4. Các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu phải bảo đảm tiêu chuẩn và phải được huấn luyện nghiệp vụ an toàn lao động theo quy định của pháp luật. 5. Có phương án sắp xếp bố trí nhân lực phục vụ trên tàu khách, tàu hàng phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. 6. Có phương án bảo đảm an toàn giao thông đường sắt và phương án ứng phó sự cố thiên tai, cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai, tai nạn, sự cố.

LĨNH VỰC XÂY DỰNG

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/ Quyết định
109. Kinh doanh bất động sản	**Thông tư 13/2008/TT-BXD: Phần 1** **Phần 1** 1. Trình tự, thủ tục xác nhận vốn pháp định khi thành lập doanh nghiệp kinh doanh bất động sản hoặc bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản của doanh nghiệp (theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản, sau đây gọi tắt là Nghị định 153/2007/NĐ-CP): Các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh bất động sản thành lập mới hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) có nhu cầu bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản, ngoài các hồ sơ theo quy định về thủ tục đăng ký kinh doanh thì phải có thêm văn bản xác nhận về vốn gửi đến cơ quan cấp đăng ký kinh doanh để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản theo quy định như sau: 1.1. Đối với doanh nghiệp thành lập mới thì hồ sơ xác nhận vốn pháp định gồm có: 1.1.1. Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) có từ hai thành viên trở lên; quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức; bản đăng ký vốn đầu tư của chủ sở hữu doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân và đối với công ty TNHH một thành viên mà chủ sở hữu là cá nhân; 1.1.2. Trường hợp số vốn được góp bằng tiền thì phải có văn bản xác nhận của ngân hàng thương mại được phép hoạt động tại Việt Nam về số tiền ký quỹ của các thành viên sáng lập. Số tiền ký quỹ tối thiểu phải bằng số vốn góp bằng tiền của các thành viên sáng lập và chỉ được giải ngân sau khi doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 1.1.3. Trường hợp số vốn góp bằng tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả định giá tài sản được đưa vào góp vốn. Chứng thư phải còn hiệu lựctính đến ngày nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh. 1.2. Đối với doanh nghiệp đang hoạt động có nhu cầu bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản thì hồ sơ xác nhận vốn pháp định phải có văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về mức vốn hiện có

	thuộcsở hữu của doanh nghiệp đó được ghi trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm đăng ký hoặc năm trước liền kề năm đăng ký) đảm bảo lớn hơn hoặc bằng mức vốn pháp định theo quy định tại Nghị định 153/2007/NĐ-CP (6 tỷ đồng). 1.3. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản phải duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định (kể cả doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bất động sản trước ngày Nghị định 153/2007/NĐ-CP có hiệu lực). 1.4. Tổ chức, cá nhân trực tiếp xác nhận vốn pháp định cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số vốn tại thời điểm xác nhận.
110. Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản, quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản	**Quyết định 29/2007/BXD** **Phần 1:** 1. Các sơ sở đào tạo có đủ các điều kiện sau đây thì được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản:
	a) Đối với doanh nghiệp phải có đăng ký kinh doanh về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn. Đối với các tổ chức khác phải được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thành lập và giao chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn;
	b) Có chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung do Bộ Xây dựng ban hành;
	c) Có đội ngũ giảng viên có trình độ và kinh nghiệm theo quy định tại Điều 12 của Nghị định 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản và đáp ứng yêu cầu của các chuyên đề giảng dạy.
111. Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư	**Điều 5 thông tư 14/2011/BXD** Tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo) phải đáp ứng các điều kiện sau
	1. Có chức năng đào tạo, được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;
	2. Đảm bảo các phòng học có quy mô và tiện nghi phù hợp với số lượng học viên và các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học

	tập; 3. Có số lượng giảng viên được cơ sở đào tạo trả lương và đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu bằng 40% trên tổng số giảng viên tham gia khóa đào tạo, đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 10 của Thông tư này; 4. Có tài liệu giảng dạy được biên soạn phù hợp với Chương trình khung theo quy định tại Chương III của Thông tư này; 5. Có bộ máy quản lý đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư; có quy trình quản lý chất lượng đào tạo và có người phụ trách khóa đào tạo; 6. Lập hồ sơ đăng ký theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này và được Bộ Xây dựng quyết định công nhận đủ điều kiện tổ chức khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này.
	Điều 10. Yêu cầu đối với giảng viên của khóa đào tạo 1. Giảng viên là người có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành tương ứng với bài giảng, chuyên đề, có kinh nghiệm thực tế ít nhất là 03 năm hoặc có thời gian công tác ít nhất là 05 năm trong các ngành, nghề sau: a) Bài giảng 1, 2 về kiến thức cơ sở quy định tại Điều 8 của Thông tư này và chuyên đề 1: Ngành kiến trúc, xây dựng; b) Chuyên đề 2: Nghề quản lý kỹ thuật thông gió - cấp nhiệt; c) Chuyên đề 3: Nghề quản lý kỹ thuật thang máy; d) Chuyên đề 4: Ngành phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn và cứu hộ; đ) Chuyên đề 5: Ngành môi trường đô thị. 2. Giảng viên có bản kê khai về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp.
112. Kinh doanh dịch vụ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công	**Thông tư 06/2011/TT-BXD: khoản 1, 2 Điều 2** Điều 3. Điều kiện năng lực để công nhận cơ sở đào tạo 1. Tư cách pháp nhân: Các cơ sở đào tạo từ cao đẳng chuyên nghiệp trở lên, các trường đào tạo bồi dưỡng cán bộ, các viện, học viện, trung tâm nghiên cứu có chức năng bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng; các trung tâm có chức năng đào tạo thuộc các Hội nghề nghiệp liên quan

trình	đến hoạt động xây dựng. Đối với các pháp nhân khác được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Bộ Xây dựng sẽ xem xét cụ thể trên cơ sở nhu cầu và tình hình thực tế để công nhận. 2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo: a) Đảm bảo các phòng học có quy mô và tiện nghi phù hợp với số lượng học viên và các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập. b) Có các phòng thí nghiệm hoặc các băng đĩa hình để giới thiệu về các thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (đối với bồi dưỡng nghiệp vụ GSTC). 3. Giảng viên a) Cơ sở đào tạo phải có ít nhất 40% giảng viên trong biên chế hoặc có hợp đồng không xác định thời hạn trên tổng số giảng viên tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA hoặc GSTC. b) Tiêu chuẩn: Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp với nội dung tham gia giảng dạy; Giảng viên tham gia giảng dạy kỹ năng QLDA và GSTC phải có kinh nghiệm thực tế từ 7 năm trở lên hoạt động trong các lĩnh vực quản lý dự án, quản lý kinh tế xây dựng; khảo sát, thiết kế; thi công xây dựng; giám sát thi công xây dựng công trình; nghiên cứu, giảng dạy về chuyên ngành xây dựng. c) Một giảng viên chỉ được ký hợp đồng tham gia giảng dạy không quá 03 chuyên đề cho một chương trình quản lý dự án hoặc giám sát thi công xây dựng. Đối với giảng viên trong biên chế hoặc có hợp đồng không xác định thời hạn không được hợp đồng với quá 03 cơ sở đào tạo trong cùng một thời gian. d) Giảng viên tham gia giảng dạy các chuyên đề về quản lý dự án và giám sát thi công phải đăng ký với Bộ Xây dựng theo Phiếu đăng ký giảng viên tại Phụ lục số 1 của Thông tư này. đ) Danh sách giảng viên đăng ký với Bộ Xây dựng sẽ được đăng trên Trang thông tin điện tử "Quản lý hoạt động xây dựng" của Bộ Xây dựng; đồng thời sẽ được thông báo cho các Sở Xây dựng biết để theo dõi, quản lý. 4. Tài liệu giảng dạy a) Tài liệu giảng dạy phải được in, đóng thành quyển kèm theo bộ đề kiểm tra của chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA hoặc GSTC. b) Nội dung tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này. c) Tài liệu giảng dạy phải do các giảng viên đăng ký tham gia giảng dạy hoặc các chuyên gia đáp ứng các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này. d) Các tài liệu giảng dạy phải ghi rõ họ và tên, chức danh, nơi công tác

	của người biên soạn. 5. Quản lý đào tạo: a) Có bộ máy quản lý đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn và nghiệp vụ để tổ chức các khoá bồi dưỡng, lưu trữ hồ sơ học viên, hồ sơ tài liệu liên quan tới công tác bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA và GSTC. b) Có quy trình quản lý và kiểm soát chất lượng công tác bồi dưỡng nghiệp vụ. c) Có người phụ trách khoá học có kinh nghiệm 5 năm trở lên trong việc tổ chức các khoá bồi dưỡng hoặc tập huấn nghiệp vụ về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động xây dựng
121. Kinh doanh dịch vụ kiểm định, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng	**Thông tư số 03/2011/TT-BXD** hướng dẫn hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực,chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng
	Điều 7. Yêu cầu về năng lực của tổ chức kiểm định
	1. Về pháp nhân: là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng hoạt động trong lĩnh vực kiểm định.
	2. Về hệ thống quản lý chất lượng:
	a) Có các đầu mối theo dõi, kiểm tra các hoạt động kiểm định theo hợp đồng;
	b) Có kế hoạch và phương thức kiểm soát chất lượng đảm bảo công tác kiểm định bao gồm: - Quy trình kiểm định đối với từng đối tượng; - Phương thức kiểm soát số liệu thu thập để phục vụ kiểm định; - Kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng; - Quy trình kiểm soát nội bộ tại các bước trong quá trình kiểm định và nghiệm thu kết quả kiểm định cuối cùng trước khi công bố.
	c) Quy trình lập và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình kiểm định; phát hành các văn bản trong quá trình kiểm định; văn bản thông báo kết quả kiểm định; văn bản trả lời khiếu nại với các bên có liên quan về kết quả kiểm định.
	3. Về điều kiện năng lực:
	a) Về năng lực: có đủ nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị cho phép thực hiện các hoạt động liên quan đến dịch vụ kiểm định, trong đó:
	- Có ít nhất 03 cá nhân có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với công tác kiểm định, có nghiệp vụ về kiểm định và có hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Người chủ trì tổ

	chức thực hiện công tác kiểm định phải có ít nhất 10 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và có năng lực chủ trì một trong các lĩnh vực thiết kế, giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại, cấp công trình và nội dung kiểm định được giao;
	- Có phòng thí nghiệm xây dựng chuyên ngành được công nhận theo quy định và có đủ khả năng thực hiện các phép thử phục vụ công tác kiểm định.
	b) Về kinh nghiệm:
	- Trường hợp kiểm định công trình hoặc hạng mục công trình: đã thực hiện kiểm định ít nhất 01 công trình trong số các công trình cùng loại và cùng cấp trở lên hoặc 02 công trình số các công trình cùng loại và cấp dưới liền kề với đối tượng công trình được kiểm định;
	- Trường hợp kiểm định xác định các chỉ tiêu cơ, lý, hóa của bộ phận công trình, sản phẩm xây dựng hoặc vật liệu xây dựng (kiểm định cường độ bê tông của kết cấu; kiểm định độ chặt, độ chống thấm vật liệu; kiểm định xác định hàm lượng phụ gia xi măng …) thì phải đã từng thực hiện công việc kiểm định tương tự.
	Điều 10. Yêu cầu về năng lực của tổ chức chứng nhận
	1. Về pháp nhân: là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận;
	2. Về hệ thống quản lý chất lượng:
	a) Có các đầu mối theo dõi, kiểm tra các hoạt động chứng nhận theo hợp đồng;
	b) Có kế hoạch và phương thức kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng chứng nhận bao gồm: - Quy trình chứng nhận đối với từng đối tượng; - Phương thức kiểm soát số liệu thu thập để phục vụ chứng nhận; - Kế hoạch tổ chức thí nghiệm và chứng nhận chất lượng; - Quy trình kiểm soát nội bộ tại các bước trong quá trình chứng nhận và nghiệm thu kết quả chứng nhận cuối cùng trước khi công bố.
	c) Quy trình lập và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình chứng nhận; phát hành các văn bản trong quá trình tiến hành chứng nhận; văn bản thông báo kết quả chứng nhận; văn bản trả lời khiếu nại với các bên có liên quan về kết quả chứng nhận.
	3. Về điều kiện năng lực:
	trong đó có ít nhất 03 cá nhân có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với công tác chứng nhận, có nghiệp vụ về chứng nhận, có hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Người chủ trì thực hiện công tác chứng nhận phải có ít nhất 10 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và có năng lực chủ trì một

	trong các lĩnh vực thiết kế, giám sát thi công xây dựng, kiểm định chất lượng công trình xây dựng phù hợp với loại và cấp công trình được chứng nhận;
	b) Về kinh nghiệm:
	- Đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt: đã thực hiện chứng nhận ít nhất 01 công trình trong số các công trình cùng loại và cùng cấp trở lên hoặc 02 công trình trong số các công trình cùng loại và cấp dưới liền kề với đối tượng công trình được chứng nhận;
	- Đối với công trình từ cấp II trở xuống: đã thực hiện chứng nhận ít nhất 01 công trình trong số các công trình cùng loại và cùng cấp trở lên hoặc người chủ trì thực hiện của tổ chức chứng nhận phải đã từng thiết kế, giám sát thi công xây dựng hoặc kiểm định chất lượng cho ít nhất 03 công trình cấp tương đương trở lên.

LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/Quyết định
129. Nhập khẩu thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến điện	**Thông tư 14/2011/TT-BTTTT** **Điều 6. Điều kiện nhập khẩu** Các thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện nhập khẩu cần đáp ứng các điều kiện sau: 1. Phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc công bố bắt buộc áp dụng; phù hợp với vị trí lắp đặt thiết bị và các quy định về quản lý viễn thông. 2. Phù hợp với các Quy hoạch tần số vô tuyến điện, các quy định về sử dụng tần số vô tuyến điện và mục đích nhập khẩu. Những thiết bị không đáp ứng các điều kiện trên hoặc nhập khẩu phục vụ cho các mục đích đặc biệt thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với từng trường hợp cụ thể.
132. Kinh doanh dịch vụ in	**Thông tư số 33/2010/TT-BCA** **Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ sở kinh doanh sau đây còn phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy như sau: a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); sản xuất, kinh doanh gas; sản xuất pháo hoa; kinh doanh vũ trường; kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 7 tầng trở lên phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy. b) Các cơ sở kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 6 tầng trở xuống; sản xuất, kinh doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ; trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino; hoạt động in (trừ photocopy màu); kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh karaoke; xoa bóp (massage) phải có biên bản kiểm tra

	an toàn về phòng cháy và chữa cháy. 4. Đối với các cơ sở kinh doanh có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự là Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy tại khu vực kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp. Trường hợp cơ sở kinh doanh thuê kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp thì phải có giấy tờ để chứng minh việc thuê kho. 5. Các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự thuộc một trong các trường hợp sau đây không phải nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy: a) Cơ sở nằm trong các tòa nhà đã được thiết kế, thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy. b) Các cơ sở sản xuất con dấu; dịch vụ đòi nợ; dịch vụ tẩm quất; photocopy màu; sản xuất, kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Trách nhiệm chung Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc chấp hành các quy định về an ninh, trật tự và thực hiện các nội dung sau: a) Chỉ được tiến hành hoạt động kinh doanh khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp; tổ chức thực hiện và hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra người làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại cơ sở chấp hành đúng các quy định của Nghị định 72/2009/NĐ-CP Nghị định 107/2009/NĐ-CP Nghị định 109/2009/NĐ-CP hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan trong suốt quá trình hoạt động. b) Chấp hành việc kiểm tra, hướng dẫn của cơ quan Công an có thẩm quyền. c) Báo cáo định kỳ hàng quý (tuần cuối cùng của tháng thứ ba) cho cơ quan Công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự về tình hình chấp hành các quy định của pháp luật và những vấn đề khác có liên quan đến an ninh, trật tự trong quá trình hoạt động kinh doanh. d) Cung cấp cho cơ quan Công an có thẩm quyền: Danh sách và thông tin có liên quan đến người làm trong cơ sở kinh doanh (kể cả người nước ngoài); sơ đồ mặt bằng khu vực sản xuất, kinh doanh; sơ đồ kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); thống kê các phương tiện phục vụ cho công tác bảo vệ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy; thông tin liên lạc tại cơ sở kinh doanh khi có yêu cầu.

	đ) Có sổ quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu của Bộ Công an đã ban hành kèm theo Thông tư này. e) Khi thay đổi người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh và người đại diện theo pháp luật phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan Công an có thẩm quyền. g) Có văn bản thông báo về thời gian hoạt động hoặc tạm ngừng hoạt động kinh doanh cho cơ quan Công an có thẩm quyền. h) Không cho thuê, mượn, chuyển nhượng hoặc sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. i) Đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ xoa bóp (massage, tẩm quất), vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử có thường dành cho người nước ngoài, casino, dịch vụ đòi nợ phải đăng ký danh sách trích ngang nhân viên, kỹ thuật viên với Công an phường, xã, thị trấn. h) Hoạt động in - Chỉ được nhận in, nhân bản những ấn phẩm, xuất bản phẩm khi có đủ thủ tục và có hợp đồng kinh tế theo quy định của pháp luật. - Đối với sản phẩm báo chí phải có Giấy phép hoạt động báo chí do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp. - Đối với in nhãn sản phẩm và bao bì: Yêu cầu khách hàng phải có giấy đăng ký kinh doanh theo ngành hàng, giấy giới thiệu của cơ sở sản xuất đứng tên trên nhãn sản phẩm hoặc bao bì. Bản mẫu in phải có dấu và chữ ký của người có tư cách pháp nhân đứng tên đặt in. - Đối với nhãn sản phẩm, hàng hóa thuộc danh mục bắt buộc có chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) thì phải có giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam theo quy định. - Đối với sản phẩm nhận in là nhãn sản phẩm hóa dược hay thuốc chữa bệnh còn phải có số đăng ký do Bộ Y tế hoặc Sở Y tế cấp theo quy định. - Đối với sản phẩm in là tem chống giả phải có bản mẫu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận. - Các hoạt động chế bản in, gia công sau in phải được ghi đầy đủ, cụ thể vào sổ theo dõi. - Nghiêm cấm các hành vi in lậu, in nối bản. Thông tư 03/2015/TT-BTTTT **Điều 6. Quy định chi tiết Điểm b Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP về thiết bị in phải có để thực hiện một hoặc các công đoạn chế bản, in, gia công sau in** Cơ sở in thực hiện một hoặc các công đoạn chế bản, in, gia công sau in phải có thiết bị tương ứng với từng công đoạn: 1. Đối với công đoạn chế bản: Cơ sở in phải có ít nhất một trong các thiết

	bị: Máy ghi phim, máy ghi kẽm, máy tạo khuôn in; 2. Đối với công đoạn in: Cơ sở in phải có máy in; 3. Đối với công đoạn gia công sau in: Cơ sở in phải có máy dao xén (cắt) giấy và có ít nhất một trong các thiết bị: Máy đóng sách (đóng thép hoặc khâu chỉ), máy vào bìa, máy ký mã liên hợp, dây chuyền liên hợp hoàn thiện sản phẩm in hoặc thiết bị phù hợp với sản phẩm gia công.
134. Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội	**Thông tư 09/2014/TT-BTTTT** **Điều 3. Điều kiện về nhân sự quy định tại điểm b khoản 5 Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội.** 1. Điều kiện về nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin. a) Người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý nội dung cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội; b) Người chịu trách nhiệm quản lý nội dung phải tốt nghiệp đại học hoặc tương đương trở lên, có quốc tịch Việt Nam. Đối với người nước ngoài, có địa chỉ tạm trú ít nhất 6 tháng tại Việt Nam. c) Người chịu trách nhiệm quản lý nội dung có trách nhiệm cung cấp số điện thoại liên lạc thường xuyên, địa chỉ email cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương để phối hợp xử lý ngay khi cần thiết. d) Người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp có thể giao nhiệm vụ cho cấp phó chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin; đ) Tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội phải thành lập bộ phận quản lý nội dung thông tin. 2. Điều kiện về nhân sự bộ phận kỹ thuật. Bộ phận quản lý kỹ thuật tối thiểu có 01 người đáp ứng quy định tại điểm g, điểm h khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. **Điều 4. Điều kiện về tài chính, kỹ thuật quy định tại điểm d khoản 5 Điều 23 Nghị định số72/2013/NĐ-CP cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội** 1. Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội phải có phương án tài chính bảo đảm thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều này để duy trì hoạt động trong thời gian giấy phép có hiệu lực. 2. Điều kiện về kỹ thuật Thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau: a) Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp: Lưu trữ tối thiểu 90 (chín mươi) ngày đối với nội dung thông tin tổng hợp kể từ thời điểm đăng tải; lưu trữ tối thiểu 02 (hai) năm đối với nhật ký xử lý thông tin được đăng tải;

	b) Đối với mạng xã hội: Lưu trữ tối thiểu 02 (hai) năm đối với các thông tin về tài khoản, thời gian đăng nhập, đăng xuất, địa chỉ IP của người sử dụng và nhật ký xử lý thông tin được đăng tải; c) Tiếp nhận và xử lý cảnh báo thông tin vi phạm từ người sử dụng; d) Phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn truy nhập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng và tuân theo những tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thông tin; đ) Có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, trừ những trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật; e) Đảm bảo phải có ít nhất 01 (một) hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, cho phép tại thời điểm bất kỳ cũng có thể đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin trên toàn bộ các trang thông tin tiện tử, mạng xã hội do tổ chức, doanh nghiệp sở hữu theo quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều này. 3. Ngoài việc bảo đảm các điều kiện kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều này, hệ thống kỹ thuật thiết lập mạng xã hội phải có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau: a) Thực hiện đăng ký, lưu trữ thông tin cá nhân của thành viên quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư này. b) Thực hiện việc xác thực người sử dụng dịch vụ thông qua tin nhắn gửi đến số điện thoại hoặc đến hộp thư điện tử khi đăng ký sử dụng dịch vụ hoặc thay đổi thông tin cá nhân. c) Ngăn chặn hoặc loại bỏ thông tin vi phạm các quy định tại Điều 5 Nghị định số 72/2013/NĐ-CPkhi có yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; d) Thiết lập cơ chế cảnh báo thành viên khi đăng thông tin có nội dung vi phạm (bộ lọc); đ) Sẵn sàng kết nối, xác thực thông tin cá nhân với cơ sở dữ liệu điện tử về chứng minh nhân dân hoặc hệ thống mã số cá nhân quốc gia theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. **Điều 5. Điều kiện về quản lý thông tin và tên miền quy định tại điểm c, đ khoản 5 Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội** 1. Điều kiện về quản lý thông tin đối với trang thông tin điện tử tổng hợp. a) Có quy trình quản lý thông tin công cộng: Xác định phạm vi nguồn thông tin khai thác, cơ chế quản lý, kiểm tra thông tin trước và sau khi đăng tải; b) Có cơ chế kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải phải chính xác theo đúng thông tin nguồn; c) Có cơ chế phối hợp để có thể loại bỏ ngay nội dung vi phạm khoản 1 Điều 5 Nghị định72/2013/NĐ-CP chậm nhất sau 03 (ba) giờ kể từ khi tự

	phát hiện hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bằng văn bản, điện thoại, email); 2. Điều kiện về quản lý thông tin đối với mạng xã hội: a) Có thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội phù hợp theo các quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và được đăng tải trên trang chủ của mạng xã hội; b) Bảo đảm người sử dụng phải đồng ý thỏa thuận sử dụng dịch vụ mạng xã hội bằng phương thức trực tuyến thì mới có thể sử dụng được các dịch vụ, tiện ích của mạng xã hội; c) Có cơ chế phối hợp để có thể loại bỏ ngay nội dung vi phạm khoản 1 Điều 5 Nghị định72/2013/NĐ-CP chậm nhất sau 03 (ba) giờ kể từ khi tự phát hiện hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bằng văn bản, điện thoại, email); d) Có biện pháp bảo vệ bí mật thông tin riêng, thông tin cá nhân của người sử dụng; đ) Bảo đảm quyền quyết định của người sử dụng trong việc cho phép thu thập thông tin cá nhân của mình hoặc cung cấp cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác. 3. Điều kiện về tên miền: a) Đối với tổ chức, doanh nghiệp không phải là cơ quan báo chí, dãy ký tự tạo nên tên miền không được giống hoặc trùng với tên cơ quan báo chí. b) Trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội của cùng một tổ chức, doanh nghiệp không được sử dụng cùng một tên miền. c) Tên miền phải còn thời hạn sử dụng ít nhất là 06 (sáu) tháng tại thời điểm đề nghị cấp phép và phải tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet. **Thông tư 03/2014/TT-BTTTT** **Điều 2. Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT**
135. Kinh doanh trò chơi trên mạng	**Thông tư 24/2014/TT-BTTTT** **Điều 12. Điều kiện về tổ chức, nhân sự cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1** Điều kiện về tổ chức, nhân sự quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP được hiểu như sau: 1. Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng. 2. Có đội ngũ nhân sự quản trị trò chơi điện tử phù hợp với quy mô hoạt động, bảo đảm tối thiểu 01(một) nhân sự quản trị 2 (hai) máy chủ. 3. Có nhân sự tốt nghiệp đại học trở lên chịu trách nhiệm về quản lý hoạt động cung cấp trò chơi điện tử. **Điều 13. Điều kiện về kỹ thuật cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1** Điều kiện về kỹ thuật quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định

	số 72/2013/NĐ-CP được hiểu như sau: 1. Hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử cho tất cả các trò chơi của doanh nghiệp bảo đảm đáp ứng các điều kiện sau: a) Có khả năng lưu trữ, cập nhật đầy đủ thông tin cá nhân của người chơi theo quy định tại Điều 6 Thông tư này; b) Hệ thống quản lý thanh toán cho các trò chơi điện tử của doanh nghiệp phải đặt tại Việt Nam và kết nối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ thanh toán của Việt Nam, bảo đảm cập nhật, lưu trữ chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình; c) Quản lý thời gian chơi của người chơi từ 00h00 đến 24h00 hàng ngày và bảo đảm tổng thời gian sử dụng tất cả các trò chơi điện tử G1 của một doanh nghiệp đối với mỗi người chơi dưới 18 tuổi không quá 180 phút trong 24 giờ mỗi ngày; d) Hiển thị được kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi đối với tất cả các trò chơi do doanh nghiệp cung cấp khi giới thiệu, quảng cáo trò chơi, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử; có thông tin khuyến cáo với nội dung "Chơi quá 180 phút một ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe" tại vị trí dễ nhận biết ở diễn đàn của trò chơi và trên màn hình thiết bị của người chơi trong suốt quá trình chơi. 2. Có phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ, bảo đảm quyền lợi của người chơi. 3. Có biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý nội dung diễn đàn trò chơi (nếu có), tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội. 4. Có phương án dự phòng về thiết bị và kết nối, phương án sao lưu dữ liệu để bảo đảm an toàn hệ thống khi có sự cố xảy ra. 5. Có phương án bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bí mật thông tin cá nhân của người chơi. **Điều 17. Điều kiện cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1** Doanh nghiệp được cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 khi đáp ứng các điều kiện sau đây: 1. Trò chơi điện tử có nội dung kịch bản không vi phạm các quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này; kết quả tự phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi của doanh nghiệp phù hợp với nội dung, kịch bản trò chơi theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này. 2. Có nhân sự tốt nghiệp từ đại học trở lên quản lý nội dung trò chơi và diễn đàn người chơi. 3. Có phương án kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây:

	a) Cung cấp và hiển thị liên tục thông tin về kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi; thông tin khuyến cáo "Chơi quá 180 phút một ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe" tại nơi dễ nhận biết ở diễn đàn của trò chơi và trên màn hình thiết bị trong quá trình chơi; b) Quản lý hội thoại người chơi theo quy định của pháp luật về quản lý mạng xã hội tại Nghị định số72/2013/NĐ-CP và Thông tư số 09/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội. 4. Có biện pháp quản lý thông tin tài khoản của người chơi đáp ứng yêu cầu sau đây: a) Kết nối trực tiếp đồng bộ với hệ thống quản lý thông tin cá nhân của người chơi; b) Kết nối trực tiếp đồng bộ với hệ thống thanh toán dịch vụ trò chơi chung của doanh nghiệp; c) Lưu trữ đầy đủ, cập nhật liên tục, chính xác thông tin về quá trình sử dụng dịch vụ của người chơi bao gồm: tên tài khoản, thời gian sử dụng dịch vụ, các thông tin có liên quan đến việc sở hữu vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng của người chơi. 5. Có phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ, bảo đảm an toàn hệ thống khi có sự cố xảy ra. **Điều 21. Điều kiện về tổ chức, nhân sự cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4** Điều kiện về tổ chức, nhân sự quy định tại Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP được hiểu như sau: 1. Có trụ sở chính với địa chỉ và số điện thoại liên hệ rõ ràng. 2. Có nhân sự chịu trách nhiệm về quản lý hoạt động cung cấp trò chơi điện tử tốt nghiệp đại học trở lên. 3. Có đội ngũ nhân sự quản trị trò chơi điện tử phù hợp quy mô hoạt động và loại hình cung cấp dịch vụ. **Điều 22. Điều kiện về kỹ thuật cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4** Điều kiện về kỹ thuật quy định tại Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP được hiểu như sau: 1. Hệ thống quản lý thanh toán cho các trò chơi điện tử (nếu có) của doanh nghiệp phải đặt tại Việt Nam và kết nối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ thanh toán của Việt Nam, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình. 2. Có phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ và quyền lợi của người chơi.
137. Kinh	Thông tư 09/2014/TT-BTTTT

doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	**Điều 3. Điều kiện về nhân sự quy định tại điểm b khoản 5 Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội.** 1. Điều kiện về nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin. a) Người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý nội dung cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội; b) Người chịu trách nhiệm quản lý nội dung phải tốt nghiệp đại học hoặc tương đương trở lên, có quốc tịch Việt Nam. Đối với người nước ngoài, có địa chỉ tạm trú ít nhất 6 tháng tại Việt Nam. c) Người chịu trách nhiệm quản lý nội dung có trách nhiệm cung cấp số điện thoại liên lạc thường xuyên, địa chỉ email cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương để phối hợp xử lý ngay khi cần thiết. d) Người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp có thể giao nhiệm vụ cho cấp phó chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin; đ) Tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội phải thành lập bộ phận quản lý nội dung thông tin. 2. Điều kiện về nhân sự bộ phận kỹ thuật. Bộ phận quản lý kỹ thuật tối thiểu có 01 người đáp ứng quy định tại điểm g, điểm h khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. **Điều 4. Điều kiện về tài chính, kỹ thuật quy định tại điểm d khoản 5 Điều 23 Nghị định số72/2013/NĐ-CP cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội** 1. Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội phải có phương án tài chính bảo đảm thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều này để duy trì hoạt động trong thời gian giấy phép có hiệu lực. 2. Điều kiện về kỹ thuật Thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau: a) Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp: Lưu trữ tối thiểu 90 (chín mươi) ngày đối với nội dung thông tin tổng hợp kể từ thời điểm đăng tải; lưu trữ tối thiểu 02 (hai) năm đối với nhật ký xử lý thông tin được đăng tải; b) Đối với mạng xã hội: Lưu trữ tối thiểu 02 (hai) năm đối với các thông tin về tài khoản, thời gian đăng nhập, đăng xuất, địa chỉ IP của người sử dụng và nhật ký xử lý thông tin được đăng tải; c) Tiếp nhận và xử lý cảnh báo thông tin vi phạm từ người sử dụng; d) Phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn truy nhập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng và tuân theo những tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thông tin;

	đ) Có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, trừ những trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật; e) Đảm bảo phải có ít nhất 01 (một) hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, cho phép tại thời điểm bất kỳ cũng có thể đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin trên toàn bộ các trang thông tin tiện tử, mạng xã hội do tổ chức, doanh nghiệp sở hữu theo quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều này. 3. Ngoài việc bảo đảm các điều kiện kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều này, hệ thống kỹ thuật thiết lập mạng xã hội phải có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau: a) Thực hiện đăng ký, lưu trữ thông tin cá nhân của thành viên quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư này. b) Thực hiện việc xác thực người sử dụng dịch vụ thông qua tin nhắn gửi đến số điện thoại hoặc đến hộp thư điện tử khi đăng ký sử dụng dịch vụ hoặc thay đổi thông tin cá nhân. c) Ngăn chặn hoặc loại bỏ thông tin vi phạm các quy định tại Điều 5 Nghị định số 72/2013/NĐ-CPkhi có yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; d) Thiết lập cơ chế cảnh báo thành viên khi đăng thông tin có nội dung vi phạm (bộ lọc); đ) Sẵn sàng kết nối, xác thực thông tin cá nhân với cơ sở dữ liệu điện tử về chứng minh nhân dân hoặc hệ thống mã số cá nhân quốc gia theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. **Điều 5. Điều kiện về quản lý thông tin và tên miền quy định tại điểm c, đ khoản 5 Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội** 1. Điều kiện về quản lý thông tin đối với trang thông tin điện tử tổng hợp. a) Có quy trình quản lý thông tin công cộng: Xác định phạm vi nguồn thông tin khai thác, cơ chế quản lý, kiểm tra thông tin trước và sau khi đăng tải; b) Có cơ chế kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải phải chính xác theo đúng thông tin nguồn; c) Có cơ chế phối hợp để có thể loại bỏ ngay nội dung vi phạm khoản 1 Điều 5 Nghị định72/2013/NĐ-CP chậm nhất sau 03 (ba) giờ kể từ khi tự phát hiện hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bằng văn bản, điện thoại, email); 2. Điều kiện về quản lý thông tin đối với mạng xã hội: a) Có thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội phù hợp theo các quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và được đăng tải trên trang chủ của mạng xã hội; b) Bảo đảm người sử dụng phải đồng ý thỏa thuận sử dụng dịch vụ mạng

	xã hội bằng phương thức trực tuyến thì mới có thể sử dụng được các dịch vụ, tiện ích của mạng xã hội; c) Có cơ chế phối hợp để có thể loại bỏ ngay nội dung vi phạm khoản 1 Điều 5 Nghị định72/2013/NĐ-CP chậm nhất sau 03 (ba) giờ kể từ khi tự phát hiện hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bằng văn bản, điện thoại, email); d) Có biện pháp bảo vệ bí mật thông tin riêng, thông tin cá nhân của người sử dụng; đ) Bảo đảm quyền quyết định của người sử dụng trong việc cho phép thu thập thông tin cá nhân của mình hoặc cung cấp cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác. 3. Điều kiện về tên miền: a) Đối với tổ chức, doanh nghiệp không phải là cơ quan báo chí, dãy ký tự tạo nên tên miền không được giống hoặc trùng với tên cơ quan báo chí. b) Trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội của cùng một tổ chức, doanh nghiệp không được sử dụng cùng một tên miền. c) Tên miền phải còn thời hạn sử dụng ít nhất là 06 (sáu) tháng tại thời điểm đề nghị cấp phép và phải tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet. **Thông tư 03/2014/TT-BTTTT** **Điều 2. Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT**
139. Kinh doanh dịch vụ truyền hình theo yêu cầu	**Thông tư 19/2009/TT-BTTTT** **Điều 9. Điều kiện của đối tác liên kết** 1. Có tư cách pháp nhân và đăng ký kinh doanh theo pháp luật Việt Nam. 2. Đã sản xuất hoặc tham gia sản xuất tối thiểu 03 (ba) chương trình phát thanh, truyền hình được phát sóng khi thực hiện hình thức liên kết quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Thông tư này. 3. Có phương án bảo đảm nguồn lực tài chính, nhân sự và cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết để thực hiện Hợp đồng liên kết.

LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/quyết định
145. Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên	**Điều 8 Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT** **Điều 8.** Điều kiện thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên Trung tâm giáo dục thường xuyên được thành lập khi có đủ các điều kiện sau: 1. Việc thành lập trung tâm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương; phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục; có tính khả thi và hiệu quả; đáp ứng nhu cầu học tập của cộng đồng. 2. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 25 của Quy chế này. 3. Có địa điểm để xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định tại Điều 35, Điều 38 của Quy chế này. **Điều 13.** Giám đốc 1. Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên là người trực tiếp quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về hoạt động của trung tâm. 2. Giám đốc là người có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực quản lý, tốt nghiệp đại học và công tác trong ngành giáo dục ít nhất 5 năm. 3. Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên được bổ nhiệm và bổ nhiệm lai theo nhiệm kỳ; mỗi nhiệm kỳ là 5 năm. 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc giám đốc sở giáo dục và đào tạo theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên. 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên: a) Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá việc thực hiện kế hoạch nhằm hoàn thành các nhiệm vụ của trung tâm; b) Quản lý cơ sở vật chất và các tài sản của trung tâm; c) Quản lý nhân viên, giáo viên và học viên của trung tâm; d) Bổ nhiệm các trưởng phòng, phó phòng, tổ trưởng, tổ phó;

	thành lập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chuyên môn, nghiệp vụ; đ) Quản lý tài chính, quyết định thu chi và phân phối các thành quả lao động, thực hành kỹ thuật, dịch vụ theo quy định; e) Ký học bạ, các giấy chứng nhận trình độ học lực và kỹ thuật, nghề nghiệp, chứng chỉ giáo dục thường xuyên cho học viên học tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; g) Được hưởng các chế độ theo quy định. **Điều 14.** Phó giám đốc 1. Phó giám đốc là người giúp việc cho giám đốc, có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực quản lý, tốt nghiệp đại học, công tác trong ngành giáo dục ít nhất 5 năm. 2. Phò giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ; mỗi nhiệm kỳ là 5 năm. 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc giám đốc sở giáo dục và đào tạo theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm phó giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên theo đề nghị của giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên. 4. Phó giám đốc có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: a) Thực hiện và chịu trách nhiệm trước giám đốc về những việc được phân công; b) Chịu trách nhiệm trước cấp trên về các hoạt động có liên quan của trung tâm; c) Thay mặt giám đốc điều hành hoạt động của trung tâm khi được giám đốc ủy quyền; d) Được hưởng các chế độ theo quy định. **Điều 25.** Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên 1. Giáo viên của trung tâm giáo dục thường xuyên tham gia giảng dạy các chương trình giáo dục thường xuyên để lấy văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân phải có trình độ đạt chuẩn như quy định đối với giáo viên dạy cùng cấp học của giáo dục chính quy, cụ thể như sau: a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm đối với giáo viên dạy chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ; b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở; c) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ

	th6ng; d) Có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc là nghệ nhân, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao đối với giáo viên hướng dẫn thực hành nghề nghiệp; đ) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học chuyên ngành ngoại ngữ hoặc tin học đối với giáo viên dạy chương trình bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học. **Điều 35.** Cơ sở vật chất 1. Trung tâm giáo dục thường xuyên phải có đủ các phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, phòng thực hành lao động sản xuất đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập. 2. Trung tâm giáo dục thường xuyên phải có biển hiệu của trung tâm. Biển hiệu của trung tâm gồm những nội dung chính sau đây: a) Phía trên bên trái: tên cơ quan quản lý trực tiếp trung tâm; b) Phía giữa: tên trung tâm; c) Phía dưới cùng: địa chỉ của trung tâm, điện thoại, FAX (nếu có). **Điều 38.** Thiết bị giáo dục, thư viện 1. Trung tâm giáo dục thường xuyên phải có các thiết bị dạy học và phòng thí nghiệm theo yêu cầu của việc thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên. 2. Thiết bị giáo dục và sách, tạp chí tại thư viện phải được quản lý, sử dụng có hiệu quả theo quy định.
Hoạt động của trung tâm tin học ngoại ngữ	**Thông tư 03/2011/TT-BGDĐT** **Điều 7. Điều kiện thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học** **Điều 7. Điều kiện thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học** 1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. 2. Đề án thành lập trung tâm xác định rõ: mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung đào tạo, bồi dưỡng; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển trung tâm. **Điều 12. Điều kiện để đào tạo, bồi dưỡng** 1. Trình độ chuyên môn và trình độ sư phạm của giáo viên, kỹ thuật viên, giảng dạy lý thuyết, thực hành theo quy định tại Điều 30 của Quy chế này. Số lượng giáo viên phải đảm bảo tỉ lệ trung bình không quá 25 học viên/ 1 giáo viên/ca học.

	2. Có đủ phòng học, phòng chức năng phù hợp, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; phòng làm việc cho bộ máy hành chính theo cơ cấu tổ chức của trung tâm để phục vụ công tác quản lý, đào tạo. Phòng học đủ ánh sáng, có diện tích tối thiểu đảm bảo 1,5m^2/học viên/ca học. 3. Có giáo trình, tài liệu, thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập theo yêu cầu của chương trình đào tạo; có thư viện, cơ sở thí nghiệm, thực tập, thực hành và các cơ sở vật chất khác đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ. 4. Có khu vực cho cán bộ, giáo viên và học viên nghỉ giải lao, nghỉ giữa giờ. 5. Được cơ quan có thẩm quyền cho phép.
Điều kiện hoạt động của tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động ngoài giờ chính khóa	**Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT** **Chương II** **ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG** **VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA** **Điều 4. Cơ sở vật chất** 1. Có phòng học, phòng chức năng có đủ ánh sáng, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh trường học theo quy định. 2. Thiết bị dạy học phải bảo đảm an toàn, phù hợp với nội dung dạy học, hoạt động và tâm lý lứa tuổi người học. **Điều 5. Giáo viên, báo cáo viên, huấn luyện viên** 1. Có đủ điều kiện về sức khoẻ. 2. Có phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 3. Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan. **Điều 6. Giáo trình, tài liệu** Có đủ giáo trình, tài liệu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc phê duyệt. Nếu giáo trình, tài liệu tự lựa chọn hoặc tự xây dựng thì phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động hoặc cơ quan xác nhận đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này chấp thuận; đảm bảo yêu cầu, có nội dung phù hợp với

	thuần phong mỹ tục Việt Nam, không trái với các quy định của pháp luật.
146. Hoạt động của trung tâm giáo dục Quốc phòng - An ninh sinh viên	**Điều 5 Quyết định số 82/2007/QĐ-BGDĐT** **Điều 5. Điều kiện thành lập Trung tâm GDQP-AN** 1. Có đề án thành lập Trung tâm GDQP-AN trong dự án quy hoạch phát triển tổng thể của trường; 2. Nơi thành lập Trung tâm GDQP-AN phải có nhiều trường đại học, cao đẳng hoặc địa bàn trọng điểm; 3. Có mặt bằng và cơ sở vật chất bảo đảm cho sinh viên ăn, ở và học tập tập trung theo nếp sống quân sự; đồng thời có thể mở rộng để đáp ứng yêu cầu phát triển quy mô đào tạo; 4. Đủ điều kiện về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và thiết bị dạy học.
147. Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông	**Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học** **Khoản 1 Điều 9 Điều lệ Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT**
	Có Đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
	Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường
	Điều kiện để được cho phép hoạt động giáo dục
	Khoản 2Điều 9 Điều lệ Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT
	Có quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường
	Có đất đai, trường sở,cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục
	Địa điểm của trường bảo đảm môi trường giáo dục, an toàn cho học sinh, giáo viên, cán bộ và nhân viên
	Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định phù hợp với mỗi cấp học

	Có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học; đủ về số lượng theo cơ cấu về loại hình giáo viên đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục
	Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động giáo dục
	Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường
Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập, điều kiện hoạt động hoặc cho phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học	**Thông tư 41/2010/TT-BGDĐT** **Điều 9. Điều kiện thành lập trường tiểu học và điều kiện để được cho phép hoạt động giáo dục** 1. Trường tiểu học được thành lập khi có đủ các điều kiện sau: a) Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo thuận lợi cho trẻ em đến trường nhằm đảm bảo thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học; b) Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính. 2. Nhà trường được phép hoạt động giáo dục khi có đủ các điều kiện sau: a) Có quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường; b) Địa điểm xây dựng trường đảm bảo môi trường giáo dục, an toàn cho người học, người dạy và người lao động; c) Có đất đai, trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục; d) Có tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định phù hợp với cấp học; e) Có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí đạt tiêu chuẩn, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục; g) Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động giáo dục; h) Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. 3. Trong thời hạn quy định cho phép, nếu nhà trường có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 của Điều này thì được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục; hết thời hạn quy định cho phép, nếu không đủ điều kiện thì quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập bị thu hồi. **Điều 16. Điều kiện và trình tự, thủ tục đăng kí thành lập cơ sở**

	giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học 1. Tổ chức, cá nhân đăng kí thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập khi đảm bảo các điều kiện sau: a) Hỗ trợ yêu cầu phổ cập giáo dục tiểu học của địa phương; b) Được một trường tiểu học nhận bảo trợ và giúp cơ quan có thẩm quyền quản lí về các hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 của Điều lệ này; c) Có giáo viên theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 36 của Điều lệ này; d) Có phòng học theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này. **Điều 18. Tổ chuyên môn** 1. Tổ chuyên môn bao gồm giáo viên, viên chức làm công tác thư viện, thiết bị giáo dục. Mỗi tổ có ít nhất 3 thành viên. Tổ chuyên môn có tổ trưởng, nếu có từ 7 thành viên trở lên thì có một tổ phó. **Điều 19. Tổ văn phòng** 1. Mỗi trường tiểu học có một tổ văn phòng gồm các viên chức làm công tác y tế trường học, văn thư, kế toán, thủ quỹ và nhân viên khác **Điều 27. Chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học** 1. Trường tiểu học thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện kế hoạch thời gian năm học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. 2. Căn cứ vào kế hoạch giáo dục và kế hoạch thời gian năm học, nhà trường cụ thể hoá các hoạt động giáo dục và hoạt động dạy học, xây dựng thời khoá biểu phù hợp với tâm lí, sinh lí lứa tuổi học sinh và điều kiện của địa phương. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định của Chính phủ. Học sinh khuyết tật học hoà nhập được thực hiện kế hoạch dạy học linh hoạt phù hợp với khả năng của từng cá nhân và Quy định về giáo dục hoà nhập dành cho người khuyết tật. **Điều 28. Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo** 1. Sách giáo khoa sử dụng trong giảng dạy học tập theo chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. 2. Nhà trường trang bị tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của giáo viên; khuyến khích giáo viên sử dụng tài liệu tham khảo để nâng cao chất lượng giáo dục. Mọi tổ chức, cá nhân không được ép buộc học sinh phải mua tài liệu tham

	khảo. **Điều 29. Hoạt động giáo dục** 1. Hoạt động giáo dục bao gồm hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm rèn luyện đạo đức, phát triển năng lực, bồi dưỡng năng khiếu, giúp đỡ học sinh yếu phù hợp đặc điểm tâm lí, sinh lí lứa tuổi học sinh tiểu học. 2. Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. 3. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm hoạt động ngoại khoá, hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan du lịch, giao lưu văn hoá; hoạt động bảo vệ môi trường; lao động công ích và các hoạt động xã hội khác. **Điều 30. Hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục trong trường** 1. Đối với nhà trường: a) Sổ đăng bộ; b) Sổ phổ cập giáo dục tiểu học; c) Sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh; hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật (nếu có); d) Học bạ của học sinh; e) Sổ nghị quyết và kế hoạch công tác; g) Sổ quản lí cán bộ, giáo viên, nhân viên; h) Sổ khen thưởng, kỉ luật; i) Sổ quản lí tài sản, tài chính; k) Sổ quản lí các văn bản, công văn. 2. Đối với giáo viên: a) Giáo án (bài soạn); b) Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn và dự giờ; c) Sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp); d) Sổ công tác Đội (đối với Tổng phụ trách Đội). 3. Đối với tổ chuyên môn: Sổ ghi nội dung các cuộc họp chuyên môn. **Điều 31. Đánh giá, xếp loại học sinh** 1. Trường tiểu học tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh trong quá trình học tập và rèn luyện theo Quy định về đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; tổ chức cho giáo viên bàn giao chất lượng giáo dục học sinh cuối năm học cho giáo viên dạy lớp trên của năm học sau.

	2. Học sinh học hết chương trình tiểu học có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được Hiệu trưởng trường tiểu học xác nhận trong học bạ Hoàn thành chương trình tiểu học. 3. Đối với cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học, học sinh học hết chương trình tiểu học có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì Hiệu trưởng trường tiểu học được giao trách nhiệm bảo trợ cơ sở giáo dục đó xác nhận trong học bạ Hoàn thành chương trình tiểu học. Đối với học sinh do hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện đến trường, theo học ở cơ sở khác trên địa bàn, học sinh ở nước ngoài về nước, được Hiệu trưởng trường tiểu học nơi tổ chức kiểm tra cấp giấy xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học. **Điều 36. Chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp của giáo viên** 1. Chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học là có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm. Năng lực giáo dục của giáo viên tiểu học được đánh giá dựa theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học 2. Giáo viên tiểu học có trình độ đào tạo trên chuẩn, có năng lực giáo dục cao được hưởng chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước; được tạo điều kiện để phát huy tác dụng trong giảng dạy và giáo dục. Giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo được nhà trường, các cơ quan quản lí giáo dục tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng đạt chuẩn trình độ đào tạo để bố trí công việc phù hợp **Điều 46. Phòng học** 1. Phòng học phải đảm bảo đúng quy cách, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi. 2. Phòng học có các thiết bị sau đây: a) Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; b) Bàn, ghế giáo viên; c) Bảng lớp; d) Hệ thống đèn và hệ thống quạt (ở nơi có điện); e) Hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.
148. Hoạt động giáo dục trung cấp chuyên nghiệp	**Điều kiện thành lập trường trungcấpchuyên nghiệp** **Điều 8 Điều lệ Trường trung cấp chuyên nghiệp(Ban hành kèm theo Thông tư số 54 /2011/TT-BGDĐT)**
	Có Đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt
	Đề án thành lập trường phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương

	trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược, kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường
	Điều kiện cho phép hoạt động giáo dục đối với trường trung cấp chuyên nghiệp **Điều 9 Điều lệ Trường trung cấp chuyên nghiệp(Ban hành kèm theo Thông tư số 54 /2011/TT-BGDĐT)**
	1. Có quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập nhà trường.
	2. Địa điểm xây dựng trường bảo đảm môi trường giáo dục, an toàn cho người học, người dạy và người lao động
	3. Có trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục. Trong đó,diện tích sàn xây dựng không ít hơn $2m^2$/học sinh và tổng diện tích đất của trường không ít hơn 2 héc ta.
	4. Có chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đảm bảo theo quy định về mở ngành đào tạo trình độ TCCN của Bộ Giáo dục và Đào tạo
	5. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục. Đối với trường TCCN tư thục, vốn điều lệ tối thiểu là 22,5 tỷ đồng, được đóng góp bằng các nguồn vốn hợp pháp, không kể giá trị về đất đai.
	6. Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.
	7. Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường có hiệu lực nếu nhà trường có đủ các điều kiện quy định tại Thông tư này thì được các cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục. Sau thời hạn 02 năm kể từ ngày quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường có hiệu lực, nếu trường TCCNkhông được cấp phép hoạt động giáo dục thì quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường hết hiệu lực
149. Hoạt động của các trường chuyên biệt	
Điều kiện thành lập của trường phổ thông dân tộc nội trú	**Quyết định 49/2008/QĐ-BGDĐT** **Điều 8. Điều kiện thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú** 1. Trường PTDTNT được xem xét để quyết định thành lập khi có đủ điều kiện quy định tại Điều lệ trường trung học **Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT** **Điều 9. Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập và điều kiện để được cho phép hoạt động giáo dục**

	1. Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học: a) Có Đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; b) Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. 2. Điều kiện để được cho phép hoạt động giáo dục: a) Có quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường; b) Có đất đai, trường sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục; c) Địa điểm của trường bảo đảm môi trường giáo dục, an toàn cho học sinh, giáo viên, cán bộ và nhân viên; d) Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định phù hợp với mỗi cấp học; đ) Có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học; đủ về số lượng theo cơ cấu về loại hình giáo viên đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục; e) Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động giáo dục; g) Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. 3. Trong thời hạn quy định cho phép, nếu nhà trường có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 của Điều này thì được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục; hết thời hạn quy định cho phép, nếu không đủ điều kiện thì quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập bị thu hồi. 4. Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập đối với trường trung học chuyên biệt được thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.
Điều kiện thành lập của trường phổ thông dân tộc bán trú	**Thông tư 24/2010/TT-BGDĐT** **Điều 7. Điều kiện thành lập trường** Trường PTDTBT được thành lập khi có đủ các điều kiện sau: 1. Có đề án phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy

	hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; 2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng xây dựng và phát triển nhà trường. Trong phương hướng xây dựng và phát triển nhà trường, cần bảo đảm có ít nhất 50% học sinh của trường là người dân tộc thiểu số và ít nhất 25% học sinh (đối với trường PTDTBT tiểu học), 50% học sinh (đối với trường PTDTBT tiểu học và trung học cơ sở, trường PTDTBT trung học cơ sở) là học sinh bán trú, các tỷ lệ này ổn định. **Điều 10. Điều kiện để được cho phép hoạt động giáo dục** 1. Có quyết định thành lập trường. 2. Có đất đai, trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục của trường PTDTBT được quy định tại Điều 5 của Quy chế này. 3. Địa điểm xây dựng trường bảo đảm môi trường giáo dục, an toàn và thuận lợi cho người học, người dạy và nhân viên phục vụ. 4. Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định phù hợp với mỗi cấp học tương ứng. 5. Có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường PTDTBT. 6. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục của trường PTDTBT. 7. Có quy định về tổ chức hoạt động bán trú của trường.
Điều kiện thành lập của trường phổ thông chuyên	**Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT** **Điều 8. Điều kiện thành lập, cho phép thành lập và điều kiện cho phép hoạt động giáo dục của trường chuyên** 1. Điều kiện thành lập, cho phép thành lập: a) Đảm bảo các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học quy định tại Điều lệ trường trung học; b) Đề án thành lập trường xác định phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của trường chuyên quy định tại Điều 2 của Quy chế này; sau 5 năm thành lập phải có ít nhất 40% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ chuyên môn được đào tạo từ thạc sĩ trở lên, không kể giáo viên thỉnh giảng. 2. Điều kiện cho phép hoạt động: a) Đảm bảo các điều kiện cho phép hoạt động giáo dục của trường trung học quy định tại Điều lệ trường trung học;

	b) Có nguồn tuyển sinh ổn định; c) Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định đối với trường chuyên; d) Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ số lượng, phẩm chất, năng lực và trình độ đào tạo theo quy định, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trường chuyên.
150. Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non	**Khoản 1 Điều 7 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường mầm non dân lập(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2012/QĐ-BGDĐT)** Nhà trường, nhà trẻ dân lập được phép thành lập khi có đủ các điều kiện sau:
	Có Đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương, đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt
	Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường
	Có khả năng tài chính, cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển của nhà trường, nhà trẻ dân lập
	Khoản 2 Điều 7 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường mầm non dân lập(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2012/QĐ-BGDĐT) Nhà trường, nhà trẻ dân lập được phép hoạt độnggiáo dục khi có đủ các điều kiện sau
	1. Có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này. Cụ thể: Giáo viên, nhân viên của nhà trường, nhà trẻ dân lập phải có đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và sức khỏe quy định tại Luật Giáo dục và Điều lệ trường mầm non
	2. Có đất đai, trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chủng loại, số lượng, đáp ứng yêu cầu duy trì và phát triển hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 29 của Quy chế này. Cụ thể
	2.1. 1. Nhà trường, nhà trẻ dân lập phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại mục 1, Chương 4, Điều lệ trường mầm non và các yêu cầu cụ thể dưới đây.
	a) Nhà trường, nhà trẻ được đặt tại khu dân cư phù hợp quy hoạch

	chung, thuận lợi cho trẻ em đến trường, lớp; bảo đảm các quy định về an toàn và vệ sinh trường học;
	b) Khuôn viên của nhà trường, nhà trẻ phải có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có cổng bảo đảm an toàn cho trẻ em
	c) Tên nhà trường, nhà trẻ; biển tên nhà trường, nhà trẻ dân lập thực hiện theo qui định tại Điều 7 Điều lệ trường mầm non
	2.2 .Yêu cầu chung về các công trình xây dựng
	a) Các công trình phải bảo đảm đúng quy cách theo tiêu chuẩn quy định và quy định về vệ sinh trường học hiện hành; xây dựng khối nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập với khối phục vụ
	b) Bố trí công trình cần đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo độ tuổi; có lối thoát hiểm và trang bị đầy đủ phương tiện theo quy định về phòng cháy, chữa cháy;
	c) Bảo đảm điều kiện cho trẻ em khuyết tật tiếp cận và sử dụng thuận tiện
	2.3. Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em
	a) Phòng sinh hoạt chung: Diện tích trung bình tối thiểu 1,5m^2 cho một trẻ; đủ ánh sáng, thoáng; mát; nền nhà láng xi măng, lát gạch hoặc gỗ; có các thiết bị tối thiểu sau: - Bàn, ghế của trẻ đúng quy cách và đủ cho số trẻ trong lớp; - Bàn, ghế, bảng cho giáo viên; - Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu; - Hệ thống đèn, quạt; Có thể sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ mẫu giáo.
	b) Phòng ngủ: Diện tích trung bình tối thiểu 1,2m^2 cho một trẻ; bảo đảm yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; có một số đồ dùng tối thiểu sau: giường, chiếu, chăn, gối, màn, quạt ...
	c) Phòng vệ sinh: Diện tích trung bình tối thiểu 0,4 m^2 cho một trẻ; có đủ nước cho trẻ dùng, có vòi nước rửa tay, vòi tắm. Đối với trẻ nhà trẻ có ghế ngồi bô hoặc máng tiểu, bệ xí cho trẻ 24 - 36 tháng. Đối với trẻ mẫu giáo có chỗ đi tiểu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái riêng;
	d) Hiên chơi: Chiều rộng tối thiểu 1,8m; có lan can bao quanh cao 1m, bảo đảm an toàn cho trẻ.
	2.4. Nhà bếp
	a) Có khu sơ chế, chế biến, nấu ăn, chia thức ăn được thiết kế và tổ

	chức theo dây chuyền hoạt động một chiều;
	b) Nhà bếp phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: - Có đủ nước sạch phục vụ sinh hoạt; - Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ em ăn bán trú tại trường; - Bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; có tủ lạnh lưu mẫu thực phẩm của trẻ em ăn bán trú theo quy định; - Bảo đảm việc xử lý các chất thải đúng quy định và yêu cầu phòng chống cháy nổ.
	2. 5. Khối phòng khác
	a) Khối phòng phục vụ học tập: phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng;
	b) Khối phòng hành chính quản trị: văn phòng; phòng ban giám hiệu; phòng hành chính quản trị; phòng y tế
	2.6. Yêu cầu về thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu
	a) Có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu theo danh mục, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được sử dụng có hiệu quả trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Nếu các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu ngoài danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ em mầm non; không nằm trong danh mục cấm nhập khẩu của Chính phủ;
	b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu được bảo quản, sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thường xuyên; có hệ thống sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định tại Điều 25 Điều lệ trường mầm non.
	2. 7. Sân vườn: Có sân chơi, đồ chơi ngoài trời và cây xanh.
	Địa điểm xây dựng nhà trường, nhà trẻ dân lập đảm bảo môi trường giáo dục, an toàn cho trẻ em, giáo viên và người lao động
	Có tài liệu chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
	Có quyết định cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập
	Có Quy chế tổ chức, hoạt động và chi tiêu nội bộ của nhà trường, nhà trẻ dân lập
Cơ sở giáo dục mầm non tư thục	**Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục (Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2008/QĐ/BGDĐT).** **Điều 6 Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục (Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2008/QĐ/BGDĐT).** Nhà trường, nhà trẻ dân lập được phép thành lập khi có đủ các điều

	kiện sau:
1	Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em đi học
2	Có từ ba nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trở lên với số lượng ít nhất 50 trẻ em và có không quá 15 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo
3	Có đủ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo tiêu chuẩn quy định tại Điều14, Điều15 và Điều 22 của Quy chế này. Cụ thể
3.1	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	a) Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị bằng hình thức bỏ phiếu kín và được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận theo đề nghị của phòng giáo dục và đào tạo. Nhiệm kỳ đầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị là 3 năm, những nhiệm kỳ tiếp theo là 5 năm
	b) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có phẩm chất, đạo đức tốt, có bằng trung cấp chuyên nghiệp trở lên, có đủ sức khoẻ, khi được đề cử không quá 65 tuổi, có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn giáo dục mầm non ít nhất là 30 ngày hoặc chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý.
	c) Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể được đề cử đồng thời là Hiệu trưởng nếu có đủ tiêu chuẩn của Hiệu trưởng được quy định tại Điều 15 Quy chế này
3.2	Hiệu trưởng
	1. Hiệu trưởng nhà trường, nhà trẻ tư thục là công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận hoặc miễn nhiệm theo đề nghị của phòng giáo dục và đào tạo, khi được đề cử không quá 65 tuổi. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng là 5 năm
	2. Hiệu trưởng nhà trường, nhà trẻ tư thục phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau
	a) Có bằng trung cấp sư phạm mầm non trở lên
	b) Chấp hành đúng chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước
	c) Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có sức khoẻ tốt, đủ năng lực tổ chức, quản lý theo chức năng nhiệm vụ được giao, có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục
3.3	Tiêu chuẩn của giáo viên, nhân viên
	a) Là công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước;

	b) Có phẩm chất, đạo đức tốt, thương yêu và tôn trọng trẻ em
	c) Sức khoẻ tốt, không mắc bệnh truyền nhiễm
	d) Giáo viên mầm non phải có bằng trung cấp sư phạm mầm non, đối với những người có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm khác, phải có chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm mầm non ít nhất là 30 ngày. Nhân viên y tế, kế toán có bằng trung cấp theo chuyên môn được giao
	e) Đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có trẻ dân tộc thiểu số, người nuôi dạy trẻ phải nói tiếng Việt và có khả năng giao tiếp với trẻ bằng tiếng dân tộc
	g) Đối với những nơi khó khăn, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được thành lập có thể chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của các gia đình, người nuôi dạy trẻ phải được bồi dưỡng chuyên môn giáo dục mầm non tối thiểu 3 tháng do cơ quan quản lý giáo dục địa phương tổ chức. Điều đó phải được ghi cụ thể trong hồ sơ xin thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo
4	Có cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định tại Điều 29 của Quy chế này. Cụ thể
4.1	Nhà trường, nhà trẻ tư thục phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Mục 1, Chương 4, Điều lệ trường mầm non và các yêu cầu cụ thể dưới đây
	a) Nhà trường, nhà trẻ được đặt tại khu dân cư phù hợp quy hoạch chung, thuận lợi cho trẻ em đến trường, lớp; đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh trường học
	b) Khuôn viên của nhà trường, nhà trẻ phải có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có cổng đảm bảo an toàn cho trẻ em
	c) Biển tên nhà trường, nhà trẻ tư thục được ghi bằng tiếng Việt gồm các nội dung sau: - Tên của Uỷ ban nhân dân cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - Tên phòng giáo dục và đào tạo; - Tên riêng của nhà trường hoặc nhà trẻ theo quyết định cho phép thành lập; con dấu và giấy tờ giao dịch; - Địa chỉ, số điện thoại, số quyết định cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ.
4.2	Yêu cầu chung về các công trình xây dựng a) Các công trình phải đảm bảo đúng quy cách về tiêu chuẩn thiết kế và các quy định về vệ sinh trường học hiện hành; xây dựng khối nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập với khối phục vụ
	b) Bố trí công trình cần đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo độ tuổi; có lối thoát hiểm phòng khi

	có sự cố và trang bị đầy đủ phương tiện theo quy định về phòng cháy, chữa cháy
	c) Đảm bảo điều kiện cho trẻ em khuyết tật tiếp cận và sử dụng thuận tiện.
4.3	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em
	a) Phòng sinh hoạt chung: Diện tích trung bình tối thiểu 1,5m^2 cho một trẻ; đủ ánh sáng, thoáng; mát; nền nhà láng xi măng, lát gạch hoặc gỗ; có các thiết bị tối thiểu sau: - Bàn, ghế của trẻ đúng quy cách và đủ cho số trẻ trong lớp; - Bàn, ghế, bảng cho giáo viên; - Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu; - Hệ thống đèn, quạt; Có thể sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ mẫu giáo
	b) Phòng ngủ: Diện tích trung bình tối thiểu 1,2m^2 cho một trẻ; đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; có một số đồ dùng tối thiểu sau: Gường, chiếu, chăn, gối, màn, quạt ...
	c) Phòng vệ sinh: Diện tích trung bình tối thiểu 0,4 m^2 cho một trẻ; có đủ nước cho trẻ dùng, có vòi nước rửa tay, vòi tắm. Đối với trẻ nhà trẻ có ghế ngồi bô hoặc máng tiểu, bệ xí cho trẻ 24 - 36 tháng. Đối với trẻ mẫu giáo có chỗ đi tiểu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái riêng;
	d) Hiên chơi: Chiều rộng tối thiểu 1,8m; có lan can bao quanh cao 1m, đảm bảo an toàn cho trẻ.
4.4	Nhà bếp
	a) Có khu sơ chế, chế biến, nấu ăn, chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều
	b) Nhà bếp phải đảm bảo các yêu cầu sau đây: - Có đủ nước sạch phục vụ sinh hoạt; - Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ em ăn bán trú tại trường; - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; có tủ lạnh lưu mẫu thực phẩm của trẻ em ăn bán trú theo quy định; - Đảm bảo việc xử lý các chất thải đúng quy định và yêu cầu phòng chống cháy nổ.
4.5	Khối phòng khác
	a) Khối phòng phục vụ học tập: Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng

	b) Khối phòng hành chính quản trị: Văn phòng; phòng ban giám hiệu; phòng hành chính quản trị; phòng Y tế
4.6	Yêu cầu về thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu
	a) Có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu theo danh mục, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được sử dụng có hiệu quả trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Nếu các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu ngoài danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ em mầm non; không nằm trong danh mục cấm nhập khẩu của Chính phủ
	b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu được bảo quản, sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thường xuyên; có hệ thống sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định tại Điều 25 Điều lệ trường mầm non
4.7	Sân vườn: Có sân chơi, đồ chơi ngoài trời và cây xanh

LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/ Quyết
153. Khai thác thủy sản	**Thông tư 02/2006/TT-BNNPTNT: Khoản 2 mục II** a) Có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 20 sức ngựa trở lên hoặc không lắp máy có chiều dài đường nước thiết kế từ 15 m trở lên; việc đăng ký các loại tàu cá không lắp máy có trọng tải trên 0,5 tấn, chiều dài dưới 15m hoặc tàu lắp máy có công suất máy chính dưới 20 CV thực hiện theo Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về bảo đảm an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản (sau đây gọi chung là Nghị định số 66/2005/NĐ-CP) và Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn[3] hướng dẫn thực hiện Nghị định này b) Có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với loại tàu cá được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 66/2005/NĐ-CP và phải còn thời hạn sử dụng c) Có Sổ danh bạ thuyền viên đối với tàu cá hoạt động tại các tuyến khai thác được quy định tại khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 66/2005/NĐ-CP d) Có Bằng thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đ. Có nghề khai thác và ngư cụ khai thác phù hợp với quy định của Bộ Thủy sản và quy định của UBND cấp tỉnh đã được sự đồng ý của Bộ Thủy sản. Bộ Thủy sản quy định: - Không được sử dụng ngư cụ khai thác thuỷ sản có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định tại Phụ lục 2, Phụ lục 3 của Thông tư này; - Phương tiện làm các nghề khai thác thuỷ sản kết hợp ánh sáng phải thực hiện quy định về việc sử dụng nguồn sáng trong khai thác thuỷ sản như sau: + Tại tuyến bờ: tổng công suất các cụm chiếu sáng của mỗi đơn vị khai thác không được vượt quá 200 W với nghề rớ (vó cất lưới

	bằng trục quay tay), 500 W với nghề câu mực. + Tại tuyến lộng: tổng công suất các cụm chiếu sáng của mỗi đơn vị khai thác làm các nghề lưới vây, vó, mành, câu mực, chụp mực, pha xúc không được vượt quá 5.000 W; công suất của mỗi bóng đèn dùng trong nghề pha xúc không được vượt quá 2000 W và vị trí lắp đặt đèn pha phải cách mặt nước trên 1,2 m. + Tại tuyến khơi: chưa quy định hạn chế tổng công suất các cụm chiếu sáng và giới hạn công suất của mỗi bóng đèn. + Khoảng cách giữa điểm đặt cụm sáng với các cụm chà rạo hoặc nghề cố định không được dưới 500 m. e) Ngoài các điều kiện nêu tại các điểm a, b, c, d và đ của khoản này còn phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khai thác thủy sản theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Thủy sản, trừ trường hợp không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 109/2004/NĐ-CP. - Thông tư 02/2006/TT-BNNPTNT: Khoản 2 mục II, khoản 3 mục II **- Thông tư 62/2008/TT-BNNPTNT: Khoản 2** ***(sửa đổi bổ sung Điểm c, Khoản 3, Mục II Thông tư 02/2006/TT-*** 3. Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định, tổ chức, cá nhân không được cấp Giấy phép khai thác thủy sản trong các trường hợp sau: a) Khai thác thủy sản tại khu vực cấm khai thác của các khu bảo tồn biển, khu bảo tồn vùng nước nội địa; các khu vực cấm khai thác có thời hạn trong năm được quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này và các quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn[3]. b) Khai thác những đối tượng bị cấm khai thác, cấm khai thác có thời hạn (vào thời gian cấm khai thác) được quy định tại Phụ lục 5, Phụ lục 6 của Thông tư này và các văn bản quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn[3]; khai thác các loài thủy sản mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố trữ lượng nguồn lợi bị suy giảm nghiêm trọng hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng trong thời hạn còn hiệu lực của quyết định công bố; khai thác các loài thủy sản sống trong vùng nước tự nhiên để làm giống có kích thước nhỏ hơn kích

	thước tối thiểu cho phép khai thác được quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này, trừ trường hợp được cơ quan quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp tỉnh cho phép; c) Những hoạt động khai thác thủy sản bị cấm bao gồm: - Các hoạt động khai thác thủy sản sử dụng chất nổ, điện, công cụ kích điện hoặc tạo xung điện, hóa chất hoặc chất độc; - Sử dụng các loại nghề hoặc công cụ chuyên khai thác cá nóc; - Các nghề sử dụng ngư cụ có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định tại điểm đ Khoản 2 Mục II của Thông tư này; - Các nghề và loại tàu khai thác thủy sản bị cấm hoạt động trong một số tuyến khai thác: + Tại tuyến bờ cấm các nghề: lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc ở tầng nước mặt), nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề rớ, câu tay mực) và các nghề khác mà UBND cấp tỉnh quy định đã được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các nghề khai thác thủy sản sử dụng tàu cá có công suất máy chính hoặc chiều dài đường nước thiết kế lớn hơn quy định tại Nghị định của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển. + Tại tuyến lộng cấm các nghề kết hợp ánh sáng sử dụng công suất nguồn sáng vượt quá quy định tại điểm đ khoản 2 Mục II của Thông tư số 02/2006/TT-BTS; các nghề khai thác thủy sản sử dụng tàu cá có công suất máy lớn hơn quy định tại Nghị định số 123/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển. d) Các tàu khai thác thủy sản đóng mới có công suất máy chính hoặc sử dụng các nghề bị cấm phát triển theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn[3] hoặc quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn[3]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn[3] quy định cấm phát triển: - Các nghề kết hợp ánh sáng hoạt động tại tuyến bờ và tuyến lộng; - Các nghề te, xiệp, xịch, đáy trong sông, đáy biển; - Tàu lắp máy có công suất dưới 90 sức ngựa làm nghề lưới kéo

	cá; - Tàu lắp máy dưới 30 sức ngựa làm các nghề khác.
154. Kinh doanh ngư cụ và trang thiết bị khai thác thuỷ sản	
	Thông tư 02/2006/TT-BNN: Điểm a, c Khoản 1 mục III a) Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định, nhà xưởng, kho chứa, trang thiết bị, hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn và khí thải của cơ sở sản xuất ngư cụ và trang thiết bị khai thác thủy sản phải bảo đảm tiêu chuẩn bảo vệ môi trường theo quy định tại các Tiêu chuẩn Việt Nam số 6.1 và 6.2 Mục 6 Phụ lục 11 của Thông tư này. c) Thực hiện quy định tại khoản 6 Điều 9 của Nghị định, cơ sở sản xuất kinh doanh ngư cụ và trang thiết bị khai thác thủy sản phải tuân thủ quy định sau đây: 6.1. - Không được sản xuất, kinh doanh ngư cụ khai thác thủy sản có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định tại điểm đ khoản 2 Mục II Thông tư này; 6.2. - Không được sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ, kíp nổ, dây cháy chậm, công cụ kích điện hoặc tạo xung điện. 6.3. - Không được sản xuất, kinh doanh các loại ngư cụ, trang thiết bị khai thác thủy sản bị cấm sử dụng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn[3] hoặc quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn[3]. **Thông tư 62/2008/TT-BNNPTNT: Khoản 5** ***(sửa đổi Điểm b Khoản 1 mục III Thông tư 02/2006/TT-BNNPTNT*** b. Đối với hàng hoá là ngư cụ (bao gồm cả nguyên liệu để chế tạo ngư cụ) và trang thiết bị khai thác thủy sản thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 89/2006/NĐ - CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về Nhãn hàng hoá và văn bản hướng dẫn Nghị định này
155. Kinh doanh thủy sản	
	1. Điều kiện đối với cơ giống thủy sản **Thông tư 02/2006/TT-BNN: Điểm a, b, c, d, đ, e Khoản 3 mục III** Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả dịch vụ lưu giữ) giống thủy sản phải có đủ các điều kiện theo quy định

	tại Điều 11 của Nghị định, cụ thể như sau: a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống thủy sản phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền cấp (điểm a Khoản 1 Điều 11), trừ trường hợp có thu nhập thấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 109/2004/NĐ-CP; b) Cơ sở vật chất kỹ thuật và các trang thiết bị kỹ thuật, hệ thống cấp và thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, phương tiện vận chuyển, lưu giữ của cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và vệ sinh thú y; yêu cầu về bảo vệ môi trường (điểm c Khoản 1 Điều 11) theo quy định pháp luật hiện hành. Các quy định pháp luật đã được ban hành và được quy định tại Thông tư này: - Các Tiêu chuẩn Việt Nam và Tiêu chuẩn Ngành đã được ban hành nêu tại mục 1, mục 2 Phụ lục 11 của Thông tư này; - Quy định tại Phụ lục 12, Phụ lục 13 của Thông tư này. c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh đàn giống bố mẹ, đàn giống thương phẩm phải có nhân viên kỹ thuật có chứng chỉ đã được đào tạo về kỹ thuật nuôi trồng thuỷ sản do các Viện, Trung tâm nghiên cứu về nuôi trồng thuỷ sản hoặc các trường có đào tạo về nuôi trồng thuỷ sản cấp, trừ trường hợp nhân viên kỹ thuật đã có trình độ trung cấp trở lên về nuôi trồng thủy sản (điểm d Khoản 1 Điều 11). d) Cơ sở sản xuất giống thủy sản phải thực hiện đúng quy trình kỹ thuật bắt buộc áp dụng đối với sản xuất giống thủy sản theo quy định của Bộ Thủy sản (điểm g Khoản 1 Điều 11). Bộ Thủy sản đã ban hành quy trình kỹ thuật khuyến khích áp dụng đối với việc sản xuất một số giống thủy sản (Mục 3 Phụ lục 11 của Thông tư này). đ) Cơ sở sản xuất, kinh doanh đực giống, cái giống thủy sản; tinh, phôi, trứng giống và ấu trùng động vật thủy sản phải có nhân viên kỹ thuật có chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phôi, ấp trứng và công nghệ nhân giống thủy sản do các viện, trung tâm nghiên cứu về nuôi trồng thuỷ sản hoặc các trường có đào tạo về nuôi trồng thuỷ sản cấp (điểm b khoản 2 Điều 11). e) Cơ sở sản xuất, kinh doanh đực giống, cái giống, tinh đực giống và ấu trùng động vật thủy sản phải thực hiện Quy chế quản lý khai thác, sử dụng tinh, phôi và môi trường bảo quản, pha chế tinh, phôi; Quy chế quản lý khai thác, sử dụng đực giống, cái giống thủy sản, trứng giống, ấu trùng thủy sản theo quy định của Bộ Thủy sản (điểm c và đ Khoản 2 Điều 11). **2. Đối vớiNuôi trồng thủy sản** **Điểm a,b, c Khoản 4 mục III Thông tư 02/2006/TT-BNN**

	a) Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản; tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định pháp luật hiện hành. Các Tiêu chuẩn Ngành hiện hành được nêu tại Mục 4 Phụ lục 11 của Thông tư này. b) Các tiêu chuẩn, quy định hiện hành về bảo vệ môi trường liên quan cơ sở nuôi trồng thủy sản được nêu tại mục 2 Phụ lục 11 của Thông tư này. Cơ sở nuôi tôm trong vùng nuôi tôm tập trung phải thực hiện các quy định tại Quy chế quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2002/QĐ-BTS ngày 24/01/2002 của Bộ trưởng Bộ Thuỷ sản. c) Sử dụng các loại thức ăn, thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất phải tuân thủ các quy định sau đây: - Phải nằm trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam do Bộ Thuỷ sản công bố; - Không chứa các chất nằm trong danh mục hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thủy sản số 07/2005/QĐ-BTS ngày 24/2/2005 và các quy định pháp luật hiện hành khác; - Cơ sở nuôi thuỷ sản thương phẩm phải tuân thủ Quy chế kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật nuôi ban hành kèm theoQuyết định của Bộ trưởng Bộ Thuỷ sản số 15/2002/QĐ-BTS ngày 17/5/2002. **3. Đối vớichế biến thủy sản** **Khoản 7 Mục III** a) Điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở chế biến thủy sản theo quy định tại các Tiêu chuẩn Ngành được nêu tại Mục 7 Phụ lục 11 của Thông tư này. b) Cơ sở chế biến thủy sản phải tuân thủ Quy chế quản lý môi trường cơ sở chế biến thủy sản ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thủy sản số 19/2002/QĐ-BTS ngày 18/9/2002. Cơ sở chế biến thủy sản xây dựng mới phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó đưa ra các giải pháp xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) phù hợp với các tiêu chuẩn về môi trường và chế độ giám sát môi trường, báo cáo này phải được cơ quan quản lý môi trường cấp tỉnh phê duyệt. Đối với cơ sở chế biến thủy sản đang hoạt động phải bảo đảm tiêu chuẩn chất thải theo quy định tại các Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Ngành được nêu tại mục 6 Phụ lục 11 của Thông tư này. c) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều

	kiện bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực thủy sản (trong đó có cơ sở chế biến thủy sản làm thực phẩm) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2005/TTLT-BYT-BTS ngày 8/12/2005 của Bộ Y tế và Bộ Thủy sản Hướng dẫn phân công, phối hợp quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản và theo quy định hiện hành của Bộ Thủy sản. Căn cứ để kiểm tra, công nhận (cấp Giấy chứng nhận) cơ sở chế biến thủy sản làm thực phẩm đủ điều kiện bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm là các Tiêu chuẩn Ngành được nêu tại Mục 7 Phụ lục11 của Thông tư này. d) Người lao động trực tiếp chế biến thủy sản không được mắc các bệnh truyền nhiễm theo quy định của Bộ Y tế (có giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe của cơ quan y tế có thẩm quyền), phải định kỳ kiểm tra sức khỏe theo quy định tại các Tiêu chuẩn Ngành số 7.1 và 7.3 Mục 7 Phụ lục 11 của Thông tư này. 4. **Sơ chế thủy sản, kinh doanh nguyên liệu thủy sản dùng cho chế biến thực phẩm** **Khoản 8 mục III** a) Nhà xưởng, kho chứa, các trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện thu mua, bảo quản, vận chuyển thủy sản chuyên dùng của cơ sở phải bảo đảm các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm được quy định tại Tiêu chuẩn Ngành số 7.9 và Tiêu chuẩn Ngành số 7.1 (đối với cơ sở có sơ chế thủy sản) Mục 7 Phụ lục 11 của Thông tư này. b) Cơ sở kinh doanh, dịch vụ chỉ được phép sử dụng các loại phụ gia thực phẩm, hoá chất nằm trong danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 3742/2001/QĐ-BYT ngày 31/8/2001 của Bộ Y tế, thực hiện quy định của Bộ Thủy sản tại Tiêu chuẩn Ngành số 7.8 Mục 7 Phụ lục 11 của Thông tư này. c) Cơ sở kinh doanh, dịch vụ phải bảo đảm tiêu chuẩn chất thải để bảo vệ môi trường theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam số 6.1 Mục 6 Phụ lục 11 của Thông tư này; đáp ứng yêu cầu về vệ sinh thú y được quy định tại Tiêu chuẩn Ngành số 7.9 Mục 7 Phụ lục 11 của Thông tư này.
156. Kinh doanh thức ăn thuỷ sản	
Điều kiện đối với sản xuất thức ăn nuôi thủy sản	**Điểm 5 Mục III Thông tư 02/2006/TT-BTS** 2.1. Nhà xưởng, kho chứa, trang thiết bị, hệ thống xử lý chất thải của cơ sở sản xuất thức ăn nuôi thủy sản phải đáp ứng yêu cầu bảo

	đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với thức ăn nuôi thủy sản được sản xuất ra theo quy định pháp luật hiện hành
	2.2. Nhà xưởng, kho chứa, trang thiết bị, hệ thống xử lý chất thải của cơ sở sản xuất thức ăn nuôi thủy sản phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường nước và không khí theo quy định tại các Tiêu chuẩn Việt Nam được nêu tại Mục 6 Phụ lục 11 của Thông tư 02/2006/TT-BTS
Điều kiện đối với kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản	*Điểm 6 Mục III Thông tư 02/2006/TT-BTS;* *Điều 6 Thông tư 62/2008/TT-BNN*
	3.1. Nơi bảo quản, bày bán hàng phải thông thoáng, không ẩm ướt để bảo đảm chất lượng hàng hóa. Kho, tủ bảo quản và nơi bày bán thức ăn nuôi thủy sản phải riêng biệt đối với thuốc thú y thủy sản, thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y của ngành Nông nghiệp (đối với cơ sở kinh doanh các loại hàng hóa này) Địa điểm kinh doanh phải xa bãi chứa rác thải, nơi sản xuất có nhiều bụi hoặc chất độc hại ít nhất 100m; phải có thùng, sọt có nắp đậy kín để đựng rác
	3.2.Người quản lý hoặc nhân viên bán hàng của cơ sở phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành: nuôi trồng thủy sản, thú y, chăn nuôi, sinh học hoặc có chứng chỉ tập huấn hợp pháp về thức ăn nuôi thủy sản do các cơ quan có thẩm quyền cấp (quy định tại *Điều 6 Thông tư 62/2008/TT-BNN)*
	3.3 Thức ăn kinh doanh phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y theo quy định tại các Tiêu chuẩn Ngành được nêu tại mục 5 Phụ lục 11 của Thông tư này
157. Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản	
	- Thông tư 51/2009/TT-BNNPTNT: Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 **Điều 3.** Điều kiện chung đối với các cơ sở sản xuất thuốc thú y 1. Địa điểm:

	a) Không bị ô nhiễm từ môi trường bên ngoài; b) Không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh; c) Cách biệt với khu dân cư, trường học, công sở, bệnh viện, cơ sở chẩn đoán, xét nghiệm bệnh; d) Giao thông thuận lợi, có nguồn nước và nguồn điện đảm bảo cho các hoạt động của cơ sở. 2. Nhà xưởng sản xuất: a) Xây dựng kiên cố, vững chắc, phù hợp với tính chất và qui mô sản xuất, tránh được ảnh hưởng xấu của thiên nhiên như thời tiết, ngập lụt, thấm ẩm và sự xâm nhập của côn trùng hay các động vật khác; b) Nền nhà vững chắc, cao ráo, nhẵn, không trơn; có khả năng chịu được sức ép của máy móc khi hoạt động; c) Tường và trần được làm bằng vật liệu bền, chắc; d) Sàn không rạn nứt, không ngấm hoặc ứ đọng nước, dễ vệ sinh, chịu được hóa chất khử trùng tiêu độc; đ) Có hệ thống chiếu sáng đầy đủ; e) Qui hoạch xây dựng hợp lý, phù hợp với tính chất và qui mô sản xuất. g) Từng khu vực phải đảm bảo đạt các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định. 3. Trang thiết bị: a) Máy móc thiết bị phải được bố trí, lắp đặt phù hợp với các thao tác sẽ thực hiện, có hướng dẫn vận hành, có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng; có quy trình vệ sinh đảm bảo không gây nhiễm hoặc nhiễm chéo giữa các sản phẩm. b) Có đủ trang thiết bị theo qui định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này. 4. Bao bì, đóng gói: a) Các loại bao bì trực tiếp không được ảnh hưởng tới chất lượng thuốc, tránh được các tác động xấu từ bên ngoài như ánh sáng, độ ẩm, vi sinh vật trong suốt quá trình bảo quản. b) Bao bì thuỷ tinh đảm bảo chắc, bền phù hợp với việc xử lý tiệt trùng, vận chuyển, bảo quản. 5. Phòng kiểm nghiệm: a) Phải được tách biệt với khu vực sản xuất. Những khu vực tiến hành phép thử sinh học, vi sinh phải cách biệt nhau. b) Cần có đủ diện tích để tránh nhiễm chéo và để bảo quản mẫu, chất chuẩn

	c) Có đầy đủ trang thiết bị theo qui định tại Phụ lục 2 d) Người phụ trách phòng kiểm nghiệm được cơ quan thú y có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề theo qui định. 6. Vệ sinh cá nhân: Người làm việc trong cơ sở sản xuất thuốc thú y phải đảm bảo những yêu cầu sau: a) Có đủ sức khoẻ theo qui định của Bộ Y tế, được khám sức khoẻ định kỳ 1 lần /năm; không có vết thương hở, bệnh ngoài da; b) Được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, vệ sinh cá nhân, vệ sinh công nghiệp trong sản xuất thuốc thú y. c) Người làm việc trong cơ sở sản xuất thuốc thú y phải thực hiện đúng các quy định về vệ sinh thú y trong khu vực sản xuất. 7. Vệ sinh phòng hộ lao động: a) Phải có trang bị phòng hộ lao động cho từng cá nhân phù hợp với công việc được giao. b) Phải có văn bản quy định về chế độ cấp phát, sử dụng trang bị, trang phục làm việc. c) Phải có thiết bị phòng cháy chữa cháy, khử mùi, thông gió, hút bụi với công suất phù hợp; Có trang bị an toàn cho người sử dụng các thiết bị nhiệt, điện, cơ khí, khí nén. d) Phải có văn bản quy định về phòng hộ lao động, có biện pháp chủ động và phương tiện để đề phòng và giải quyết nhanh chóng những sự cố có khả năng xảy ra. 8. Hệ thống thu gom và xử lý chất thải: a) Hệ thống xử lý nước thải phải được thiết kế phù hợp với nhà xưởng, quy mô sản xuất, đảm bảo thu gom nước thải từ mọi nguồn thoát tiêu, không gây ô nhiễm cho khu vực nhà xưởng sản xuất và xung quanh. b) Mỗi khu vực trong cơ sở phải có thùng chứa rác thải phù hợp, dễ vận chuyển. Nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; **Điều 4.** Điều kiện đối với cơ sở sản xuất dược phẩm, hoá chất dùng trong thú y 1. Hệ thống kho: a) Có kho hoặc khu vực riêng biệt để nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thành phẩm; có kho riêng bên ngoài bảo quản các loại dung môi và các nguyên liệu dễ gây cháy, nổ, có nơi biệt trữ các

	nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm bị loại bỏ. b) Công suất kho thích hợp với quy mô sản xuất. c) Có đủ thiết bị, phương tiện cần thiết để đảm bảo chất lượng hàng phù hợp với yêu cầu bảo quản, cụ thể: Bảo quản ở điều kiện bình thường: nhiệt độ từ 15-30 ^{0}C, ẩm độ không quá 70%; Bảo quản mát: nhiệt độ từ 8 – 15^{0}C. Bảo quản lạnh: nhiệt độ từ 2- 8^{0}C. Bảo quản đông lạnh: nhiệt độ ≤-10^{0}C d) Tránh ánh sáng trực tiếp, ô nhiễm từ môi trường bên ngoài; đ) Hàng hóa được sắp xếp gọn gàng, khoa học, để trên giá, kệ. Giá, kệ được kê cách mặt nền ít nhất 20 cm, cách tường ít nhất 20 cm; khoảng cách giữa các giá, kệ hoặc giữa các khối hàng tối thiểu 30 cm để đảm bảo độ thông thoáng, dễ nhập, xuất hàng, dễ vệ sinh tiêu độc; e) Có văn bản của cơ sở quy định sự sắp xếp, bảo quản hàng, chế độ kiểm tra định kỳ, phát hiện và xử lý kịp thời những sự cố trong quá trình bảo quản; g) Có đủ thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu về bảo quản, có chế độ ghi chép thường xuyên các thông số kỹ thuật. 2. Khu vực xử lý tiệt trùng: a) Có nơi xử lý vệ sinh cơ học, hoá học đối với bao bì đóng gói trực tiếp: vỏ ống, vỏ lọ, chai, nút; dụng cụ, thiết bị phục vụ pha chế, đồ bảo hộ lao động. Mặt sàn nơi xử lý vệ sinh cơ học phải có độ dốc khoảng 1,5^0 về phía rãnh thoát nước và có độ ma sát để tránh trơn trượt. b) Sấy, hấp tiệt trùng, chai lọ, ống, nút, dụng cụ, bảo hộ lao động đáp ứng theo yêu cầu của từng công đoạn sản xuất. c) Có đủ các trang thiết bị, dụng cụ, hoá chất phù hợp với quy trình xử lý tiệt trùng; d) Có văn bản quy định chế độ vệ sinh, xử lý tiệt trùng đối với các loại bao bì trực tiếp, dụng cụ dùng trong sản xuất, bảo hộ lao động. 3. Khu vực cân, cấp phát nguyên liệu: a) Có phòng cân nguyên liệu riêng biệt. Trường hợp không có phòng cân nguyên liệu riêng biệt phải có biện pháp đảm bảo không nhiễm chéo giữa các loại nguyên liệu b) Có đủ cân, dụng cụ phục vụ việc cân và được vệ sinh,

	giữ sạch sẽ sau khi sử dụng. 4. Khu vực pha chế, phối trộn, bảo quản bán thành phẩm: a) Tường và trần nhà phải có độ bóng cao, nơi tiếp giáp giữa chân tường với mặt sàn và giữa tường với trần nhà phải là góc tù. b) Đối với dây chuyền sản xuất thuốc tiêm: có phòng tiền vô trùng để thay trang phục vô trùng trước khi làm việc tại khu vực vô trùng; không được bố trí bồn rửa và rãnh thoát nước hở trong khu vực vô trùng Vật dụng phải được tiệt trùng trước khi đưa vào dùng trong khu vực vô trùng và phải được bảo quản trong điều kiện vô trùng được dán nhãn đã tiệt trùng. Có biện pháp tránh tái nhiễm vi sinh trước và trong khi sử dụng. c) Đối với dây chuyền sản xuất thuốc bột: có thiết bị hút bụi d) Phải có đủ các trang thiết bị, hoá chất và vật tư chuyên dùng phù hợp với quy trình sản xuất sản phẩm. đ) Có khu biệt trữ bán thành phẩm nếu chưa san chia, phân liều ngay. 5. Khu vực hoàn thiện sản phẩm; a) Được bố trí liền kề với khu vực san chia, phân liều để việc tiếp nhận sản phẩm chờ đóng gói được thuận tiện. b) Có đủ các trang thiết bị, dụng cụ phù hợp với việc đóng gói, dán nhãn, vận chuyển sản phẩm tới kho thành phẩm. 6. Khu vực để các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng: phải được bố trí riêng biệt, có khóa hoặc biển báo để tránh nhầm lẫn với hàng hóa khác. 7. Khu vực kiểm tra sản phẩm trước khi xuất xưởng: a) Có đủ thiết bị, dụng cụ, hoá chất, môi trường phù hợp với quy trình kiểm tra sản phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng. Trong trường hợp cơ sở không đủ các điều kiện thực hiện việc kiểm nghiệm phải có hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện kiểm nghiệm theo qui định. b) Có quy định việc lưu giữ, bảo quản mẫu và kiểm tra mẫu lưu. 8. Khu vực vệ sinh cá nhân và các khu vực khác phục vụ sản xuất. a) Bố trí hợp lý, không được thông trực tiếp với khu vực

	sản xuất. b) Có đủ các thiết bị vệ sinh cần thiết; có đủ hoá chất, vật dụng cần thiết cho việc vệ sinh cá nhân và khu vực. c) Có thiết bị thông gió, khử mùi. **Điều 5.** Điều kiện đối với cơ sở sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật Ngoài các quy định nêu tại Điều 3, 4 Thông tư này, phải có khu vực nuôi giữ và xử lý động vật thí nghiệm; khu vực trang thiết bị để giữ giống vi sinh vật phục vụ sản xuất. **Điều 6.** Điều kiện đối với cơ sở sản xuất hoocmon dùng trong thú y: Ngoài các quy định nêu tại Điều 3, 4 Thông tư này, phải được sản xuất trong một khu vực riêng biệt. **Điều 7.** Điều kiện gia công, san chia, đóng gói lại thuốc thú y Áp dụng các quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 3; khoản 1, 2, điểm a, c, d khoản 4; khoản 5, 6, 7, 8 Điều 4 Thông tư này. **Điều 8.** Điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với các cửa hàng, đại lý bán buôn, bán lẻ thuốc thú y như sau 1. Có địa chỉ cố định, có biển hiệu ghi tên cửa hàng, cơ sở hoặc tên doanh nghiệp, mã số kinh doanh được cấp; bảng niêm yết đăng ký kinh doanh. 2. Diện tích cửa hàng tối thiểu $10m^2$ 3. Có đủ phương tiện cần thiết để bày hàng, bán hàng; hàng hóa được sắp xếp khoa học, giữ gìn sạch sẽ. 4. Có đủ sổ sách theo dõi xuất, nhập hàng; 5. Bảo quản thuốc theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất, cụ thể: a) Bảo quản ở điều kiện bình thường: nhiệt độ từ $15\text{-}30^0{}_{C.}$ b) Bảo quản mát: nhiệt độ từ $8\text{-}15^0C$. c) Bảo quản lạnh: nhiệt độ từ $2\text{-}8^0C$. d) Bảo quản đông lạnh: nhiệt độ $\leq\text{-}10^0C$ 6. Không được phép bày bán thuốc thú y cùng với hàng hoá khác. Nếu được phép kinh doanh thức ăn chăn nuôi chung với thuốc thú y, phải bày bán ở khu vực riêng. 7. Đối với cửa hàng, đại lý bán buôn thuốc thú y phải có kho chứa hàng, đủ diện tích; có đủ các trang thiết bị, phương tiện

	phù hợp với yêu cầu bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc được phép kinh doanh. Hàng hóa phải được sắp xếp trên kệ, giá. Kệ, giá để hàng phải cách mặt sàn ít nhất 20 cm, cách tường ít nhất 20cm, khoảng cách giữa các giá, kệ tối thiểu 30 cm để đảm bảo độ thông thoáng, dễ vệ sinh tiêu độc; có máy phát điện dự phòng đủ công suất. 8. Cửa hàng kinh doanh vắc xin phải có thiết bị bảo quản lạnh và có phương tiện dự phòng để bảo quản vắc xin, chế phẩm sinh học khi xảy ra sự cố mất điện; có nhiệt kế theo dõi nhiệt độ và ghi chép hàng ngày. 9. Chủ cơ sở, người bán hàng được cơ quan thú y có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề theo qui định. **Điều 9.**Điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với cơ sở nhập khẩu thuốc thú y như sau: Ngoài các quy định tại khoản 1, 4, 5, 7, 8 Điều 8, phải có thêm các điều kiện sau: 1. Đối với cơ sở nhập khẩu vắc xin thú y phải có phương tiện vận chuyển chuyên dùng đảm bảo yêu cầu bảo quản khi vận chuyển, phân phối đến nơi tiêu thụ. 2. Chủ cơ sở hoặc người phụ trách kỹ thuật được cơ quan thú y có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề theo qui định. **Thông tư 37/2006/TT-BNN Điều 3 Mục II** **3. Điều kiện được cấp chứng chỉ hành nghề thú y** 3.1. Điều kiện về bằng cấp chuyên môn: Ngoài những điều kiện về bằng cấp chuyên môn được quy định tại khoản 1 Điều 64 của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y (sau đây được gọi là Nghị định số 33/2005/NĐ-CP) thì điều kiện về bằng cấp quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 64 của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau: a) Đối với người hành nghề chẩn đoán lâm sàng, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ động vật ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa được cấp chứng chỉ hành nghề nếu có giấy chứng nhận đã tốt nghiệp lớp đào tạo về chuyên môn thú y do Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Chi cục Thú y cấp tỉnh) hoặc do các Dự án nước ngoài cấp. b) Đối với chủ cửa hàng kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y (sau đây được gọi chung là thuốc thú y) được cấp chứng chỉ hành nghề nếu có bằng kỹ sư chăn nuôi hoặc giấy chứng nhận có trình độ trung cấp thú y hoặc trung cấp chăn nuôi thú y do các cơ sở đào tạo có thẩm quyền

	cấp. 3.2. Điều kiện về sức khỏe: Điều kiện về sức khỏe đối với người hành nghề thú y được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 64 của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP.
158. Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản	***Điều 11 Thông tư 26/2013/TT-BNNPTNT*** Cơ sở thực hiện khảo nghiệm giống thủy sản phải đáp ứng đầy đủ các quy định sau
	1. Đã đăng ký hoạt động khảo nghiệm giống thủy sản với cơ quan nhà nước có thẩm quyềnhoặc có chức năng nghiên cứu về giống thủy sản
	2. Có cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu sinh thái của đối tượng khảo nghiệm; phù hợp với quy hoạch và đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y và pháp luật về bảo vệ môi trường
	3. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên ngành đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm từng đối tượng, phẩm cấp giống thuỷ sản: có số lượng ao hoặc bể phù hợp với việc bố trí khảo nghiệm, đủ nguồn nước đạt yêu cầu chất lượng; hệ thống cấp thoát nước riêng biệt, có ao chứa nước thải đảm bảo; đảm bảo việc kiểm tra chỉ tiêu môi trường và các chỉ tiêu về bệnh thủy sản; có đủ thức ăn, hóa chất, sản phẩm khác phục vụ trong quá trình khảo nghiệm.
	4. Có ít nhất 02 nhân viên kỹ thuật có trình độ đại học chuyên ngành nuôi trồng thuỷ sản trở lên
159. Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản	***Khoản 1 Điều 25 Thông tư 66/2011/TT-BNNPTNT*** Điều kiện đối với đơn vị khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi
	1. Có chức năng khảo nghiệm hoặc nghiên cứu về thức ăn chăn nuôi
	2. Có cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết để thực hiện khảo nghiệm
	3. Về nhân sự, có hoặc thuê ít nhất 02 nhân viên kỹ thuật có trình độ đại học chuyên ngành chăn nuôi thú y, nuôi trồng thủy sản
162. Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường	***Điều 7 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT*** Điều kiện nuôi động vật rừng thông thường
	1. Cơ sở nuôi, trại nuôi phù hợp với đặc tính sinh trưởng, phát triển của loài nuôi; đảm bảo an toàn cho người và động vật nuôi; đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh
	2. Về nguồn gốc động vật rừng thông thường

	a) Khai thác từ tự nhiên trong nước: có bảng kê mẫu vật động vật rừng thông thường có xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại
	b) Nhập khẩu: có tờ khai hàng hóa nhập khẩu được cơ quan hải quan cửa khẩu xác nhận. Các loài ngoại lai xâm hại theo quy định của pháp luật không được gây nuôi dưới mọi hình thức
	c) Mua của tổ chức, cá nhân khác: có hồ sơ mua bán, trao đổi động vật giữa người cung ứng và người nuôi
	d) Xử lý tịch thu: có quyết định của người có thẩm quyền xử lý tang vật hoặc vật chứng theo quy định của pháp luật
	đ) Động vật rừng thông thường đã nuôi trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, tổ chức, cá nhân đang nuôi lập bảng kê động vật rừng thông thường theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có cơ sở nuôi đó xác nhận. Tổ chức, cá nhân nuôi động vật rừng thông thường chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc hợp pháp của động vật nuôi.
165. Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	**Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật** ***Thông tư số 14/2013/TT-BNNPTNT*** **Điều 3. Điều kiện về nhà xưởng, kho chứa**
	1. Địa điểm
	a) Nhà xưởng và kho chứa thuốc bảo vệ thực vật được bố trí trong khu công nghiệp phải tuân thủ các quy định của khu công nghiệp.
	b) Trong trường hợp địa điểm nằm ngoài khu công nghiệp: Vị trí đặt nhà xưởng và kho chứa phải được sự đồng ý của chính quyền địa phương cấp xã trở lên; cách xa trường học, công sở, bệnh viện, chợ tối thiểu 200 mét (m); đảm bảo các yêu cầu về cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước, xử lý ô nhiễm và giao thông. Nhà xưởng và kho chứa có tường bao ngăn cách với bên ngoài. Hệ thống đường giao thông nội bộ được bố trí đảm bảo an toàn cho vận chuyển và chữa cháy.
	2. Bố trí mặt bằng, kết cấu và bố trí kiến trúc công trình nhà xưởng, kho chứa
	a) Khu nhà xưởng sản xuất và kho chứa phải tách rời nhau.
	b) Nhà xưởng Nhà xưởng đạt tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4604/1988: Xí nghiệp công nghiệp, nhà sản xuất - Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN: 2622/1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.

	c) Kho chứa Kho chứa có khu thành phẩm và khu nguyên liệu riêng biệt. Kho chứa nguyên liệu được bố trí tùy thuộc vào loại nguyên liệu cần được bảo quản, phân loại theo nguy cơ nổ, cháy nổ, cháy và bảo đảm tách riêng các chất có khả năng gây ra phản ứng hóa học với nhau. Kho chứa thành phẩm phải bố trí, sắp xếp gọn gàng, hợp lý. Hàng hóa được kê trên kệ kê hàng cao ít nhất 10 centimét (cm), cách tường ít nhất 20 centimét (cm). Lối đi chính rộng tối thiểu 1,5 mét (m), thuận tiện cho các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, kiểm tra, giám sát.
	d) Vật liệu xây dựng nhà xưởng, kho chứa là vật liệu không bắt lửa, khó cháy; khung nhà được xây bằng gạch, làm bằng bê tông hoặc thép. Sàn được làm bằng vật liệu không thấm chất lỏng, bằng phẳng không trơn trượt, không có khe nứt và có các gờ hay lề bao quanh.
	đ) Nhà xưởng, kho chứa phải có lối thoát hiểm, được chỉ dẫn rõ ràng (bằng bảng hiệu, sơ đồ) và dễ mở khi xảy ra sự cố.
	Điều 4. Điều kiện về trang thiết bị
	1. Thiết bị sản xuất
	a) Có dây chuyền, công nghệ sản xuất đảm bảo chủng loại, chất lượng thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở sản xuất ra.
	b) Thiết bị được bố trí, lắp đặt phù hợp với từng công đoạn sản xuất và đạt yêu cầu về an toàn lao động theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2290 – 1978 Thiết bị sản xuất – Yêu cầu chung về an toàn.
	c) Thiết bị có hướng dẫn vận hành, được kiểm tra các thông số kỹ thuật, được bảo trì bảo dưỡng, có quy trình vệ sinh công nghiệp.
	d) Phương tiện chiếu sáng và thiết bị điện khác được lắp đặt tại vị trí cần thiết, không được phép lắp đặt tạm thời. Mọi trang thiết bị điện phải có bộ ngắt mạch khi rò điện, chống quá tải.
	2. Hệ thống xử lý khí thải và chất thải
	a) Nhà xưởng có hệ thống xử lý khí thải, kho chứa có hệ thống thông gió. Khí thải của nhà xưởng, kho chứa phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.
	b) Nhà xưởng có hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại và QCVN 24:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công

	nghiệp.
	c) Xử lý chất thải rắn của nhà xưởng, kho chứa tuân thủ các quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn. Nhà xưởng, kho chứa có dụng cụ thu gom và vận chuyển chất thải rắn ra khỏi khu vực sản xuất sau mỗi ca sản xuất, nơi chứa chất thải kín, cách biệt với khu sản xuất.
	Điều 5: Điều kiện về vận hành an toàn
	1. Cơ sở sản xuất đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn hóa chất theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5507 - 2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.
	2. Cơ sở sản xuất có nội quy an toàn lao động, có khu vực riêng biệt để thay đồ, tắm rửa cho công nhân trước và sau ca sản xuất.
	3. Cơ sở sản xuất phải xây dựng bảng nội quy về an toàn hóa chất, hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất. Trường hợp hóa chất có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì biểu trưng cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm đó.
	4. Cơ sở sản xuất có trang bị và sử dụng trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động (găng tay, khẩu trang, kính bảo hộ mắt, quần áo bảo hộ) khi tiếp xúc với thuốc bảo vệ thực vật. Có dụng cụ, thuốc y tế, trang thiết bị cấp cứu.
	5. Việc vận hành tại kho chứa phải đảm bảo tính an toàn, phòng tránh các nguy cơ có thể xảy ra như cháy, rò rỉ, chảy tràn. Đối với kho chứa có nguyên liệu: nhân viên phụ trách kho phải tuân thủ các chỉ dẫn trong phiếu an toàn hóa chất của tất cả các hóa chất được lưu trữ, các hướng dẫn về công tác an toàn, công tác vệ sinh, các hướng dẫn khi có sự cố.
	Điều 6: Điều kiện về phòng, chống cháy nổ
	1. Cơ sở sản xuất đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về phòng, chống cháy nổ theo Luật Phòng cháy và chữa cháy.
	2. Cơ sở sản xuất trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố tại cơ sở, hệ thống báo cháy, dập cháy được lắp đặt tại vị trí thích hợp và kiểm tra thường xuyên để bảo đảm ở tình trạng sẵn sàng sử dụng tốt.
	3. Cơ sở sản xuất có nội quy phòng cháy chữa cháy, tiêu lệnh chữa cháy, biển hiệu "Cấm lửa" để ở nơi dễ nhìn thấy.
	Điều 7. Điều kiện về nhân lực
	1. Người trực tiếp điều hành cơ sở sản xuất phải có Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục bảo vệ thực vật cấp tỉnh cấp.

	2. Lãnh đạo, người quản lý các bộ phận liên quan trực tiếp đến sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, người trực tiếp sản xuất, buôn bán, vận chuyển, cất giữ, bảo quản được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất.
	3. Lãnh đạo, nhân viên kỹ thuật và thủ kho được huấn luyện và nắm vững các quy định về quản lý hoạt động hóa chất; phòng cháy, chữa cháy; khoảng cách an toàn; thực hiện biện pháp, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.
	4. Người lao động được đào tạo và tập huấn về quy trình sản xuất, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, các biện pháp phòng ngừa, xử lý sự cố đối với thuốc bảo vệ thực vật.
	Điều 8. Hệ thống quản lý chất lượng
	1. Có hệ thống quản lý chất lượng.
	2. Có quy trình công nghệ sản xuất thuốc bảo vệ thực vật được phê duyệt bởi chủ cơ sở sản xuất.
	3. Có phòng thử nghiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm. Phòng thử nghiệm phải được tách biệt với khu vực sản xuất, có đầy đủ trang thiết bị tối thiểu dùng cho việc kiểm tra chất luợng thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở.
	4. Trong trường hợp cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật không có phòng thử nghiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm thì phải có hợp đồng kiểm tra chất lượng với phòng thử nghiệm có đủ năng lực kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật mà cơ sở sản xuất và có hồ sơ lưu kết quả kiểm tra đối với từng lô sản phẩm trước khi xuất xưởng.
	5. Mẫu kiểm tra chất lượng của lô hàng được lưu tối thiểu 03 (ba) tháng
	Điều 9. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường
	1. Cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 hoặc tương đương để bảo vệ môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm.
	2. Cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật có báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
Điều kiện đối với các cơ sở buôn bán thuốc BVTV	**Điều 10. Điều kiện chung** 1. Các loại thuốc bảo vệ thực vật buôn bán tại cửa hàng ở dạng thành phẩm có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép, hạn chế sử dụng ở Việt Nam. 2. Không được bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa khác như: lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn

	chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y và các hàng tiêu dùng khác. 3. Cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không được đặt trong các khu vực kinh doanh hàng hóa thực phẩm, các khu vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện.
	Điều 11. Điều kiện cụ thể 1. Nhân sự a) Người quản lý trực tiếp của cửa hàng phải có chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh cấp. b) Người trực tiếp bán hàng được huấn luyện về thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục bảo vệ thực vật cấp tỉnh tổ chức hoặc có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học, sư phạm nông nghiệp trở lên. 2. Địa điểm a) Cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải được sự đồng ý của chính quyền địa phương cấp xã, có địa chỉ rõ ràng, ổn định, thuộc sở hữu của chủ cơ sở hoặc có hợp đồng thuê nhà hợp pháp tối thiểu là 01 (một) năm trong trường hợp thuê địa điểm đặt cửa hàng. b) Diện tích phù hợp với quy mô kinh doanh, tối thiểu là 5 mét vuông (m2). Phải là nhà cấp 4 trở lên, bố trí ở nơi cao ráo, sạch sẽ, thoáng gió, đáp ứng các yêu cầu về mua, bán, bảo quản, không ảnh hưởng đến chất lượng thuốc bảo vệ thực vật. c) Cách xa nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch) ít nhất khoảng 10 mét (m) và cửa hàng phải được gia cố bờ kè chắc chắn chống sạt lở, nền cửa hàng phải cao ráo không ngập nước. d) Tường và mái phải xây dựng bằng vật liệu không bén lửa. Tường nhà và nền nhà phải bằng phẳng, chống thấm, dễ lau chùi, không bị ngập. 3. Trang thiết bị a) Có tủ trưng bày, quầy, kệ hoặc giá đựng thuốc bảo vệ thực vật, trang thiết bị bảo quản thuốc theo đúng yêu cầu bảo quản ghi trên nhãn thuốc. b) Đảm bảo đủ độ sáng để nhận diện thuốc. Thiết bị chiếu sáng đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ. c) Có nội quy và trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan phòng cháy, chữa cháy để ở nơi thuận tiện, sẵn sàng sử dụng khi cần thiết. d) Có bảo hộ lao động bảo vệ cá nhân như găng tay, khẩu trang, nước sạch, xà phòng.

	đ) Có vật liệu, dụng cụ để xử lý kịp thời sự cố theo yêu cầu của cơ quan quản lý về môi trường. 4. Yêu cầu khác a) Có biển hiệu rõ ràng bằng tiếng Việt. Ghi rõ tên chủ cơ sở hoặc tên doanh nghiệp, địa chỉ, số điện thoại. b) Có sổ ghi chép việc xuất, nhập thuốc bảo vệ thực vật; c) Có bảng niêm yết giá bán thuốc bảo vệ thực vật. 5. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng a) Đối với các cơ sở buôn bán có nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật từ 5.000 kilôgam (kg) trở lên áp dụng theo khoản 2, Điều 3 và khoản 2, Điều 9 của Thông tư này. b) Đối với các cơ sở buôn bán có nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật dưới 5.000 kilôgam (kg) Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật phải khô ráo, thoáng gió, không thấm, dột hoặc ngập úng, đảm bảo phòng chống cháy nổ. Kệ giá để hàng cách mặt đất ít nhất 10 centimét (cm), cách tường ít nhất 20 centimét (cm). Việc sắp xếp các loại thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo không gây đổ vỡ, rò rỉ, có lối vào đủ rộng và riêng biệt từng loại.
XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT	***Thông tư 03/2013/TT-BNNPTNT*** **Điều 24. Nguyên tắc chung** 1. Các tổ chức, cá nhân có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành hàng thuốc bảo vệ thực vật hoặc vật tư nông nghiệp được phép xuất nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật. 2. Chỉ được nhập khẩu thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, khi nhập khẩu không phải xin phép, chỉ làm thủ tục nhập khẩu tại cơ quan hải quan. 3. Đối với những loại thuốc bảo vệ thực vật được ủy quyền xuất khẩu, nhập khẩu thì đơn vị nhận ủy quyền xuất khẩu, nhập khẩu phải xuất trình thư ủy quyền (ủy quyền của nhà sản xuất cho đơn vị xuất khẩu; ủy quyền của đơn vị đăng ký cho đơn vị nhập khẩu) tại cơ quan Hải quan. 4. Nhập khẩu thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật trong các trường hợp sau đây phải được Cục Bảo vệ thực vật cấp phép**:** a) Thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam;

	b) Thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật ngoài Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam: thuốc sử dụng cho nghiên cứu khoa học, khảo nghiệm; sử dụng trong các dự án của nước ngoài tại Việt Nam; để gia công, sang chai, đóng gói và tái xuất theo hợp đồng đã ký với nước ngoài; thuốc làm hàng mẫu, hàng phục vụ triển lãm, hội chợ và thuốc sử dụng trong các trường hợp đặc thù khác; c) Chất chuẩn thuốc bảo vệ thực vật ngoài Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam để phục vụ cho công tác kiểm tra, nghiên cứu. 5. Thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng hoặc hạn chế sử dụng ở Việt Nam được nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu sau: a) Thuốc bảo vệ thực vật thành phẩm phải có hàm lượng hoạt chất, dạng thuốc và nhà sản xuất đúng với Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam. b) Nguyên liệu hoặc thuốc kỹ thuật phải có hàm lượng hoạt chất tối thiểu bằng hàm lượng hoạt chất của nguyên liệu hoặc thuốc kỹ thuật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng tại Việt Nam và phải nhập khẩu từ các nhà sản xuất có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. 6. Không được nhập khẩu các loại hoạt chất hoặc thành phẩm thuốc bảo vệ thực vật trong Phụ lục III của Công ước Rotterdam. 7. Mẫu Giấy phép nhập khẩu thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này. **Điều 26. Chế độ báo cáo** Cuối quý IV hàng năm, các tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật phải báo cáo thống kê bằng văn bản về tình hình xuất khẩu, nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật cho Cục Bảo vệ thực vật. **Điều 27. Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất methyl bromide** 1. Điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu methyl bromide. a) Chỉ được nhập khẩu, xuất khẩu thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất methyl bromide từ hoặc tới các nước tham gia Nghị định thư Montreal. b) Đăng ký với Cục Bảo vệ thực vật khối lượng methyl bromide nhập khẩu để sử dụng cho các mục đích sử dụng khác nhau: kiểm dịch thực vật; khử trùng xuất khẩu (QPS) và các mục đích khác (non-QPS) của năm tiếp theo trước ngày 15 tháng 12 của năm trước.

	c) Cục Bảo vệ thực vật phân bổ lượng methyl bromide nhập khẩu trong năm trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo căn cứ vào đăng ký, quy mô hoạt động của các tổ chức hành nghề xông hơi khử trùng và lộ trình loại trừ dần methyl bromide mà Việt Nam đã ký kết với quốc tế. d) Giấy phép nhập khẩu methyl bromide quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn hiệu lực của giấy phép nhập khẩu là ngày 31 tháng 12 của năm cấp phép và không được phép gia hạn trong bất cứ trường hợp nào. đ) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành hàng thuốc bảo vệ thực vật hoặc vật tư nông nghiệp được phép xuất nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật. 2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu methyl bromide thực hiện theo quy định tại Thông tư số 88/2011/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2006/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. 3. Trách nhiệm của tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất methyl bromide a) Chỉ được phép sử dụng methyl bromide theo đúng đăng ký với Cục Bảo vệ thực vật và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước trong việc sử dụng methyl bromide; b) Chỉ được bán các thuốc chứa hoạt chất methyl bromide cho các tổ chức có đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng theo quy định của pháp luật; c) Hàng năm phải báo cáo Cục Bảo vệ thực vật tình hình hoạt động xông hơi khử trùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật ban hành kèm theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và việc buôn bán methyl bromide theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn nộp báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 15 tháng 7 và báo cáo năm trước ngày 15 tháng 01 năm sau. 4. Các tổ chức không được nhập khẩu methyl bromide nếu vi phạm một trong các trường hợp sau: a) Không tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định hoặc báo cáo không trung thực về tình hình nhập khẩu, sử dụng, mua bán methyl bromide. b) Sử dụng methyl bromide sai mục đích đã đăng ký hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng khử trùng xuất khẩu trong kiểm dịch thực vật (QPS) sang các mục đích khác (non-QPS).

	c) Nhập khẩu bổ sung cho các hoạt động ngoài mục đích kiểm dịch và khử trùng xuất khẩu (non-QPS).
VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN THUỐC, NGUYÊN LIỆU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT	***Thông tư 03/2013/TT-BNNPTNT*** **Điều 31. Nguyên tắc chung** 1. Việc vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải tuân theo những quy định của Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 9 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật có liên quan. Các loại thuốc bảo vệ thực vật được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 104/2009/NĐ-CP ngày 9/1/2009 của Chính phủ phải được cấp phép vận chuyển. 2. Việc vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải theo đúng lịch trình ghi trong hợp đồng hoặc giấy tờ khác có liên quan về vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật giữa chủ phương tiện và chủ sở hữu hàng hóa. 3. Việc vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo an toàn cho người, môi trường. Không được dừng xe nơi đông người, gần trường học, bệnh viện, chợ, nguồn nước sinh hoạt. 4. Các loại thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật chỉ được vận chuyển khi đã được đóng gói, dán nhãn và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vậttheo quy định tại Điều 33 của Thông tư này. 5. Các thuốc bảo vệ thực vật có khả năng phản ứng với nhau không được chở chung trên cùng một phương tiện. 6. Không được vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật trên cùng phương tiện chở khách, vật nuôi, lương thực, thực phẩm, các chất dễ gây cháy, nổ và các hàng hóa khác, trừ phân bón. **Điều 32. Vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật** 1. Người vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật a) Người điều khiển phương tiện, người áp tải hàng phải hiểu rõ tính chất nguy hiểm của thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật như: độc hại, dễ cháy, dễ nổ, ăn mòn và phải biết xử lý sơ bộ khi sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển thuốc, nguyên liệu

	thuốc bảo vệ thực vật và thực hiện theo các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm. b) Người điều khiển phương tiện vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật ngoài các chứng chỉ về điều khiển phương tiện tham gia giao thông theo quy định hiện hành của Nhà nước còn phải có Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật. c) Người áp tải hàng hóa là thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải được huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật. 2. Bao bì, thùng chứa hoặc container chứa thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình vận chuyển a) Phải được làm bằng các vật liệu dai, bền, ít thấm nước; b) Phải dán biểu trưng nguy hiểm với hình đầu lâu, xương chéo màu đen trên nền trắng trong hình vuông đặt lệch. Kích thước của biểu trưng hàng nguy hiểm dán trên mỗi thùng đựng thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật là 100 mi-li-mét (mm) x 100 mi-li-mét (mm) và dán trên container là 250 mi-li-mét (mm) x 250 mi-li-mét (mm) theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; c) Phải có báo hiệu nguy hiểm hình chữ nhật, màu vàng cam, ở giữa ghi Mã số Liên hợp quốc (UN), kích thước báo hiệu nguy hiểm là 300 mi-li-mét (mm) x 500 mi-li-mét (mm) theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, vị trí ở phía dưới biểu trưng nguy hiểm. Đối với bao bì và thùng chứa thuốc thì báo hiệu nguy hiểm có kích thước nhỏ hơn phù hợp với tỷ lệ với bao bì và thùng chứa nhưng phải đảo bảo nhìn rõ báo hiệu nguy hiểm. 3. Phương tiện vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật a) Các phương tiện vận tải thông thường được các cơ quan có thẩm quyền cho phép lưu hành để vận chuyển hàng hóa thì được chuyên chở thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật. b) Phương tiện chuyên chở thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo các điều kiện kỹ thuật sau: Có dụng cụ, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy phù hợp với thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật khi vận chuyển; Có mui, bạt che phủ kín, chắc chắn toàn bộ khoang chở hàng đảm bảo không thấm nước trong quá trình vận chuyển; Không dùng xe rơ móc để chuyên chở thuốc bảo vệ thực vật. c) Phương tiện chuyên chở thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ

	thực vật được xếp cuối cùng của mỗi chuyến phà, nếu bến phà không có phà chuyên dùng cho loại hàng nguy hiểm. d) Phương tiện chuyên chở các thùng chứa thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải được dán biểu trưng nguy hiểm của loại nhóm hàng đang vận chuyển. Kích thước của biểu trưng nguy hiểm dán trên phương tiện là 500 mi-li-mét (mm) x 500 mi-li-mét (mm). Vị trí dán biểu trưng nguy hiểm ở hai bên và phía sau phương tiện. 4. Xử lý sự cố Khi gặp sự cố do đổ vỡ, tai nạn giao thông trong quá trình vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, người lái xe, người áp tải hoặc chủ sở hữu hàng hóa phải xử lý sự cố và đồng thời thông báo ngay cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền gần nhất để có biện pháp ngăn chặn, khắc phục kịp thời hậu quả do thuốc bị rò rỉ gây ra. Người vi phạm phải chịu mọi chi phí khắc phục. **Điều 37. Kho thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật** 1. Địa điểm kho thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật nằm ngoài khu công nghiệp phải được sự đồng ý của chính quyền cấp xã. 2. Kho phải được xây dựng vững chắc, bằng vật liệu khó cháy, không bị úng ngập, đảm bảo thông thoáng, thuận tiện cho các phương tiện chữa cháy hoạt động; đảm bảo các yêu cầu của TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm – quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển. 3. Kho phải có các dụng cụ chữa cháy, phòng độc, cấp cứu và có biển biểu trưng nguy hiểm in hình đầu lâu, xương chéo màu đen trên nền trắng trong hình vuông đặt lệch có kích thước như biểu trưng hàng nguy hiểm của phương tiện hoặc container quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. 4. Kho thuốc phải đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. **Điều 38. Bảo quản thuốc bảo vệ thực vật** 1. Việc bảo quản thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và môi trường ở khu vực xung quanh. 2. Người thủ kho phải được huấn luyện về an toàn lao động trong bảo quản thuốc bảo vệ thực vật. 3. Trong trường hợp thuốc bị rò rỉ, khuếch tán gây tác hại đến môi trường, chủ sở hữu thuốc phải chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả dưới sự hướng dẫn hoặc kiểm tra của cơ quan bảo vệ thực vật, cơ quan quản lý môi trường, chính quyền cấp xã và chịu mọi chi phí cho việc khắc phục hậu quả đó.

166.Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	**Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng** **Thông tư 05/2015/TT-BNNPTNT** **Điều 4. Quy định chi tiết điều kiện hành nghề xử lý vật thể** Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải có đủ các điều kiện sau đây: 1. Cơ sở vật chất kỹ thuật a) Có địa điểm xử lý vật thể, nhà xưởng, kho chứa, phương tiện phù hợp với quy mô, biện pháp và loại hình xử lý được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; b) Có đầy đủ trang thiết bị đối với từng biện pháp xử lý được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; c) Có quy trình kỹ thuật đối với từng biện pháp xử lý theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc Tiêu chuẩn cơ sở do Cục Bảo vệ thực vật ban hành; d) Có Phương án phòng cháy chữa cháy được phê duyệt hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; đ) Có cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về đảm bảo môi trường theo quy định của pháp luật. 2. Về nhân lực a) Người trực tiếp quản lý, điều hành của tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (sau đây viết tắt là tổchức hành nghề) phải có trình độchuyên môn từ đại học trở lên phù hợp với biện pháp xử lý; đảm bảo sức khỏe theo quy định; b) Người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể phải có Thẻ hành nghề do Cục Bảo vệ thực vật cấp. **Điều 7. Cấp Thẻ hành nghề** Thẻ hành nghề được cấp cho cá nhân có đủ điều kiện sau: 1. Đã được tập huấn và kiểm tra chuyên môn theo nội dung chương trình được Cục Bảo vệ thực vật quy định. 2. Đảm bảo sức khỏe theo quy định.

167. Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	**Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 03/2013/TT-BNNPTNT** Đăng ký cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật - Tất cả các loại thuốc bảo vệ thực vật đăng ký sử dụng tại Việt Nam đều phải đăng ký cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam. - Các thuốc bảo vệ thực vật hóa học đăng ký chính thức, đặt tên thương phẩm phải khảo nghiệm hiệu lực sinh học trên diện hẹp và diện rộng. - Các thuốc bảo vệ thực vật sinh học đăng ký chính thức, đặt tên thương phẩm; các thuốc bảo vệ thực vật đăng ký bổ sung phạm vi sử dụng, liều lượng sử dụng, cách sử dụng, dạng thuốc, hàm lượng hoạt chất phải khảo nghiệm hiệu lực sinh học trên diện rộng. - Thuốc bảo vệ thực vật hóa học lần đầu đăng ký sử dụng trên cây ăn quả, cây chè, cây rau phải tiến hành khảo nghiệm xác định thời gian cách ly ở Việt Nam (trừ thuốc trừ cỏ dùng cho cây ăn quả). **Điều 51. Điều kiện đối với tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật** 1. Người đứng đầu tổ chức phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật hoặc chuyên ngành trồng trọt, sinh học, hóa học có giấy chứng nhận tập huấn về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật. 2. Có đội ngũ cán bộ đang làm công tác bảo vệ thực vật và đã được tập huấn về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật. 3. Có cơ sở vật chất kỹ thuật đạt yêu cầu của công tác khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật. 4. Không được trực tiếp khảo nghiệm các loại thuốc bảo vệ thực vật do tổ chức khảo nghiệm đứng tên đăng ký hoặc được uỷ quyền đứng tên đăng ký sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam.
169. Kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vắc xin, vi sinh vật, hóa chất dung trong thú y	**TT 51/2009/TT-BNNPTNT** **Chương II** **ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y** **Điều 3.** Điều kiện chung đối với các cơ sở sản xuất thuốc thú y 1. Địa điểm: a) Không bị ô nhiễm từ môi trường bên ngoài; b) Không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh; c) Cách biệt với khu dân cư, trường học, công sở, bệnh viện, cơ sở

	chẩn đoán, xét nghiệm bệnh; d) Giao thông thuận lợi, có nguồn nước và nguồn điện đảm bảo cho các hoạt động của cơ sở. 2. Nhà xưởng sản xuất: a) Xây dựng kiên cố, vững chắc, phù hợp với tính chất và qui mô sản xuất, tránh được ảnh hưởng xấu của thiên nhiên như thời tiết, ngập lụt, thấm ẩm và sự xâm nhập của côn trùng hay các động vật khác; b) Nền nhà vững chắc, cao ráo, nhẵn, không trơn; có khả năng chịu được sức ép của máy móc khi hoạt động; c) Tường và trần được làm bằng vật liệu bền, chắc; d) Sàn không rạn nứt, không ngấm hoặc ứ đọng nước, dễ vệ sinh, chịu được hóa chất khử trùng tiêu độc; đ) Có hệ thống chiếu sáng đầy đủ; e) Qui hoạch xây dựng hợp lý, phù hợp với tính chất và qui mô sản xuất. g) Từng khu vực phải đảm bảo đạt các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định. 3. Trang thiết bị: a) Máy móc thiết bị phải được bố trí, lắp đặt phù hợp với các thao tác sẽ thực hiện, có hướng dẫn vận hành, có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng; có quy trình vệ sinh đảm bảo không gây nhiễm hoặc nhiễm chéo giữa các sản phẩm. b) Có đủ trang thiết bị theo qui định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này. 4. Bao bì, đóng gói: a) Các loại bao bì trực tiếp không được ảnh hưởng tới chất lượng thuốc, tránh được các tác động xấu từ bên ngoài như ánh sáng, độ ẩm, vi sinh vật trong suốt quá trình bảo quản. b) Bao bì thuỷ tinh đảm bảo chắc, bền phù hợp với việc xử lý tiệt trùng, vận chuyển, bảo quản. 5. Phòng kiểm nghiệm: a) Phải được tách biệt với khu vực sản xuất. Những khu vực tiến hành phép thử sinh học, vi sinh phải cách biệt nhau. b) Cần có đủ diện tích để tránh nhiễm chéo và để bảo quản mẫu, chất chuẩn c) Có đầy đủ trang thiết bị theo qui định tại Phụ lục 2 d) Người phụ trách phòng kiểm nghiệm được cơ quan thú y

	có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề theo qui định. 6. Vệ sinh cá nhân: Người làm việc trong cơ sở sản xuất thuốc thú y phải đảm bảo những yêu cầu sau: a) Có đủ sức khoẻ theo qui định của Bộ Y tế, được khám sức khoẻ định kỳ 1 lần /năm; không có vết thương hở, bệnh ngoài da; b) Được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, vệ sinh cá nhân, vệ sinh công nghiệp trong sản xuất thuốc thú y. c) Người làm việc trong cơ sở sản xuất thuốc thú y phải thực hiện đúng các quy định về vệ sinh thú y trong khu vực sản xuất. 7. Vệ sinh phòng hộ lao động: a) Phải có trang bị phòng hộ lao động cho từng cá nhân phù hợp với công việc được giao. b) Phải có văn bản quy định về chế độ cấp phát, sử dụng trang bị, trang phục làm việc. c) Phải có thiết bị phòng cháy chữa cháy, khử mùi, thông gió, hút bụi với công suất phù hợp; Có trang bị an toàn cho người sử dụng các thiết bị nhiệt, điện, cơ khí, khí nén. d) Phải có văn bản quy định về phòng hộ lao động, có biện pháp chủ động và phương tiện để đề phòng và giải quyết nhanh chóng những sự cố có khả năng xảy ra. 8. Hệ thống thu gom và xử lý chất thải: a) Hệ thống xử lý nước thải phải được thiết kế phù hợp với nhà xưởng, quy mô sản xuất, đảm bảo thu gom nước thải từ mọi nguồn thoát tiêu, không gây ô nhiễm cho khu vực nhà xưởng sản xuất và xung quanh. b) Mỗi khu vực trong cơ sở phải có thùng chứa rác thải phù hợp, dễ vận chuyển. Nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; **Điều 4.** Điều kiện đối với cơ sở sản xuất dược phẩm, hoá chất dùng trong thú y 1. Hệ thống kho: a) Có kho hoặc khu vực riêng biệt để nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thành phẩm; có kho riêng bên ngoài bảo quản các loại dung môi và các nguyên liệu dễ gây cháy, nổ, có nơi biệt trữ các nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm bị loại bỏ. b) Công suất kho thích hợp với quy mô sản xuất.

	c) Có đủ thiết bị, phương tiện cần thiết để đảm bảo chất lượng hàng phù hợp với yêu cầu bảo quản, cụ thể: Bảo quản ở điều kiện bình thường: nhiệt độ từ 15-30 ^{0}C, ẩm độ không quá 70%; Bảo quản mát: nhiệt độ từ 8 – 15^{0}C. Bảo quản lạnh: nhiệt độ từ 2- 8^{0}C. Bảo quản đông lạnh: nhiệt độ ≤-10^{0}C d) Tránh ánh sáng trực tiếp, ô nhiễm từ môi trường bên ngoài; đ) Hàng hóa được sắp xếp gọn gàng, khoa học, để trên giá, kệ. Giá, kệ được kê cách mặt nền ít nhất 20 cm, cách tường ít nhất 20 cm; khoảng cách giữa các giá, kệ hoặc giữa các khối hàng tối thiểu 30 cm để đảm bảo độ thông thoáng, dễ nhập, xuất hàng, dễ vệ sinh tiêu độc; e) Có văn bản của cơ sở quy định sự sắp xếp, bảo quản hàng, chế độ kiểm tra định kỳ, phát hiện và xử lý kịp thời những sự cố trong quá trình bảo quản; g) Có đủ thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu về bảo quản, có chế độ ghi chép thường xuyên các thông số kỹ thuật. 2. Khu vực xử lý tiệt trùng: a) Có nơi xử lý vệ sinh cơ học, hoá học đối với bao bì đóng gói trực tiếp: vỏ ống, vỏ lọ, chai, nút; dụng cụ, thiết bị phục vụ pha chế, đồ bảo hộ lao động. Mặt sàn nơi xử lý vệ sinh cơ học phải có độ dốc khoảng 1,5^0 về phía rãnh thoát nước và có độ ma sát để tránh trơn trượt. b) Sấy, hấp tiệt trùng, chai lọ, ống, nút, dụng cụ, bảo hộ lao động đáp ứng theo yêu cầu của từng công đoạn sản xuất. c) Có đủ các trang thiết bị, dụng cụ, hoá chất phù hợp với quy trình xử lý tiệt trùng; d) Có văn bản quy định chế độ vệ sinh, xử lý tiệt trùng đối với các loại bao bì trực tiếp, dụng cụ dùng trong sản xuất, bảo hộ lao động. 3. Khu vực cân, cấp phát nguyên liệu: a) Có phòng cân nguyên liệu riêng biệt. Trường hợp không có phòng cân nguyên liệu riêng biệt phải có biện pháp đảm bảo không nhiễm chéo giữa các loại nguyên liệu b) Có đủ cân, dụng cụ phục vụ việc cân và được vệ sinh, giữ sạch sẽ sau khi sử dụng. 4. Khu vực pha chế, phối trộn, bảo quản bán thành phẩm:

	a) Tường và trần nhà phải có độ bóng cao, nơi tiếp giáp giữa chân tường với mặt sàn và giữa tường với trần nhà phải là góc tù. b) Đối với dây chuyền sản xuất thuốc tiêm: có phòng tiền vô trùng để thay trang phục vô trùng trước khi làm việc tại khu vực vô trùng; không được bố trí bồn rửa và rãnh thoát nước hở trong khu vực vô trùng Vật dụng phải được tiệt trùng trước khi đưa vào dùng trong khu vực vô trùng và phải được bảo quản trong điều kiện vô trùng được dán nhãn đã tiệt trùng. Có biện pháp tránh tái nhiễm vi sinh trước và trong khi sử dụng. c) Đối với dây chuyền sản xuất thuốc bột: có thiết bị hút bụi d) Phải có đủ các trang thiết bị, hoá chất và vật tư chuyên dùng phù hợp với quy trình sản xuất sản phẩm. đ) Có khu biệt trữ bán thành phẩm nếu chưa san chia, phân liều ngay. 5. Khu vực hoàn thiện sản phẩm; a) Được bố trí liền kề với khu vực san chia, phân liều để việc tiếp nhận sản phẩm chờ đóng gói được thuận tiện. b) Có đủ các trang thiết bị, dụng cụ phù hợp với việc đóng gói, dán nhãn, vận chuyển sản phẩm tới kho thành phẩm. 6. Khu vực để các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng: phải được bố trí riêng biệt, có khóa hoặc biển báo để tránh nhầm lẫn với hàng hóa khác. 7. Khu vực kiểm tra sản phẩm trước khi xuất xưởng: a) Có đủ thiết bị, dụng cụ, hoá chất, môi trường phù hợp với quy trình kiểm tra sản phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng. Trong trường hợp cơ sở không đủ các điều kiện thực hiện việc kiểm nghiệm phải có hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện kiểm nghiệm theo qui định. b) Có quy định việc lưu giữ, bảo quản mẫu và kiểm tra mẫu lưu. 8. Khu vực vệ sinh cá nhân và các khu vực khác phục vụ sản xuất. a) Bố trí hợp lý, không được thông trực tiếp với khu vực sản xuất. b) Có đủ các thiết bị vệ sinh cần thiết; có đủ hoá chất, vật dụng cần thiết cho việc vệ sinh cá nhân và khu vực.

c) Có thiết bị thông gió, khử mùi.

Điều 5. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật

Ngoài các quy định nêu tại Điều 3, 4 Thông tư này, phải có khu vực nuôi giữ và xử lý động vật thí nghiệm; khu vực trang thiết bị để giữ giống vi sinh vật phục vụ sản xuất.

Điều 6. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất hoocmon dùng trong thú y:

Ngoài các quy định nêu tại Điều 3, 4 Thông tư này, phải được sản xuất trong một khu vực riêng biệt.

Điều 7. Điều kiện gia công, san chia, đóng gói lại thuốc thú y

Áp dụng các quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 3; khoản 1, 2, điểm a, c, d khoản 4; khoản 5, 6, 7, 8 Điều 4 Thông tư này.

Chương III

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỐC THÚ Y

Điều 8. Điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với các cửa hàng, đại lý bán buôn, bán lẻ thuốc thú y như sau

1. Có địa chỉ cố định, có biển hiệu ghi tên cửa hàng, cơ sở hoặc tên doanh nghiệp, mã số kinh doanh được cấp; bảng niêm yết đăng ký kinh doanh.

2. Diện tích cửa hàng tối thiểu $10m^2$

3. Có đủ phương tiện cần thiết để bày hàng, bán hàng; hàng hóa được sắp xếp khoa học, giữ gìn sạch sẽ.

4. Có đủ sổ sách theo dõi xuất, nhập hàng;

5. Bảo quản thuốc theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất, cụ thể:

a) Bảo quản ở điều kiện bình thường: nhiệt độ từ $15\text{-}30^0{}_{C.}$

b) Bảo quản mát: nhiệt độ từ $8\text{-}15^0C.$

c) Bảo quản lạnh: nhiệt độ từ $2\text{-}8^0C.$

d) Bảo quản đông lạnh: nhiệt độ $\leq\text{-}10^0C$

6. Không được phép bày bán thuốc thú y cùng với hàng hoá khác. Nếu được phép kinh doanh thức ăn chăn nuôi chung với thuốc thú y, phải bày bán ở khu vực riêng.

	7. Đối với cửa hàng, đại lý bán buôn thuốc thú y phải có kho chứa hàng, đủ diện tích; có đủ các trang thiết bị, phương tiện phù hợp với yêu cầu bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc được phép kinh doanh. Hàng hóa phải được sắp xếp trên kệ, giá. Kệ, giá để hàng phải cách mặt sàn ít nhất 20 cm, cách tường ít nhất 20cm, khoảng cách giữa các giá, kệ tối thiểu 30 cm để đảm bảo độ thông thoáng, dễ vệ sinh tiêu độc; có máy phát điện dự phòng đủ công suất. 8. Cửa hàng kinh doanh vắc xin phải có thiết bị bảo quản lạnh và có phương tiện dự phòng để bảo quản vắc xin, chế phẩm sinh học khi xảy ra sự cố mất điện; có nhiệt kế theo dõi nhiệt độ và ghi chép hàng ngày. 9. Chủ cơ sở, người bán hàng được cơ quan thú y có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề theo qui định. **Điều 9.**Điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với cơ sở nhập khẩu thuốc thú y như sau: Ngoài các quy định tại khoản 1, 4, 5, 7, 8 Điều 8, phải có thêm các điều kiện sau: 1. Đối với cơ sở nhập khẩu vắc xin thú y phải có phương tiện vận chuyển chuyên dùng đảm bảo yêu cầu bảo quản khi vận chuyển, phân phối đến nơi tiêu thụ. 2. Chủ cơ sở hoặc người phụ trách kỹ thuật được cơ quan thú y có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề theo qui định.
176. Kinh doanh, khảo nghiệm phân bón hữu cơ	**Thông tư số 29/2014/TT-BCT: Điều 5** **Điều 5. Hướng dẫn thực hiện điều kiện sản xuất phân bón vô cơ** Các điều kiện sản xuất phân bón vô cơ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 202/2013/NĐ-CPngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón (sau đây gọi tắt là Nghị định số 202/2013/NĐ-CP) được hướng dẫn thực hiện như sau: 1. Diện tích mặt bằng, nhà xưởng, kho chứa nguyên liệu, kho chứa thành phẩm phân bón phải phù hợp với công suất sản xuất. Công suất tối thiểu của cơ sở sản xuất phân bón vô cơ được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này. 2. Dây chuyền sản xuất phải đáp ứng công suất sản xuất, được cơ giới hóa và phải bảo đảm được chất lượng loại phân bón sản xuất. Máy móc, thiết bị để sản xuất phân bón phải có nguồn gốc rõ ràng và hợp pháp. Máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh theo quy định.

	3. Quy trình công nghệ sản xuất đối với từng loại phân bón phải phù hợp với máy móc thiết bị và công suất sản xuất. 4. Phòng thử nghiệm của cơ sở sản xuất phân bón phải có khả năng phân tích được các chỉ tiêu chất lượng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đầu ra và các chỉ tiêu chất lượng quy định tại tiêu chuẩn áp dụng đối với nguyên liệu đầu vào để kiểm soát chất lượng sản phẩm. Cơ sở sản xuất phân bón vôcơ không có phòng thử nghiệm hoặc có phòng thử nghiệm nhưng không thử nghiệm được hết các chỉ tiêu chất lượng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì phải có hợp đồng với phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc được công nhận để kiểm soát chất lượng phân bón sản phẩm. 5. Kho chứa nguyên liệu, kho chứa thành phẩm phân bón phải phù hợpvới năng lực, công suất sản xuất. Kho chứa có các phương tiện bảo quản chất lượng phân bón trong thời gian lưu giữ. Phân bón xếp trong kho phải đảm bảo yêu cầu an toàn cho người lao động và hàng hoá. Kho chứa phân bón phải có nội quy thể hiện được nội dung về đảm bảo chất lượng phân bón và vệ sinh, an toàn lao động. 6. Tổ chức, cá nhân thuê tổ chức, cá nhân khác sản xuất phân bón vô cơ phải có hợp đồng lập thành văn bản và phải đáp ứng các điều kiện về chủ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 202/2013/NĐ-CP. Tổ chức, cá nhân nhận thuê sản xuất phân bón vô cơ phải đáp ứng các điều kiện về chủ thể quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 202/2013/NĐ-CP và yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật, tài liệu kỹ thuật quy định từ Khoản 1 đến Khoản 5 Điều này. Tổ chức, cá nhân thuê tổ chức, cá nhân khác sản xuất phân bón vô cơ lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất phân bón vô cơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này. **Thông tư 41/2014/TT-BNNPTNT: Điều 4** **Điều 4. Hướng dẫn thực hiện một số điều kiện sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác** Điều kiện sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 8 Nghị định 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón (sau đây gọi tắt là Nghị định số 202/2013/NĐ-CP) được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác. Trong thời gian quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chưa được ban hành thì thực hiện theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.
177.Kinh doanh giống cây trồng,	**Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT: Điều 13, 14, 16, 17** **Điều 13. Xuất khẩu giống cây trồng**

vật nuôi	1. Cấm xuất khẩu: Thương nhân không được xuất khẩu giống cây trồng có trong Danh mục giống cây trồng quý hiếm cấm xuất khẩu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2. Xuất khẩu có giấy phép: a) Thương nhân xuất khẩu giống cây trồng có trong Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm trao đổi quốc tế trong trường hợp đặc biệt và Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm hạn chế trao đổi quốc tế theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. b) Thương nhân xuất khẩu giống cây trồng không có trong Danh mục quy định tại khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều này và Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam phải được Tổng cục Lâm nghiệp (đối với giống cây trồng lâm nghiệp) hoặc Cục Trồng trọt (đối với giống cây trồng nông nghiệp) cấp phép. 3. Xuất khẩu không cần giấy phép: Thương nhân xuất khẩu giống cây trồng không thuộc quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, không phải xin phép. **Điều 14. Nhập khẩu giống cây trồng** 1. Nhập khẩu có giấy phép Thương nhân nhập khẩu giống cây trồng chưa có tên trong Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất kinh doanh hoặc Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam, hoặc chưa có văn bản công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới hoặc văn bản công nhận giống cây trồng nông nghiệp mới phải được Tổng cục Lâm nghiệp hoặc Cục Trồng trọt cấp phép. 2. Nhập khẩu không cần giấy phép Thương nhân nhập khẩu giống cây trồng có tên trong Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất kinh doanh hoặ **Điều 16. Xuất khẩu giống vật nuôi** 1. Xuất khẩu có giấy phép

	Thương nhân trao đổi với nước ngoài những giống vật nuôi quý hiếm có trong Danh mục giống vật nuôi quý hiếm cấm xuất khẩu và Danh mục nguồn gen vật nuôi quý hiếm cần bảo tồn để phục vụ nghiên cứu khoa học hoặc các mục đích đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định. 2. Xuất khẩu không cần giấy phép Thương nhân được xuất khẩu giống vật nuôi không có trong Danh mục giống vật nuôi quý hiếm cấm xuất khẩuvà Danh mục nguồn gen vật nuôi quý hiếm cần bảo tồn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. **Điều 17. Nhập khẩu giống vật nuôi** 1. Thương nhân chỉ được nhập khẩu giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc văn bản công nhận giống vật nuôi mới thì không phải xin phép 2. Nhập khẩu có giấy phép Nhập khẩu tinh, phôi, môi trường pha loãng bảo tồn tinh giống vật nuôi phải được sự đồng ý bằng văn bản của Cục Chăn nuôi. Thương nhân nhập khẩu giống vật nuôi ngoài Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu, khảo nghiệm hoặc trong các trường hợp đặc biệt khác phải được sự đồng ý bằng văn bản của Cục Chăn nuôi. c Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam hoặc có văn bản công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới hoặc văn bản công nhận giống cây trồng nông nghiệp mới được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam, không phải xin phép.
178. Sản xuất thức ăn chăn nuôi	**Điều kiện quy định chi tiết về địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất và nhân viên kỹ thuật** ***Điều 3 Thông tư 66/2011/TT-BNNPTNT***
	1. Địa điểm
	a) Có vị trí phù hợp: thuận tiện cho việc sản xuất, kinh doanh; không bị ngập úng; không gần các nguồn hoá chất, vi sinh vật có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm

	thức ăn chăn nuôi;
	b) Có tường bao hoặc hàng rào cố định cách biệt với bên ngoài.
	2. Bố trí mặt bằng, nhà xưởng
	a) Bố trí mặt bằng nhà xưởng thuận lợi cho việc bốc dỡ, chế biến, bảo quản nguyên liệu và sản phẩm;
	b) Có nhà xưởng đủ diện tích cho việc bố trí các trang thiết bị bảo đảm thuận tiện cho việc vận hành sản xuất, làm vệ sinh và an toàn lao động;
	c) Dây chuyền sản xuất phải được bố trí hợp lý nhằm hạn chế thấp nhất khả năng gây nhiễm chéo giữa các công đoạn sản xuất;
	d) Khu vực xử lý nguyên liệu dạng lỏng phải được thiết kế bảo đảm thoát ẩm, thoát mùi, dễ làm sạch và khử trùng;
	đ) Khu xử lý nhiệt phải bảo đảm thông thoáng, thoát nhiệt và an toàn.
	3. Kết cấu nhà xưởng sản xuất
	a) Nhà xưởng phải có kết cấu vững chắc phù hợp với tính chất và quy mô sản xuất của cơ sở, bảo đảm an toàn và phòng chống cháy nổ;
	b) Phải có hệ thống thông gió bảo đảm loại trừ được hơi nóng, hơi nước và khí thải;
	c) Tường và mái nhà phải được làm bằng vật liệu bền; nền nhà xưởng phải cứng, phẳng, chịu được tải trọng, không trơn trượt, dễ làm vệ sinh;
	d) Cửa ra vào, cửa sổ phải được chế tạo bằng vật liệu phù hợp, ngăn chặn được côn trùng và động vật gây hại, dễ làm vệ sinh và khử trùng.
	4. Thiết bị và dụng cụ
	a) Hệ thống máy móc, thiết bị phải được lắp đặt, vận hành bảo đảm an toàn cho người lao động, dễ dàng cho việc vệ sinh, bảo dưỡng và thuận lợi cho công tác kiểm tra;
	b) Thiết bị tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm phải làm bằng vật liệu phù hợp, không độc, không gỉ, bảo đảm vệ sinh thức ăn chăn nuôi; b) Thiết bị tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm phải làm bằng vật liệu phù hợp, không độc, không gỉ, bảo đảm vệ sinh thức ăn chăn nuôi;
	c) Thiết bị phải được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ về các thông số kỹ thuật
	5. Khu vực sân bãi và đường đi nội bộ
	a) Sân bãi và đường đi phải có mặt bằng đủ rộng thuận tiện cho việc vận chuyển và bốc dỡ hàng hoá;
	b) Mặt sân, đường đi phải có độ dốc hợp lý để không đọng nước

	và thuận tiện cho vệ sinh, khử trùng.
	6. Hệ thống kho
	a) Hệ thống kho phải thoáng mát, khô ráo bảo đảm thuận tiện cho việc xuất nhập nguyên liệu và sản phẩm;
	b) Khu chứa nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi thành phẩm phải tách riêng và phải cách biệt với chất dễ cháy nổ, các loại hoá chất độc hại;
	c) Các loại nguyên liệu phải được bảo quản bảo đảm yêu cầu kỹ thuật để không bị ẩm mốc, mối mọt và sự xâm hại của côn trùng và động vật gặm nhấm;
	d) Đối với các chất phụ gia, vitamin và các loại thức ăn bổ sung khác phải được bảo quản trong điều kiện phù hợp với yêu cầu kỹ thuật cho từng loại;
	đ) Đối với thức ăn chăn nuôi thành phẩm phải được lưu giữ trên các kệ gỗ hoặc vật liệu có độ cao phù hợp với mặt nền kho, trừ trường hợp nền kho đã được thiết kế chống ẩm.
	7. Hệ thống cung cấp điện, nước Phải có hệ thống cung cấp điện an toàn và có hệ thống cung cấp nước sạch bảo đảm yêu cầu kỹ thuật phục vụ cho quá trình sản xuất.
	8. Nhân viên kỹ thuật trong sản xuất và kiểm soát chất lượng:
	a) Đối với sản xuất, gia công thức ăn gia súc, gia cầm: nhân viên kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên về chuyên ngành chăn nuôi, thú y, chế biến thực phẩm, hoá thực phẩm.
	b) Đối với sản xuất, gia công thức thủy sản: nhân viên kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên về chuyên ngành chế biến thực phẩm, hoá thực phẩm, nuôi trồng thủy sản.
	Điều 4. Điều kiện đối với cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải đáp ứng các điều kiện theo Điều 7 Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi. Một số quy định chi tiết về địa điểm, phương tiện vận chuyển và dụng cụ kinh doanh thức ăn chăn nuôi cụ thể như sau: 1. Nơi bày bán và bảo quản hàng hóa thức ăn chăn nuôi phải thông thoáng, đủ ánh sáng, không ẩm ướt; hạn chế được các ảnh hưởng của nhiệt độ, độ ẩm, côn trùng, động vật, bụi bẩn, mùi lạ và các tác động xấu của môi trường để đảm bảo chất lượng thức ăn chăn nuôi. 2. Có thiết bị cân đo chính xác và được định kỳ bảo dưỡng; dụng cụ chứa đựng và dụng cụ đong, xúc hàng hóa thức ăn chăn nuôi phải bảo đảm vệ sinh, không bị han gỉ hoặc nhiễm mốc.

	3. Nơi bày bán, bảo quản và các phương tiện vận chuyển, dụng cụ kinh doanh hàng hóa thức ăn chăn nuôi phải riêng biệt đối với thuốc bảo vệ thực vật và các loại hóa chất độc hại khác.
179. **Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi**	- ***Thông tư 50/2014/TT-NNPTNT: Khoản 3 Điều 1 (sửa đổi Điều 6 Thông tư 66/2011)*** **Điều 6. Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi** 1. Đối với thức ăn chăn nuôi đã được phép lưu hành tại Việt Nam, khi nhập khẩu, tổ chức, cá nhân làm thủ tục tại cơ quan hải quan và thực hiện kiểm tra chất lượng theo Chương III Thông tư 66/2011/TT-BNNPTNT. 2. Đối với thức ăn chăn nuôi chưa được phép lưu hành tại Việt Nam, khi nhập khẩu phải có quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam của Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi và thực hiện kiểm tra chất lượng theo Chương III Thông tư 66/2011/TT-BNNPTNT. Việc công nhận chất lượng thông qua một trong hai hình thức sau: a) Công nhận chất lượng thông qua thẩm định hồ sơ. b) Công nhận chất lượng thông qua khảo nghiệm (đối với các loại thức ăn chăn nuôi mới) được quy định tại Khoản 7 Điều 3 và Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 08/2010/NĐ-CP và Chương IV Thông tư 66/2011/TT-BNNPTNT. Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu chưa được phép lưu hành tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi.
180. Xuất khẩu, nhập khẩu động vật, thực vật hoang dã quý hiếm, trên cạn nguy cấp cần kiểm soát theo Công ước CITES	**Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT: Điều 10, 11** **Điều 10. Xuất khẩu mẫu vật động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm** 1. Cấm xuất khẩu Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ tự nhiên không được xuất khẩu vì mục đích thương mại gồm: a) Mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IB, mẫu vật thực vật rừng thuộc nhóm IA theo quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. b) Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp quy định tại Phụ lục I của CITES. 2. Xuất khẩu có giấy phép

	a) Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm phục vụ ngoại giao, nghiên cứu khoa học, trao đổi giữa các vườn động vật, vườn thực vật, triển lãm, biểu diễn xiếc, trao đổi, trao trả mẫu vật giữa các Cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES các nước. b) Xuất khẩu vì mục đích thương mại: - Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên quy định tại Phục lục II, III của Công ước CITES; - Mẫu vật thực vật rừng từ tự nhiên thuộc nhóm IIA theo quy định của Chính phủ; - Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm I, nhóm II theo quy định của Chính phủ vàmẫu vật quy định tại Phụ lục của Công ước CITES có nguồn gốc nuôi, trồng theo quy định tại Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm và Điều 5 Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nông nghiệp. **Điều 11. Nhập khẩu mẫu vật động vật, thực vật thuộc các Phụ lục CITES** 1. Cấm nhập khẩu Nghiêm cấm nhập khẩu mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES có nguồn gốc từ tự nhiên vì mục đích thương mại. 2. Nhập khẩu có giấy phép a) Mẫu vật các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES có nguồn gốc từ tự nhiên chỉ được nhập khẩu cho mục đích phục vụ ngoại giao, nghiên cứu khoa học, trao đổi giữa các vườn thú, vườn thực vật, triển lãm, biểu diễn xiếc không vì mục đích lợi nhuận, trao trả mẫu vật giữa Cơ quan Quản lý CITES các nước. b) Mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ lục I có nguồn gốc từ trại nuôi sinh sản, cơ sở trồng cấy nhân tạo, mẫu vật quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này và mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ II và III của Công ước CITES phải được Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam cấp giấy phép.
183. Kinh doanh củi than từ gỗ hoặc củi có nguồn gốc từ gỗ rừng tự nhiên trong nước	**Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT: Điều 7, 8** **Mục 1. XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ; CỦI, THAN LÀM TỪ GỖ HOẶC CỦI CÓ NGUỒN GỐC TỪ GỖ RỪNG TỰ NHIÊN TRONG NƯỚC**

	Điều 7. Cấm xuất khẩu Cấm xuất khẩu gỗ và sản phẩm chế biến từ gỗ thuộc các trường hợp sau: 1. Gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ rừng tự nhiên trong nước. 2. Xuất khẩu vì mục đích thương mại sản phẩm làm từ gỗ thuộc Nhóm IA do Chính phủ quy định (trừ gỗ là tang vật xử lý tịch thu theo quy định hiện hành của Nhà nước và những trường hợp quy định tại Điều 8 Thông tư này) và Phụ lục I của CITES khai thác từ tự nhiên. **Điều 8. Xuất khẩu theo điều kiện hoặc theo giấy phép** 1. Gỗ và sản phẩm chế biến từ gỗ chỉ được xuất khẩu khi có hồ sơ lâm sản hợp pháp theo quy định hiện hành của pháp luật. Khi xuất khẩu, thương nhân kê khai hàng hoá với cơ quan Hải quan về số lượng, chủng loại và chịu trách nhiệm về nguồn gốc gỗ hợp pháp. 2. Xuất khẩu các loại củi, than, thương nhân kê khai hàng hoá với cơ quan Hải quan về số lượng, chủng loại và chịu trách nhiệm về nguồn gốc hàng hoá hợp pháp, không phải xin phép. 3. Gỗ và sản phẩm làm từ gỗ thuộc các Phụ lục của CITES phải có Giấy phép CITES do Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam cấp.
185. Kinh doanh dịch vụchế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản	**Thông tư 51/2009/TT-BNNPTNT: Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9** **Điều 3.** Điều kiện chung đối với các cơ sở sản xuất thuốc thú y 1. Địa điểm: a) Không bị ô nhiễm từ môi trường bên ngoài; b) Không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh; c) Cách biệt với khu dân cư, trường học, công sở, bệnh viện, cơ sở chẩn đoán, xét nghiệm bệnh; d) Giao thông thuận lợi, có nguồn nước và nguồn điện đảm bảo cho các hoạt động của cơ sở. 2. Nhà xưởng sản xuất: a) Xây dựng kiên cố, vững chắc, phù hợp với tính chất và qui mô sản xuất, tránh được ảnh hưởng xấu của thiên nhiên như thời tiết, ngập lụt, thấm ẩm và sự xâm nhập của côn trùng hay các động vật khác; b) Nền nhà vững chắc, cao ráo, nhẵn, không trơn; có khả năng chịu được sức ép của máy móc khi hoạt động;

	c) Tường và trần được làm bằng vật liệu bền, chắc; d) Sàn không rạn nứt, không ngấm hoặc ứ đọng nước, dễ vệ sinh, chịu được hóa chất khử trùng tiêu độc; đ) Có hệ thống chiếu sáng đầy đủ; e) Qui hoạch xây dựng hợp lý, phù hợp với tính chất và qui mô sản xuất. g) Từng khu vực phải đảm bảo đạt các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định. 3. Trang thiết bị: a) Máy móc thiết bị phải được bố trí, lắp đặt phù hợp với các thao tác sẽ thực hiện, có hướng dẫn vận hành, có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng; có quy trình vệ sinh đảm bảo không gây nhiễm hoặc nhiễm chéo giữa các sản phẩm. b) Có đủ trang thiết bị theo qui định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này. 4. Bao bì, đóng gói: a) Các loại bao bì trực tiếp không được ảnh hưởng tới chất lượng thuốc, tránh được các tác động xấu từ bên ngoài như ánh sáng, độ ẩm, vi sinh vật trong suốt quá trình bảo quản. b) Bao bì thuỷ tinh đảm bảo chắc, bền phù hợp với việc xử lý tiệt trùng, vận chuyển, bảo quản. 5. Phòng kiểm nghiệm: a) Phải được tách biệt với khu vực sản xuất. Những khu vực tiến hành phép thử sinh học, vi sinh phải cách biệt nhau. b) Cần có đủ diện tích để tránh nhiễm chéo và để bảo quản mẫu, chất chuẩn c) Có đầy đủ trang thiết bị theo qui định tại Phụ lục 2 d) Người phụ trách phòng kiểm nghiệm được cơ quan thú y có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề theo qui định. 6. Vệ sinh cá nhân: Người làm việc trong cơ sở sản xuất thuốc thú y phải đảm bảo những yêu cầu sau: a) Có đủ sức khoẻ theo qui định của Bộ Y tế, được khám sức khoẻ định kỳ 1 lần /năm; không có vết thương hở, bệnh ngoài da; b) Được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, vệ sinh cá nhân, vệ sinh công nghiệp trong sản xuất thuốc thú y. c) Người làm việc trong cơ sở sản xuất thuốc thú y phải

	thực hiện đúng các quy định về vệ sinh thú y trong khu vực sản xuất. 7. Vệ sinh phòng hộ lao động: a) Phải có trang bị phòng hộ lao động cho từng cá nhân phù hợp với công việc được giao. b) Phải có văn bản quy định về chế độ cấp phát, sử dụng trang bị, trang phục làm việc. c) Phải có thiết bị phòng cháy chữa cháy, khử mùi, thông gió, hút bụi với công suất phù hợp; Có trang bị an toàn cho người sử dụng các thiết bị nhiệt, điện, cơ khí, khí nén. d) Phải có văn bản quy định về phòng hộ lao động, có biện pháp chủ động và phương tiện để đề phòng và giải quyết nhanh chóng những sự cố có khả năng xảy ra. 8. Hệ thống thu gom và xử lý chất thải: a) Hệ thống xử lý nước thải phải được thiết kế phù hợp với nhà xưởng, quy mô sản xuất, đảm bảo thu gom nước thải từ mọi nguồn thoát tiêu, không gây ô nhiễm cho khu vực nhà xưởng sản xuất và xung quanh. b) Mỗi khu vực trong cơ sở phải có thùng chứa rác thải phù hợp, dễ vận chuyển. Nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; **Điều 4.** Điều kiện đối với cơ sở sản xuất dược phẩm, hoá chất dùng trong thú y 1. Hệ thống kho: a) Có kho hoặc khu vực riêng biệt để nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thành phẩm; có kho riêng bên ngoài bảo quản các loại dung môi và các nguyên liệu dễ gây cháy, nổ, có nơi biệt trữ các nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm bị loại bỏ. b) Công suất kho thích hợp với quy mô sản xuất. c) Có đủ thiết bị, phương tiện cần thiết để đảm bảo chất lượng hàng phù hợp với yêu cầu bảo quản, cụ thể: Bảo quản ở điều kiện bình thường: nhiệt độ từ 15-30 ^{0}C, ẩm độ không quá 70%; Bảo quản mát: nhiệt độ từ 8 – 15^{0}C. Bảo quản lạnh: nhiệt độ từ 2- 8^{0}C. Bảo quản đông lạnh: nhiệt độ ≤-10^{0}C d) Tránh ánh sáng trực tiếp, ô nhiễm từ môi trường bên ngoài; đ) Hàng hóa được sắp xếp gọn gàng, khoa học, để trên giá,

	kệ. Giá, kệ được kê cách mặt nền ít nhất 20 cm, cách tường ít nhất 20 cm; khoảng cách giữa các giá, kệ hoặc giữa các khối hàng tối thiểu 30 cm để đảm bảo độ thông thoáng, dễ nhập, xuất hàng, dễ vệ sinh tiêu độc; e) Có văn bản của cơ sở quy định sự sắp xếp, bảo quản hàng, chế độ kiểm tra định kỳ, phát hiện và xử lý kịp thời những sự cố trong quá trình bảo quản; g) Có đủ thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu về bảo quản, có chế độ ghi chép thường xuyên các thông số kỹ thuật. 2. Khu vực xử lý tiệt trùng: a) Có nơi xử lý vệ sinh cơ học, hoá học đối với bao bì đóng gói trực tiếp: vỏ ống, vỏ lọ, chai, nút; dụng cụ, thiết bị phục vụ pha chế, đồ bảo hộ lao động. Mặt sàn nơi xử lý vệ sinh cơ học phải có độ dốc khoảng $1,5^0$ về phía rãnh thoát nước và có độ ma sát để tránh trơn trượt. b) Sấy, hấp tiệt trùng, chai lọ, ống, nút, dụng cụ, bảo hộ lao động đáp ứng theo yêu cầu của từng công đoạn sản xuất. c) Có đủ các trang thiết bị, dụng cụ, hoá chất phù hợp với quy trình xử lý tiệt trùng; d) Có văn bản quy định chế độ vệ sinh, xử lý tiệt trùng đối với các loại bao bì trực tiếp, dụng cụ dùng trong sản xuất, bảo hộ lao động. 3. Khu vực cân, cấp phát nguyên liệu: a) Có phòng cân nguyên liệu riêng biệt. Trường hợp không có phòng cân nguyên liệu riêng biệt phải có biện pháp đảm bảo không nhiễm chéo giữa các loại nguyên liệu b) Có đủ cân, dụng cụ phục vụ việc cân và được vệ sinh, giữ sạch sẽ sau khi sử dụng. 4. Khu vực pha chế, phối trộn, bảo quản bán thành phẩm: a) Tường và trần nhà phải có độ bóng cao, nơi tiếp giáp giữa chân tường với mặt sàn và giữa tường với trần nhà phải là góc tù. b) Đối với dây chuyền sản xuất thuốc tiêm: có phòng tiền vô trùng để thay trang phục vô trùng trước khi làm việc tại khu vực vô trùng; không được bố trí bồn rửa và rãnh thoát nước hở trong khu vực vô trùng Vật dụng phải được tiệt trùng trước khi đưa vào dùng trong khu vực vô trùng và phải được bảo quản trong điều kiện vô trùng được dán nhãn đã tiệt trùng. Có biện pháp tránh tái nhiễm vi sinh trước và trong khi sử

	dụng. c) Đối với dây chuyền sản xuất thuốc bột: có thiết bị hút bụi d) Phải có đủ các trang thiết bị, hoá chất và vật tư chuyên dùng phù hợp với quy trình sản xuất sản phẩm. đ) Có khu biệt trữ bán thành phẩm nếu chưa san chia, phân liều ngay. 5. Khu vực hoàn thiện sản phẩm; a) Được bố trí liền kề với khu vực san chia, phân liều để việc tiếp nhận sản phẩm chờ đóng gói được thuận tiện. b) Có đủ các trang thiết bị, dụng cụ phù hợp với việc đóng gói, dán nhãn, vận chuyển sản phẩm tới kho thành phẩm. 6. Khu vực để các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng: phải được bố trí riêng biệt, có khóa hoặc biển báo để tránh nhầm lẫn với hàng hóa khác. 7. Khu vực kiểm tra sản phẩm trước khi xuất xưởng: a) Có đủ thiết bị, dụng cụ, hoá chất, môi trường phù hợp với quy trình kiểm tra sản phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng. Trong trường hợp cơ sở không đủ các điều kiện thực hiện việc kiểm nghiệm phải có hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện kiểm nghiệm theo qui định. b) Có quy định việc lưu giữ, bảo quản mẫu và kiểm tra mẫu lưu. 8. Khu vực vệ sinh cá nhân và các khu vực khác phục vụ sản xuất. a) Bố trí hợp lý, không được thông trực tiếp với khu vực sản xuất. b) Có đủ các thiết bị vệ sinh cần thiết; có đủ hoá chất, vật dụng cần thiết cho việc vệ sinh cá nhân và khu vực. c) Có thiết bị thông gió, khử mùi. **Điều 5.** Điều kiện đối với cơ sở sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật Ngoài các quy định nêu tại Điều 3, 4 Thông tư này, phải có khu vực nuôi giữ và xử lý động vật thí nghiệm; khu vực trang thiết bị để giữ giống vi sinh vật phục vụ sản xuất. **Điều 6.** Điều kiện đối với cơ sở sản xuất hoocmon dùng trong thú y: Ngoài các quy định nêu tại Điều 3, 4 Thông tư này, phải được sản xuất trong một khu vực riêng biệt.

	Điều 7. Điều kiện gia công, san chia, đóng gói lại thuốc thú y Áp dụng các quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 3; khoản 1, 2, điểm a, c, d khoản 4; khoản 5, 6, 7, 8 Điều 4 Thông tư này. **Điều 8.** Điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với các cửa hàng, đại lý bán buôn, bán lẻ thuốc thú y như sau 1. Có địa chỉ cố định, có biển hiệu ghi tên cửa hàng, cơ sở hoặc tên doanh nghiệp, mã số kinh doanh được cấp; bảng niêm yết đăng ký kinh doanh. 2. Diện tích cửa hàng tối thiểu $10m^2$ 3. Có đủ phương tiện cần thiết để bày hàng, bán hàng; hàng hóa được sắp xếp khoa học, giữ gìn sạch sẽ. 4. Có đủ sổ sách theo dõi xuất, nhập hàng; 5. Bảo quản thuốc theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất, cụ thể: a) Bảo quản ở điều kiện bình thường: nhiệt độ từ $15\text{-}30^0{}_{C.}$ b) Bảo quản mát: nhiệt độ từ $8\text{-}15^0C$. c) Bảo quản lạnh: nhiệt độ từ $2\text{-}8^0C$. d) Bảo quản đông lạnh: nhiệt độ $\leq\text{-}10^0C$ 6. Không được phép bày bán thuốc thú y cùng với hàng hoá khác. Nếu được phép kinh doanh thức ăn chăn nuôi chung với thuốc thú y, phải bày bán ở khu vực riêng. 7. Đối với cửa hàng, đại lý bán buôn thuốc thú y phải có kho chứa hàng, đủ diện tích; có đủ các trang thiết bị, phương tiện phù hợp với yêu cầu bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc được phép kinh doanh. Hàng hóa phải được sắp xếp trên kệ, giá. Kệ, giá để hàng phải cách mặt sàn ít nhất 20 cm, cách tường ít nhất 20cm, khoảng cách giữa các giá, kệ tối thiểu 30 cm để đảm bảo độ thông thoáng, dễ vệ sinh tiêu độc; có máy phát điện dự phòng đủ công suất. 8. Cửa hàng kinh doanh vắc xin phải có thiết bị bảo quản lạnh và có phương tiện dự phòng để bảo quản vắc xin, chế phẩm sinh học khi xảy ra sự cố mất điện; có nhiệt kế theo dõi nhiệt độ và ghi chép hàng ngày. 9. Chủ cơ sở, người bán hàng được cơ quan thú y có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề theo qui định. **Điều 9.**Điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với cơ sở nhập khẩu thuốc thú y như sau: Ngoài các quy định tại khoản 1, 4, 5, 7, 8 Điều 8, phải có

	thêm các điều kiện sau: 1. Đối với cơ sở nhập khẩu vắc xin thú y phải có phương tiện vận chuyển chuyên dùng đảm bảo yêu cầu bảo quản khi vận chuyển, phân phối đến nơi tiêu thụ. 2. Chủ cơ sở hoặc người phụ trách kỹ thuật được cơ quan thú y có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề theo qui định. **Thông tư 37/2006/TT-BNN: Điều 3 Mục II** **3. Điều kiện được cấp chứng chỉ hành nghề thú y** 3.1. Điều kiện về bằng cấp chuyên môn: Ngoài những điều kiện về bằng cấp chuyên môn được quy định tại khoản 1 Điều 64 của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y (sau đây được gọi là Nghị định số 33/2005/NĐ-CP) thì điều kiện về bằng cấp quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 64 của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau: a) Đối với người hành nghề chẩn đoán lâm sàng, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ động vật ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa được cấp chứng chỉ hành nghề nếu có giấy chứng nhận đã tốt nghiệp lớp đào tạo về chuyên môn thú y do Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Chi cục Thú y cấp tỉnh) hoặc do các Dự án nước ngoài cấp. b) Đối với chủ cửa hàng kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y (sau đây được gọi chung là thuốc thú y) được cấp chứng chỉ hành nghề nếu có bằng kỹ sư chăn nuôi hoặc giấy chứng nhận có trình độ trung cấp thú y hoặc trung cấp chăn nuôi thú y do các cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp. 3.2. Điều kiện về sức khỏe: Điều kiện về sức khỏe đối với người hành nghề thú y được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 64 của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP.

LĨNH VỰC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/Quyết định
188. Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu	**Thông tư 10/2010/TT-BKH** **Điều 2. Điều kiện tổ chức hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu** 1. Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập đối với cơ sở không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật với ngành nghề kinh doanh, hoạt động là tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu; 2. Có đội ngũ giảng viên đấu thầu đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này; 3. Có tên trong hệ thống dữ liệu cơ sở đào tạo đấu thầu theo quy định tại Điều 4 Thông tư này; 4. Có tài liệu giảng dạy đáp ứng quy định tại Điều 6 Thông tư này (chỉ áp dụng đối với khóa học chương trình cơ bản, chương trình nâng cao).
190. Kinh doanh dịch vụ tư vấn đánh giá dự án đầu tư **191. Kinh doanh dịch vụ đào tạo đánh giá dự án đầu tư**	**Thông tư 23/2010/TT-BKH** **Điều 4. Điều kiện năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư** 1. Năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân thành 02 hạng: Hạng 1 và Hạng 2. 2. Năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2: a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; b) Đã có thời gian tham gia các công việc liên quan đến quản lý đầu tư tối thiểu là 5 năm; c) Đáp ứng một trong những điều kiện sau: - Đã tham gia thực hiện đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 01 dự án nhóm B; - Đã tham gia thực hiện đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 02 dự án nhóm C; - Đã tham gia lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 05 dự án nhóm B; - Đã tham gia lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 10 dự án; - Đã tham gia thẩm tra, thẩm định tối thiểu 05 dự án nhóm B; - Đã tham gia thẩm tra, thẩm định tối thiểu 10 dự án; - Đã tham gia quản lý đầu tư tối thiểu 02 dự án nhóm B; - Đã tham gia quản lý đầu tư tối thiểu 04 dự án. d) Đã được học qua lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ đánh giá dự án đầu

	tư và được cấp chứng chỉ đào tạo do các Cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp. 3. Năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1: a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; b) Đã đạt tiêu chuẩn tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2 tối thiểu 3 năm hoặc có thời gian tham gia các công việc liên quan đến quản lý đầu tư tối thiểu là 8 năm; c) Đáp ứng một trong những điều kiện sau: - Đã tham gia thực hiện đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia; - Đã tham gia thực hiện đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 02 dự án nhóm A; - Đã tham gia thực hiện đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 05 dự án nhóm B; - Đã tham gia lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia; - Đã tham gia lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 02 dự án nhóm A; - Đã tham gia thẩm tra, thẩm định tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia; - Đã tham gia thẩm tra, thẩm định tối thiểu 02 dự án nhóm A; - Đã tham gia quản lý đầu tư tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia; - Đã tham gia quản lý đầu tư tối thiểu 02 dự án nhóm A. d) Đã được học qua lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ đánh giá dự án đầu tư và được cấp chứng chỉ đào tạo do Các cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp. 4. Phạm vi hoạt động: a) Hạng 2: Được tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư đối với dự án nhóm B, C; b) Hạng 1: Được tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C. **Điều 5. Điều kiện năng lực của chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư** 1. Chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân thành 02 hạng: Hạng 1 và Hạng 2. 2. Năng lực chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2: a) Đáp ứng điều kiện của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 2 theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư này; b) Đáp ứng một trong những điều kiện sau: - Đáp ứng điều kiện của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1 theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này;

	- Đã tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 05 dự án nhóm B; - Đã tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 10 dự án; - Đã chủ trì lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 05 dự án nhóm B; - Đã chủ trì lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 10 dự án; - Đã chủ trì thẩm tra, thẩm định tối thiểu 05 dự án nhóm B; - Đã chủ trì thẩm tra, thẩm định tối thiểu 10 dự án; - Đã có thời gian làm Giám đốc Ban quản lý dự án tối thiểu là 5 năm. 3. Năng lực chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1: a) Đáp ứng điều kiện của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1 theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này; b) Đáp ứng một trong những điều kiện sau: - Đã tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 02 dự án quan trọng quốc gia; - Đã tham gia thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư tối thiểu 03 dự án nhóm A; - Đã chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư 05 dự án nhóm B; - Đã chủ trì lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia; - Đã chủ trì lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) tối thiểu 02 dự án nhóm A; - Đã chủ trì thẩm tra, thẩm định tối thiểu 01 dự án quan trọng quốc gia; - Đã chủ trì thẩm tra, thẩm định tối thiểu 02 dự án nhóm A; - Có thời gian làm Giám đốc Ban quản lý dự án nhóm B trở lên tối thiểu 10 năm. 4. Phạm vi hoạt động: a) Hạng 2: Được chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư đối với dự án nhóm B, C; b) Hạng 1: Được chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C. **Điều 6. Điều kiện năng lực của tổ chức thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư** 1. Năng lực của tổ chức khi thực hiện hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư được phân thành 2 hạng như sau: a) Hạng 2: Có ít nhất 5 người có đủ điều kiện năng lực thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư, trong đó có người đã từng làm chủ trì thực hiện tư

	vấn đánh giá dự án đầu tư 1 dự án nhóm B hoặc 2 dự án nhóm C. b) Hạng 1: Có ít nhất 5 người có đủ điều kiện năng lực của cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư hạng 1, trong đó có người đã từng làm chủ trì thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư 1 dự án nhóm A trở lên. 2. Phạm vi hoạt động của tổ chức thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư: a) Hạng 2: Được thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư dự án nhóm B, C; b) Hạng 1: Được thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C. **Điều 7. Điều kiện của Cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư** 1. Có tư cách pháp nhân và chức năng hoạt động phù hợp theo quy định của pháp luật; 2. Có ít nhất 5 giảng viên đánh giá dự án đầu tư đáp ứng quy định tại Thông tư này; 3. Có tài liệu giảng dạy đáp ứng quy định tại Thông tư này. **Điều 8. Giảng viên và Cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư** 1. Giảng viên đánh giá dự án đầu tư: Cá nhân độc lập hoặc tổ chức của cá nhân có nhu cầu làm giảng viên đánh giá dự án đầu tư gửi văn bản đề nghị đăng ký và hồ sơ năng lực theo mẫu đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được xem xét đưa vào danh sách giảng viên đánh giá dự án đầu tư. Giảng viên đánh giá dự án đầu tư phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Tốt nghiệp đại học trở lên; b) Có ít nhất 8 năm kinh nghiệm một trong các hoạt động: Tư vấn đánh giá dự án đầu tư; lập, thẩm định, thẩm tra dự án đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư; thực hiện soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về lập, thẩm định, đánh giá, quản lý dự án đầu tư; c) Có tên trong danh sách giảng viên đánh giá dự án đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý.

LĨNH VỰC Y TẾ

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/ Quyết định
192	
Giấy phép hoạt động với tổ chức của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	**Thông tư 41/2011/TT-BYT** **Điều 23. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện**
	1. Quy mô bệnh viện:
	a) Bệnh viện đa khoa phải có ít nhất 30 giường bệnh trở lên;
	b) Bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện y học cổ truyền phải có ít nhất 20 giường bệnh; riêng đối với bệnh viện chuyên khoa mắt sử dụng kỹ thuật cao phải có ít nhất 10 giường bệnh.
	2. Cơ sở vật chất:
	a) Được thiết kế, xây dựng theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam số 365:2007. Riêng đối với các khoa cấp cứu, khoa điều trị tích cực và chống độc, khoa phẫu thuật, khoa chẩn đoán hình ảnh, khoa xét nghiệm thì việc thiết kế, xây dựng phải thực hiện đúng các quy định tại các Quyết định số 32, 33, 34/2005/QĐ- BYT ngày 31 tháng 10 năm 2005 và số35/2005/QĐ-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Trường hợp bệnh viện được xây dựng trên địa bàn quận thuộc thành phố trực thuộc trung ương mà không bảo đảm diện tích đất xây dựng theo quy định của Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam số 365:2007 thì có thể được thiết kế, xây dựng theo hình thức nhà hợp khối, cao tầng nhưng phải đáp ứng các điều kiện sau: - Bố trí các khoa, phòng, hành lang bảo đảm hoạt động chuyên môn theo mô hình tập trung, liên hoàn, khép kín trong phạm vi khuôn viên của bệnh viện; bảo đảm điều kiện vô trùng và các điều kiện vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật; - Bảo đảm diện tích sàn xây dựng ít nhất là 50 m2/giường bệnh trở lên; chiều rộng mặt trước (mặt tiền) bệnh viện phải đạt ít nhất 10 m. Đối với các bệnh viện đã hoạt động trước ngày 01/01/2012 được phép tiếp tục hoạt động nhưng phải đáp ứng điều kiện quy định về chiều rộng mặt trước của bệnh viện chậm nhất vào ngày 01/01/2016.
	b) Bảo đảm các điều kiện về an toàn bức xạ, quản lý chất thải y tế,

	phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật;
	c) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện khác để phục vụ chăm sóc người bệnh.
	3. Thiết bị y tế:
	a) Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà bệnh viện đăng ký;
	b) Có đủ phương tiện vận chuyển cấp cứu trong và ngoài bệnh viện. Trường hợp không có phương tiện cấp cứu ngoài bệnh viện, bệnh viện phải có hợp đồng với cơ sở có phương tiện cấp cứu ngoài bệnh viện.
	4. Tổ chức:
	a) Các khoa: - Có ít nhất 02 trong 04 khoa nội, ngoại, sản, nhi đối với bệnh viện đa khoa hoặc một khoa lâm sàng phù hợp đối với bệnh viện chuyên khoa; - Khoa khám bệnh (gồm có nơi tiếp đón người bệnh, buồng cấp cứu - lưu bệnh, buồng khám, buồng tiểu phẫu); - Khoa cận lâm sàng: Có ít nhất hai bộ phận xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh. Riêng đối với bệnh viện chuyên khoa mắt nếu không có bộ phận chẩn đoán hình ảnh thì phải có hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có bộ phận chẩn đoán hình ảnh đã được cấp giấy phép hoạt động; - Khoa dược; - Các khoa, phòng chuyên môn khác trong bệnh viện phải phù hợp với quy mô, chức năng nhiệm vụ.
	b) Có các phòng chức năng về kế hoạch tổng hợp, tổ chức nhân sự, điều dưỡng, tài chính kế toán.
	5. Nhân sự:
	a) Số lượng nhân viên hành nghề làm việc toàn thời gian (cơ hữu) trong từng khoa phải đạt tỷ lệ ít nhất là 50% trên tổng số nhân viên hành nghề trong khoa;
	b) Định mức biên chế, tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Mục II Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT - BYT - BNV ngày 05 tháng 6 năm 2007 của liên bộ: Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước;
	c) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của bệnh viện phải đáp ứng các điều kiện sau: - Là bác sỹ có chứng chỉ hành nghề phù hợp với ít nhất một trong các chuyên khoa mà bệnh viện đăng ký hoạt động; - Có thời gian khám bệnh, chữa bệnh ít nhất là 54 tháng. Việc phân công, bổ nhiệm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của bệnh

	viện phải được thể hiện bằng văn bản; - Là người làm việc toàn thời gian tại bệnh viện.
	d) Trưởng khoa lâm sàng phải đáp ứng các điều kiện sau: - Là bác sỹ có chứng chỉ hành nghề phù hợp với chuyên khoa đó; - Có thời gian khám bệnh, chữa bệnh tại chuyên khoa đó ít nhất là 36 tháng. Việc phân công, bổ nhiệm trưởng khoa phải được thể hiện bằng văn bản; - Là người làm việc toàn thời gian tại bệnh viện;
	đ) Trưởng khoa khác phải đáp ứng các điều kiện sau: Tốt nghiệp đại học và có thời gian làm việc tại chuyên khoa đó ít nhất là 36 tháng kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày được phân công, bổ nhiệm làm trưởng khoa. Việc phân công, bổ nhiệm trưởng khoa phải được thể hiện bằng văn bản; - Là người làm việc toàn thời gian tại bệnh viện;
	e) Trưởng khoa dược là người làm việc toàn thời gian tại bệnh viện và phải đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện;
	g) Phẫu thuật viên phải đáp ứng các điều kiện sau: - Là bác sỹ chuyên khoa ngoại hoặc bác sỹ đa khoa có chứng nhận đào tạo chuyên khoa ngoại của bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh trở lên hoặc trường đại học chuyên ngành y khoa hoặc tại Trung tâm đào tạo và chỉ đạo tuyến thuộc các bệnh viện hạng đặc biệt, hạng 1 trực thuộc Bộ Y tế. Trường hợp được đào tạo ở nước ngoài, phẫu thuật viên phải có chứng nhận chuyên khoa; - Có văn bản cho phép thực hiện phẫu thuật, can thiệp ngoại khoa của người đứng đầu bệnh viện theo đề nghị của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của bệnh viện; h) Ngoài các đối tượng quy định tại Điểm c, d, đ, e và g Khoản này, các đối tượng khác làm việc trong bệnh viện nếu có thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công. Việc phân công phải được thể hiện bằng văn bản và phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn được ghi trong chứng chỉ hành nghề của người đó.
	6. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo danh mục được Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt.
	Điều 24. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa

	1. Quy mô phòng khám đa khoa: Phòng khám đa khoa phải đáp ứng ít nhất các điều kiện sau: a) Có ít nhất 02 trong 04 chuyên khoa nội, ngoại, sản, nhi; b) Phòng cấp cứu; c) Buồng tiểu phẫu; d) Phòng lưu người bệnh; đ) Cận lâm sàng: Có hai bộ phận xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh
	2. Cơ sở vật chất:
	a) Có nơi tiếp đón, phòng cấp cứu, phòng lưu người bệnh, phòng khám chuyên khoa và buồng tiểu phẫu. Các phòng khám trong phòng khám đa khoa phải đáp ứng các yêu cầu ít nhất về diện tích như sau: - Phòng cấp cứu có diện tích ít nhất 12m2; - Phòng lưu người bệnh có diện tích ít nhất 15m2; có ít nhất từ 02 giường lưu trở lên, nếu có từ 03 giường lưu trở lên thì diện tích mỗi giường ít nhất là 05m2; - Các phòng khám chuyên khoa và buồng tiểu phẫu có diện tích ít nhất 10m2. Riêng đối với phòng khám đa khoa khu vực của Nhà nước phải bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế quy định tại Quyết định số 1327/2002/QĐ-BYT ngày 18 tháng 4 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế;
	b) Bảo đảm các điều kiện về an toàn bức xạ, quản lý chất thải y tế, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật;
	c) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện khác để phục vụ chăm sóc người bệnh.
	3. Thiết bị y tế: Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà phòng khám đa khoa đăng ký.
	4. Tổ chức nhân sự:
	a) Số lượng bác sỹ làm việc toàn thời gian (cơ hữu) phải đạt tỷ lệ ít nhất là 50% trên tổng số bác sỹ của phòng khám đa khoa;
	b) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám đa khoa phải đáp ứng các điều kiện sau: - Là bác sỹ có chứng chỉ hành nghề phù hợp với ít nhất một trong các chuyên khoa mà phòng khám đa khoa đăng ký; - Có thời gian khám bệnh, chữa bệnh ít nhất là 54 tháng. Việc phân công, bổ nhiệm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám đa khoa phải được thể hiện bằng văn bản; - Là người làm việc toàn thời gian tại phòng khám đa khoa;
	c) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám đa khoa, các đối tượng khác làm việc trong phòng khám đa khoa nếu

	có thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công. Việc phân công phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn được ghi trong chứng chỉ hành nghề của người đó.
	5. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Hành nghề theo phạm vi hoạt động chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt. Việc phê duyệt phải căn cứ vào quy định về phạm vi hoạt động chuyên môn tại các Điều 25, 26, 28, 29, 30, 32, 33 và 34 Thông tư này.
	Điều 25. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa
	1. Cơ sở vật chất:
	a) Xây dựng và thiết kế:
	Địa điểm cố định, tách biệt với nơi sinh hoạt gia đình;
	Xây dựng chắc chắn, đủ ánh sáng, có trần chống bụi, tường và nền nhà phải sử dụng các chất liệu dễ tẩy rửa làm vệ sinh;
	b) Phòng khám chuyên khoa phải có buồng khám bệnh, chữa bệnh có diện tích ít nhất là 10m2 và nơi đón tiếp người bệnh, trừ phòng tư vấn khám bệnh qua điện thoại, phòng tư vấn chăm sóc sức khỏe qua các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông và thiết bị y tế. Riêng đối với phòng khám chuyên khoa ngoại, phòng khám chuyên khoa phẫu thuật thẩm mỹ phải có thêm buồng lưu người bệnh có diện tích ít nhất 12 m2; phòng khám phục hồi chức năng phải có thêm buồng phục hồi chức năng có diện tích ít nhất là 10 m2
	c) Ngoài quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, tùy theo phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký, phòng khám phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
	- Có buồng thủ thuật với diện tích ít nhất là 10 m2 nếu có thực hiện thủ thuật, bao gồm cả kỹ thuật cấy ghép răng (implant);
	- Có buồng thăm dò chức năng với diện tích ít nhất là 10 m2 nếu có thực hiện thăm dò chức năng;
	- Có buồng khám phụ khoa có diện tích ít nhất là 10 m2 nếu thực hiện việc khám phụ khoa hoặc khám các bệnh lây truyền qua đường tình dục;
	- Có buồng thực hiện kỹ thuật kế hoạch hóa gia đình có diện tích ít nhất là 10 m2 nếu thực hiện kỹ thuật kế hoạch hóa gia đình;
	- Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt nếu có từ ba ghế răng trở lên thì diện tích cho mỗi ghế răng ít nhất là 5 m2;
	- Phòng khám chuyên khoa nếu sử dụng thiết bị bức xạ (bao gồm cả thiết bị X-quang chụp răng gắn liền với ghế răng) thì phải đáp ứng các

	quy định của pháp luật về an toàn bức xạ;
	d) Bảo đảm xử lý rác thải y tế theo quy định của pháp luật; bảo đảm vô trùng đối với buồng thực hiện thủ thuật, buồng cắm Implant, buồng kế hoạch hóa gia đình;
	đ) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện khác để phục vụ chăm sóc người bệnh.
	2. Thiết bị y tế
	a) Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà cơ sở đăng ký;
	b) Có hộp thuốc chống choáng và đủ thuốc cấp cứu chuyên khoa;
	c) Phòng tư vấn khám bệnh qua điện thoại, phòng tư vấn chăm sóc sức khỏe qua các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông và thiết bị y tế không phải có thiết bị, dụng cụ y tế quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều này nhưng phải có đủ các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông, thiết bị phù hợp với hoạt động tư vấn đã đăng ký.
	3. Nhân sự:
	a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám chuyên khoa phải là bác sỹ có chứng chỉ hành nghề phù hợp với chuyên khoa mà phòng khám đăng ký và có thời gian khám bệnh, chữa bệnh ít nhất là 54 tháng tại chuyên khoa đó;
	b) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám chuyên khoa, các đối tượng khác làm việc trong phòng khám chuyên khoa nếu có thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công. Việc phân công phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn được ghi trong chứng chỉ hành nghề của người đó;
	4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: a) Phòng khám nội tổng hợp, phòng khám bác sỹ gia đình: - Sơ cứu, khám bệnh, chữa bệnh đối với các bệnh nội khoa thông thường, không làm các thủ thuật chuyên khoa; - Thực hiện kỹ thuật điện tim, điện não đồ, điện cơ, lưu huyết não, siêu âm, nội soi tiêu hóa nếu bác sỹ trực tiếp thực hiện các kỹ thuật này có giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của bệnh viện tuyến tỉnh trở lên. Trường hợp có thực hiện kỹ thuật nội soi tiêu hóa thì phải có thêm giấy xác nhận đã qua thực hành về chuyên khoa từ 18 tháng trở lên tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Riêng Phòng khám bác sỹ gia đình được thực hiện việc chăm sóc sức khỏe và khám bệnh, chữa bệnh tại nhà người bệnh. - Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y

	tế, cơ sở vật chất của phòng khám. b) Phòng khám chuyên khoa thuộc hệ nội (tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nhi và chuyên khoa khác thuộc hệ nội): - Sơ cứu, khám bệnh, chữa bệnh đối với các bệnh chuyên khoa thuộc hệ nội; - Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám. c) Phòng tư vấn khám bệnh, chữa bệnh qua điện thoại, phòng tư vấn chăm sóc sức khỏe qua các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông và thiết bị y tế: - Phòng tư vấn chỉ được tư vấn trong phạm vi những chuyên khoa đã được phê duyệt; - Người hành nghề chỉ được tư vấn về chăm sóc sức khỏe phù hợp với chứng chỉ hành nghề đã được cấp; d) Phòng khám chuyên khoa ngoại: - Sơ cứu, cấp cứu ban đầu về ngoại khoa; - Khám và xử trí các vết thương thông thường; - Bó bột, tháo bột gẫy xương nhỏ; - Mổ u nang bã đậu, u nông nhỏ; - Không chích các ổ mủ lan tỏa lớn. - Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám. đ) Phòng khám chuyên khoa phụ sản - kế hoạch hóa gia đình: - Cấp cứu ban đầu về sản, phụ khoa; - Khám thai, quản lý thai sản; - Khám bệnh, chữa bệnh phụ khoa thông thường; - Đặt thuốc âm đạo; - Đốt điều trị lộ tuyến cổ tử cung; - Soi cổ tử cung, lấy bệnh phẩm tìm tế bào ung thư; - Siêu âm sản khoa nếu bác sỹ trực tiếp thực hiện các kỹ thuật siêu âm có giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của bệnh viện tuyến tỉnh trở lên và có giấy xác nhận đã qua thực hành về chuyên khoa từ 18 tháng trở lên tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; - Đặt vòng tránh thai; - Hút thai, phá thai nội khoa đối với thai ≤ 06 tuần (từ 36 ngày đến 42 ngày, kể từ ngày đầu tiên của kỳ kinh cuối cùng) khi đáp ứng các điều kiện quy định tại chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe

	sinh sản do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành; - Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám. e) Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt: - Khám bệnh, chữa bệnh thông thường, cấp cứu ban đầu các vết thương hàm mặt; - Làm các tiểu phẫu sửa sẹo vết thương nhỏ dài dưới 02 cm ở mặt; - Nắn sai khớp hàm; - Điều trị laser bề mặt; - Chữa các bệnh viêm quanh răng; - Chích, rạch áp xe, lấy cao răng, nhổ răng; - Làm răng, hàm giả; - Chỉnh hình răng miệng; - Chữa răng và điều trị nội nha; - Thực hiện cắm ghép răng (implant) đơn giản với số lượng từ một đến hai răng trong một lần thực hiện thủ thuật (riêng cắm răng cửa của hàm dưới được cắm tối đa 04 răng) nếu bác sỹ trực tiếp thực hiện kỹ thuật có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận về cắm ghép răng do trường đại học chuyên ngành y khoa hoặc bệnh viện tuyến tỉnh trở lên cấp. Không ghép xương khối tự thân để cắm răng hoặc người bệnh đang có bệnh lý về nội khoa tiến triển liên quan đến chất lượng cắm răng; - Tiểu phẫu thuật răng miệng; - Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám. g) Phòng khám chuyên khoa tai mũi họng: - Khám bệnh, chữa bệnh thông thường, cấp cứu ban đầu về tai mũi họng; - Viêm xoang, chọc dò xoang, chọc hút dịch u nang; - Chích rạch viêm tai giữa cấp; - Chích rạch áp xe amidan; - Cắt polip đơn giản, u bã đậu, u nang lành, u mỡ vùng tai mũi họng; - Cầm máu cam; - Lấy dị vật vùng tai mũi họng, trừ dị vật ở thanh quản, thực quản; - Đốt họng bằng nhiệt, bằng laser; - Nạo VA; - Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt

	trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám. h) Phòng khám chuyên khoa mắt: - Khám bệnh, chữa bệnh thông thường, cấp cứu ban đầu về mắt; - Tiêm dưới kết mạc, cạnh nhãn cầu, hậu nhãn cầu; - Lấy dị vật kết mạc, giác mạc, chích chắp lẹo; - Thông rửa lệ đạo; - Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám. i) Phòng khám phẫu thuật thẩm mỹ: - Tạo má lúm đồng tiền, xóa xăm cung lông mày, nâng cung lông mày, tạo hình gò má, tạo hình cằm chẻ, cằm lẹm, sửa da ở vùng mặt, vùng cổ; - Tạo hình mí mắt, mũi, môi, tai; - Không được phẫu thuật tạo hình như nâng ngực; nâng vú; thu nhỏ quầng vú, núm vú; thu gọn thành bụng, mông, đùi; căng da mặt, mông, đùi; lấy mỡ cơ thể; - Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám; - Việc phẫu thuật thẩm mỹ làm thay đổi đặc điểm nhận dạng đã được xác định trong chứng minh nhân dân chỉ được thực hiện sau khi người có yêu cầu phẫu thuật thẩm mỹ đã có đơn gửi cơ quan Công an nơi cấp chứng minh nhân dân. k) Phòng khám chuyên khoa phục hồi chức năng: - Phục hồi chức năng các hội chứng liệt thần kinh trung ương và ngoại biên; các bệnh mạn tính hoặc sau khi phẫu thuật; - Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám. l) Phòng khám chuyên khoa tâm thần: - Cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú tâm thần, động kinh; - Thực hiện các liệu pháp tâm lý trị liệu; - Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám. m) Phòng khám chuyên khoa ung bướu: - Khám, phát hiện sớm các bệnh ung bướu thông thường;

	- Lấy bệnh phẩm để làm xét nghiệm tế bào, giải phẫu bệnh lý một số loại ung thư cổ tử cung, trực tràng, âm hộ, vú, hạch. Những kết quả xét nghiệm tế bào, xét nghiệm giải phẫu bệnh lý phải được bác sỹ chuyên khoa giải phẫu bệnh - tế bào kết luận; - Khám và theo dõi định kỳ các bệnh ung bướu đã và đang điều trị; - Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám. n) Phòng khám chuyên khoa da liễu: - Khám bệnh, chữa bệnh các bệnh về da, bệnh phong và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; - Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám.
	Điều 26. Các điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với phòng chẩn trị y học cổ truyền
	1. Cơ sở vật chất:
	a) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điểm a, d và đ Khoản 1 Điều 25 Thông tư này;
	b) Buồng chẩn trị có diện tích ít nhất là 10 m2 và có nơi đón tiếp người bệnh;
	c) Tùy theo phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký, phòng chẩn trị y học cổ truyền phải đáp ứng thêm các điều kiện sau: - Nếu có châm cứu, xoa bóp day ấn huyệt thì phải có buồng hoặc bố trí nơi kê giường châm cứu, xoa bóp day ấn huyệt với diện tích ít nhất 05 m2/giường; - Nếu có xông hơi thuốc thì phải có buồng xông hơi. Diện tích ít nhất là 02m2 đối với một buồng xông hơi, buồng phải kín nhưng đủ ánh sáng; - Nếu có bào chế một số dạng đóng gói sẵn thì phải được Sở Y tế tỉnh thẩm định, xem xét cho phép.
	2. Thiết bị y tế:
	a) Nếu thực hiện việc khám bệnh, kê đơn, bốc thuốc:
	- Có tủ thuốc, các vị thuốc được đựng trong ô kéo hoặc trong chai lọ có nắp và ghi rõ tên vị thuốc ở bên ngoài;
	- Có cân thuốc và phân chia các vị thuốc theo thang.
	b) Nếu thực hiện việc châm, cứu, xoa bóp day ấn huyệt:
	- Có giường châm, cứu, xoa bóp day ấn huyệt;
	- Có đủ dụng cụ để châm, cứu, xoa bóp day ấn huyệt, đèn hồng ngoại;

	- Có đủ dụng cụ và hướng dẫn xử lý vượng châm.
	c) Nếu thực hiện xông hơi thuốc: có hệ thống tạo hơi thuốc;
	3. Nhân sự:
	a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng chẩn trị y học cổ truyền phải là bác sỹ chuyên khoa y học cổ truyền hoặc y sỹ chuyên khoa y học cổ truyền hoặc là người có giấy chứng nhận lương y của Bộ Y tế hoặc Sở Y tế tỉnh cấp hoặc người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền;
	- Có thời gian khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền ít nhất là 54 tháng đối với bác sỹ chuyên khoa y học cổ truyền;
	- Có thời gian khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền ít nhất là 48 tháng đối với y sỹ chuyên khoa y học cổ truyền;
	- Có thời gian khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền ít nhất là 36 tháng đối với lương y hoặc người có bài thuốc gia truyền hoặc người có phương pháp chữa bệnh gia truyền;
	b) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng chẩn trị y học cổ truyền, các đối tượng khác làm việc trong phòng chẩn trị y học cổ truyền nếu có thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công. Việc phân công phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn được ghi trong chứng chỉ hành nghề của người đó.
	4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: a) Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền (dùng thuốc và không dùng thuốc); b) Được sử dụng các thành phẩm thuốc y học cổ truyền do các cơ sở khác sản xuất đã được Bộ Y tế cấp đăng ký lưu hành để phục vụ cho việc khám bệnh, chữa bệnh; c) Bào chế thuốc sống thành thuốc chín (thuốc phiến), cân thuốc thang cho người bệnh; d) Người hành nghề bằng bài thuốc gia truyền hoặc phương pháp chữa bệnh gia truyền chỉ được khám, chữa bệnh bằng chính bài thuốc gia truyền hoặc phương pháp gia truyền đó; đ) Trong trường hợp có sản xuất một số dạng đóng gói sẵn để phục vụ trực tiếp cho người bệnh của phòng chẩn trị (cao, đơn, hoàn, tán hoặc các dạng khác) thì phải đăng ký với Sở Y tế tỉnh về công thức bài thuốc, quy trình sản xuất (kèm theo bản giải trình về cơ sở vật chất, thiết bị), công dụng, liều dùng, chống chỉ định và mẫu nhãn thuốc. Sở Y tế tỉnh sẽ xem xét thẩm định và công nhận đủ điều kiện thì mới được sản xuất. Thuốc chỉ để phục vụ trực tiếp cho người bệnh của phòng chẩn trị, không lưu hành trên thị trường theo đúng quy định của Luật

	Dược.
	Điều 27. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở giám định y khoa
	Cơ sở giám định y khoa có thực hiện khám bệnh, chữa bệnh thì phải thực hiện theo một trong các hình thức tổ chức quy định tại Điều 24, Điều 25 Thông tư này.
	Điều 28. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh
	1. Cơ sở vật chất:
	a) Xây dựng và thiết kế:
	- Xây dựng chắc chắn, đủ các buồng chuyên môn, đủ ánh sáng, có trần chống bụi, tường và nền nhà phải sử dụng các chất liệu dễ làm vệ sinh;
	- Các buồng phải được thiết kế liên hoàn, hợp lý để thuận tiện cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh.
	b) Nhà hộ sinh phải có các buồng khám thai, khám phụ khoa, kỹ thuật kế hoạch hóa gia đình, mỗi buồng có diện tích ít nhất là 10m2; buồng đẻ có diện tích ít nhất là 16 m2; buồng nằm của sản phụ có diện tích ít nhất là 20 m2 để bảo đảm diện tích ít nhất cho một giường bệnh là 5m2/giường;
	c) Các buồng quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này phải đáp ứng các yêu cầu về kết cấu và hoàn thiện công trình theo quy định tại Điểm 5.4 Khoản 5 về yêu cầu hoàn thiện và kết cấu công trình của Quyết định số 2271/2002/QĐ-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Tiêu chuẩn thiết kế Trạm y tế cơ sở - Tiêu chuẩn ngành;
	d) Bảo đảm xử lý rác thải y tế và các điều kiện về an toàn bức xạ (nếu có) theo quy định của pháp luật;
	đ) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện khác để phục vụ chăm sóc người bệnh.
	2. Thiết bị y tế
	a) Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà nhà hộ sinh đăng ký;
	b) Có phương tiện vận chuyển cấp cứu trong và ngoài nhà hộ sinh. Trường hợp không có phương tiện cấp cứu ngoài nhà hộ sinh thì phải có hợp đồng với cơ sở có phương tiện cấp cứu.
	3. Tổ chức, nhân sự:
	a) Có bộ máy tổ chức phù hợp phạm vi hoạt động chuyên môn đã đăng ký trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động;
	b) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của nhà hộ sinh phải đáp ứng các điều kiện sau: - Là bác sỹ hoặc cử nhân hộ sinh (tốt nghiệp đại học) có chứng chỉ

	hành nghề; - Có thời gian khám bệnh, chữa bệnh về sản phụ khoa ít nhất là 54 tháng đối với bác sỹ hoặc ít nhất là 45 tháng đối với cử nhân hộ sinh (tốt nghiệp đại học); - Là người làm việc toàn thời gian tại nhà hộ sinh.
	c) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của nhà hộ sinh, các đối tượng khác làm việc trong nhà hộ sinh nếu có thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công. Việc phân công phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn được ghi trong chứng chỉ hành nghề của người đó.
	4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: a) Khám thai, quản lý thai sản; b) Cấp cứu ban đầu, sơ cứu sản khoa; c) Tiêm phòng uốn ván; d) Thử protein niệu; đ) Đỡ đẻ; e) Nạo sót rau sau đẻ; sau sẩy thai; g) Đặt vòng tránh thai; h) Hút thai, phá thai nội khoa đối với thai ≤ 06 tuần (từ 36 ngày đến 42 ngày, kể từ ngày đầu tiên của kỳ kinh cuối cùng) khi đáp ứng các điều kiện quy định tại chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành; i) Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám.
	Điều 29. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh
	1. Cơ sở vật chất:
	a) Xây dựng và thiết kế:
	- Địa điểm cố định, tách biệt với nơi sinh hoạt gia đình;
	- Xây dựng chắc chắn, đủ ánh sáng, có trần chống bụi, tường và nền nhà phải sử dụng các chất liệu dễ tẩy rửa làm vệ sinh;
	- Phòng X quang, chụp cắt lớp vi tính (CT scanner), cộng hưởng từ (MRI) phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ;
	- Phòng siêu âm, phòng nội soi chẩn đoán được thiết kế độc lập, mỗi phòng có diện tích ít nhất là 10m2; riêng đối với nội soi tiêu hóa nếu thực hiện cả hai kỹ thuật nội soi tiêu hóa trên và nội soi tiêu hóa dưới

	thì phải có 02 buồng riêng biệt;
	b) Bảo đảm xử lý rác thải y tế và các điều kiện về an toàn bức xạ theo quy định của pháp luật;
	c) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện khác để phục vụ chăm sóc người bệnh
	2. Thiết bị y tế:
	a) Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà cơ sở đăng ký;
	b) Có thiết bị phòng hộ cá nhân theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ.
	3. Nhân sự:
	a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám chẩn đoán hình ảnh phải là bác sỹ có chứng chỉ hành nghề và có thời gian trực tiếp khám bệnh, chữa bệnh về chẩn đoán hình ảnh ít nhất là 54 tháng;
	b) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám chẩn đoán hình ảnh, các đối tượng khác làm việc trong phòng khám chẩn đoán hình ảnh nếu có thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về chẩn đoán hình ảnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công. Việc phân công phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn được ghi trong chứng chỉ hành nghề của người đó.
	4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: a) Chẩn đoán X.Quang, chụp cắt lớp, cộng hưởng từ; b) Chẩn đoán siêu âm doppler, siêu âm thường, nội soi chẩn đoán; c) Không sử dụng thuốc cản quang tĩnh mạch tại phòng khám chẩn đoán hình ảnh; d) Không chọc dò dưới hướng dẫn của siêu âm, không làm phẫu thuật nội soi, không soi phế quản, không làm các can thiệp X.Quang chảy máu; đ) Cử nhân X.Quang (tốt nghiệp đại học) không được kết luận chẩn đoán; e) Các kỹ thuật chuyên môn khác do Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt trên cơ sở năng lực thực tế của người hành nghề và điều kiện thiết bị y tế, cơ sở vật chất của phòng khám.
	Điều 30. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm
	1. Cơ sở vật chất: a) Xây dựng và thiết kế:

	- Địa điểm cố định, tách biệt với nơi sinh hoạt gia đình;
	- Phòng xét nghiệm phải đáp ứng các yêu cầu về giải pháp thiết kế kiến trúc và giải pháp kỹ thuật theo quy định tại mục 6, 7 của Quyết định số 35/2005/QĐ-BYT ngày 31 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Tiêu chuẩn thiết kế khoa xét nghiệm bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn ngành;
	b) Đối với phòng xét nghiệm có thực hiện xét nghiệm vi sinh vật có nguy cơ gây bệnh truyền nhiễm cho người thì ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm a Khoản 1 Điều này còn phải đáp ứng quy định tại Nghị định số 92/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm;
	c) Bảo đảm xử lý rác thải y tế theo quy định của pháp luật;
	d) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện khác để phục vụ chăm sóc người bệnh.
	2. Thiết bị y tế: Có đủ thiết bị xét nghiệm, dụng cụ y tế để thực hiện được ít nhất 01 trong 06 loại xét nghiệm vi sinh, hóa sinh, huyết học, miễn dịch, giải phẫu bệnh, di truyền y học.
	3. Nhân sự:
	a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng xét nghiệm phải đáp ứng các điều kiện như sau: - Là bác sỹ hoặc cử nhân sinh học hoặc cử nhân hóa học hoặc dược sỹ đại học hoặc kỹ thuật viên xét nghiệm (tốt nghiệp đại học) có chứng chỉ hành nghề; - Có thời gian làm việc xét nghiệm ít nhất là 54 tháng kể cả thời gian học sau đại học về chuyên khoa xét nghiệm kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc xét nghiệm (xác định từ thời điểm ký kết hợp đồng lao động hoặc có quyết định tuyển dụng) đến ngày được phân công, bổ nhiệm làm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng xét nghiệm;
	b) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng xét nghiệm, các đối tượng khác làm việc trong phòng xét nghiệm nếu có thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công. Việc phân công phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn được ghi trong chứng chỉ hành nghề của người đó
	4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Chỉ được thực hiện các xét nghiệm phù hợp với thiết bị xét nghiệm hiện có và năng lực thực tế của người hành nghề tại phòng xét nghiệm.
	Điều 31. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp

	1. Cơ sở vật chất:
	a) Địa điểm cố định, xây dựng chắc chắn, đủ ánh sáng, tách biệt với nơi sinh hoạt gia đình;
	b) Buồng tiêm chích, thay băng phải có diện tích ít nhất là 10 m2;
	c) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện vệ sinh khác để phục vụ chăm sóc người bệnh.
	2. Thiết bị y tế:
	a) Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà cơ sở đã đăng ký;
	b) Có hộp thuốc chống choáng.
	3. Nhân sự:
	a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp phải đáp ứng các điều kiện sau: - Là người tốt nghiệp trung cấp y trở lên có chứng chỉ hành nghề; - Có thời gian khám bệnh, chữa bệnh về tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp ít nhất là 45 tháng.
	b) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật quy định tại Điểm a Khoản này, các đối tượng khác làm việc trong cơ sở nếu có thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công. Việc phân công phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn được ghi trong chứng chỉ hành nghề của người đó.
	4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: a) Thực hiện việc tiêm (chích), thay băng theo đơn của bác sỹ; b) Thực hiện việc đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp; c) Không truyền dịch; không khám bệnh, chữa bệnh và kê đơn thuốc.
	Điều 32. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả
	1. Cơ sở vật chất:
	a) Phòng khám và lắp răng, hàm giả phải có diện tích ít nhất 10 m2;
	b) Phòng làm răng, hàm giả phải có diện tích ít nhất 10 m2 hoặc ký hợp đồng với cơ sở làm răng giả khác;
	c) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện vệ sinh khác để phục vụ chăm sóc người bệnh.
	2. Thiết bị y tế: Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà cơ sở đăng ký.

	3. Nhân sự: Người phụ trách làm răng giả phải là thợ trồng răng (nha công) đã hành nghề từ năm 1980 trở về trước và tại thời điểm đó đã đủ 18 tuổi trở lên, đồng thời phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.
	4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: a) Làm răng giả, hàm giả, tháo lắp, cố định; b) Riêng đối với những thợ trồng răng tại Tp. Hồ Chí Minh đã được phép hành nghề từ năm 1980 trở về trước và đã được Sở Y tế tỉnh thành phố Hồ Chí Minh bồi dưỡng, tập huấn, thi kiểm tra tay nghề (1985, 1986) và cấp "Giấy chứng nhận kiểm tra tay nghề" đáp ứng yêu cầu, nếu muốn mở rộng phạm vi hành nghề trám răng sâu độ 1, 2, nhổ răng một chân lung lay thì phải được bổ sung trình độ chuyên môn và bảo đảm đủ điều kiện thiết bị y tế y tế và phải có hộp thuốc chống choáng theo quy định phù hợp với loại hình này.
	Điều 33. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà
	1. Thiết bị y tế: Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà cơ sở dịch vụ đăng ký.
	2. Nhân sự:
	a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà phải là người tốt nghiệp trung cấp y trở lên có chứng chỉ hành nghề và có thời gian khám bệnh, chữa bệnh ít nhất là 45 tháng;
	b) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà, các đối tượng khác làm việc trong cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà nếu có thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công. Việc phân công phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn được ghi trong chứng chỉ hành nghề của người đó.
	3. Phạm vi hoạt động chuyên môn: a) Chăm sóc sức khỏe tại nhà theo đơn của bác sỹ; b) Không truyền dịch; không khám bệnh, chữa bệnh và kê đơn thuốc.
	Điều 34. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc
	1. Cơ sở vật chất:
	a) Địa điểm cố định, xây dựng chắc chắn, đủ ánh sáng, tách biệt với nơi sinh hoạt gia đình;
	b) Cơ sở có diện tích ít nhất là 15 m2;

	c) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện vệ sinh khác để phục vụ chăm sóc người bệnh.
	2. Thiết bị y tế: Có đủ dụng cụ, thiết bị y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà cơ sở đã đăng ký.
	3. Nhân sự:
	a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc phải là người tốt nghiệp trung cấp y trở lên có chứng chỉ hành nghề về dịch vụ kính thuốc và có thời gian thực hiện đo kiểm, chẩn đoán tật khúc xạ mắt tại cơ sở dịch vụ kính thuốc hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có chuyên khoa mắt ít nhất là 45 tháng;
	b) Người hành nghề dịch vụ kính thuốc phải có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ về thiết bị y tế (thiết bị đo kiểm, chẩn đoán tật khúc xạ mắt) do cơ sở được Bộ Y tế chỉ định đào tạo và cấp.
	4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: a) Đo tật khúc xạ mắt, tư vấn về việc sử dụng kính; b) Mài lắp kính thuốc theo đơn của bác sỹ và bảo hành kính thuốc.
	Điều 35. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh
	1. Thiết bị, phương tiện vận chuyển y tế:
	a) Có đủ phương tiện vận chuyển, thiết bị, dụng cụ y tế, hộp thuốc chống choáng và đủ thuốc cấp cứu bảo đảm an toàn cho người bệnh;
	b) Có đủ phương tiện vận chuyển bảo đảm vệ sinh môi trường khi chuyển người bệnh
	2. Nhân sự:
	a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh trong nước và ra nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau: - Là bác sỹ có chứng chỉ hành nghề; - Có giấy chứng nhận đã được học về chuyên ngành hồi sức cấp cứu; - Có thời gian khám bệnh, chữa bệnh ít nhất là 54 tháng.
	b) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật quy định tại Điểm a Khoản này, các đối tượng khác làm việc trong cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh trong nước và ra nước ngoài nếu có thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công. Việc phân công phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn được ghi trong chứng chỉ hành nghề của người đó.

	3. Có hợp đồng với công ty dịch vụ hàng không nếu cơ sở đăng ký vận chuyển người bệnh ra nước ngoài.
	4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Cấp cứu, vận chuyển người bệnh trong nước và ra nước ngoài.
	Điều 36. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã
	1. Cơ sở vật chất:
	a) Bảo đảm thiết kế theo quy định tại Quyết định số 2271/2002/QĐ-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Tiêu chuẩn thiết kế Trạm y tế cơ sở - Tiêu chuẩn ngành.
	b) Bảo đảm các điều kiện về quản lý chất thải y tế, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật;
	c) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện khác để phục vụ chăm sóc người bệnh.
	2. Thiết bị y tế: Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt.
	3. Tổ chức, nhân sự: Số lượng người hành nghề thuộc trạm y tế cấp xã phải đáp ứng điều kiện quy định tại Mục IV của Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT - BNV ngày 05 tháng 6 năm 2007 của liên bộ: Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước.
	4. Phạm vi hoạt động chuyên môn: a) Trạm xá, trạm y tế cấp xã thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành và được Giám đốc Sở Y tế tỉnh phê duyệt; b) Nhân viên y tế thôn, bản thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu theo sự phân công và chỉ đạo về chuyên môn của Trưởng Trạm y tế xã.
	Điều 37. Cơ sở y tế của cơ quan, đơn vị, tổ chức
	1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức có thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh thì phải thực hiện theo một trong các hình thức tổ chức quy định tại Điều 24, 25 và 36 Thông tư này.
	2. Đối với các cơ sở y tế thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy, mại dâm và HIV/AIDS:
	a) Nếu đã hoạt động trước ngày 01/01/2012 thì ngoài việc đáp ứng các điều kiện của pháp luật chuyên ngành, còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư này chậm nhất đến ngày 01/01/2016;

	b) Nếu thành lập sau ngày 01/01/2012 thì phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư này để được cấp giấy phép hoạt động.
Giấy phép hoạt động với tổ chức của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc Phòng	**Thông tư 18/2014/TT-BQP** **Điều 22. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động với bệnh viện**
	1. Quy mô bệnh viện
	a) Bệnh viện đa khoa phải có ít nhất 30 giường bệnh trở lên;
	b) Bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện y học cổ truyền phải có ít nhất 20 giường bệnh trở lên.
	2. Cơ sở vật chất
	a) Được thiết kế, xây dựng theo Tiêu chuẩn xây dựng bệnh viện hiện hành
	b) Bảo đảm các điều kiện về an toàn bức xạ, quản lý chất thải y tế phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật;
	c) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện khác để phục vụ cho chăm sóc người bệnh.
	3. Thiết bị y tế
	a) Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà bệnh viện đăng ký;
	b) Có đủ phương tiện vận chuyển cấp cứu trong và ngoài bệnh viện.
	4. Tổ chức a) Các khoa của bệnh viện phải bảo đảm: - Có ít nhất 02 trong 04 khoa nội, ngoại, sản, nhi đối với bệnh viện đa khoa hoặc 01 khoa đối với bệnh viện chuyên khoa; - Có khoa khám bệnh, khoa cận lâm sàng (có ít nhất 02 bộ phận xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh), khoa dược; - Các khoa, ban chuyên môn khác phải phù hợp với quy mô, chức năng nhiệm vụ của bệnh viện.
	b) Có các phòng/ban kế hoạch tổng hợp, điều dưỡng, tài chính và các phòng/ban chức năng khác theo biểu tổ chức, biên chế do Bộ Tổng Tham mưu quy định.
	5. Biên chế
	a) Số lượng cán bộ, nhân viên; tỷ lệ cơ cấu thành phần; chức danh từng vị trí theo biểu biên chế được cấp có thẩm quyền quyết định;

	b) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của bệnh viện là Giám đốc bệnh viện phải đáp ứng các điều kiện sau: - Là bác sĩ có chứng chỉ hành nghề phù hợp với ít nhất một trong các chuyên khoa mà bệnh viện đăng ký hoạt động; - Có quyết định phân công, bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền.
	c) Chủ nhiệm khoa lâm sàng phải đáp ứng các điều kiện sau: - Là bác sĩ có chứng chỉ hành nghề phù hợp với chuyên khoa đó; - Có quyết định phân công, bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền.
	đ) Chủ nhiệm khoa dược là dược sĩ và phải có quyết định phân công bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền
	đ) Chủ nhiệm các khoa/ban chuyên môn khác trong bệnh viện phải đáp ứng các điều kiện sau: - Có bằng tốt nghiệp đại học và chứng chỉ chuyên ngành phù hợp; - Có quyết định phân công, bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền.
	e) Phẫu thuật viên phải đáp ứng các điều kiện sau: - Là bác sĩ chuyên khoa ngoại hoặc bác sĩ đa khoa có chứng nhận đào tạo chuyên khoa ngoại của bệnh viện quân đội từ hạng 2 trở lên hoặc bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh trở lên hoặc Trường đại học chuyên ngành y khoa hoặc tại Trung tâm đào tạo và chỉ đạo tuyến thuộc các bệnh viện hạng đặc biệt, hạng 1 trực thuộc Bộ y tế. Trường hợp được đào tạoở nước ngoài, phẫu thuật viên phải có chứng nhận chuyên khoa; - Có văn bản cho phép thực hiện phẫu thuật, can thiệp ngoại khoa của Giám đốc bệnh viện theo đề nghị của Hội đồng chuyên môn bệnh viện.
	g) Ngoài các đối tượng quy định tại Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này, các đối tượng khác làm việc trong bệnh viện nếu thực hiện khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉhành nghề và chỉ được thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việcđược phân công.
	6. Phạm vi hoạt động chuyên môn Thực hiện các kỹ thuật chuyên mòn theo danh mục được Cục trưởng Cục Quân y quy định.
	Điều 23. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh xá
	1. Quy mô Bệnh xá phải có ít nhất 10 giường bệnh trở lên.
	2. Cơ sở vật chất
	a) Nơi tiếp đón, phòng khám, phòng cấp cứu, phòng người bệnh và phòng mổ có diện tích phù hợp, đủ để triển khai các phương tiện, dụng cụ phục vụ cho công tác khámbệnh, chữa bệnh;
	b) Bảo đảm các điều kiện về an toàn bức xạ, quản lý chất thải y tế, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật;

	c) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện khác để phục vụ cho chăm sóc người bệnh
	3. Thiết bị y tế Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà bệnh xáđăng ký.
	4. Tổ chức Bệnh xá phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Có ít nhất 02 chuyên khoa nội, ngoại; b) Phòng cấp cứu; c) Phòng mổ; d) Phòng người bệnh; đ) Bộ phận cận lâm sàng.
	5. Biên chế
	a) Số lượng cán bộ, nhân viên; tỷ lệ cơ cấu thành phần; chức danh từng vị trí theo biểu biên chế được cấp có thẩm quyền quyết định;
	b) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của bệnh xá là Bệnh xá trưởng phải đápứng các điều kiện sau: - Là bác sĩ có chứng chỉ hành nghề phù hợp với một trong các chuyên khoa mà bệnh xá đăng ký; - Có quyết định phân công, bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền.
	c) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của bệnh xá, các đối tượng khác làm việc trong bệnh xá nếu thực hiện khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công.
	6. Phạm vi hoạt động chuyên môn Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo danh mục được Cục trưởng Cục Quân y quy định
	Điều 24. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bệnh
	1. Quy mô Phòng khám bệnh phải đáp ứng các điều kiện sau
	a) Có các phòng khám theo các chuyên khoa đăng ký;
	b) Phòng cấp cứu
	c) Buồng tiểu thủ thuật;
	d) Phòng lưu người bệnh;
	đ) Bộ phận cận lâm sàng.

	2. Cơ sở vật chất
	a) Có nơi tiếp đón, phòng khám, phòng cấp cứu, phòng lưu người bệnh, phòng tiểu thủ thuật có diện tích đủ để triển khai phương tiện, dụng cụ phục vụ cho khám bệnh, chữa bệnh;
	b) Bảo đảm các điều kiện về an toàn bức xạ, quản lý chất thải y tế. phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật;
	c) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện khác để phục vụ cho chăm sóc người bệnh.
	3. Thiết bị y tế Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà phòng khám đăng ký.
	4. Tổ chức, biên chế
	a) Số lượng cán bộ, nhân viên phải đủ để thực hiện được phạm vi chuyên môn đăng ký;
	b) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám bệnh phải đáp ứng các điều kiện sau: - Là bác sĩ hoặc y sĩ có chứng chỉ hành nghề phù hợp với một trong các chuyên khoa mà phòng khám bệnh đăng ký; - Có quyết định phân công, bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền.
	c) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám bệnh, các đối tượng khác làm việc trong phòng khám bệnh nếu thực hiện khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công.
	5. Phạm vi hoạt động chuyên môn Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo danh mục được Cục trưởng Cục Quân y quy định.
	Điều 25. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với quân y cơ quan
	1. Cơ sở vật chất
	a) Có các buồng, phòng đủ điều kiện đảm bảo cho việc khám bệnh; cấp thuốc, cấp cứu, điều trị theo phạm vi hoạt động chuyên môn quy định;
	b) Bảo đảm các điều kiện về quản lý chất thải y tế; phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật;
	c) Bảo đảm có đủ điện, nước và các điều kiện khác để phục vụ cho chăm sóc người bệnh.
	2. Thiết bị y tế Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định.

	3. Tổ chức, biên chế
	a) Số lượng nhân viên theo biểu tổ chức biên chế của cấp có thẩm quyền quyết định và đảm bảo để thực hiện được phạm vi chuyên môn theo quy định;
	b) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của quân y cơ quan phải là bác sĩ hoặc y sĩ có chứng chỉ hành nghề phù hợp với phạm vi chuyên môn đăng ký và có quyết định phân công, bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền;
	c) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của quân y cơ quan, các đối tượng khác làm việc tại quân y cơ quan nếu thực hiện khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công.
	4. Phạm vi hoạt động chuyên môn Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo danh mục được Cục trưởng Cục Quân y quy định.
	Điều 26. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với quân y đơn vị
	1. Cơ sở vật chất
	a) Có buồng điều trị đủ điều kiện đảm bảo cho việc khám bệnh, cấp thuốc, cấp cứu, điều trị theo phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp;
	b) Bảo đảm đủ các điều kiện khác để phục vụ cho chăm sóc người bệnh.
	2. Thiết bị y tế Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định.
	3. Tổ chức, biên chế
	a) Số Iượng nhân viên theo biểu tổ chức biên chế của cấp có thẩm quyền quyết định và đảm bảo để thực hiện được phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định
	b) Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của quân y đơn vị phải là y sĩ có chứng chỉ hành nghề phù hợp với phạm vi chuyên môn đăng ký và có quyết định phân công, bổnhiệm của cấp có thẩm quyền
	c) Ngoài người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của quân y đơn vị các đối tượng khác làm việc tại quân y đơn vị nếu thực hiện khám bệnh, chữa bệnh, thì phải có chứng chỉ hành nghề và chỉ được thực hiện khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi công việc được phân công.
	4. Phạm vi hoạt động chuyên môn Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo danh mục được Cục trưởng Cục Quân y quy định.
Khám sức khỏe	**Thông tư 14/2013/TT-BYT**

	Điều 9. Điều kiện về nhân sự
	1. Người thực hiện khám lâm sàng, cận lâm sàng phải có chứng chỉ hành nghề KBCB theo quy định của Luật KBCB phù hợp với chuyên khoa mà người đó được giao trách nhiệm khám. Trường hợp người thực hiện kỹ thuật cận lâm sàng mà pháp luật không quy định phải có chứng chỉ hành nghề KBCB thì phải có bằng cấp chuyên môn phù hợp với công việc được phân công.
	2. Người kết luận phải đáp ứng các điều kiện sau:
	a) Là bác sỹ có chứng chỉ hành nghề KBCB và có thời gian KBCB ít nhất là 54 (năm mươi tư) tháng;
	b) Được người có thẩm quyền của cơ sở KSK phân công thực hiện việc kết luận sức khỏe, ký Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ. Việc phân công phải được thực hiện bằng văn bản và đóng dấu hợp pháp của cơ sở KBCB.
	3. Đối với cơ sở KSK cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người Việt Nam đi lao động theo hợp đồng ở nước ngoài, học tập ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là cơ sở KSK có yếu tố nước ngoài), ngoài việc đáp ứng các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
	a) Người thực hiện khám lâm sàng, người kết luận phải là bác sỹ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sỹ y khoa trở lên;
	b) Khi người được KSK và người KSK không cùng thành thạo một thứ tiếng thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải có giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch trong KBCB theo quy định của Luật KBCB.
	Điều 10. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị
	1. Có phòng khám lâm sàng, cận lâm sàng từng chuyên khoa theo quy định của Bộ Y tế phù hợp với nội dung KSK.
	2. Có đủ cơ sở vật chất và thiết bị y tế thiết yếu theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.
	Điều 11. Điều kiện và phạm vi hoạt động chuyên môn
	1. Điều kiện đối với cơ sở KSK không có yếu tố nước ngoài: Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn phù hợp với nội dung ghi trong Giấy KSK quy định tại các Phụ lục 1, 2, 3 ban hành kèm theo Thông tư này.
	2. Điều kiện đối với cơ sở KSK có yếu tố nước ngoài, ngoài việc đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều này, phải thực hiện được các kỹ thuật cận lâm sàng sau: a) Xét nghiệm máu: Công thức máu, nhóm máu ABO, nhóm máu Rh, tốc độ máu lắng, tỷ lệ huyết sắc tố, u rê máu; b) Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu;

	c) Xét nghiệm viêm gan A, B, C, E; d) Xét nghiệm huyết thanh giang mai; đ) Xét nghiệm khẳng định tình trạng nhiễm HIV (HIV dương tính); e) Thử phản ứng Mantoux; g) Thử thai; h) Xét nghiệm ma tuý; i) Xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng; k) Điện tâm đồ; l) Điện não đồ; m) Siêu âm; n) Xét nghiệm chẩn đoán bệnh phong. Trường hợp cơ sở KSK có yếu tố nước ngoài chưa đủ điều kiện thực hiện các kỹ thuật quy định tại điểm đ và điểm n Khoản 2 Điều này thì phải ký hợp đồng hỗ trợ chuyên môn với cơ sở KBCB có giấy phép hoạt động và được phép thực hiện các kỹ thuật đó.
	3. Phạm vi chuyên môn: a) Cơ sở KBCB đủ điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 9, Điều 10 và Khoản 1 Điều 11 của Thông tư này được tổ chức KSK nhưng không được KSK có yếu tố nước ngoài. b) Cơ sở KBCB đủ điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 9, Điều 10 và Khoản 2 Điều 11 Thông tư này được tổ chức KSK bao gồm cả việc KSK có yếu tố nước ngoài.
193. Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV	**Thông tư 15/2013/TT-BYT và Thông tư 42/2013/TT-BYT** **Mục 1. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI PHÒNG XÉT NGHIỆM HUYẾT THANH HỌC SÀNG LỌC HIV**
phòng xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật đơn giản	**Điều 4. Điều kiện đối với phòng xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật đơn giản**
	1. Điều kiện về nhân sự:
	a) Có ít nhất 02 nhân viên xét nghiệm đáp ứng các điều kiện sau:
	- Có trình độ chuyên môn từ trung học chuyên nghiệp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành sau: y, dược, sinh học, hóa học;
	- Có chứng nhận đã qua tập huấn về xét nghiệm HIV của các cơ sở y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế chỉ định cấp hoặc có giấy xác nhận đã qua đào tạo, tập huấn về xét nghiệm HIV do cơ quan có thẩm quyền ở nước

	ngoài cấp phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm mà người đó được giao thực hiện.
	b) Có ít nhất 01 nhân viên tư vấn đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 26 Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) (sau đây gọi tắt là Luật phòng, chống HIV/AIDS) trong trường hợp có lấy máu và trả kết quả trực tiếp cho người được làm xét nghiệm HIV.
	2. Điều kiện về cơ sở vật chất: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 92/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm (sau đây gọi tắt là Nghị định số 92/2010/NĐ-CP) phòng xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật đơn giản phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
	a) Khu vực thực hiện xét nghiệm HIV:
	- Phải riêng biệt với các khu vực thực hiện xét nghiệm khác trong phòng xét nghiệm;
	- Bảo đảm thoáng mát, sạch sẽ, tránh bụi, chống ẩm;
	- Có điện và nước sạch đầy đủ.
	b) Bàn xét nghiệm phải được đặt ở vị trí đủ ánh sáng và tránh luồng gió;
	c) Tường của khu vực thực hiện xét nghiệm phải sử dụng các vật liệu không thấm nước, chịu được nhiệt và các loại hóa chất ăn mòn đồng thời phải có độ cao tính từ mặt bàn xét nghiệm trở lên ít nhất là 50 cm;
	d) Có bồn rửa tay được bố trí ở khu vực gần cửa ra vào phòng xét nghiệm;
	đ) Có hệ thống xử lý chất thải trước khi đổ vào nơi chứa chất thải chung.
	3. Điều kiện về trang thiết bị: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện về trang thiết bị quy định tại các điểm b, c và d Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 92/2010/NĐ-CP phòng xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật đơn giản phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
	a) Có các trang thiết bị xét nghiệm phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm đang thực hiện tại phòng xét nghiệm;
	b) Có thiết bị bảo quản sinh phẩm và bệnh phẩm riêng biệt phù hợp với công suất xét nghiệm;
	c) Có pipet phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm đối với các kỹ thuật xét nghiệm cần dùng pipet;

	d) Có đồng hồ đo thời gian.
	4. Điều kiện về quản lý chất lượng xét nghiệm:
	a) Trang thiết bị của phòng xét nghiệm phải đáp ứng các điều kiện sau:
	- Có hồ sơ quản lý trang thiết bị, bao gồm: biên bản giao nhận trang thiết bị, lý lịch máy, nhật ký sử dụng máy, hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt;
	- Có bản tóm tắt hướng dẫn sử dụng trang thiết bị được dán ở vị trí thuận tiện cho việc tra cứu trong quá trình sử dụng trang thiết bị;
	- Được bảo dưỡng, bảo trì và hiệu chuẩn định kỳ;
	- Tủ lạnh bảo quản mẫu bệnh phẩm, sinh phẩm phải được giám sát theo dõi nhiệt độ hằng ngày bằng bảng hoặc sổ theo dõi nhiệt độ và phải có nguồn điện dự phòng.
	b) Thực hiện đầy đủ các mẫu kiểm chứng trong bộ sinh phẩm theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất; khuyến khích kết hợp thực hiện với mẫu nội kiểm chứng;
	c) Tham gia chương trình ngoại kiểm tra xét nghiệm HIV;
	d) Việc xét nghiệm HIV phải đáp ứng các điều kiện sau:
	- Theo đúng các phương cách xét nghiệm được quy định tại Phụ lục 6 Thông tư số09/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và giám sát các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2012/TT - BYT);
	- Theo đúng hướng dẫn sử dụng sinh phẩm của nhà sản xuất.
	đ) Sinh phẩm sử dụng trong xét nghiệm HIV phải có số đăng ký lưu hành còn hiệu lực hoặc được Bộ Y tế cho phép sử dụng và đang còn hạn sử dụng.
	e) Thời gian lưu các kết quả xét nghiệm (bản ghi hoặc bản in hoặc bản đọc) và sơ đồ xét nghiệm: 05 năm kể từ ngày làm xét nghiệm đối với tất cả các kỹ thuật xét nghiệm HIV.
	Điều 5. Điều kiện đối với phòng xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật miễn dịch đánh dấu
	1. Điều kiện về nhân sự: Ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư này, phòng xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật miễn dịch đánh dấu phải có ít nhất 02 nhân viên xét nghiệm đáp ứng các điều kiện sau:
	a) Có trình độ chuyên môn từ trung học chuyên nghiệp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành sau: y, dược, sinh học, hóa học, trong đó nhân viên được giao phụ trách phòng xét nghiệm phải có trình độ từ đại học trở lên;
	b) Có chứng nhận đã qua tập huấn về xét nghiệm HIV của các cơ sở y

	tế do Bộ trưởng Bộ Y tế chỉ định cấp hoặc có giấy xác nhận đã qua đào tạo, tập huấn về xét nghiệm HIV do cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cấp phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm mà người đó được giao thực hiện.
	2. Điều kiện về cơ sở vật chất: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư này, phòng xétnghiệm HIV bằng kỹ thuật miễn dịch đánh dấu phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
	a) Có 01 bồn rửa sâu cho việc rửa các dụng cụ xét nghiệm được làm bằng vật liệu không thấm nước, chịu được các loại hóa chất ăn mòn;
	b) Có máy điều hòa hoặc máy hút ẩm.
	3. Điều kiện về trang thiết bị: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện về trang thiết bị quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này, phòng xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật miễn dịch đánh dấu phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
	a) Có ít nhất một trong ba hệ thống thiết bị sau: Dàn máy ELISA hoặc hệ thống máy hóa phát quang hoặc hệ thống máy điện hóa phát quang;
	b) Có ít nhất 01 máy ly tâm phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm;
	c) Có ít nhất 01 bộ pipet bảo đảm thể tích phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm đang thực hiện.
	4. Quản lý chất lượng xét nghiệm: Đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư này.
Phòng xét nghiệm khẳng định HIV	**Thông tư 15/2013/TT-BYT** Điều 6. Điều kiện về nhân sự
	Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này, phòng xét nghiệm khẳng định HIV phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
	1. Nhân viên trực tiếp thực hiện xét nghiệm của phòng xét nghiệm khẳng định HIV còn phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
	a) Có kinh nghiệm làm xét nghiệm HIV ít nhất 01 năm;
	b) Có hiểu biết cơ bản về HIV và kỹ thuật xét nghiệm HIV đồng thời có khả năng phân tích và biện giải kết quả xét nghiệm;
	c) Có hiểu biết về các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến xét nghiệm HIV.
	2. Người phụ trách và nhân viên của phòng xét nghiệm khẳng định HIV phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 92/2010/NĐ-CP.
	Điều 7. Điều kiện về cơ sở vật chất

	1. Đáp ứng các điều kiện về an toàn sinh học cấp độ I theo quy định tại Nghị định số92/2010/NĐ-CP và các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư này. Trường hợp phòng xét nghiệm khẳng định HIV có thực hiện việc nuôi cấy, phân lập, thí nghiệm trên động vật thì phải đáp ứng các điều kiện về an toàn sinh học cấp độ III theo quy định của Nghị định số 92/2010/NĐ-CP.
	2. Có nguồn điện dự phòng.
	Điều 8. Điều kiện về trang thiết bị
	Ngoài việc đáp ứng các điều kiện về trang thiết bị quy định tại các điểm b, c và d Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 92/2010/NĐ-CP phòng xét nghiệm huyết thanh học khẳng định HIV phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
	1. Có các trang thiết bị phù hợp với các kỹ thuật xét nghiệm HIV đang thực hiện tại phòng xét nghiệm theo quy định tại Mục 1 Chương II Thông tư này.
	2. Có tủ lạnh âm sâu với nhiệt độ âm ít nhất là 20^{o}C để lưu mẫu bệnh phẩm dương tính hoặc không xác định.
	Điều 9. Điều kiện về quản lý chất lượng Đáp ứng các điều kiện về quản lý chất lượng quy định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư này.
	Điều 10. Điều kiện về năng lực thực hiện xét nghiệm HIV
	1. Điều kiện về kinh nghiệm thực hiện xét nghiệm HIV:
	a) Có thời gian thực hiện xét nghiệm HIV theo phương cách III quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BYT ít nhất là 03 tháng tính đến trước ngày nộp hồ sơ đề nghị công nhận đủ điều kiện khẳng định các trường hợp HIV dương tính;
	b) Trong thời gian thực hiện xét nghiệm HIV theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này phải phát hiện được ít nhất 50 mẫu nghi ngờ dương tính. Trường hợp thực hiện xét nghiệm bằng kỹ thuật miễn dịch đánh dấu thì phải có số lần thực hiện kỹ thuật đó ít nhất là 20 lần;
	c) Kết quả kiểm chứng của các lần thực hiện kỹ thuật xét nghiệm đều đạt yêu cầu.
	2. Tham gia đầy đủ chương trình ngoại kiểm tra xét nghiệm HIV, trong đó kết quả ngoại kiểm tra của 02 lần kiểm tra gần nhất phải đạt tiêu chuẩn.
	3. Việc lưu mẫu bệnh phẩm xét nghiệm HIV dương tính và nghi ngờ phải bảo đảm khoa học, hợp lý và đầy đủ các mẫu bệnh phẩm trong thời gian thực hiện xét nghiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.
193c. Phòng tham chiếu	**Mục 3. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI PHÒNG THAM CHIẾU QUỐC GIA VỀ XÉT NGHIỆM HUYẾT THANH HỌC HIV**

quốc gia về xét nghiệm HIV	
	Điều 11. Điều kiện về nhân sự Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 92/2010/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 6 Thông tư này, phòng xét nghiệm tham chiếu quốc gia về xét nghiệm huyết thanh học HIV phải có ít nhất 08 nhân viên, trong đó:
	1. Nhân viên phụ trách có trình độ sau đại học chuyên ngành y hoặc sinh học và có kinh nghiệm thực hiện xét nghiệm huyết thanh học HIV từ 05 năm trở lên.
	2. Các nhân viên được giao nhiệm vụ về quản lý chất lượng xét nghiệm, xây dựng bộ mẫu chuẩn, bảo đảm an toàn sinh học phải có trình độ đại học chuyên ngành y hoặc sinh học và có kinh nghiệm thực hiện xét nghiệm huyết thanh học HIV từ 03 năm trở lên.
	3. Các nhân viên khác phải có bằng cấp chuyên môn phù hợp với công việc được giao và phải có kinh nghiệm ít nhất 01 năm làm công việc đó.
	Điều 12. Điều kiện về cơ sở vật chất Đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 92/2010/NĐ-CP.
	Điều 13. Điều kiện về trang thiết bị Ngoài việc đáp ứng các điều kiện về trang thiết bị theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 92/2010/NĐ-CP phòng tham chiếu quốc gia về xét nghiệm huyết thanh học HIV phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
	1. Có trang thiết bị xét nghiệm cơ bản với số lượng ít nhất như sau: a) 02 dàn ELISA, trong đó có 01 dàn ELISA bán tự động và 01 dàn ELISA tự động; - 01 máy lắc ba chiều thực hiện kỹ thuật Western Blot; - 01 máy ly tâm tốc độ cao (ít nhất 15.000 vòng/phút); - 02 máy khuấy từ; - 02 máy trộn; - 02 bộ pipet phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm mà phòng xét nghiệm đang thực hiện; - 01 tủ lạnh âm sâu 20^{o}C để lưu mẫu bệnh phẩm và đựng hóa chất phục vụ quá trình sản xuất mẫu ngoại kiểm tra và nội kiểm tra; - 01 tủ lạnh âm sâu 70^{o}C để lưu mẫu phục vụ việc xây dựng ngân hàng mẫu HIV; - 03 tủ lạnh có nhiệt độ bảo quản từ 04 - 08^{o}C, bao gồm: 01 tủ để lưu sinh phẩm, 01 tủ đựng bệnh phẩm; 01 tủ phục vụ quá trình sản xuất

	mẫu ngoại kiểm; - 01 tủ ấm 37^{o}C; - 01 nồi cách thủy; - 01 bơm hút chân không; - 01 máy in nhãn chuyên dụng cho phòng xét nghiệm.
	b) Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác phù hợp với các kỹ thuật xét nghiệm đang được thực hiện tại phòng xét nghiệm.
	Điều 14. Điều kiện về quản lý chất lượng và năng lực thực hiện xét nghiệm HIV
	1. Điều kiện về quản lý chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO 15189 hoặc tương đương quy định cho phòng xét nghiệm. Trong trường hợp có sản xuất và cung cấp mẫu ngoại kiểm tra và nội kiểm tra phải đạt thêm tiêu chuẩn ISO 17043.
	2. Điều kiện về năng lực thực hiện xét nghiệm HIV:
	a) Có khả năng quản lý điều phối và cung cấp chương trình ngoại kiểm, nội kiểm tra cho các phòng xét nghiệm huyết thanh học HIV khác;
	b) Có khả năng hỗ trợ xây dựng các quy trình chuẩn về thao tác kỹ thuật xét nghiệm huyết thanh học HIV để cung cấp cho các phòng xét nghiệm huyết thanh học HIV tham khảo và thực hiện;
	c) Có khả năng xây dựng phương cách xét nghiệm huyết thanh học HIV và đào tạo về xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật huyết thanh học;
	d) Có ngân hàng mẫu phục vụ cho việc bảo đảm chất lượng xét nghiệm HIV;
	đ) Có khả năng phối hợp hoặc tổ chức triển khai các nghiên cứu khoa học liên quan đến sinh bệnh học, miễn dịch HIV; nghiên cứu đánh giá các phương cách xét nghiệm huyết thanh học HIV, chất lượng sinh phẩm xét nghiệm huyết thanh học HIV trên thực địa và các nghiên cứu khác có liên quan;
	e) Thực hiện được tất cả các phương pháp xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật huyết thanh học đồng thời phải có khả năng làm xét nghiệm xác nhận các tình trạng nhiễm HIV của các phản ứng không xác định;
	g) Tham gia chương trình ngoại kiểm hằng năm về xét nghiệm HIV của các cơ quan và tổ chức quốc tế được Bộ Y tế công nhận.
	Điều 15. Điều kiện đối với phòng xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật sinh học phân tử
	1. Điều kiện về nhân sự: Ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 92/2010/NĐ-CPvà Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư này, phòng xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật sinh học phân tử phải có ít nhất 02 nhân

	viên xét nghiệm đáp ứng các điều kiện sau:
	a) Có trình độ chuyên môn từ trung học chuyên nghiệp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành sau: y, dược, sinh học, hóa học, trong đó nhân viên được giao phụ trách phòng xét nghiệm phải có trình độ sau đại học về chuyên ngành y, sinh học;
	b) Có chứng nhận đã qua tập huấn về xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật sinh học phân tử của các cơ sở y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế chỉ định cấp hoặc có giấy xác nhận đã qua đào tạo, tập huấn về xét nghiệm HIV do cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cấp phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm mà người đó được giao thực hiện;
	c) Có ít nhất 01 năm kinh nghiệm thực hiện xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật sinh học phân tử.
	2. Điều kiện về cơ sở vật chất:
	Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 92/2010/NĐ-CP phòng xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật sinh học phân tử phải đáp ứng thêm các điều kiện sau: a) Đối với phòng xét nghiệm sử dụng hệ thống xét nghiệm không tự động và không khép kín hoàn toàn phải có ít nhất 03 đơn nguyên hoặc khu vực riêng biệt được thiết kế theo nguyên tắc một chiều với thứ tự như sau: - Phòng chuẩn bị hóa chất; - Phòng chuẩn bị mẫu; - Phòng khuyếch đại. Trường hợp phòng xét nghiệm thực hiện kỹ thuật xét nghiệm PCR thì ngoài các phòng nêu trên phải có thêm 01 phòng hoặc khu vực riêng để phân tích các sản phẩm PCR.
	b) Đối với phòng xét nghiệm sử dụng hệ thống xét nghiệm tự động và khép kín hoàn toàn: Phải được thiết kế phù hợp với yêu cầu của hệ thống.
	3. Điều kiện về trang thiết bị: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 92/2010/NĐ-CP phòng xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật sinh học phân tử phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
	a) Có các trang thiết bị xét nghiệm phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm đang thực hiện tại cơ sở xét nghiệm và được phân bố tại các phòng như sau: - Phòng chuẩn bị hóa chất: + Tủ lạnh 4ºC và âm 20ºC để bảo quản hóa chất và sinh phẩm; + Tủ an toàn sinh học hoặc tủ thao tác PCR có đèn UV và đèn chiếu sáng;

	+ Máy ly tâm cho loại ống nghiệm từ 1,5 - 2 ml; + Máy trộn lắc; + Bộ pipet dùng riêng để pha dung dịch phản ứng. - Phòng chuẩn bị mẫu (tách chiết ARN/ADN): + Tủ an toàn sinh học cấp II; + Tủ lạnh âm 80ºC; + Tủ lạnh 4oC; + Máy ly tâm lạnh cho loại ống nghiệm loại 2 ml và 5 ml; + Máy trộn lắc; + Bộ pipet dùng riêng cho tách chiết; + Đồng hồ hẹn giờ; + Máy trộn xoay, máy ủ nhiệt (tùy yêu cầu của kỹ thuật); + Máy chuẩn bị mẫu để xử lý và tách chiết (nếu có). - Phòng khuyếch đại: + Máy luân nhiệt đối với trường hợp sử dụng máy xét nghiệm sinh học phân tử thông thường hoặc Real Time PCR; + Máy ly tâm cho ống nghiệm 0,2 - 2ml; + Bộ pipet phù hợp với từng kỹ thuật; + Tủ thao tác mẫu PCR; + Tủ lạnh 4oC để lưu các sản phẩm sinh học phân tử.
	b) Trong trường hợp sử dụng kỹ thuật xét nghiệm PCR cần thêm các trang thiết bị sau tại khu vực phân tích sản phẩm PCR: - Bộ điện di, lò vi sóng, dụng cụ đổ gel, máy đọc và phân tích gel hoặc dàn máy ELISA đối với trường hợp phân tích kết quả bằng kỹ thuật ELISA; - Bộ pipet dùng riêng; - Tủ lạnh 4oC.
	c) Có các vật dụng tiêu hao sử dụng cho xét nghiệm phù hợp với kỹ thuật sinh học phân tử đang thực hiện.
	4. Điều kiện về quản lý chất lượng: Đáp ứng các điều kiện về quản lý chất lượng quy định tại các điểm a, b, c, đ và e Khoản 4 Điều 4 Thông tư này.
	5. Trường hợp phòng xét nghiệm thực hiện việc xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật sinh học phân tử cho trẻ dưới 18 tháng còn phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
	a) Điều kiện về năng lực thực hiện xét nghiệm HIV:

	- Có thời gian thực hiện xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật sinh học phân tử ít nhất là 06 tháng tính đến trước ngày nộp hồ sơ công bố và phải phát hiện được ít nhất 20 mẫu nghi ngờ dương tính; - Kết quả kiểm chứng của các lần thực hiện kỹ thuật xét nghiệm đều đạt yêu cầu.
	b) Việc lưu mẫu bệnh phẩm xét nghiệm HIV dương tính và nghi ngờ phải bảo đảm khoa học, hợp lý và đầy đủ các mẫu bệnh phẩm trong thời gian thực hiện xét nghiệm theo quy định tại Điểm a Khoản này.
	Điều 16. Điều kiện đối với Phòng tham chiếu quốc gia về xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật sinh học phân tử
	1. Điều kiện về nhân sự
	Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 92/2010/NĐ-CP và Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư này phòng xét nghiệm phải có ít nhất 05 nhân viên, trong đó:
	a) Nhân viên phụ trách có trình độ tiến sỹ chuyên ngành y hoặc sinh học và có kinh nghiệm thực hiện xét nghiệm HIV sinh học phân tử từ 05 năm trở lên;
	b) Các nhân viên được giao nhiệm vụ về quản lý chất lượng, an toàn sinh học, phụ trách xây dựng bộ mẫu chuẩn phải có trình độ đại học chuyên ngành y hoặc sinh học và cókinh nghiệm thực hiện xét nghiệm HIV sinh học phân tử từ 03 năm trở lên;
	c) Các nhân viên khác phải có bằng cấp chuyên môn phù hợp với kinh nghiệm ít nhất 01 năm đối với công việc được giao.
	2. Điều kiện về cơ sở vật chất: Đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư này.
	3. Điều kiện về trang thiết bị: Đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư này.
	4. Điều kiện về quản lý chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO 15189 hoặc tương đương quy định cho phòng xét nghiệm. Trong trường hợp có sản xuất và cung cấp mẫu ngoại kiểm tra, nội kiểm tra phải đạt thêm tiêu chuẩn ISO 17043.
	5. Điều kiện về năng lực thực hiện xét nghiệm HIV:
	a) Có khả năng quản lý điều phối hoặc cung cấp chương trình ngoại kiểm tra, nội kiểm tra cho các phòng xét nghiệm sinh học phân tử HIV;
	b) Có khả năng xây dựng các quy trình chuẩn về thao tác kỹ thuật xét nghiệm sinh học phân tử để cung cấp cho các phòng xét nghiệm sinh học phân tử HIV tham khảo và thực hiện;
	c) Có khả năng đào tạo các kỹ thuật xét nghiệm sinh học phân tử HIV;
	d) Có khả năng phối hợp hoặc tổ chức triển khai các nghiên cứu khoa học liên quan đến sinh bệnh học, sinh học phân tử về HIV và các nghiên cứu khác có liên quan;

	đ) Thực hiện được tất cả các xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật sinh học phân tử;
	e) Tham gia chương trình ngoại kiểm hằng năm của các cơ quan và tổ chức quốc tế có uy tín.
194. Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô	**Quyết định 03/2008/QĐ-BYT** **II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ** 1. Tổ chức nhân lực a) Nhân lực: - Có đủ đội ngũ cán bộ chuyên môn kỹ thuật được đào tạo chuyên sâu trong các lĩnh vực hệ ngoại khoa, sinh học, vi sinh, huyết học – miễn dịch về mô, bảo quản mô và các kỹ thuật công nghệ liên quan khác như nuôi cấy tế bào, sản xuất các vật liệu từ mô; - Có đủ cán bộ quản lý, chuyên môn và lao động phổ thông đáp ứng yêu cầu, bao gồm các cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp và lao động phổ thông (theo quy định tại phụ lục 1); Tiêu chuẩn người quản lý chuyên môn ngân hàng mô theo quy định tại khoản 4 điều 35 Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác. b) Tổ chức các khoa, phòng, bao gồm: - Phòng kế hoạch tổng hợp; - Phòng công tác xã hội: tuyên truyền giáo dục, tư vấn, tiếp nhận đăng ký hiến mô, bộ phận cơ thể người; - Các khoa, phòng kỹ thuật. 2. Cơ sở vật chất và hạ tầng cơ sở a) Cơ sở vật chất bao gồm: - Phòng thu nhận mô; - Phòng bảo quản và lưu trữ mô; - Phòng lưu trữ hồ sơ, mã hóa thông tin; - Phòng khử khuẩn, tiệt trùng; - Phòng thực nghiệm và nuôi động vật; - Labo huyết học – miễn dịch ghép; - Labo vô trùng xử lý mô ghép; - Labo xét nghiệm, nuôi cấy tế bào; - Các phòng làm việc của cán bộ nhân viên, công trình phụ, v.v… b) Cơ sở hạ tầng bao gồm: -Hệ thống xử lý nước thải; - Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước;

	- Phòng chống cháy nổ; - Xử lý rác thải y tế và rác thải sinh hoạt. 3. Trang thiết bị dụng cụ y tế Bảo đảm thực hiện các kỹ thuật cơ bản của Ngân hàng mô như việc, lấy, tiếp nhận, bảo quản, lưu trữ, vận chuyển, cung ứng mô (theo quy định tại phụ lục 2). 4. Đối với các loại hình ngân hàng mô trực thuộc các bệnh viện, trường đại học y, dược căn cứ vào quy định của ngân hàng mô hoạt động độc lập này và có thể sử dụng cơ sở vật chất, cán bộ (kiêm nhiệm) của bệnh viện, Trường Đại học y, dược để xây dựng cho phù hợp đáp ứng yêu cầu đối với từng loại hình ngân hàng mô.
195. Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi	**Thông tư 07/2003/TT-BYT** **Điều 6.** Cơ sở y tế có đủ các điều kiện sau được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh nhân tạo:
	1. Phải là cơ sở sản phụ khoa của Nhà nước từ tuyến tỉnh trở lên, bệnh viện đa khoa tư nhân có khoa sản, bệnh viện chuyên khoa phụ sản tư nhân;
	2. Có ít nhất 01 bác sĩ được đào tạo về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, 01 cán bộ có trình độ đại học y hoặc cử nhân sinh học được đào tạo về xét nghiệm tinh trùng và các kỹ thuật chuẩn bị tinh trùng. Các cán bộ này phải đáp ứng được các yêu cầu sau:
	2.1. Có chứng chỉ, chứng nhận đã qua các khóa tại một cơ sở đủ tiêu chuẩn (Phụ lục 1)
	2.2. Có xác nhận của cơ sở y tế đã được Bộ Y tế hoặc Sở Y tế công nhận đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là đã trực tiếp thực hiện 20 chu kỳ điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo.
	3. Có đầy đủ các trang thiết bị để thực hiện kỹ thuật thụ tinh nhân tạo: 3.1. Tủ cấy CO2 (01 cái); 3.2. Tủ thao tác vô trùng (01 cái); 3.3. Kính hiển vi quang học (01 cái); 3.4. Máy ly tâm (01 cái); 3.5. Tủ lạnh riêng để chứa hóa chất môi trường; 3.6. Các dụng cụ chuyên dùng khác.
	4. Phải có đơn nguyên riêng cho việc thực hiện kỹ thuật thụ tinh nhân tạo. Trong đơn nguyên này, phải có đầy đủ các phòng sau: 4.1. Phòng tiếp đón; 4.2. Phòng khám dành cho nam;

	4.3. Phòng khám dành cho nữ; 4.4. Phòng lấy tinh trùng; 4.5. Phòng tiệt trùng; 4.6. Phòng bơm tinh trùng; 4.7. Phòng siêu âm; 4.8. Phòng xét nghiệm tinh trùng đáp ứng các tiêu chuẩn theo khuyến cáo của Tổ chức Y Tế thế giới; 4.9. Phòng lọc rửa tinh trùng.
	5. Ngoài ra, cơ sở y tế còn phải có phòng xét nghiệm thực hiện được kỹ thuật xét nghiệm nội tiết
	6. Các phòng theo quy định tại điểm 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.8, 4.9 khoản 4 Điều này phải đảm bảo vô khuẩn và đủ các điều kiện về diện tích, ánh sáng, độ ồn, nhiệt độ và chất lượng không khí theo tiêu chuẩn TCVN 3337/2002.
	Điều 7. Cơ sở y tế có đủ các điều kiện sau được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm (IVF), kỹ thuật bơm tinh trùng vào bào tương noãn (ISCI):
	1. Phải là cơ sở sản phụ khoa của Nhà nước từ tuyến tỉnh trở lên, bệnh viện đa khoa tư nhân có khoa sản, bệnh viện chuyên khoa phụ sản tư nhân;
	2. Có ít nhất 02 bác sĩ được đào tạo về kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và 02 cán bộ có trình độ đại học y, dược hoặc cử nhân sinh học được đào tạo về phôi học lâm sàng. Các cán bộ này phải đáp ứng được các yêu cầu sau:
	2.1. Có chứng chỉ, chứng nhận đã qua các khóa tại một cơ sở đủ tiêu chuẩn (Phụ lục 1);
	2.2. Có xác nhận của cơ sở y tế đã được Bộ Y tế hoặc Sở Y tế công nhận đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là đã trực tiếp thực hiện 20 chu kỳ điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.
	3. Có đầy đủ các trang thiết bị để thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm (Phụ lục 2).
	4. Phải có đơn nguyên riêng cho việc thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có diện tích tối thiểu là 500m2 (kể cả lối đi). Trong đơn nguyên này, phải có đầy đủ các phòng sau: 4.1. Phòng tiếp đón; 4.2. Phòng khám dành cho nam; 4.3. Phòng khám dành cho nữ; 4.4. Phòng chọc hút noãn;

	4.5. Phòng lấy tinh trùng; 4.6. Phòng tiệt trùng; 4.7. Phòng cấy; 4.8. Phòng siêu âm; 4.9. Phòng lọc rửa tinh trùng; 4.10. Phòng xét nghiệm nội tiết sinh sản có thể cung cấp kết quả trong ngày, 4.11. Phòng xét nghiệm tinh trùng đáp ứng các tiêu chuẩn theo khuyến cáo của Tổ chức y tế Thếgiới; 4.12. Phòng chăm sóc trẻ sơ sinh non tháng; 4.13. Phòng hồi sức cấp cứu.
	5. Các phòng theo quy định tại điểm 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.8, 4.9, 4.10, 4.11, 4.12, 4.13 khoản 4 Điều này phải đảm bảo vô khuẩn và đủ các điều kiện về diện tích, ánh sáng, độ ồn, nhiệt độ và chất lượng không khí theo tiêu chuẩn TCVN 3337/2002.
	Điều 8.
	1. Cơ sở y tế có đủ các điều kiện sau được phép lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi:
	1.1. Phải là cơ sở sản phụ khoa của Nhà nước từ tuyến tỉnh trở lên;
	1.2. Có ít nhất 03 bác sĩ. Các bác sĩ này phải đáp ứng được các yêu cầu sau:
	a) Có chứng chỉ, chứng nhận đã qua các khóa đào tạo về kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;
	b) Có ít nhất 01 năm kinh nghiệm về thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;
	1.3. Có đầy đủ các trang thiết bị sau: a) Máy hạ nhiệt độ (bán tự động hoặc tự động) hoặc quy trình hạ nhiệt độ cơ học; b) Có bình ni tơ lỏng trữ mẫu dung tích tối thiểu 30 lít; c) Có bình chứa ni tơ lỏng dung tích tối thiểu 12 lít; d) Tủ thao tác vô trùng (tủ cấy vi sinh);
	1.4. Phải có đơn nguyên riêng cho việc lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi. Đơn nguyên phải có nguồn cung cấp ni tơ lỏng ổn định và phải có hệ thống quản lý, lưu trữ dữ liệu được nối mạng vi tính với các cơ sở lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi khác. Trong đơn nguyên này, phải có đầy đủ các phòng sau: a) Phòng tiếp đón; b) Phòng khám dành cho nam;

	c) Phòng lấy tinh trùng; d) Phòng tiệt trùng; đ) Phòng lọc rửa tinh trùng; e) Phòng xét nghiệm tinh trùng đáp ứng các tiêu chuẩn theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới; g) Phòng lưu giữ tinh trùng có diện tích tối thiểu là 36m2; Các phòng theo quy định tại điểm c, d, đ, e, g nêu trên phải đảm bảo vô khuẩn và đủ các điều kiện về diện tích, ánh sáng, độ ồn, nhiệt độ và chất lượng không khí theo tiêu chuẩn TCVN 3337/2002.
	1.5. Được Bộ Y tế thẩm định và công nhận đủ điều kiện lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi.
	2. Việc tổ chức và hoạt động của cơ sở lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi phải theo quy định của Bộ Y tế.
	Điều 9. 1. Không được luân chuyển cán bộ thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản khi chưa có cán bộ đủ trình độ theo quy định để thay thế. Trong trường hợp cần thiết phải thay thì cán bộ thay thế phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 các Điều 6, 7 và 8 của Thông tư này.
	2. Trường hợp cơ sở y tế chưa có đủ cán bộ đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 6, điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 và điểm 1.2 khoản 1 Điều 8 theo quy định thì cơ sở y tế được ký hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật với các cơ sở y tế đã được Bộ Y tế hoặc Sở Y tế thẩm định và công nhận đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.
	3. Các cơ sở đã được Bộ Y tế hoặc Sở Y tế thẩm định và công nhận đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có thể được ký hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật với các cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng vẫn thường xuyên phải đảm bảo đủ số cán bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 và khoản 2 Điều 7 của Thông tư này.
200. Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng	**Thông tư 12/2014/TT-BYT** **Điều 5. Điều kiện đối với cơ sở tiêm chủng cố định**
	1. Cơ sở vật chất:
	a) Khu vực chờ trước khi tiêm phải bố trí đủ chỗ ngồi cho ít nhất 50 đối tượng trong một buổi tiêm chủng, bảo đảm che được mưa, nắng, kín gió và thông thoáng;
	b) Khu vực thực hiện tư vấn, khám phân loại có diện tích tối thiểu 8 m^2;
	c) Khu vực thực hiện tiêm chủng có diện tích tối thiểu 8 m^2;
	d) Khu vực theo dõi và xử trí phản ứng sau tiêm chủng có diện tích tối thiểu 15 m^2

	đ) Riêng đối với điểm tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh tại các cơ sở y tế có phòng sinh thì không thực hiện theo các điểm a, b, c và d Khoản này mà theo quy định sau: Bố trí phòng tiêm hoặc bàn tiêm vắc xin riêng, nơi tiêm chủng bảo đảm đủ ấm cho trẻ, có nơi khám phân loại cho trẻ, tư vấn cho các bà mẹ hoặc người nhà của trẻ.
	Các khu vực quy định tại các điểm a, b, c và d phải bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, đủ ánh sáng và bố trí theo nguyên tắc một chiều.
	2. Trang thiết bị:
	a) Phương tiện bảo quản vắc xin theo quy định: tủ lạnh, các thiết bị theo dõi nhiệt độ tại nơi bảo quản và trong quá trình vận chuyển vắc xin. Đối với Trạm Y tế xã chưa có tủ lạnh thì phải có phích vắc xin hoặc hòm lạnh để bảo quản vắc xin theo quy định tại Điều 9 Thông tư này;
	b) Thiết bị tiêm, các dụng cụ, hóa chất để sát khuẩn và các vật tư cần thiết khác;
	c) Hộp chống sốc và phác đồ chống sốc treo tại nơi theo dõi và xử trí phản ứng sau tiêm chủng theo quy định của Bộ Y tế;
	d) Dụng cụ chứa vỏ lọ vắc xin, chất thải y tế theo quy định của Bộ Y tế.
	3. Nhân sự:
	a) Số lượng: có tối thiểu 03 nhân viên chuyên ngành y, trong đó có ít nhất 01 nhân viên có trình độ chuyên môn từ y sỹ trở lên; đối với cơ sở tiêm chủng tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn phải có tối thiểu 02 nhân viên chuyên ngành y, trong đó có ít nhất 01 nhân viên có trình độ chuyên môn từ y sỹ trở lên;
	b) Nhân viên trực tiếp thực hiện khám sàng lọc, tư vấn, tiêm chủng, theo dõi, xử trí phản ứng sau tiêm chủng phải có giấy chứng nhận tham dự tập huấn về tiêm chủng do các cơ sở quy định tại Điều 30, Điều 31 Thông tư này cấp.
	4. Trường hợp cơ sở tiêm chủng là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì ngoài việc đáp ứng các điều kiện của Thông tư này còn phải đáp ứng các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.
	5. Cơ sở tiêm chủng cố định có thể bố trí nhiều điểm tiêm chủng, mỗi điểm tiêm chủng phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.
	Điều 6. Điều kiện đối với điểm tiêm chủng lưu động
	1. Điều kiện áp dụng điểm tiêm chủng lưu động:
	a) Chỉ thực hiện đối với vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng khi tổ chức chiến dịch tiêm chủng hoặc tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn theo quyết định của Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Sở Y tế tỉnh);

	b) Được thực hiện bởi Trạm Y tế xã đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng.
	2. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất:
	a) Có bàn tư vấn, khám, bàn tiêm chủng;
	b) Có nơi theo dõi và xử trí phản ứng sau tiêm chủng.
	Điểm tiêm chủng phải bảo đảm đủ điều kiện về vệ sinh, che được mưa, nắng, kín gió, thông thoáng, đủ ánh sáng. Các khu vực quy định tại Điểm a và b Khoản này phải bố trí theo nguyên tắc một chiều.
	3. Điều kiện về trang thiết bị: có phích vắc xin hoặc hòm lạnh và đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm b, c và d Khoản 2 Điều 5 Thông tư này.
	4. Điều kiện về nhân sự:
	a) Số lượng: có tối thiểu 02 nhân viên chuyên ngành y, trong đó có ít nhất 01 nhân viên có trình độ chuyên môn từ y sỹ trở lên.
	b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 5 Thông tư này.
201. Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế	**Thông tư 28/2010/TT-BCT** **Điều 5. Điều kiện về nhà xưởng, kho tàng**
	1. Địa điểm
	a. Nhà xưởng, kho tàng phải được bố trí tại địa điểm phù hợp với các điều kiện về quy hoạch;
	b. Vị trí đặt nhà xưởng sản xuất hóa chất phải đảm bảo các yêu cầu thuận lợi về cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước, xử lý ô nhiễm và giao thông;
	c. Không đặt nhà xưởng, kho chứa hóa chất sát khu dân cư. Đối với kho lưu trữ hóa chất trong nhà xưởng để phục vụ sản xuất phải chọn vị trí kho đảm bảo yêu cầu công nghệ bảo quản hóa chất. Kho lưu trữ hóa chất phải đặt ở vị trí bên ngoài nhà xưởng sản xuất;
	d. Vị trí kho phải đảm bảo khoảng cách cho xe vận chuyển và xe chữa cháy ra vào dễ dàng;
	2. Bố trí mặt bằng nhà xưởng, kho tàng
	Quy hoạch mặt bằng nhà xưởng phải được đạt tiêu chuẩn thiết kế trên cơ sở Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành về điều kiện khí hậu, địa chất thủy văn, khí tượng thủy văn, phân vùng động đất, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, an

	toàn lao động:
	a. Mặt bằng nhà xưởng phải bố trí các hạng mục công trình hợp lý và có công năng rõ ràng;
	b. Diện tích của nhà xưởng phải đáp ứng các quy định hiện hành để bố trí thiết bị sản xuất;
	c. Nhà xưởng sản xuất được thiết kế đảm bảo các điều kiện môi trường làm việc trong nhà đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế về nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió;
	d. Hệ thống đường giao thông nội bộ phải được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn cho vận chuyển trong nhà xưởng và chữa cháy. Nhà xưởng phải có tường bao ngăn cách cơ sở với bên ngoài;
	đ. Đối với các kho chứa hóa chất, việc thiết kế phải tuân thủ nguyên tắc an toàn về nguy cơ cháy hay đổ tràn là thấp nhất và phải bảo đảm tách riêng các chất có khả năng gây ra phản ứng hóa học với nhau;
	e. Nhà kho được thiết kế tùy thuộc vào loại hóa chất cần được bảo quản, phân loại theo nguy cơ nổ, cháy nổ và cháy được quy định trong Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2622:1995. Thiết kế cần tuân theo Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam và các Tiêu chuẩn Việt Nam có liên quan. Ngoài những quy định chung về kết cấu công trình, thiết kế các kho hóa chất phải thực hiện các tiêu chuẩn phòng, chống cháy nổ, cụ thể như: tính chịu lửa; ngăn cách cháy; thoát hiểm; hệ thống báo cháy; hệ thống chữa cháy; phòng trực chống cháy.
	3. Kết cấu và bố trí kiến trúc công trình
	a. Các khu vực kín và rộng phải có lối thoát hiểm theo hai hướng. Lối thoát hiểm phải được chỉ dẫn rõ ràng (bằng bảng hiệu, sơ đồ …) và được thiết kế thuận lợi trong trường hợp khẩn cấp. Cửa thoát hiểm phải dễ mở trong bóng tối hoặc trong lớp khói dày đặc;
	b. Kho chứa phải được thông gió hở trên mái, trên tường bên dưới mái hoặc gần sàn nhà;
	c. Sàn kho không thấm chất lỏng, bằng phẳng không trơn trượt và không có khe nứt để chứa nước rò rỉ, chất lỏng bị đổ tràn hay nước chữa cháy đã bị nhiễm bẩn hoặc tạo các gờ hay lề bao quanh;
	d. Vật liệu xây dựng kho và vật liệu cách nhiệt phải là vật liệu không dễ bắt lửa và khung nhà phải được gia cố chắc chắn bằng bê tông hoặc thép.
	Điều 6. Điều kiện về trang thiết bị
	1. Thiết bị sản xuất
	a. Thiết bị sản xuất phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;
	b. Phải có lịch bảo dưỡng và vệ sinh định kỳ thiết bị sản xuất;

	c. Phải kiểm tra các thông số kỹ thuật của thiết bị sản xuất và có hệ thống bảo vệ an toàn cho người sử dụng.
	2. Các thiết bị, phương tiện an toàn
	a. Lắp đặt các phương tiện chiếu sáng và thiết bị điện khác tại vị trí cần thiết, không được phép lắp đặt tạm thời. Mọi trang thiết bị điện phải được nối đất và có bộ ngắt mạch khi rò điện, bảo vệ quá tải;
	b. Phải sử dụng thiết bị chịu lửa đối với nơi lưu trữ dung môi có nhiệt độ bắt cháy thấp hoặc bụi hóa chất mịn
	c. Trang bị đầy đủ các thiết bị dụng cụ ứng cứu sự cố tại cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Hệ thống báo cháy, dập cháy phải được lắp tại vị trí thích hợp và kiểm tra thường xuyên để bảo đảm ở trạng thái sẵn sàng sử dụng tốt.
	3. Hệ thống xử lý khí thải và chất thải
	a. Nhà xưởng, kho hóa chất không được thải vào không khí các chất độc hại, không gây tiếng ồn, các yếu tố có hại khác, không vượt mức quy định hiện hành về vệ sinh môi trường. Khí thải của nhà xưởng, kho hóa chất phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học;
	b. Nhà xưởng, kho hóa chất phải có hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại; QCVN 24:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCVN 25:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lắp chất thải rắn;
	c. Chất thải rắn của nhà xưởng, kho hóa chất phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn. Nhà xưởng, kho hóa chất phải có dụng cụ thu gom và vận chuyển chất thải rắn ra khỏi khu vực sản xuất sau mỗi ca sản xuất; nơi chứa chất thải phải kín, cách biệt với khu sản xuất.
	Điều 7. Điều kiện về phương tiện vận chuyển và vận hành an toàn
	1. Phương tiện vận chuyển hóa chất phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về loại hàng nguy hiểm cần vận chuyển và đảm bảo các yêu cầu sau:
	a. Được thiết kế bảo đảm phòng ngừa rò rỉ hoặc phát tán hóa chất vào môi trường. Khi vận chuyển, không để lẫn các hóa chất có khả năng phản ứng hóa học với nhau gây nguy hiểm;
	b. Các hóa chất phải được chứa trong bao bì phù hợp và vận chuyển

	bằng các phương tiện chuyên dùng;
	c. Có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa trên phương tiện vận chuyển. Nếu trên một phương tiện vận chuyển có nhiều loại hóa chất khác nhau thì phía ngoài phương tiện vận chuyển phải dán đầy đủ biểu trưng của từng loại hóa chất ở hai bên và phía sau phương tiện.
	2. Vận hành an toàn tại kho hóa chất
	a. Cơ sở sản xuất hóa chất, kho chứa hóa chất phải xây dựng Biện pháp hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
	b. Cơ sở sản xuất hóa chất phải xây dựng bảng nội quy về an toàn hóa chất, hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất. Trường hợp hóa chất có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì biểu trưng cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm đó;
	c. Việc vận hành tại kho hóa chất phải đảm bảo tính an toàn và vệ sinh kho nghiêm ngặt, tránh các nguy cơ có thể xảy ra như cháy, rò rỉ…;
	d. Nhân viên phụ trách kho phải áp dụng các chỉ dẫn về Phiếu an toàn hóa chất của tất cả các hóa chất được lưu trữ và vận chuyển; các hướng dẫn về công tác an toàn, công tác vệ sinh; các hướng dẫn khi có sự cố;
	đ. Bố trí hóa chất trong kho phải tách biệt chất nguy hại với khu vực có người ra vào thường xuyên; có khoảng trống giữa tường với các kiện hóa chất lưu trữ gần tường nhất và phải có lối đi lại bên trong thoáng gió, không cản trở thiết bị ứng cứu khi thực hiện việc kiểm tra và chữa cháy.
202. Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	**Thông tư 12/2013/TT-BYT** **Điều 3. Điều kiện về cơ sở vật chất** Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 96/2012/NĐ-CP) cơ sở điều trị thay thế phải đáp ứng các điều kiện sau:
	1. Các phòng của cơ sở điều trị thay thế phải được xây dựng chắc chắn, đủ ánh sáng, có trần chống bụi, tường và nền nhà sử dụng các chất liệu dễ tẩy rửa làm vệ sinh, có cửa ra vào, cửa sổ chắc chắn và có khóa.
	2. Phòng xét nghiệm phải đáp ứng các điều kiện sau:
	a) Tường của khu vực xét nghiệm, bàn xét nghiệm phải bằng phẳng, không thấm nước, chịu được nhiệt và các loại hóa chất ăn mòn;
	b) Có bồn nước rửa tay, vòi rửa mắt khẩn cấp, hộp sơ cứu.
	Điều 4. Điều kiện về trang thiết bị
	1. Phòng cấp phát và bảo quản thuốc: a) Ẩm kế; b) Nhiệt kế đo nhiệt độ phòng;

	c) Điều hòa nhiệt độ; d) 02 tủ có khóa, trong đó: 01 tủ để đựng thuốc cấp phát hằng ngày và 01 tủ để bảo quản thuốc; đ) Dụng cụ cấp phát thuốc; e) Tủ hoặc giá đựng hồ sơ, sổ sách, phiếu theo dõi điều trị. 2. Phòng khám bệnh: a) Nhiệt kế đo thân nhiệt; b) Ống nghe; c) Tủ thuốc cấp cứu (trong đó có thuốc giải độc); d) Máy đo huyết áp; đ) Bộ trang thiết bị cấp cứu; e) Cáng cứu thương và xe đẩy; g) Giường khám bệnh; h) Cân đo sức khỏe - chiều cao. 3. Phòng xét nghiệm: a) Bộ dụng cụ xét nghiệm nước tiểu và lấy máu; b) Tủ lạnh bảo quản sinh phẩm, bệnh phẩm. 4. Nơi lấy nước tiểu của người bệnh: a) Bộ bàn cầu (với đường cấp nước có van đặt ở bên ngoài nơi lấy nước tiểu); b) Vách ngăn dán kính màu một chiều từ bên ngoài để nhân viên của cơ sở điều trị quan sát được quá trình tự lấy mẫu nước tiểu của người bệnh. 5. Các trang thiết bị khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng phòng.
	Điều 5. Điều kiện về nhân sự Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 96/2012/NĐ-CP cơ sở điều trị thay thế phải đáp ứng thêm các điều kiện sau
	1. Phòng khám bệnh có ít nhất 03 nhân viên có trình độ trung cấp chuyên ngành y trở lên, trong đó có ít nhất 01 bác sỹ phụ trách chuyên môn kỹ thuật có thời gian làm công tác khám bệnh, chữa bệnh từ 18 tháng trở lên.
	2. Phòng cấp phát và bảo quản thuốc có ít nhất 02 nhân viên có trình độ trung cấp chuyên ngành dược hoặc trung cấp chuyên ngành y trở lên, trong đó nhân viên làm nhiệm vụ bảo quản thuốc phải có trình độ từ trung cấp chuyên ngành dược trở lên.
	3. Phòng tư vấn có ít nhất 01 nhân viên có trình độ trung cấp chuyên

	ngành dược hoặc trung cấp chuyên ngành y hoặc trung cấp chuyên ngành xã hội trở lên.
	4. Phòng xét nghiệm có ít nhất 01 nhân viên có trình độ trung cấp thuộc một trong các chuyên ngành y, dược, sinh học hoặc hóa học trở lên.
	5. Phòng hành chính có ít nhất 01 nhân viên có trình độ trung cấp trở lên.
	6. Có ít nhất 02 nhân viên bảo vệ.
	Điều 6. Điều kiện về cơ sở vật chất Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 96/2012/NĐ-CP cơ sở cấp phát thuốc phải đáp ứng thêm các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.
	Điều 7. Điều kiện về trang thiết bị Đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này.
	Điều 8. Điều kiện về nhân sự Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 96/2012/NĐ-CP cơ sở cấp phát thuốc phải đáp ứng thêm các điều kiện quy định tại Khoản 2 và Khoản 6 Điều 5 Thông tư này
207	Thông tư 03/2012/TT-BYT **Điều 9. Điều kiện về thuốc thử lâm sàng** Thuốc thử lâm sàng phải bảo đảm các yêu cầu sau: 1. Đã được nghiên cứu ở giai đoạn tiền lâm sàng, có các tài liệu chứng minh tính an toàn để có thể thử nghiệm các giai đoạn tiếp theo. 2. Có công thức, dạng bào chế và quy trình bào chế ổn định. 3. Có kết quả nghiên cứu thử lâm sàng các giai đoạn trước nếu đề nghị thử thuốc trên lâm sàng giai đoạn tiếp theo. 4. Đạt tiêu chuẩn chất lượng theo hồ sơ đăng ký thử thuốc trên lâm sàng. 5. Nhãn thuốc thử lâm sàng có dòng chữ "Sản phẩm dùng cho thử lâm sàng. Cấm dùng cho mục đích khác". **Điều 11. Điều kiện của tổ chức nhận thử, nghiên cứu viên chính và nghiên cứu viên tham gia thử thuốc trên lâm sàng** 1. Tổ chức nhận thử thuốc trên lâm sàng phải đạt các tiêu chí về thực hành tốt thử thuốc trên lâm sàng (GCP); độc lập về kinh tế, tổ chức nhân sự đối với cá nhân, tổ chức có thuốc thử trên lâm sàng và cam kết thực hiện thử nghiệm lâm sàng hoàn toàn không có bất kỳ xung đột lợi ích nào giữa các bên tham gia. 2. Nghiên cứu viên chính thử thuốc trên lâm sàng phải là người có

	trình độ kiến thức sâu về chuyên ngành, kinh nghiệm lâm sàng, năng lực thực hành bảo đảm các nguyên tắc thực hành tốt thử thuốc trên lâm sàng, nắm vững các quy định thử thuốc trên lâm sàng, có khả năng triển khai thực hiện đề cương nghiên cứu đã được phê duyệt đầy đủ, đúng tiến độ, có giấy chứng nhận GCP do Bộ Y tế hoặc do các tổ chức được Bộ Y tế công nhận cấp. 3. Nghiên cứu viên phải là người có kiến thức chuyên ngành phù hợp, được tập huấn về những nội dung và kỹ năng cần thiết để thực hiện nghiên cứu, có giấy chứng nhận GCP do Bộ Y tế hoặc do các tổ chức được Bộ Y tế công nhận cấp. **Điều 12. Điều kiện của người tham gia thử thuốc trên lâm sàng** 1. Người tham gia thử thuốc trên lâm sàng phải là người tình nguyện, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và phải ký cam kết với tổ chức nhận thử thuốc trên lâm sàng, trừ trường hợp người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự. 2. Trường hợp người tham gia thử thuốc trên lâm sàng chưa đủ 18 tuổi, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự thì phải được sự đồng ý của người đại diện theo quy định của pháp luật. 3. Trường hợp người thử thuốc trên lâm sàng là phụ nữ mang thai hoặc đang cho con bú: Hồ sơ nghiên cứu phải nêu rõ lý do tuyển chọn đối tượng này và phải được sự phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Y tế trên cơ sở xem xét, thẩm định đề cương nghiên cứu về tính khoa học, tính đạo đức của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học - Bộ Y tế. **Điều 13. Điều kiện về kinh phí thử thuốc lâm sàng** 1. Kinh phí phải được cấp đủ để hoàn thành các hoạt động trong toàn bộ quá trình thử thuốc trên lâm sàng (bao gồm các mục: kinh phí triển khai nghiên cứu; kinh phí quản lý, giám sát, thanh tra) do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thuốc cần thử lâm sàng cung cấp thể hiện bằng hợp đồng nghiên cứu giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân có thuốc thử và tổ chức nhận thử lâm sàng. 2. Đối với các thuốc nghiên cứu do các chương trình, đề tài sử dụng ngân sách nhà nước hoặc đề tài hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cấp kinh phí, chủ nhiệm và tổ chức nhận thử thuốc trên lâm sàng cần dự trù kinh phí thử nghiệm lâm sàng trong tổng kinh phí được cấp cho nghiên cứu. 3. Tổ chức nhận thử thuốc trên lâm sàng và nghiên cứu viên chính có trách nhiệm quản lý kinh phí được giao để chi cho việc nghiên cứu đúng nội dung và định mức chi theo quy định của pháp luật hoặc hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.
203	Thông tư 15/2012/TT-BYT

	Điều 1. Yêu cầu đối với cơ sở 1. Địa điểm, môi trường: a) Có đủ diện tích để bố trí các khu vực của dây chuyền sản xuất thực phẩm và thuận tiện cho việc vận chuyển thực phẩm; b) Khu vực sản xuất không bị ngập nước, đọng nước; c) Không bị ảnh hưởng bởi động vật, côn trùng, vi sinh vật gây hại; d) Không bị ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm từ các khu vực ô nhiễm bụi, hoá chất độc hại và các nguồn gây ô nhiễm khác. 2. Thiết kế, bố trí nhà xưởng: a) Diện tích nhà xưởng, các khu vực phải phù hợp với công năng sản xuất thiết kế của cơ sở; b) Bố trí quy trình sản xuất thực phẩm theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng; c) Các khu vực kho nguyên liệu, kho thành phẩm; khu vực sản xuất, sơ chế, chế biến; khu vực đóng gói sản phẩm; khu vực vệ sinh; khu thay đồ bảo hộ và các khu vực phụ trợ liên quan phải được thiết kế tách biệt. Nguyên liệu, thành phẩm thực phẩm, vật liệu bao gói thực phẩm, phế thải phải được phân luồng riêng; d) Đường nội bộ phải được xây dựng bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh; cống rãnh thoát nước thải phải được che kín và vệ sinh khai thông thường xuyên; đ) Nơi tập kết, xử lý chất thải phải ở ngoài khu vực sản xuất thực phẩm. 3. Kết cấu nhà xưởng: a) Nhà xưởng phải có kết cấu vững chắc, phù hợp với tính chất, quy mô và quy trình công nghệ sản xuất thực phẩm; b) Vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm phải bảo đảm tạo ra bề mặt nhẵn, không thấm nước, không thôi nhiễm chất độc hại ra thực phẩm, ít bị bào mòn bởi các chất tẩy rửa, tẩy trùng và dễ lau chùi, khử trùng; c) Trần nhà phẳng, sáng màu, không bị dột, thấm nước, không bị rạn nứt, không bị dính bám các chất bẩn và dễ làm vệ sinh; d) Nền nhà phẳng, nhẵn, chịu tải trọng, không gây trơn trượt, thoát nước tốt, không thấm, đọng nước và dễ làm vệ sinh; đ) Cửa ra vào, cửa sổ bằng vật liệu chắc chắn, nhẵn, ít thấm nước, kín, phẳng thuận tiện cho việc làm vệ sinh, bảo đảm tránh được côn trùng, vật nuôi xâm nhập. e) Cầu thang, bậc thềm và các kệ làm bằng các vật liệu bền, không trơn, dễ làm vệ sinh và bố trí ở vị trí thích hợp. 4. Hệ thống thông gió: a) Phù hợp với đặc thù sản xuất thực phẩm, bảo đảm thông thoáng cho

	các khu vực của cơ sở, đáp ứng các tiêu chuẩn về khí thải công nghiệp, dễ bảo dưỡng và làm vệ sinh; b) Hướng của hệ thống thông gió phải bảo đảm gió không được thổi từ khu vực nhiễm bẩn sang khu vực sạch. 5. Hệ thống chiếu sáng: a) Hệ thống chiếu sáng bảo đảm theo quy định để sản xuất, kiểm soát chất lượng an toàn sản phẩm; b) Các bóng đèn chiếu sáng phải được che chắn an toàn bằng hộp, lưới để tránh bị vỡ và bảo đảm các mảnh vỡ không rơi vào thực phẩm. 6. Hệ thống cung cấp nước: a) Có đủ nước để sản xuất thực phẩm và phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về chất lượng nước ăn uống số 01:2009/BYT; b) Có đủ nước để vệ sinh trang thiết bị, dụng cụ và vệ sinh cơ sở và phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về chất lượng nước sinh hoạt số 02:2009/BYT; c) Các nguồn nước trên phải được kiểm tra chất lượng, vệ sinh ít nhất 6 tháng/lần theo quy định. 7. Hơi nước và khí nén: a) Hơi nước, khí nén sử dụng cho sản xuất thực phẩm phải bảo đảm sạch, an toàn, không gây ô nhiễm cho thực phẩm; b) Nước dùng để sản xuất hơi nước, làm lạnh, phòng cháy, chữa cháy hay sử dụng với mục đích khác phải có đường ống riêng, màu riêng để dễ phân biệt và không được nối với hệ thống nước sử dụng cho sản xuất thực phẩm. 8. Hệ thống xử lý chất thải, rác thải: a) Có đủ dụng cụ thu gom chất thải, rác thải; dụng cụ làm bằng vật liệu ít bị hư hỏng, bảo đảm kín, có nắp đậy, có khoá trong các trường hợp cần thiết. Dụng cụ chứa đựng chất thải nguy hiểm phải được thiết kế đặc biệt, dễ phân biệt, khi cần có thể khoá để tránh ô nhiễm; b) Hệ thống xử lý chất thải phải được vận hành thường xuyên và xử lý chất thải đạt các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 9. Nhà vệ sinh, khu vực thay đồ bảo hộ lao động: a) Nhà vệ sinh phải được bố trí riêng biệt với khu vực sản xuất thực phẩm; cửa nhà vệ sinh không được mở thông vào khu vực sản xuất; ít nhất phải có 01 (một) nhà vệ sinh cho 25 người; b) Hệ thống thông gió bố trí phù hợp, bảo đảm không được thổi từ khu vực nhà vệ sinh sang khu vực sản xuất; hệ thống thoát nước phải dễ dàng loại bỏ chất thải và bảo đảm vệ sinh. Có bảng chỉ dẫn "Rửa tay sau khi đi vệ sinh" ở vị trí dễ nhìn tại khu vực nhà vệ sinh; c) Có phòng thay trang phục bảo hộ lao động trước và sau khi làm

	việc. 10. Nguyên liệu thực phẩm và bao bì thực phẩm: a) Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, chất bảo quản sử dụng trong sản xuất thực phẩm phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được phép sử dụng theo quy định; b) Bao bì thực phẩm phải bảo đảm chắc chắn, an toàn; không thôi nhiễm các chất độc hại, không ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn thực phẩm; không bị ô nhiễm bởi các tác nhân ảnh hưởng đến sức khoẻ người tiêu dùng theo quy định. **Điều 2. Yêu cầu đối với trang thiết bị, dụng cụ** 1. Trang thiết bị, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm phải được thiết kế chế tạo bảo đảm an toàn; được làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm thực phẩm; phù hợp với yêu cầu công nghệ sản xuất, dễ làm sạch, khử trùng, bảo dưỡng. Đối với trang thiết bị, dụng cụ sản xuất cơ động phải bền, dễ di chuyển, tháo lắp và dễ làm vệ sinh. 2. Phương tiện rửa và khử trùng tay: a) Có đủ các thiết bị rửa tay, khử trùng tay, ủng, giầy, dép trước khi vào khu vực sản xuất thực phẩm; b) Nơi rửa tay phải cung cấp đầy đủ nước sạch, nước sát trùng, khăn hoặc giấy lau tay sử dụng một lần hay máy sấy khô tay; c) Phân xưởng sản xuất thực phẩm phải có bồn rửa tay, số lượng ít nhất phải có 01(một) bồn rửa tay cho 50 công nhân. 3. Thiết bị, dụng cụ sản xuất thực phẩm: a) Có đủ và phù hợp để xử lý nguyên liệu, chế biến, đóng gói thực phẩm; b) Được chế tạo bằng vật liệu không độc, ít bị mài mòn, không bị han gỉ, không thôi nhiễm các chất độc hại vào thực phẩm, không gây mùi lạ hay làm biến đổi thực phẩm; c) Dễ làm vệ sinh, bảo dưỡng; không làm nhiễm bẩn thực phẩm do dầu mỡ bôi trơn, mảnh vụn kim loại; d) Phương tiện, trang thiết bị của dây chuyền sản xuất phải có quy trình vệ sinh, quy trình vận hành. 4. Phòng chống côn trùng và động vật gây hại: a) Thiết bị phòng chống côn trùng và động vật gây hại phải được làm bằng các vật liệu không gỉ, dễ tháo rời để làm vệ sinh, thiết kế phù hợp, đảm bảo phòng chống hiệu quả côn trùng và động vật gây hại; b) Không sử dụng thuốc, động vật để diệt chuột, côn trùng và động vật gây hại trong khu vực sản xuất thực phẩm. 5. Thiết bị dụng cụ giám sát, đo lường: a) Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ giám sát chất lượng, an toàn sản phẩm

	và phải đánh giá được các chỉ tiêu chất lượng, an toàn sản phẩm chủ yếu của thực phẩm; b) Thiết bị, dụng cụ giám sát bảo đảm độ chính xác và được bảo dưỡng, kiểm định định kỳ theo quy định. 6. Chất tẩy rửa và sát trùng: a) Chỉ sử dụng các hóa chất tẩy rửa, sát trùng theo quy định của Bộ Y tế; b) Phải được đựng trong bao bì dễ nhận biết, có hướng dẫn sử dụng và không được để trong nơi sản xuất thực phẩm. **Điều 3. Yêu cầu đối với người trực tiếp sản xuất thực phẩm** 1. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải được tập huấn và được cấp Giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm theo quy định. 2. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải được khám sức khoẻ được cấp Giấy xác nhận đủ sức khoẻ theo quy định của Bộ Y tế; đối với những vùng có dịch bệnh tiêu chảy đang lưu hành theo công bố của Bộ Y tế, người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải được cấy phân phát hiện mầm bệnh gây bệnh đường ruột (tả, lỵ trực khuẩn và thương hàn) và phải có kết quả cấy phân âm tính; việc khám sức khoẻ, xét nghiệm do các cơ sở y tế từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên thực hiện. 3. Người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh thuộc danh mục các bệnh hoặc chứng bệnh truyền nhiễm mà người lao động không được phép tiếp xúc trực tiếp trong quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm đã được Bộ Y tế quy định thì không được tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất thực phẩm. 4. Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải mặc trang phục bảo hộ riêng, đội mũ, đi găng tay chuyên dùng, đeo khẩu trang. 5. Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải tuân thủ các quy định về thực hành đảm bảo vệ sinh: giữ móng tay ngắn, sạch sẽ và không đeo nhẫn, đồng hồ. Không hút thuốc, khạc nhổ trong khu vực sản xuất thực phẩm. **Điều 4. Yêu cầu đối với bảo quản thực phẩm trong sản xuất thực phẩm** 1. Nguyên liệu, bao bì, thành phẩm thực phẩm phải được bảo quản trong khu vực chứa đựng, kho riêng, diện tích đủ rộng để bảo quản thực phẩm; thiết kế phù hợp với yêu cầu bảo quản, giao nhận của từng loại thực phẩm và nguyên liệu thực phẩm; vật liệu xây dựng tiếp xúc với thực phẩm bảo đảm an toàn. 2. Kho thực phẩm phải bảo đảm chắc chắn, an toàn, thông thoáng, dễ vệ sinh và phòng chống được côn trùng, động vật gây hại xâm nhập và cư trú.

	3. Khu vực chứa đựng, kho bảo quản thực phẩm phải có đầy đủ biển tên; nội quy, quy trình, chế độ vệ sinh; đối với nguyên liệu, thành phẩm thực phẩm có yêu cầu bảo quản đặc biệt phải có sổ sách theo dõi nhiệt độ, độ ẩm và các điều kiện khác. 4. Có đủ giá, kệ bảo quản làm bằng các vật liệu chắc chắn, hợp vệ sinh; bảo đảm đủ ánh sáng và che chắn an toàn. Nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm phải được đóng gói và bảo quản ở vị trí cách nền tối thiểu 20cm, cách tường tối thiểu 30cm và cách trần tối thiểu 50cm. 5. Có thiết bị chuyên dụng điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, thông gió và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm; thiết bị chuyên dụng phải phù hợp, bảo đảm có thể theo dõi và kiểm soát được chế độ bảo quản đối với từng loại thực phẩm theo yêu cầu của nhà sản xuất; các thiết bị dễ bảo dưỡng và làm vệ sinh. 6. Có đủ thiết bị, dụng cụ giám sát nhiệt độ, độ ẩm và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm khác trong suốt quá trình sản xuất thực phẩm. 7. Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, chất bảo quản thực phẩm và sản phẩm thực phẩm phải được chứa đựng, bảo quản theo các quy định về bảo quản sản phẩm của nhà sản xuất và yêu cầu của loại thực phẩm về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm. 8. Nước đá dùng trong bảo quản thực phẩm phải được sản xuất từ nguồn nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN) về nước sạch số 02:2009/BYT. **Chương II** **ĐIỀU KIỆN CHUNG BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH THỰC PHẨM** **Điều 5. Yêu cầu đối với cơ sở** 1. Có đủ diện tích để bố trí các khu vực bày bán thực phẩm, khu vực chứa đựng, bảo quản và thuận tiện để vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm. 2. Không bị ngập nước, đọng nước. 3. Không bị ảnh hưởng bởi động vật, côn trùng, vi sinh vật gây hại. 4. Không bị ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm từ các khu vực ô nhiễm bụi, hoá chất độc hại, các nguồn gây ô nhiễm khác. 5. Thiết kế các khu vực kinh doanh thực phẩm, vệ sinh, thay đồ bảo hộ và các khu vực phụ trợ phải tách biệt, phù hợp với yêu cầu thực phẩm kinh doanh. 6. Kết cấu nhà cửa các khu vực vững chắc, phù hợp với tính chất, quy mô kinh doanh thực phẩm; xây dựng bằng vật liệu phù hợp, bảo đảm vệ sinh, tránh được các vi sinh vật gây hại, côn trùng, động vật phá hoại xâm nhập và cư trú.

	7. Nền nhà phẳng, nhẵn; có bề mặt cứng, chịu tải trọng, mài mòn; thoát nước tốt, không gây trơn trượt; không đọng nước và dễ làm vệ sinh. 8. Trần nhà phẳng, sáng màu, làm bằng vật liệu bền, chắc, không bị dột, thấm nước, không rạn nứt, rêu mốc, đọng nước và dính bám các chất bẩn. 9. Cửa ra vào, cửa sổ phải nhẵn, phẳng thuận tiện cho việc làm vệ sinh; những nơi cần thiết phải có lưới bảo vệ tránh sự xâm nhập của côn trùng và động vật gây hại. 10. Nguồn ánh sáng, cường độ ánh sáng phải bảo đảm theo quy định; các bóng đèn cần được che chắn an toàn. 11. Hệ thống thông gió phù hợp với yêu cầu bảo quản thực phẩm, bảo đảm thông thoáng ở các khu vực. 12. Có đủ dụng cụ thu gom chất thải, rác thải; dụng cụ làm bằng vật liệu ít bị hư hỏng, bảo đảm kín, có nắp đậy và được vệ sinh thường xuyên. 13. Khu vực vệ sinh của cơ sở phải được bố trí ngăn cách với khu vực kinh doanh thực phẩm; cửa nhà vệ sinh không được mở thông vào khu vực bảo quản thực phẩm; ít nhất phải có 01 (một) nhà vệ sinh cho 25 người; có đủ nước sạch phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN) về nước sạch số 02:2009/BYT, dụng cụ, xà phòng, các chất tẩy rửa để vệ sinh và rửa tay; có bảng chỉ dẫn "Rửa tay sau khi đi vệ sinh" ở nơi dễ nhìn. 14. Có đủ nước sạch để vệ sinh trang thiết bị, dụng cụ và vệ sinh cơ sở và phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về chất lượng nước sinh hoạt số 02:2009/BYT. 15. Thực phẩm kinh doanh phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, còn hạn sử dụng. **Điều 6. Yêu cầu đối với trang thiết bị dụng cụ** 1. Đủ trang thiết bị phục vụ kinh doanh, bảo quản phù hợp với yêu cầu của từng loại thực phẩm (giá kệ, tủ bày sản phẩm, trang thiết bị điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, thông gió ở khu vực chứa đựng, bày bán, bảo quản thực phẩm); có quy định về quy trình, chế độ vệ sinh đối với cơ sở. 2. Đủ trang thiết bị để kiểm soát được nhiệt độ, độ ẩm, thông gió và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm theo yêu cầu kỹ thuật của từng loại sản phẩm thực phẩm trong suốt quá trình kinh doanh thực phẩm. 3. Thiết bị phòng chống côn trùng và động vật gây hại không han gỉ, dễ tháo rời để bảo dưỡng và làm vệ sinh, thiết kế bảo đảm hoạt động hiệu quả phòng chống côn trùng và động vật gây hại; không sử dụng thuốc, động vật diệt chuột, côn trùng trong khu vực kinh doanh, bảo quản thực phẩm. 4. Thiết bị, dụng cụ giám sát, đo lường chất lượng, an toàn sản phẩm

	phải đảm bảo độ chính xác và được bảo dưỡng, kiểm định định kỳ theo quy định. **Điều 7. Yêu cầu đối với người trực tiếp kinh doanh thực phẩm** 1. Chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm phải được tập huấn và được cấp Giấy xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm theo quy định. 2. Chủ cơ sở hoặc người quản lý có tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm phải được khám sức khoẻ được cấp Giấy xác nhận đủ sức khoẻ theo quy định của Bộ Y tế. Việc khám sức khoẻ do các cơ sở y tế từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên thực hiện. 3. Người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh thuộc danh mục các bệnh hoặc chứng bệnh truyền nhiễm mà người lao động không được phép tiếp xúc trực tiếp trong quá trình kinh doanh thực phẩm, đã được Bộ Y tế quy định thì không được tham gia trực tiếp vào quá trình kinh doanh thực phẩm. 4. Người trực tiếp kinh doanh thực phẩm phải mặc trang phục bảo hộ riêng; không hút thuốc, khạc nhổ trong khu vực kinh doanh thực phẩm. **Điều 8. Yêu cầu đối với bảo quản thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm** Việc bảo quản thực phẩm trong các cơ sở kinh doanh thực phẩm phải thực hiện theo các yêu cầu quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8 Điều 4 của Thông tư này.
196	**Thông tư 02/2007/TT-BYT** **5. Địa bàn được mở cơ sở bán lẻ thuốc theo các hình thức quầy thuốc, đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, tủ thuốc của trạm y tế** a) Quầy thuốc được mở tại địa bàn huyện, xã của các huyện ngoại thành, ngoại thị của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. b) Đối với địa bàn quận, phường của thành phố, thị xã chưa có đủ một nhà thuốc phục vụ 2.000 dân, trong năm 2007 Sở Y tế tỉnh xem xét việc tổ chức mới quầy thuốc, sau đó tuỳ tình hình địa phương có văn bản báo cáo Bộ Y tế để xem xét, quyết định việc tiếp tục gia hạn hoặc mở thêm các quầy thuốc. c) Các cơ sở bán lẻ thuốc do dược sỹ trung học là người quản lý chuyên môn đã có trước ngày 01/6/2003 đang hoạt động ở tại quận, phường các thành phố, thị xã nếu chưa đủ dược sỹ đại học để chuyển thành nhà thuốc nhưng đáp ứng các điều kiện về cơ sở, thiết bị theo quy định của điều kiện đối với cơ sở bán lẻ thuốc thì tiếp tục được gia hạn hoạt động đến hết 31/12/2010. d) Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp được mở tại địa bàn các huyện, xã của các huyện ngoại thành, ngoại thị của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

	đ) Các cơ sở bán lẻ thuốc của doanh nghiệp tại các tỉnh ĐăkNông, ĐăkLăk, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Bắc Cạn, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Lai Châu, Lào Cai, Sơn La, Yên Bái,đã được gia hạn hoạt động đến hết 31/12/2005 theo Thông tư 09/2004/TT-BYTngày 09/4/2004 của Bộ Y tế hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư01/2004/TT-BYT hướng dẫn về hành nghề y, dược tư nhân nếu chưa đủ dược sỹ đại học, dược sỹ trung học để chuyển thành nhà thuốc hoặc quầy thuốc nhưng đáp ứng các điều kiện về cơ sở, thiết bị theo quy định của điều kiện bán lẻ thuốc thì tiếp tục được gia hạn hoạt động đến hết 31/12/2010. e) Tủ thuốc của trạm y tế được tổ chức tại địa bàn các xã của các huyện ngoại thành, ngoại thị của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. **6. Quy định về văn bằng lương y, lương dược, giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền và trình độ chuyên môn y, dược học cổ truyền** a) Các loại văn bằng về y, dược cổ truyền: - Bằng tốt nghiệp đại học hoặc trung học chuyên nghiệp về y học cổ truyền; - Giấy chứng nhận lương y, lương dược do cơ sở có chức năng đào tạo được Bộ Y tế chỉ định đào tạo và cấp bằng; - Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền do Bộ Y tế hoặc do Sở Y tế đã cấp trước ngày Thông tư 01/2004/TT-BYT ngày 06/01/2004 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y dược tư nhân có hiệu lực. - Giấy chứng nhận lương y, lương dược do Bộ Y tế hoặc Sở Y tế cấp trước ngày Thông tư 01/2004/TT-BYT ngày 06/01/2004 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y dược tư nhân có hiệu lực. - Giấy chứng nhận đủ trình độ chuyên môn y dược cổ truyền do Bộ Y tế hoặc Sở Y tế cấp. b) Quy định về văn bằng của người quản lý chuyên môn về dược tại cơ sở sản xuất, bán buôn, bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu: - Người quản lý chuyên môn về dược của cơ sở sản xuất thuốc đông y, thuốc từ dược liệu đăng ký loại hình hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể phải có một trong các văn bằng quy định tại điểm a, b, e khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 79/2006/NĐ-CP và tiết 1, 2, 3, 4 và 5 điểm a khoản này. - Người quản lý chuyên môn của cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu phải có một trong các văn bằng quy định tại điểm a, b, e khoản 1 Điều 15 của Nghị định 79/2006/NĐ-CP và tiết 1, 2, 3, 4 và 5 điểm a khoản này. - Người quản lý chuyên môn của cơ sở bán lẻ thuốc thành phẩm đông y, thuốc thành phẩm từ dược liệu phải có một trong các bằng cấp quy định tại điểm a, b, e khoản 1 Điều 15 của Nghị định 79/2006/NĐ-CP và tiết 1, 2, 4 và 5 điểm a khoản này.

LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/ Quyết định
211. Kinh doanh dịch vụ giám định sở hữu công nghiệp	**Khoản 2, khoản 3 Thông tư 04/2012/TT-BKHCN** **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục I của Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN như sau:** **"2. Điều kiện cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và hình thức hoạt động giám định** 2.1. Các điều kiện để được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp (sau đây gọi là "Thẻ giám định viên") quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ được hiểu như sau: a) Điều kiện "Thường trú tại Việt Nam" được hiểu là có nơi sinh sống thường xuyên, ổn định, không có thời hạn tại Việt Nam và đăng ký thường trú theo quy định của pháp luật về nơi cư trú; b) Điều kiện "Có phẩm chất đạo đức tốt" được hiểu là không bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp hoặc về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích; c) Điều kiện "Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp Thẻ giám định viên" được hiểu là có Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học các ngành kỹ thuật, khoa học vật lý, hóa học hoặc sinh học đối với chuyên ngành giám định sáng chế và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; có Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học ngành bất kỳ đối với các chuyên ngành giám định khác; d) Điều kiện "Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đề nghị cấp Thẻ giám định viên từ 05 năm trở lên" được hiểu là đã trực tiếp làm công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, thanh tra, kiểm tra, pháp chế, tư vấn pháp luật về sở hữu công nghiệp, nghiên cứu khoa học có chức danh nghiên cứu viên, giảng dạy về sở hữu công nghiệp có chức danh giảng viên từ 05 năm trở lên, hoặc những người đã trực tiếp làm công tác giải thích, hướng dẫn thi hành các quy định pháp luật, xây dựng quy chế, trực tiếp thực hiện hoặc xét duyệt kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế (gồm cả giải pháp hữu ích), hoặc đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu hoặc đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý (gồm cả tên gọi xuất xứ hàng hóa) tại các cơ quan sở hữu công nghiệp quốc gia hoặc

	quốc tế từ 05 năm trở lên, hoặc những người đã hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp từ 05 năm trở lên. 2.2. Giám định viên sở hữu công nghiệp có thể hoạt động trong một tổ chức giám định sở hữu công nghiệp dưới danh nghĩa của tổ chức đó hoặc hoạt động độc lập. Trường hợp hoạt động dưới danh nghĩa của tổ chức giám định sở hữu công nghiệp thì thông tin về giám định viên phải được ghi nhận vào Danh sách giám định viên thuộc tổ chức theo thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định và hình thức hoạt động đó được ghi nhận vào Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 6 Mục III của Thông tư này". 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Mục I của Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN như sau: **"3. Các tổ chức được cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp** 3.1. Tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ được cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp (sau đây gọi là Giấy chứng nhận tổ chức giám định). 3.2. Các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 42 của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi bao gồm các tổ chức sau đây: a) Doanh nghiệp, bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân thuộc mọi thành phần kinh tế thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hợp tác xã; c) Đơn vị sự nghiệp thành lập và hoạt động theo Quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; d) Các tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về luật sư, bao gồm: văn phòng luật sư; công ty luật trách nhiệm hữu hạn; công ty luật hợp danh; trừ chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn liên doanh giữa tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam và tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài. Chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác của các tổ chức thuộc các trường hợp quy định tại khoản này chỉ được hoạt động giám định dưới danh nghĩa của tổ chức mà mình phụ thuộc theo ủy quyền của tổ chức đó".
212. Kinh doanh	**Thông tư 08/2010/TT-BKHCN**

dịch vụ tiến hành công việc bức xạ	**Điều 7. Điều kiện cấp giấy phép, cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ** 1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: a) Nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này; b) Nộp phí thẩm định an toàn bức xạ, lệ phí cấp giấy phép theo quy định của pháp luật; c) Có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 75 Luật Năng lượng nguyên tử; d) Nhân viên bức xạ có chứng nhận đã được đào tạo về an toàn bức xạ. 2. Cá nhân được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: a) Nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này; b) Nộp lệ phí cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật; c) Có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Năng lượng nguyên tử.
214. Xuất, nhập khẩu và vận chuyển vật liệu phóng xạ	**Thông tư 08/2010/TT-BKHCN** **Điều 7. Điều kiện cấp giấy phép, cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ** 1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: a) Nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này; b) Nộp phí thẩm định an toàn bức xạ, lệ phí cấp giấy phép theo quy định của pháp luật; c) Có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 75 Luật Năng lượng nguyên tử; d) Nhân viên bức xạ có chứng nhận đã được đào tạo về an toàn bức xạ. 2. Cá nhân được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: a) Nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này; b) Nộp lệ phí cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật; c) Có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Năng lượng nguyên tử.
215. Kinh doanh	**Thông tư 08/2009/TT-BKHCN và Thông tư 10/2011/TT-**

dịch vụ đánh giá sự phù hợp theo lĩnh vực khoa học công nghệ	**BKHCN**
	1. Đối với tổ chức chứng nhận
	1.1. Yêu cầu chung
	Tổ chức chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu sau:
	1.1.1. Được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận;
	1.1.2. Hệ thống quản lý và năng lực hoạt động của tổ chức chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và hướng dẫn quốc tế cho mỗi loại hình tương ứng sau đây: - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7457:2004 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC Guide 65:1996 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hóa; - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021:2008 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021:2006 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý.
	1.1.3. Luôn có ít nhất 05 chuyên gia đánh giá thuộc biên chế chính thức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn) của tổ chức và đáp ứng các yêu cầu sau: (Được sửa đổi bởi khoản 1 điều 1 Thông tư 10/2011/TT-BKHCN)
	a) Có trình độ tốt nghiệp Đại học trở lên và chuyên môn phù hợp với lĩnh vực đăng ký chứng nhận;
	b) Có năng lực đánh giá đáp ứng quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 19011:2003 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 19011:2002 - Hướng dẫn đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và/ hoặc hệ thống quản lý môi trường;
	c) Được đào tạo về chứng nhận hệ thống quản lý (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống); được đào tạo về chứng nhận sản phẩm (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm)".
	2. Đối với tổ chức thử nghiệm
	2.1. Yêu cầu chung
	Tổ chức thử nghiệm phải đáp ứng các yêu cầu sau:
	2.1.1. Được thành lập theo quy định của pháp luật;
	2.1.2. Có năng lực thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc

	tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005;
	2.1.3. Có ít nhất 01 thử nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực đăng ký thử nghiệm. Trong trường hợp có tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý chất lượng đối với tổ chức thử nghiệm chuyên ngành, tổ chức thử nghiệm chuyên ngành phải đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn đó.
	3. Đối với tổ chức giám định, tổ chức kiểm định
	3.1. Yêu cầu chung
	3.1.1. Đối với tổ chức giám định
	3.1.1.1. Được thành lập theo quy định của pháp luật;
	3.1.1.2. Có năng lực giám định đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO /IEC 17020: 2001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO /IEC 17020:1998;
	3.1.1.3. Có giám định viên đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Thương mại.
	3.1.2. Đối với tổ chức kiểm định
	3.1.2.1. Được thành lập theo quy định của pháp luật;
	3.1.2.2. Có phòng thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO /IEC 17025:2005;
	3.1.2.3. Có ít nhất 01 kiểm định viên có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực đăng ký kiểm định.
điều kiện hoạt động của Tổ chức công nhận	***Điều 11 Quyết định 26/2007/QĐ-KHCN***
	1. Phù hợp với các yêu cầu quy định tại TCVN ISO /IEC 17011: 2007 "Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu chung đối với tổ chức công nhận các tổ chức đánh giá sự phù hợp". Trong trường hợp tiêu chuẩn này có sự sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì sử dụng tiêu chuẩn đã sửa đổi, bổ sung hoặc công bố mới;
	2. Đáp ứng yêu cầu và điều kiện do các tổ chức công nhận khu vực hoặc quốc tế quy định về hoạt động công nhận và là thành viên ký kết tham gia thoả thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp của các tổ chức công nhận khu vực hoặc quốc tế, cụ thể như sau:
	a) Tổ chức công nhận tiến hành hoạt động công nhận các tổ chức chứng nhận phải đáp ứng yêu cầu quy định của Hiệp hội Công nhận Châu á - Thái Bình Dương (PAC) hoặc Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) và là thành viên ký kết tham gia thỏa

	thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp của các tổ chức đó;
	b) Tổ chức công nhận tiến hành hoạt động công nhận phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn và tổ chức giám định phải đáp ứng yêu cầu quy định của Hiệp hội Công nhận phòng thí nghiệm Châu á - Thái Bình Dương (APLAC) hoặc Hiệp hội Công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế (ILAC) và là thành viên ký kết tham gia thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp của các tổ chức đó.
216. Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	**Thông tư 24/2013/TT-BKHCN** **Điều 3:** Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải đáp ứng các điều kiện hoạt động sau đây:
	1. Được thành lập theo quy định của pháp luật.
	2. Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng các điều kiện sau đây:
	a) Có mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và điều kiện khác theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm quy định tại Khoản 3 Điều này;
	b) Có đủ chuẩn đo lường, phương tiện thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng. Các chuẩn đo lường và phương tiện này được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định; giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn phải còn thời hạn có giá trị.
	3. Có đủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm công bố áp dụng đối với lĩnh vực đăng ký hoạt động. Quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm công bố áp dụng không được trái với: Quy định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khuyến nghị quốc tế của Tổ chức đo lường pháp định quốc tế (OIML), tiêu chuẩn của Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IEC), tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO), tiêu chuẩn của nước ngoài và tài liệu của nhà sản xuất có liên quan.
	4. Có ít nhất hai (02) nhân viên kỹ thuật (viên chức, lao động hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên, lao động hợp đồng không xác định thời hạn) cho mỗi lĩnh vực đăng ký hoạt động. Các nhân viên kỹ thuật này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:
	a) Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;

	b) Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng với lĩnh vực đăng ký hoạt động theo hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi tắt là Tổng cục).
	5. Ban hành và thực hiện đúng quy định về chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm gồm: Nội dung, hình thức của chứng chỉ, việc chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ. Nội dung và hình thức của chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Khoản 5 Điều này không được gây nhầm lẫn với chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định quy định tại Mục 4 Chương III của Thông tư này.
	6. Đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập, khách quan sau đây:
	a) Công khai, minh bạch quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng;
	b) Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện và không chịu tác động làm thay đổi kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm này;
	c) Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tuân thủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng và không chịu tác động làm thay đổi kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện.
	7. Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
	8. Phải đăng ký hoạt động theo quy định tại Thông tư này.
217. Kinh doanh mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy	**Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BKHCN-BCT-BCA-BGTVT** **Điều 3. Quy định về mũ bảo hiểm, kinh doanh mũ bảo hiểm** 1. Mũ bảo hiểm cho người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), xe đạp máy đội khi tham gia giao thông (sau đây viết tắt là mũ bảo hiểm) là mũ có đủ các tính năng sau: a) Có cấu tạo đủ 3 bộ phận: vỏ mũ, đệm hấp thụ xung động bên trong vỏ mũ (đệm bảo vệ) và quai đeo; có kiểu dáng đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch này; b) Đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 2 : 2008/BKHCN ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; được gắn

	dấu hợp quy CR, ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật. 2. Kinh doanh mũ bảo hiểm gồm các hoạt động: bán buôn, bán lẻ, đại lý mũ bảo hiểm tại Việt Nam. **Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất mũ bảo hiểm** 1. Thực hiện việc chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với mũ bảo hiểm do mình sản xuất theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 2 : 2008/BKHCN, gắn dấu hợp quy CR và ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. 2. Chịu trách nhiệm về chất lượng đối với mũ bảo hiểm do mình sản xuất khi lưu thông trên thị trường. 3. Ký hợp đồng khi cung cấp mũ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân kinh doanh mũ bảo hiểm. 4. Cung cấp 02 bản sao (sao y bản chính) giấy chứng nhận hợp quy hoặc 02 bản sao (sao y bản chính) thông báo tiếp nhận công bố hợp quy cho mỗi tổ chức, cá nhân kinh doanh mũ bảo hiểm đã ký hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều này. 5. Thông báo bằng văn bản và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chi cục Quản lý thị trường và Sở Khoa học và Công nghệ tại địa phương nơi tổ chức, cá nhân sản xuất mũ bảo hiểm đăng ký kinh doanh bản sao (sao y bản chính) các tài liệu liên quan đến chất lượng mũ bảo hiểm (giấy chứng nhận hợp quy, bản thông báo tiếp nhận công bố hợp quy, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng) sau 07 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành các biện pháp quản lý chất lượng mũ bảo hiểm. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu mũ bảo hiểm** 1. Thực hiện việc chứng nhận hợp quy đối với mũ bảo hiểm do mình nhập khẩu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 2 : 2008/BKHCN; chấp hành việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, gắn dấu hợp quy CR và ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. 2. Chịu trách nhiệm về chất lượng mũ bảo hiểm do mình nhập khẩu khi lưu thông trên thị trường. 3. Ký hợp đồng khi cung cấp mũ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân kinh doanh mũ bảo hiểm. 4. Cung cấp 02 bản sao (sao y bản chính) giấy chứng nhận hợp quy hoặc 02 bản sao (sao y bản chính) thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu cho mỗi tổ chức, cá nhân kinh doanh mũ bảo hiểm đã ký hợp đồng quy

	định tại khoản 3 Điều này. 5. Thông báo bằng văn bản và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chi cục Quản lý thị trường và Sở Khoa học và Công nghệ tại địa phương nơi tổ chức, cá nhân nhập khẩu mũ bảo hiểm đăng ký kinh doanh bản sao (sao y bản chính) các tài liệu liên quan đến chất lượng mũ bảo hiểm (giấy chứng nhận hợp quy hoặc thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu; tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng) sau 07 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành các biện pháp quản lý chất lượng mũ bảo hiểm. **Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh mũ bảo hiểm** 1. Kinh doanh mũ bảo hiểm đã được: a) Chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 2 : 2008/BKHCN; b) Gắn dấu hợp quy CR của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu; c) Có nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. 2. Xuất trình bản sao (sao y bản chính) chứng chỉ chất lượng (giấy chứng nhận hợp quy, thông báo tiếp nhận công bố hợp quy đối với mũ bảo hiểm sản xuất trong nước; giấy chứng nhận hợp quy hoặc thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng nhập khẩu đối với mũ bảo hiểm nhập khẩu); bản sao (sao y bản chính) hợp đồng mua bán mũ bảo hiểm với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu mũ bảo hiểm khi có yêu cầu của người, cơ quan có thẩm quyền. 3. Thông báo bằng văn bản và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã (tại địa phương nơi tổ chức, cá nhân kinh doanh mũ bảo hiểm) bản sao (sao y bản chính) các tài liệu liên quan đến chất lượng mũ bảo hiểm (giấy chứng nhận hợp quy, bản thông báo tiếp nhận công bố hợp quy, thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng) của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu mũ bảo hiểm sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhập hàng mũ bảo hiểm.
218. Kinh doanh dịch vụ đánh giá,	**Thông tư 31/2011/TT-BKHCN**

định giá, giám định công nghệ	**Điều 5. Nội dung hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ** Khi đánh giá công nghệ, cần xem xét công nghệ theo các nội dung cơ bản sau: 1. Xem xét công nghệ được đánh giá thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hay danh mục công nghệ cấm chuyển giao. 2. Xem xét nguồn gốc, xuất xứ công nghệ: quốc gia, vùng lãnh thổ...; công ty, tập đoàn, viện, trường... tạo ra công nghệ. 3. Xem xét các quyền liên quan đến công nghệ a) Quyền sở hữu và quyền sử dụng công nghệ, quyền chuyển giao lại cho bên thứ ba; b) Quyền cải tiến, nhận thông tin về cải tiến công nghệ; c) Quyền phân phối (độc quyền hay Không độc quyền), phạm vi lãnh thổ được bán sản phẩm do công nghệ tạo ra; d) Các quyền sở hữu công nghiệp có liên quan đến công nghệ. 4. Đánh giá trình độ, kỹ thuật công nghệ a) Xem xét trình độ công nghệ, vòng đời công nghệ; b) Tính đồng bộ của thiết bị; c) Xem xét thiết bị, nguyên vật liệu chế tạo phù hợp với dây chuyền sản xuất; d) Suất tiêu hao nguyên liệu, năng lượng cho một đơn vị sản phẩm; đ) Tuổi thọ thiết bị, khả năng thay thế, cải tiến; e) Khả năng thuận tiện trong vận hành, quản lý. 5. Đánh giá về giá trị, hiệu quả kinh tế a) Chi phí đầu tư, mức đầu tư so với công nghệ tương đương Khác; b) Khả năng tài chính (xác định nguồn vốn); c) Yếu tố đầu vào: có nguồn nguyên liệu tại địa phương; nguồn nguyên liệu trong nước (địa phương khác) hoặc có hợp đồng nhập Khẩu đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho sản xuất; d) Yếu tố đầu ra cho sản phẩm: có thị trường ổn định hoặc có hợp đồng bao tiêu sản phẩm đầu ra ổn định; đ) Hiệu quả kinh tế: đánh giá các chỉ tiêu Kinh tế của dự án như thời gian hoàn vốn, tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR - *Internal Rate Of Return*)...; e) Hiệu quả kinh tế - xã hội: Khả năng sử dụng lao động, tác động lan tỏa.

	6. Đánh giá về an toàn và môi trường a) Khí thải, nước thải và chất thải rắn; b) Vị trí dự án, diện tích sử dụng đất phù hợp với quy mô dự án; c) Mức độ rủi ro và các giải pháp phòng ngừa, khắc phục sự cố; d) Các giải pháp xử lý môi trường giảm thiểu tác động, đạt các chỉ tiêu phù hợp với tiêu chuẩn về môi trường của Việt Nam. 7. Khi đánh giá công nghệ trong từng ngành hoặc nhóm ngành cụ thể có thể xem xét thêm các nội dung Khác phù hợp với đặc thù của ngành hoặc nhóm ngành đó. **Điều 6. Nội dung hoạt động dịch vụ định giá công nghệ** Khi định giá công nghệ, cần xem xét công nghệ theo các nội dung cơ bản sau: 1. Đặc tính cơ bản của công nghệ a) Mức độ cơ giới hóa, tự động hóa khi áp dụng công nghệ; b) Tính mới của công nghệ; c) Tỷ lệ sản phẩm công nghệ cao khi áp dụng công nghệ; d) Tuổi thọ của công nghệ và mức độ hao mòn vô hình; đ) Nguy cơ cạnh tranh của những công nghệ tương tự. 2. Tính ưu việt của công nghệ khi sử dụng a) Các giải pháp hợp lý hóa sản xuất khi áp dụng công nghệ; b) Tính vượt trội, tăng Khả năng cạnh tranh của chất lượng sản phẩm khi sử dụng công nghệ; c) Sự an toàn, các tác động đến môi trường sau khi áp dụng công nghệ; d) Mức độ phù hợp, đổi mới công nghệ khi áp dụng; đ) Mức chi phí (hoặc định mức tiêu hao) năng lượng, nguyên nhiên liệu cho một đơn vị sản phẩm trước và sau khi áp dụng công nghệ; e) Mức tăng lợi nhuận từ bán sản phẩm sau khi sử dụng công nghệ. 3. Những vấn đề liên quan khác khi sử dụng công nghệ a) Phạm vi chuyển giao công nghệ: công nghệ được chuyển giao độc quyền hoặc Không độc quyền; chuyển giao lần đầu hay thứ cấp; chuyển giao toàn bộ hoặc một phần hoặc chỉ chuyển giao bí quyết; chuyển giao có kèm hoặc không kèm quyền sở hữu công nghiệp; b) Tính hợp lý khi sử dụng nguyên vật liệu có sẵn trong nước, tại địa phương khi áp dụng công nghệ;

	c) Tính hợp lý khi sản phẩm của công nghệ được sử dụng thay thế hàng nhập khẩu hoặc xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài. 4. Khi định giá các công nghệ trong từng ngành hoặc nhóm ngành cụ thể có thể xem xét thêm các nội dung khác phù hợp với đặc thù của ngành hoặc nhóm ngành đó. **Điều 8. Phương thức hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ** 1. Phương thức sử dụng chuyên gia đánh giá công nghệ a) Đối với công nghệ đơn giản, phổ biến, đã được biết đến nhiều hoặc đã được đánh giá tương tự, tổ chức đánh giá có thể sử dụng một chuyên gia đánh giá công nghệ để tiến hành đánh giá. Chuyên gia đánh giá công nghệ xem xét, đưa ra kết luận đánh giá công nghệ và chịu trách nhiệm về kết luận đánh giá công nghệ của mình; b) Trường hợp cần thiết, chuyên gia đánh giá công nghệ có thể tham khảo thêm ý kiến của các chuyên gia chuyên ngành liên quan khác để đưa ra kết luận đánh giá. 2. Phương thức sử dụng hội đồng đánh giá công nghệ a) Đối với công nghệ mới, công nghệ liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc công nghệ đặc biệt liên quan đến môi trường, sức Khoẻ con người thì phải thành lập hội đồng đánh giá công nghệ; b) Hội đồng đánh giá công nghệ do tổ chức đánh giá công nghệ thành lập, số lượng thành viên là số lẻ, có tối thiểu 03 thành viên là chuyên gia đánh giá công nghệ, trong đó có 01 thành viên là chủ tịch hội đồng. Hội đồng đánh giá công nghệ làm việc theo nguyên tắc tập thể, thảo luận công Khai, trực tiếp giữa các thành viên và kết luận theo đa số; c) Trách nhiệm, quyền hạn, hình thức và trình tự hoạt động của hội đồng đánh giá công nghệ do tổ chức đánh giá công nghệ quy định; d) Kinh phí hoạt động của hội đồng đánh giá công nghệ do tổ chức đánh giá công nghệ chi trả. 3. Tiêu chuẩn của chuyên gia đánh giá công nghệ, bao gồm: a) Có trình độ từ đại học, cao đẳng trở lên và có năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu và lĩnh vực công nghệ cần đánh giá; b) Có ít nhất ba năm làm việc trong lĩnh vực công nghệ cần đánh giá; c) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. **Điều 9. Phương thức hoạt động dịch vụ định giá công nghệ**

	1. Phương thức sử dụng chuyên gia định giá công nghệ a) Đối với công nghệ đơn giản, phổ biến, đã được biết đến nhiều hoặc đã được định giá tương tự, tổ chức định giá có thể sử dụng một chuyên gia định giá công nghệ để tiến hành định giá. Chuyên gia định giá công nghệ xem xét, đưa ra kết luận định giá công nghệ và chịu trách nhiệm về kết luận định giá công nghệ của mình; b) Trường hợp cần thiết, chuyên gia định giá công nghệ có thể tham khảo thêm ý kiến của các chuyên gia chuyên ngành liên quan khác để đưa ra kết luận định giá. 2. Phương thức sử dụng hội đồng định giá công nghệ a) Đối với công nghệ mới, công nghệ liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc công nghệ đặc biệt liên quan đến môi trường, sức Khỏe con người thì tổ chức định giá phải thành lập Hội đồng định giá công nghệ; b) Hội đồng định giá công nghệ do tổ chức định giá thành lập, số lượng thành viên là số lẻ, có tối thiểu 03 thành viên là các chuyên gia định giá công nghệ, trong đó có 01 thành viên là chủ tịch hội đồng. Hội đồng định giá công nghệ làm việc theo nguyên tắc tập thể, thảo luận công khai, trực tiếp giữa các thành viên và kết luận theo đa số; c) Trách nhiệm, quyền hạn, hình thức và trình tự hoạt động của hội đồng định giá công nghệ do tổ chức định giá công nghệ quy định; d) Kinh phí hoạt động của hội đồng định giá công nghệ do tổ chức định giá công nghệ chi trả. 3. Tiêu chuẩn của chuyên gia định giá công nghệ, bao gồm: a) Có trình độ từ đại học, cao đẳng trở lên và có năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu và lĩnh vực công nghệ cần định giá; b) Có ít nhất ba năm làm việc trong lĩnh vực công nghệ cần định giá; c) Có kiến thức về tài chính; d) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
219. Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí	**Thông tư 1/2007/TT-BKHCN: Điều 53**

LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ THAO DU LỊCH

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/Quyết định
221. Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật	**Thông tư 22/2011/TT-BVHTTDL** **Điều 5. Điều kiện thành lập cơ sở giám định cổ vật** 1. Có trụ sở, kho lưu giữ, bảo quản hiện vật giám định. 2. Có trang thiết bị, phương tiện cần thiết để thực hiện giám định. 3. Có nguồn tài liệu về cổ vật để tham khảo, phục vụ hoạt động giám định cổ vật. 4. Có từ 05 (năm) chuyên gia trở lên thuộc các ngành khoa học lịch sử, hóa học, vật lý học, có đủ năng lực hành vi dân sự; trong đó có ít nhất 03 (ba) chuyên gia đáp ứng đủ các điều kiện sau: a) Có trình độ đại học trở lên chuyên ngành bảo tàng, khảo cổ, Hán Nôm và chuyên ngành khác liên quan đến giám định cổ vật; b) Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn từ 05 (năm) năm trở lên ở chuyên ngành đã học.
222. Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án hoặc tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích	**Thông tư 18/2012/TT-BVHTTDL** **Điều 5. Điều kiện năng lực và điều kiện hành nghề khi tham gia lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích và thi công tu bổ di tích** 1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài tham gia lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích và thi công tu bổ di tích có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định tại Điều 6 Thông tư này được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận hành nghề) đối với tổ chức và được cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là Chứng chỉ hành nghề) đối với cá nhân trong hoạt động sau: a) Lập quy hoạch di tích; b) Lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích; c) Thi công tu bổ di tích; d) Giám sát thi công tu bổ di tích. 2. Cá nhân chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch di tích; chủ nhiệm lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di

	tích hoặc giám đốc tư vấn quản lý dự án tu bổ di tích; chỉ huy trưởng công trường thi công tu bổ di tích phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Thông tư này. **Điều 6. Giấy chứng nhận hành nghề và Chứng chỉ hành nghề** 1. Giấy chứng nhận hành nghề cấp cho tổ chức có đủ điều kiện năng lực tương ứng với hoạt động xin đăng ký hành nghề quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này. 2. Chứng chỉ hành nghề cấp cho cá nhân có đủ điều kiện năng lực tương ứng với hoạt động xin đăng ký hành nghề theo quy định sau: a) Hành nghề lập quy hoạch di tích được cấp cho người đã có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư; đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích) do viện nghiên cứu, trường đại học có chức năng đào tạo chuyên ngành xây dựng, kiến trúc hoặc liên quan đến hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích tổ chức; đã tham gia tư vấn lập ít nhất 03 (ba) quy hoạch di tích hoặc 05 (năm) dự án tu bổ di tích đã được phê duyệt; b) Hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích được cấp cho người có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc; đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích; đã tham gia tư vấn lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích ít nhất 03 (ba) di tích đã được phê duyệt; c) Hành nghề thi công tu bổ di tích được cấp cho người có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng; đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích; đã tham gia thi công ít nhất 03 (ba) công trình di tích được nghiệm thu và bàn giao; d) Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích được cấp cho người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình; đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích; đã giám sát thi công ít nhất 03 (ba) công trình di tích được nghiệm thu và bàn giao. 3. Cá nhân là công chức đang làm công việc quản lý hành chính nhà nước thì không được cấp Chứng chỉ hành nghề. **Điều 7. Điều kiện năng lực của tổ chức lập quy hoạch di tích** 1. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động của tổ chức thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng; 2. Có ít nhất 02 (hai) người có Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch di tích, trong đó có người đủ điều kiện năng lực chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch di tích theo quy định tại Điều 11 Thông tư này; 3. Đã tham gia tư vấn lập ít nhất 01 (một) quy hoạch di tích hoặc ít nhất 02 (hai) dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích,

	thiết kế tu bổ di tích được phê duyệt. **Điều 8. Điều kiện năng lực của tổ chức lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích** 1. Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế hoặc tổ chức tư vấn khi làm tư vấn quản lý dự án theo quy định pháp luật về xây dựng; 2. Có ít nhất 03 (ba) người có Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích, trong đó có người đủ điều kiện năng lực chủ nhiệm lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích hoặc giám đốc tư vấn quản lý dự án tu bổ di tích theo quy định tại Điều 12 Thông tư này; 3. Đã tham gia tư vấn lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích đã được phê duyệt. **Điều 9. Điều kiện năng lực của tổ chức thi công tu bổ di tích** 1. Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng khi thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng; 2. Có ít nhất 03 (ba) người có Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích, trong đó có người đủ điều kiện năng lực chỉ huy trưởng công trường thi công tu bổ di tích theo quy định tại Điều 13 Thông tư này; 3. Có đội ngũ nghệ nhân, thợ lành nghề trong lĩnh vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. **Điều 10. Điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích** 1. Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng; 2. Có ít nhất 02 (hai) người có Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích. **Điều 11. Điều kiện năng lực của chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch di tích** 1. Có đủ điều kiện năng lực của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế đồ án quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng; 2. Có Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch di tích. **Điều 12. Điều kiện năng lực của chủ nhiệm lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích hoặc giám đốc tư vấn quản lý dự án tu bổ di tích** 1. Có đủ điều kiện năng lực của chủ nhiệm lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế hoặc giám đốc tư vấn quản lý dự án theo quy định pháp luật về xây dựng; 2. Có Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ

	thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích. **Điều 13. Điều kiện năng lực của chỉ huy trưởng công trường thi công tu bổ di tích** 1. Có đủ điều kiện năng lực của chỉ huy trưởng công trường theo quy định pháp luật về xây dựng; 2. Có Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.
223. Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường	**Thông tư 04/2009/TT-BVHTTDL** **Điều 10. Điều kiện kinh doanh và hoạt động kinh doanh vũ trường** 1. Nhà văn hoá, trung tâm văn hoá đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường phải là pháp nhân theo quy định tại Điều 84 Bộ luật Dân sự năm 2005. 2. Khoảng cách từ 200 m trở lên quy định tại khoản 1 Điều 24 Quy chế đo theo đường giao thông từ cửa phòng khiêu vũ đến cổng trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước. Khoảng cách đó chỉ áp dụng trong các trường hợp trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước có trước, chủ địa điểm kinh doanh đăng ký kinh doanh hoặc đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sau. 4. Âm thanh vang ra ngoài phòng khiêu vũ không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép quy định tại khoản 3 Điều 27 Quy chế được đo tại phía ngoài cửa sổ và cửa ra vào phòng khiêu vũ. **Điều 11. Phạm vi kinh doanh vũ trường** Phạm vi kinh doanh vũ trường quy định tại Điều 26 Quy chế được hiểu là chỉ được kinh doanh tại các cơ sở có đủ điều kiện quy định tại Điều 24 và khoản 1 Điều 25 Quy chế. Tổ chức, cá nhân tổ chức cho khách khiêu vũ hoặc để cho khách khiêu vũ nhằm mục đích kinh doanh ngoài các cơ sở đó đều bị coi là vi phạm quy định tại Điều 26 Quy chế. **Điều 12. Điều kiện kinh doanh và hoạt động kinh doanh karaoke** 1. Cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp khi kinh doanh karaoke không phải xin giấy phép kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 66 của Luật Du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005 nhưng phải có đủ điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 30 Quy chế; 2. Cửa phòng karaoke quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy chế phải là cửa kính không màu; nếu có khung thì không được quá hai khung dọc và ba khung ngang; diện tích khung không quá 15% diện tích cửa. 3. Khoảng cách từ 200 m trở lên quy định tại khoản 4 Điều 30 Quy chế áp dụng như quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

	5. Âm thanh vang ra ngoài phòng karaoke không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép quy định tại khoản 2 Điều 32 Quy chế được đo tại phía ngoài cửa sổ và cửa ra vào phòng karaoke. 6. Nhà hàng karaoke có nhiều phòng thì phải đánh số thứ tự hoặc đặt tên cho từng phòng. 7. Cơ sở kinh doanh dịch vụ tổ chức hoạt động karaoke tại nơi kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của nhân viên thuộc cơ sở mình quy định tại khoản 2 Điều 33 Quy chế, phải riêng biệt với khu vực kinh doanh và không được để cho khách vào hát karaoke tại nơi dành cho nhân viên thuộc cơ sở mình. Cơ sở kinh doanh dịch vụ tổ chức hoạt động karaoke tại nơi kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của khách dù không thu riêng tiền dịch vụ karaoke mà chỉ thu tiền ăn, uống hoặc dịch vụ khác tại phòng hát karaoke cũng phải có đủ điều kiện kinh doanh karaoke quy định tại Điều 30 và phải được cấp giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Quy chế. Thông tư 33/2010/TT-BCA **Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ sở kinh doanh sau đây còn phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy như sau: a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); sản xuất, kinh doanh gas; sản xuất pháo hoa; kinh doanh vũ trường; kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 7 tầng trở lên phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy. b) Các cơ sở kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 6 tầng trở xuống; sản xuất, kinh doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ; trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino; hoạt động in (trừ photocopy màu); kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh karaoke; xoa bóp (massage) phải có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy. 4. Đối với các cơ sở kinh doanh có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy trong thành

	phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự là Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy tại khu vực kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp. Trường hợp cơ sở kinh doanh thuê kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp thì phải có giấy tờ để chứng minh việc thuê kho. 5. Các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự thuộc một trong các trường hợp sau đây không phải nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy: a) Cơ sở nằm trong các tòa nhà đã được thiết kế, thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy. b) Các cơ sở sản xuất con dấu; dịch vụ đòi nợ; dịch vụ tẩm quất; photocopy màu; sản xuất, kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Trách nhiệm chung Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc chấp hành các quy định về an ninh, trật tự và thực hiện các nội dung sau: a) Chỉ được tiến hành hoạt động kinh doanh khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp; tổ chức thực hiện và hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra người làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại cơ sở chấp hành đúng các quy định của Nghị định 72/2009/NĐ-CP Nghị định 107/2009/NĐ-CP Nghị định 109/2009/NĐ-CP hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan trong suốt quá trình hoạt động. b) Chấp hành việc kiểm tra, hướng dẫn của cơ quan Công an có thẩm quyền. c) Báo cáo định kỳ hàng quý (tuần cuối cùng của tháng thứ ba) cho cơ quan Công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự về tình hình chấp hành các quy định của pháp luật và những vấn đề khác có liên quan đến an ninh, trật tự trong quá trình hoạt động kinh doanh. d) Cung cấp cho cơ quan Công an có thẩm quyền: Danh sách và thông tin có liên quan đến người làm trong cơ sở kinh doanh (kể cả người nước ngoài); sơ đồ mặt bằng khu vực sản xuất, kinh doanh; sơ đồ kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); thống kê các phương tiện phục vụ cho công tác bảo vệ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy; thông tin liên lạc tại cơ sở kinh doanh khi có yêu cầu. đ) Có sổ quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu của Bộ Công an đã ban hành kèm theo Thông tư

	này. e) Khi thay đổi người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh và người đại diện theo pháp luật phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan Công an có thẩm quyền. g) Có văn bản thông báo về thời gian hoạt động hoặc tạm ngừng hoạt động kinh doanh cho cơ quan Công an có thẩm quyền. h) Không cho thuê, mượn, chuyển nhượng hoặc sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. i) Đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ xoa bóp (massage, tẩm quất), vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử có thường dành cho người nước ngoài, casino, dịch vụ đòi nợ phải đăng ký danh sách trích ngang nhân viên, kỹ thuật viên với Công an phường, xã, thị trấn. l) Vũ trường - Chỉ các cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa có tư cách pháp nhân, có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật mới được kinh doanh vũ trường; không được hoạt động từ sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng; riêng vũ trường trong khách sạn từ 4 sao trở lên được hoạt động sau 12 giờ đêm nhưng cũng không được quá 2 giờ sáng. - Không được sử dụng người có tiền án, tiền sự làm việc tại vũ trường. Nhân viên làm việc tại cơ sở phải từ đủ 18 tuổi trở lên và có hợp đồng lao động. - Có quy định, nội quy, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn. Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy; có phương án chữa cháy, thoát nạn và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Các cơ sở hoạt động kinh doanh vũ trường phải có bảo vệ là nhân viên của các công ty kinh doanh dịch vụ bảo vệ đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. - Phải có các biện pháp ngăn chặn không cho người sử dụng các chất ma túy trong vũ trường hoặc lợi dụng kinh doanh vũ trường để mua, bán các chất ma túy, môi giới mại dâm và các hoạt động vi phạm pháp luật khác.
224. Kinh doanh dịch vụ lữ hành	**Thông tư 34/2014/TT-NHNN** **Điều 3. Mức ký quỹ** 1. Doanh nghiệp thực hiện ký quỹ bằng đồng Việt Nam theo mức ký quỹ quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 180/2013/NĐ-CP). 2. Số tiền ký quỹ phải được duy trì trong suốt thời gian doanh nghiệp

	kinh doanh lữ hành quốc tế. Thông tư 89/2008/TT-BVHTTDL 4. Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành nội địa gửi thông báo về thời điểm bắt đầu hoạt động trong thời hạn mười lăm ngày kể từ thời điểm doanh nghiệp bắt đầu hoạt động kinh doanh đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. 6. Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành có vốn đầu tư nước ngoài a) Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập díi h×nh thøc li[a]n doanh giữa các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài với đối tác Việt Nam, không hạn chế phần góp vốn của phía nước ngoài. b) Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành có vốn đầu tư nước ngoài được cung cấp dịch vụ đưa khách quốc tế vào Việt Nam du lịch và chỉ được sử dụng hướng dẫn viên là công dân Việt Nam, có địa chỉ thường trú ở Việt Nam. c) Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành có vốn đầu tư nước ngoài phải gửi thông báo đến Tổng cục Du lịch kèm theo các giấy tờ sau: - Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đầu tư; - Phương án kinh doanh lữ hành và chương trình du lịch cho khách quốc tế vào Việt Nam; - Giấy tờ chứng minh thời gian hoạt động của người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành; - Bản sao hợp lệ thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế và hợp đồng lao động của ba hướng dẫn viên; - Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận tiền ký quỹ kinh doanh lữ hành quốc tế.
225. Kinh doanh hoạt động thể thao	**Thông tư 05/2007/TT-UBTDTT** **II - VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH HOẠT ĐỘNG THỂ THAO CỦA CÂU LẠC BỘ THỂ THAO CHUYÊN NGHIỆP** 1. Chứng chỉ về y học thể thao của bác sĩ, nhân viên y tế (là cán bộ, nhân viên trong câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp) theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định 112/2007/NĐ-CP do Viện khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp. **III - VỀ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH HOẠT ĐỘNG THỂ THAO** 1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang thiết bị từng môn thể thao

	của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao quy định tại Điều 13 Nghị định 112/2007/NĐ-CP là quy chuẩn được quy định trong luật từng môn thể thao do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Thể dục thể thao ban hành. 2. Cán bộ, nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 112/2007/NĐ-CPgồm: *a. Huấn luyện viên thể thao* Huấn luyện viên thể thao của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao là người có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp. Số lượng huấn luyện viên thể thao làm việc tại doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao phải bảo đảm theo yêu cầu đặc thù từng môn thể thao. Liên đoàn thể thao quốc gia, Hiệp hội thể thao quốc gia quy định số lượng tối thiểu huấn luyện viên huấn luyện số lượng người tập cụ thể đối với từng môn thể thao. *b. Bác sĩ hoặc nhân viên y tế* Bác sĩ hoặc nhân viên y tế của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao là người có chứng chỉ về y học thể thao do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại điểm 1 mục II Thông tư này. Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao phải có bác sĩ hoặc nhân viên y tế thường trực.
226. Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu	Thông tư 03/2013/TT-BVHTTDL **Điều 5. Tổ chức thi và liên hoan các loại hình nghệ thuật** Việc tổ chức thi và liên hoan các loại hình nghệ thuật quy định tại Điều 16 Nghị định số79/2012/NĐ-CP thực hiện như sau: 1. Thẩm quyền tổ chức: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ đặc trưng của từng loại hình nghệ thuật, năng lực tổ chức, tính hiệu quả của mỗi cuộc thi, liên hoan giao cho Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương (Hội Nghệ sỹ Sân khấu Việt Nam, Hội Nghệ sỹ Múa Việt Nam, Hội Nhạc sỹ Việt Nam) chủ trì tổ chức. 2. Thời gian tổ chức: a) Cuộc thi dành cho các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp gồm các loại hình: Tuồng, Chèo, Cải lương, Kịch nói, Dân Ca kịch và nghệ thuật ca, múa, nhạc là 03 năm một lần. b) Cuộc thi dành cho nhóm nghệ sỹ, cá nhân nghệ sỹ cho các loại hình sân khấu và ca, múa, nhạc là 03 năm một lần. c) Các cuộc liên hoan tổ chức xen kẽ trong khoảng thời gian giữa hai

	kỳ tổ chức các cuộc thi. Thời gian tổ chức liên hoan đối với từng loại hình nghệ thuật là 03 năm một lần. d) Các cuộc thi, liên hoan quốc tế do Việt Nam đăng cai, thực hiện theo Đề án của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. 3. Cơ cấu giải thưởng: a) Giải thưởng cuộc thi dành cho các đơn vị nghệ thuật: - Huy chương vàng, Huy chương bạc cho vở diễn, chương trình, tiết mục, nghệ sỹ biểu diễn; - Giải xuất sắc nhất cho nhóm nghệ sỹ, tác giả, đạo diễn, họa sỹ, nhạc sỹ, biên đạo, chỉ huy dàn nhạc, thiết kế phục trang, thiết kế âm thanh, ánh sáng. b) Giải thưởng cuộc thi dành cho nhóm nghệ sỹ, cá nhân nghệ sỹ biểu diễn: Huy chương vàng, Huy chương bạc. c) Giải thưởng các liên hoan trong nước: Huy chương vàng, Huy chương bạc cho chương trình, tiết mục gắn với nhóm nghệ sỹ hoặc cá nhân nghệ sỹ biểu diễn. d) Giải thưởng các cuộc thi, liên hoan trong nước kèm theo tiền thưởng và Giấy chứng nhận. Mức tiền thưởng do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. e) Giải thưởng Liên hoan quốc tế: Huy chương vàng, Huy chương bạc cho chương trình, tiết mục gắn với đơn vị và nghệ sỹ biểu diễn, kèm theo Giấy chứng nhận và Cúp lưu niệm. **Điều 6. Điều kiện đối với thí sinh dự thi người đẹp** Thí sinh có vẻ đẹp tự nhiên quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số79/2012/NĐ-CP là thí sinh không qua phẫu thuật thẩm mỹ. **Điều 8. Ban Giám khảo** Ban Giám khảo cuộc thi người đẹp, người mẫu quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP quy định như sau: 1. Mỗi cuộc thi người đẹp, người mẫu chỉ thành lập 01 (một) Ban Giám khảo. 2. Ban Giám khảo gồm các nhà chuyên môn trong các lĩnh vực: nhân trắc học, mỹ học, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, nhiếp ảnh, xã hội học. Tùy theo tính chất của từng cuộc thi, Ban Tổ chức có thể mời thêm các nhà chuyên môn thuộc các lĩnh vực khác. 3. Cơ quan cấp phép, đơn vị tổ chức, nhà tài trợ không tham gia Ban Giám khảo.
227. Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu	**Thông tư 03/2013/TT-BVHTTDL** **Điều 10. Tổ chức, cá nhân lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu** Tổ chức, cá nhân lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa

	nhạc, sân khấu quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP là doanh nghiệp, nhà xuất bản, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác có chức năng hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.
228. Kinh doanh dịch vụ tổ chức lễ hội	**Thông tư 04/2009/TT-BVHTTDL** **Điều 7. Quy định về báo cáo bằng văn bản khi tổ chức lễ hội** Việc báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các lễ hội khi tổ chức không phải xin phép quy định tại Điều 19 Quy chế được thực hiện như sau: 1. Trước ngày tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày, cơ quan tổ chức lễ hội gửi văn bản báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền: a) Gửi đến Phòng Văn hoá và Thông tin đối với lễ hội do cấp xã tổ chức; b) Gửi đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đối với lễ hội do cấp huyện tổ chức; 2. Nội dung báo báo ghi rõ: Thời gian, địa điểm, nội dung, chương trình, kịch bản lễ hội (nếu có); quyết định thành lập và danh sách Ban Tổ chức lễ hội. 3. Cơ quan có thẩm quyền về văn hoá, thể thao và du lịch sau khi nhận được văn bản báo cáo có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện.
230. Kinh doanh dịch vụ lưu trú	**Thông tư 33/2010/TT-BCA** **Điều 4. Điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP 2. Phải duy trì và đảm bảo thực hiện đúng các điều kiện về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; chấp hành quy định về trật tự, an toàn công cộng, vệ sinh môi trường và không nằm trong khu vực, địa điểm mà pháp luật cấm hoạt động kinh doanh. 3. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ sở kinh doanh sau đây còn phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy như sau: a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); sản xuất, kinh doanh gas; sản xuất pháo hoa; kinh doanh vũ trường; kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 7 tầng trở lên phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy. b) Các cơ sở kinh doanh lưu trú và cho tổ chức, cá nhân người nước

	ngoài thuê nhà để ở hoặc làm văn phòng từ 6 tầng trở xuống; sản xuất, kinh doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ; trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino; hoạt động in (trừ photocopy màu); kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh karaoke; xoa bóp (massage) phải có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy. 4. Đối với các cơ sở kinh doanh có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự là Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy tại khu vực kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp. Trường hợp cơ sở kinh doanh thuê kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp thì phải có giấy tờ để chứng minh việc thuê kho. 5. Các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự thuộc một trong các trường hợp sau đây không phải nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy: a) Cơ sở nằm trong các tòa nhà đã được thiết kế, thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy. b) Các cơ sở sản xuất con dấu; dịch vụ đòi nợ; dịch vụ tẩm quất; photocopy màu; sản xuất, kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên. **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự** 1. Trách nhiệm chung Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc chấp hành các quy định về an ninh, trật tự và thực hiện các nội dung sau: a) Chỉ được tiến hành hoạt động kinh doanh khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp; tổ chức thực hiện và hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra người làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại cơ sở chấp hành đúng các quy định của Nghị định 72/2009/NĐ-CP Nghị định 107/2009/NĐ-CP Nghị định 109/2009/NĐ-CP hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan trong suốt quá trình hoạt động. b) Chấp hành việc kiểm tra, hướng dẫn của cơ quan Công an có thẩm quyền. c) Báo cáo định kỳ hàng quý (tuần cuối cùng của tháng thứ ba) cho cơ quan Công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự về tình hình chấp hành các quy định của pháp luật và những vấn đề khác có liên quan đến an ninh, trật tự trong quá trình hoạt động kinh doanh.

	d) Cung cấp cho cơ quan Công an có thẩm quyền: Danh sách và thông tin có liên quan đến người làm trong cơ sở kinh doanh (kể cả người nước ngoài); sơ đồ mặt bằng khu vực sản xuất, kinh doanh; sơ đồ kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, Nitrat Amon hàm lượng cao (từ 98,5% trở lên); thống kê các phương tiện phục vụ cho công tác bảo vệ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy; thông tin liên lạc tại cơ sở kinh doanh khi có yêu cầu. đ) Có sổ quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu của Bộ Công an đã ban hành kèm theo Thông tư này. e) Khi thay đổi người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh và người đại diện theo pháp luật phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan Công an có thẩm quyền. g) Có văn bản thông báo về thời gian hoạt động hoặc tạm ngừng hoạt động kinh doanh cho cơ quan Công an có thẩm quyền. h) Không cho thuê, mượn, chuyển nhượng hoặc sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. i) Đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ xoa bóp (massage, tẩm quất), vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino, dịch vụ đòi nợ phải đăng ký danh sách trích ngang nhân viên, kỹ thuật viên với Công an phường, xã, thị trấn. e) Cho thuê lưu trú - Có nội quy của cơ sở kinh doanh lưu trú niêm yết tại nơi dễ thấy. - Phải ghi đầy đủ các thông tin của khách lưu trú vào sổ trước khi khách vào phòng nghỉ và thông báo lưu trú với cơ quan Công an xã, phường, thị trấn sở tại trước 23 giờ trong ngày. Nếu khách đến lưu trú sau 23 giờ thì vào sổ và thông báo cho cơ quan Công an vào trước 8 giờ sáng ngày hôm sau (kể cả khách nghỉ theo giờ). Trường hợp có nghi vấn liên quan đến an ninh, trật tự phải báo cáo ngay cho Công an xã, phường, thị trấn. - Cơ sở kinh doanh nếu thông báo lưu trú cho cơ quan Công an qua mạng Internet thì phải lưu trữ đầy đủ thông tin về khách đã lưu trú tại cơ sở để phục vụ công tác quản lý. - Trường hợp khách mang theo vũ khí, công cụ hỗ trợ, chất nổ phải yêu cầu khách xuất trình giấy phép sử dụng do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp và cơ sở kinh doanh phải có trách nhiệm bảo quản chặt chẽ. - Người đến lưu trú có trách nhiệm xuất trình một trong các loại giấy tờ sau: Chứng minh nhân dân; Hộ chiếu; các loại giấy tờ có dán ảnh do các cơ quan quản lý Nhà nước Việt Nam cấp; giấy xác nhận cử đi công tác của cơ quan, tổ chức; xác nhận của cơ quan đến liên hệ công tác; xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú. Trường hợp khách đến lưu trú không có các loại giấy tờ trên thì khi cho khách vào lưu trú, chủ cơ sở phải thông báo ngay cho cơ quan

	Công an phường, xã, thị trấn. - Trường hợp khách đến lưu trú theo đoàn thì người đại diện hoặc trưởng đoàn làm các thủ tục lưu trú cho những người cùng đi nhưng phải xuất trình giấy tờ tùy thân để người tiếp nhận đối chiếu và ghi đầy đủ, chính xác thông tin về người lưu trú vào sổ quản lý lưu trú theo quy định. Trường hợp khách trong đoàn không mang giấy tờ tùy thân thì người đại diện hoặc trưởng đoàn phải viết giấy đề nghị cơ sở kinh doanh cho thuê lưu trú, nêu rõ lý do và cung cấp đầy đủ thông tin của những người cùng đi để cơ sở kinh doanh ghi vào sổ quản lý lưu trú theo quy định. - Người đến thăm khách lưu trú tại phòng nghỉ phải xuất trình giấy tờ tùy thân tại quầy lễ tân, cơ sở phải có sổ theo dõi và ghi rõ, đầy đủ các thông tin có liên quan. - Nghiêm cấm việc sử dụng cơ sở làm nơi chứa cấp tội phạm, sử dụng, tàng trữ, mua bán các chất ma túy, đánh bạc, chứa chấp, môi giới mại dâm và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
234. Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)	**Thông tư 04/2009/TT-BVHTTDL** **Điều 14. Điều kiện kinh doanh và hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử** 1. Hoạt động trò chơi điện tử quy định tại Quy chế bao gồm cả trò chơi trực tuyến (online games) và trò chơi sử dụng các máy không kết nối với mạng Internet; không bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài. 2. Khoảng cách từ 200m trở lên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Quy chế tính từ cửa hàng trò chơi điện tử đến cổng các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/Quyết định
237. Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai	**Thông tư 35/2014/TT-BTNMT** **Điều 12. Điều kiện năng lực của đơn vị thực hiện điều tra, đánh giá đất đai** 1. Tổ chức sự nghiệp, doanh nghiệp được thực hiện điều tra, đánh giá đất đai khi có đủ các điều kiện sau: a) Có chức năng thực hiện điều tra, đánh giá đất đai; b) Có ít nhất 05 cá nhân đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này; c) Có đủ trang thiết bị và công nghệ phù hợp với phương pháp thực hiện theo quy định kỹ thuật về điều tra, đánh giá đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2. Cá nhân thực hiện điều tra, đánh giá đất đai trong tổ chức có chức năng tư vấn điều tra, đánh giá đất đai khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự; b) Có một trong các bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành về quản lý đất đai, địa chính, khoa học đất, thổ nhưỡng, môi trường và các chuyên ngành khác có liên quan đến điều tra, đánh giá đất đai; c) Có thời gian công tác trong lĩnh vực điều tra, đánh giá đất đai theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này hoặc các điều tra, đánh giá đất trong lĩnh vực nông nghiệp từ 36 tháng trở lên. 3. Các đơn vị thực hiện phân tích mẫu đất phải có phòng phân tích đất được cấp có thẩm quyền cấp chứng nhận.
239, 240	**Thông tư 34/2014/TT-BTNMT** **Điều 20. Điều kiện của tổ chức, cá nhân hoạt động tư vấn về xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm** Điều kiện của tổ chức, cá nhân hoạt động tư vấn về xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. **Điều 22. Điều kiện của tổ chức hoạt động tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai** 1. Có chức năng tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. 2. Có các cá nhân đủ điều kiện hoạt động tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định tại Điều 23 của Thông tư này như sau:

	a) Có ít nhất 10 cá nhân đối với tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cấp huyện; b) Có ít nhất 15 cá nhân đối với tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia. **Điều 23. Điều kiện của cá nhân hoạt động tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai** Cá nhân được hoạt động tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trong tổ chức có chức năng tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai khi có đủ các điều kiện sau đây: 1. Có năng lực hành vi dân sự. 2. Có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về chuyên ngành công nghệ thông tin, quản lý đất đai, địa chính, trắc địa bản đồ và có kinh nghiệm xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tối thiểu 03 năm.
242. Kinh doanh dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất	Thông tư số 23/2010/TT-BTP **Điều 11. Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản** 1. Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản được lập chi nhánh ở trong và ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Chi nhánh của doanh nghiệp bán đấu giá tài sản được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về bán đấu giá tài sản. 2. Trong trường hợp doanh nghiệp bán đấu giá tài sản lập chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản về việc lập chi nhánh cho Sở Tư pháp nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh. Trường hợp doanh nghiệp lập chi nhánh tại tỉnh, thành phố khác nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở của chi nhánh, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh. 3. Nội dung thông báo của doanh nghiệp bán đấu giá tài sản nêu tại khoản 2 Điều này gồm các nội dung sau đây: a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; b) Ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp; c) Tên chi nhánh; d) Địa chỉ trụ sở chi nhánh; đ) Nội dung, phạm vi hoạt động của chi nhánh;

	e) Họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân dân của người đứng đầu chi nhánh. 4. Đối với doanh nghiệp bán đấu giá tài sản đồng thời có chức năng thẩm định giá, nếu doanh nghiệp hoặc chi nhánh của doanh nghiệp hoặc các tổ chức trực thuộc doanh nghiệp, đơn vị kinh tế mà doanh nghiệp đó có cổ phần chi phối đã tiến hành thẩm định giá tài sản để bán đấu giá thì doanh nghiệp bán đấu giá tài sản không được đồng thời tiến hành bán đấu giá tài sản đó.
243. Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ	**Thông tư 32/2010/TT-BTNMT** **Điều 6. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ** 1. Tổ chức trong nước được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có đủ các điều kiện sau: a) Có quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có quy định chức năng, nhiệm vụ hoạt động đo đạc và bản đồ đối với đơn vị sự nghiệp; có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề đo đạc và bản đồ đối với tổ chức hoạt động kinh doanh; b) Có lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phù hợp với định biên quy định trong Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác đo đạc và bản đồ để thực hiện hoạt động thuộc nội dung đề nghị cấp phép; c) Cán bộ phụ trách kỹ thuật có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp phép, có thực tế hoạt động đo đạc và bản đồ ít nhất ba (03) năm; có đủ điều kiện về sức khoẻ và không được đồng thời phụ trách kỹ thuật của tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ khác. d) Có năng lực thiết bị công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với định mức thiết bị quy định trong Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác đo đạc và bản đồ để thực hiện nội dung hoạt động đề nghị cấp phép. 2. Tổ chức đầu tư nước ngoài được cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền và có đủ các điều kiện quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này. 3. Tổ chức nước ngoài không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có hợp đồng đo đạc và bản đồ với tổ chức trong nước ngoài hoặc tổ chức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và có đủ các điều kiện quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này. Thời hạn của giấy phép căn cứ vào thời gian thực hiện công trình được ghi trong hợp đồng nhưng không được vượt quá năm (05) năm.
244. Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất	**Thông tư 40/2014/TT-BTNMT** **Điều 6. Điều kiện để được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất** Tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất phải có đủ các điều kiện sau đây:

	1. Có quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền hoặc một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình do cơ quan có thẩm quyền cấp (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), trong đó có nội dung hoạt động liên quan đến ngành nghề khoan nước dưới đất. 2. Người đứng đầu tổ chức hoặc người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân hành nghề (sau đây gọi chung là người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật) phải am hiểu các quy định của pháp luật về bảo vệ nước dưới đất và đáp ứng các điều kiện sau: a) Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ: Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề hoặc công nhân khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên và có ít nhất bốn (04) năm kinh nghiệm liên tục trong lĩnh vực hành nghề; đã trực tiếp tham gia thiết kế, lập báo cáo hoặc thi công khoan ít nhất năm (05) công trình khoan nước dưới đất. Trường hợp không có một trong các văn bằng quy định nêu trên thì phải có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm liên tục trong lĩnh vực hành nghề, đã trực tiếp thi công ít nhất mười (10) công trình khoan nước dưới đất và phải có chứng nhận đã qua khóa đào tạo, tập huấn kỹ thuật về bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trong hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất do Cục Quản lý tài nguyên nước hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức. b) Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa: Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề hoặc tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề; đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất năm (05) công trình khoan nước dưới đất có lưu lượng từ 200m^3/ngày đêm trở lên. c) Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn: Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất bảy (07) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề; đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất ba (03) công trình khoan nước dưới đất có lưu lượng từ 3000 m^3/ngày đêm trở lên. d) Người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật phải là người của tổ chức, cá nhân hành nghề hoặc có hợp đồng lao động với tổ chức, cá nhân hành

	nghề theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp hợp đồng lao động là loại xác định thời hạn thì tại thời điểm nộp hồ sơ, thời hạn hiệu lực của hợp đồng lao động phải còn ít nhất là mười hai (12) tháng. 3. Máy khoan và các thiết bị thi công khoan phải bảo đảm có tính năng kỹ thuật phù hợp, đáp ứng yêu cầu đối với quy mô hành nghề và an toàn lao động theo quy định hiện hành.
245. Kinh doanh dịch vụ thăm dò nước dưới đất	Thông tư 56/2014/TT-BTNMT **Điều 3. Điều kiện về năng lực đối với tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước** 1. Tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước phải có tư cách pháp nhân và có một trong các loại giấy tờ sau: a) Quyết định thành lập tổ chức của cơ quan có thẩm quyền, trong đó có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động điều tra cơ bản, lập quy hoạch tài nguyên nước và các hoạt động khác về tài nguyên nước; b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), trong đó, có ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, tư vấn kỹ thuật và các hoạt động khác về tài nguyên nước. 2. Có đội ngũ cán bộ chuyên môn tham gia thực hiện đề án, dự án, báo cáo đáp ứng điều kiện sau đây: a) Đối với đề án, dự án điều tra cơ bản, lập quy hoạch tài nguyên nước: có cơ cấu chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng quy định tại Điều 4, người được giao phụ trách kỹ thuật đáp ứng quy định tại Điều 5 của Thông tư này; b) Đối với lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước: có cơ cấu chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng quy định tại Điều 6 của Thông tư này. 3. Cá nhân thuộc đội ngũ cán bộ chuyên môn quy định tại Khoản 2 Điều này đáp ứng các điều kiện sau: a) Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động; b) Có văn bằng đào tạo trình độ từ đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với nhiệm vụ được giao. Các văn bằng này được các cơ sở đào tạo của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp theo quy định của pháp luật; c) Có quyết định tuyển dụng hoặc có hợp đồng lao động với tổ chức theo quy định của pháp luật. Trường hợp, hợp đồng lao động là loại xác định thời hạn thì tại thời điểm lập hồ sơ chứng minh năng lực hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước, thời hạn hiệu lực của hợp đồng lao động phải còn ít nhất sáu (06) tháng; d) Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tài nguyên nước.

	4. Có máy móc, thiết bị chuyên dùng đáp ứng quy định tại Điều 8 của Thông tư này. Trường hợp máy móc, thiết bị, không thuộc sở hữu của tổ chức thì phải có hợp đồng thuê với tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật. 5. Trường hợp hạng mục công việc của đề án, dự án, báo cáo có yêu cầu điều kiện khi thực hiện thì tổ chức phải đáp ứng các điều kiện đó hoặc có hợp đồng liên doanh, liên kết hoặc hợp đồng thuê với tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện để thực hiện.
246. Kinh doanh dịch vụ khai thác, xử lý và cung cấp nước	**Thông tư 56/2014/TT-BTNMT** **Điều 3. Điều kiện về năng lực đối với tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước** 1. Tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước phải có tư cách pháp nhân và có một trong các loại giấy tờ sau: a) Quyết định thành lập tổ chức của cơ quan có thẩm quyền, trong đó có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động điều tra cơ bản, lập quy hoạch tài nguyên nước và các hoạt động khác về tài nguyên nước; b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), trong đó, có ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, tư vấn kỹ thuật và các hoạt động khác về tài nguyên nước. 2. Có đội ngũ cán bộ chuyên môn tham gia thực hiện đề án, dự án, báo cáo đáp ứng điều kiện sau đây: a) Đối với đề án, dự án điều tra cơ bản, lập quy hoạch tài nguyên nước: có cơ cấu chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng quy định tại Điều 4, người được giao phụ trách kỹ thuật đáp ứng quy định tại Điều 5 của Thông tư này; b) Đối với lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước: có cơ cấu chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng quy định tại Điều 6 của Thông tư này. 3. Cá nhân thuộc đội ngũ cán bộ chuyên môn quy định tại Khoản 2 Điều này đáp ứng các điều kiện sau: a) Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động; b) Có văn bằng đào tạo trình độ từ đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với nhiệm vụ được giao. Các văn bằng này được các cơ sở đào tạo của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp theo quy định của pháp luật; c) Có quyết định tuyển dụng hoặc có hợp đồng lao động với tổ chức theo quy định của pháp luật. Trường hợp, hợp đồng lao động là loại xác định thời hạn thì tại thời điểm lập hồ sơ chứng minh năng lực hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước, thời hạn hiệu lực của hợp đồng lao động phải

	còn ít nhất sáu (06) tháng; d) Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tài nguyên nước. 4. Có máy móc, thiết bị chuyên dùng đáp ứng quy định tại Điều 8 của Thông tư này. Trường hợp máy móc, thiết bị, không thuộc sở hữu của tổ chức thì phải có hợp đồng thuê với tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật. 5. Trường hợp hạng mục công việc của đề án, dự án, báo cáo có yêu cầu điều kiện khi thực hiện thì tổ chức phải đáp ứng các điều kiện đó hoặc có hợp đồng liên doanh, liên kết hoặc hợp đồng Thông tư 27/2014/TT-BTNMT **Điều 4. Khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất** 1. Khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất bao gồm: a) Khu vực có mực nước dưới đất đã bị thấp hơn mực nước hạ thấp cho phép do Ủy bannhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quy định; khu vực có mực nước dưới đất bị suy giảm ba (03) năm liên tục và có nguy cơ hạ thấp hơn mực nước hạ thấp cho phép; b) Khu vực bị sụt lún đất, biến dạng công trình do khai thác nước dưới đất gây ra; khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn nằm trong vùng có đá vôi hoặc nằm trong vùng có cấu trúc nền đất yếu; c) Khu vực bị xâm nhập mặn do khai thác nước dưới đất gây ra; khu vực đồng bằng, ven biển có các tầng chứa nước mặn, nước nhạt nằm đan xen với nhau hoặc khu vực liền kề với các vùng mà nước dưới đất bị mặn, lợ; d) Khu vực đã bị ô nhiễm hoặc gia tăng ô nhiễm do khai thác nước dưới đất gây ra; khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một (01) km tới các bãi rác thải tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang và các nguồn thải nguy hại khác; đ) Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung và bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng. 2. Căn cứ đặc điểm của các tầng chứa nước, hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất, yêu cầu quản lý của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mực nước hạ thấp cho phép, nhưng không vượt quá một nửa bề dày của tầng chứa nước đối với tầng chứa nước không áp, không vượt quá mái của tầng chứa nước và không được sâu hơn 50 m tính từ mặt đất đối với các tầng chứa nước có áp. 3. Tổ chức, cá nhân có giếng khoan khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10 m^3/ngày đêm, giếng khoan khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình, cho các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học nằm trong các khu vực quy định tại Khoản 1 Điều này và có chiều sâu lớn hơn

	20 m thì phải thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất.
247. Kinh doanh dịch vụ thoát nước	**Thông tư 56/2014/TT-BTNMT** **Điều 3. Điều kiện về năng lực đối với tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước** 1. Tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước phải có tư cách pháp nhân và có một trong các loại giấy tờ sau: a) Quyết định thành lập tổ chức của cơ quan có thẩm quyền, trong đó có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động điều tra cơ bản, lập quy hoạch tài nguyên nước và các hoạt động khác về tài nguyên nước; b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), trong đó, có ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, tư vấn kỹ thuật và các hoạt động khác về tài nguyên nước. 2. Có đội ngũ cán bộ chuyên môn tham gia thực hiện đề án, dự án, báo cáo đáp ứng điều kiện sau đây: a) Đối với đề án, dự án điều tra cơ bản, lập quy hoạch tài nguyên nước: có cơ cấu chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng quy định tại Điều 4, người được giao phụ trách kỹ thuật đáp ứng quy định tại Điều 5 của Thông tư này; b) Đối với lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước: có cơ cấu chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng quy định tại Điều 6 của Thông tư này. 3. Cá nhân thuộc đội ngũ cán bộ chuyên môn quy định tại Khoản 2 Điều này đáp ứng các điều kiện sau: a) Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động; b) Có văn bằng đào tạo trình độ từ đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với nhiệm vụ được giao. Các văn bằng này được các cơ sở đào tạo của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp theo quy định của pháp luật; c) Có quyết định tuyển dụng hoặc có hợp đồng lao động với tổ chức theo quy định của pháp luật. Trường hợp, hợp đồng lao động là loại xác định thời hạn thì tại thời điểm lập hồ sơ chứng minh năng lực hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước, thời hạn hiệu lực của hợp đồng lao động phải còn ít nhất sáu (06) tháng; d) Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tài nguyên nước. 4. Có máy móc, thiết bị chuyên dùng đáp ứng quy định tại Điều 8 của Thông tư này. Trường hợp máy móc, thiết bị, không thuộc sở hữu của tổ chức thì phải có hợp đồng thuê với tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật. 5. Trường hợp hạng mục công việc của đề án, dự án, báo cáo có yêu cầu

	điều kiện khi thực hiện thì tổ chức phải đáp ứng các điều kiện đó hoặc có hợp đồng liên doanh, liên kết hoặc hợp đồng
248. Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản	**Thông tư 17/2012/TT-BTNMT** **Điều 2. Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản** Tổ chức đáp ứng quy định tại Điều 35 Luật khoáng sản và các quy định chi tiết tại Thông tư này được hành nghề thăm dò khoáng sản gồm: 1. Doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp; 2. Tổ chức khoa học và công nghệ thành lập theo Luật khoa học và công nghệ; 3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật hợp tác xã; 4. Tổ chức sự nghiệp chuyên ngành địa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập có chức năng, nhiệm vụ thăm dò khoáng sản. **Điều 4. Quy định về người phụ trách kỹ thuật đề án thăm dò khoáng sản** 1. Người phụ trách kỹ thuật đề án thăm dò khoáng sản (sau đây được gọi là Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản) phải đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và các quy định cụ thể sau: a) Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động; b) Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò khoáng sản (đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng là chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình). Các văn bằng này được các cơ sở đào tạo của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp; c) Nắm vững kiến thức pháp luật về khoáng sản và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản; có khả năng tổ chức triển khai tuần tự các hạng mục công việc của đề án thăm dò khoáng sản. d) Chủ nhiệm đề án thực hiện nhiệm vụ thi công đề án thăm dò phải đáp ứng các điều kiện về thời gian kinh nghiệm theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản độc hại; đối với các đề án thăm dò khoáng sản khác, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò đối với khoáng sản cùng loại. 2. Chủ nhiệm đề án chỉ thực hiện chức trách khi có quyết định giao nhiệm vụ của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản. 3. Trong cùng một thời gian, Chủ nhiệm đề án chỉ đảm nhận chức trách tối đa 2 đề án thăm dò khoáng sản. Chủ nhiệm đề án lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản phải có thời gian chỉ đạo thi công không ít hơn 25% thời gian được quy định trong giấy phép thăm dò. **Điều 5. Quy định về đội ngũ công nhân kỹ thuật thực hiện đề án thăm**

	dò khoáng sản 1. Đội ngũ công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành trắc địa, địa chất, địa chất thuỷ văn, địa chất công trình, địa vật lý, thi công công trình (khai đào, khoan) và các chuyên ngành khác có liên quan phải đáp ứng yêu cầu phù hợp về số lượng theo đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản. 2. Các nhóm công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành khi thi công phải cử người phụ trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và thời gian kinh nghiệm như sau: a) Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian công tác tối thiểu 05 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 03 năm đối với người có trình độ đại học; trong đó, có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò đối với khoáng sản độc hại; b) Đối với các đề án thăm dò khoáng sản còn lại, phải có có thời gian làm việc tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 02 năm đối với người có trình độ đại học. **Điều 6. Quy định về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản** 1. Thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật phù hợp với các hạng mục trong đề án thăm dò đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản. Thiết bị, công cụ để thi công các hạng mục của công trình thăm dò khoáng sản phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của công việc và vận hành an toàn. 2. Thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm phải có thiết bị, công cụ chuyên dụng và đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành đáp ứng các yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân.
250. Kinh doanh dịch vụ quản lý chất thải nguy hại	**Thông tư 12/2011/TT-BTNMT** **Điều 10. Các điều kiện về cơ sở pháp lý** 1. Có đăng ký ngành, nghề kinh doanh phù hợp trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ tương đương. 2. Có báo cáo ĐTM được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đối với dự án đầu tư cơ sở xử lý CTNH hoặc các hồ sơ, giấy tờ thay thế như sau: a) Văn bản hợp lệ về môi trường do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với cơ sở xử lý CTNH đã đưa vào hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; b) Đề án BVMT được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định đối với cơ sở xử lý CTNH đã đưa vào hoạt động; c) Đối với cơ sở sản xuất đã đưa vào hoạt động có nhu cầu bổ sung hoạt động đồng xử lý CTNH mà không thay đổi quy mô, công suất hoặc công nghệ thì phải có văn bản chấp thuận phương án đồng xử lý CTNH của cơ

	quan có thẩm quyền đã phê duyệt hoặc xác nhận Báo cáo ĐTM, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (trước đây) hoặc Đề án BVMT đối với dự án đầu tư cơ sở sản xuất này. 3. Có Bản cam kết BVMT được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận cho dự án đầu tư các hạng mục công trình phục vụ hoạt động vận chuyển CTNH tại đại lý vận chuyển CTNH (nếu có) trong trường hợp các hồ sơ, giấy tờ nêu tại Khoản 2 Điều này chưa bao gồm các hạng mục đó. 4. Cơ sở xử lý CTNH phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt hoặc được Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) cấp tỉnh chấp thuận về địa điểm bằng văn bản. **Điều 11. Các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật** 1. Các phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho việc hành nghề QLCTNH bao gồm bao bì chuyên dụng, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ tạm thời hoặc trung chuyển, phương tiện vận chuyển, hệ thống hoặc thiết bị sơ chế, xử lý CTNH phải đạt các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này. 2. Số lượng phương tiện vận chuyển CTNH được quy định như sau: a) Trường hợp địa bàn hoạt động chỉ trong một tỉnh, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 có ít nhất 01 (một) phương tiện vận chuyển thuộc sở hữu chính thức của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề, đại lý vận chuyển CTNH, lãnh đạo hoặc cá nhân khác có tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ tương đương, hoặc phương tiện vận chuyển được góp vốn chính thức theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là phương tiện vận chuyển chính chủ); b) Trường hợp địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 có ít nhất 03 (ba) phương tiện vận chuyển chính chủ; c) Trường hợp địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên trong một vùng và đăng ký vận chuyển, xử lý không dưới hai nhóm CTNH có tính chất, phương án xử lý khác nhau, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 có ít nhất 05 (năm) phương tiện vận chuyển chính chủ; trường hợp địa bàn hoạt động từ hai vùng trở lên và đăng ký vận chuyển, xử lý không dưới hai nhóm CTNH có tính chất, phương án xử lý khác nhau, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 có ít nhất 08 (tám) phương tiện vận chuyển chính chủ; d) Tổng số lượng phương tiện vận chuyển không chính chủ không được vượt quá tổng số lượng phương tiện vận chuyển chính chủ trừ các phương tiện vận chuyển đường thuỷ, đường sắt. Phương tiện vận chuyển không chính chủ phải có hợp đồng dài hạn về việc bàn giao phương tiện để vận chuyển CTNH giữa tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề và chủ sở hữu của phương tiện đó. 3. Phương tiện vận chuyển CTNH có hệ thống định vị vệ tinh (GPS) được kết nối mạng thông tin trực tuyến để xác định vị trí và ghi lại hành trình vận chuyển CTNH theo lộ trình thực hiện như sau: a) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, ít nhất 50% tổng số phương tiện vận

	chuyển có GPS; b) Kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2012, toàn bộ phương tiện vận chuyển có GPS; c) Trường hợp địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên thực hiện theo quy định tại Điểm a và b Khoản này; d) Trường hợp địa bàn hoạt động chỉ trong một tỉnh, việc trang bị GPS cho các phương tiện vận chuyển theo yêu cầu của CQCP địa phương. 4. Một phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho việc hành nghề QLCTNH chỉ được đăng ký cho một Giấy phép QLCTNH. 5. Có các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này để kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường tại cơ sở xử lý CTNH và đại lý vận chuyển CTNH (nếu có). **Điều 12. Các điều kiện về nhân lực** 1. 01 (một) cơ sở xử lý CTNH có ít nhất 02 (hai) người đảm nhiệm việc quản lý, điều hành, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến hóa học hoặc môi trường. 2. 01 (một) đại lý vận chuyển CTNH có ít nhất 01 (một) người đảm nhiệm việc quản lý, điều hành, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến hóa học hoặc môi trường. 3. Người nêu tại Khoản 1 và 2 Điều này phải được đóng bảo hiểm xã hội, y tế theo quy định của pháp luật; có hợp đồng lao động dài hạn trong trường hợp không có tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy tờ tương đương) hoặc không thuộc ban lãnh đạo hoặc biên chế của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề. 4. Có đội ngũ vận hành và lái xe được đào tạo, tập huấn bảo đảm vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị; đội trưởng đội ngũ vận hành có trình độ từ trung cấp kỹ thuật trở lên hoặc do người quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này kiêm nhiệm. **Điều 13. Các điều kiện liên quan đến công tác quản lý** 1. Có quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng. 2. Có các kế hoạch sau: a) Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường; b) Kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khoẻ; c) Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố; d) Kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm; đ) Kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động. 3. Có chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh

	giá hiệu quả xử lý CTNH. 4. Lắp đặt các bản hướng dẫn dạng rút gọn hoặc dạng sơ đồ kèm theo các quy trình, kế hoạch quy định tại Khoản 1, Điểm a, b, c Khoản 2 Điều này ở vị trí phù hợp và với kích thước thuận tiện quan sát trên phương tiện vận chuyển, trong cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển CTNH. **Điều 14. Các điều kiện khác** 1. Có ít nhất một cơ sở xử lý CTNH. Đối với 01 (một) cơ sở xử lý CTNH, không thành lập quá 05 (năm) đại lý vận chuyển CTNH trừ các trường hợp sau: a) Đại lý chỉ thực hiện vận chuyển CTNH cho các chủ nguồn thải CTNH trong cùng một tập đoàn, tổng công ty, nhóm doanh nghiệp có chung cổ đông sáng lập hoặc có quan hệ doanh nghiệp mẹ - con với nhau; b) Đại lý chỉ thực hiện vận chuyển CTNH cho các chủ nguồn thải CTNH trong một khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; c) Đại lý chỉ thực hiện vận chuyển CTNH cho các chủ nguồn thải CTNH tại các tỉnh thuộc vùng sâu, vùng xa, miền núi hoặc vùng chưa có cơ sở xử lý CTNH được cấp Giấy phép QLCTNH hoặc tỉnh chưa có chủ hành nghề QLCTNH thực hiện vận chuyển CTNH. 2. 01 (một) đại lý vận chuyển CTNH chỉ được nhận uỷ quyền vận chuyển từ hai tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề hoặc chủ hành nghề QLCTNH trở lên trong trường hợp các chủ hành nghề QLCTNH hoặc tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề là thành viên trong cùng một tập đoàn, tổng công ty, nhóm doanh nghiệp có chung cổ đông sáng lập hoặc có quan hệ doanh nghiệp mẹ - con với nhau hoặc đại lý này chỉ có hoạt động vận chuyển trên biển. 3. Trường hợp đại lý vận chuyển CTNH là thành viên trong cùng một tập đoàn, tổng công ty, nhóm doanh nghiệp có chung cổ đông sáng lập hoặc có quan hệ doanh nghiệp mẹ - con với chủ QLCTNH hoặc tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề thì phải có văn bản uỷ quyền nội bộ; các trường hợp còn lại thì phải có hợp đồng đại lý dài hạn theo quy định.
251. Nhập khẩu phế liệu	**Thông tư liên tịch 34/2012/TTLT-BCT-BTNMT** **Điều 4. Điều kiện đối với thương nhân nhập khẩu phế liệu** 1. Thương nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất phải có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Bảo vệ môi trường và đã được cấp Giấy chứng nhận, cụ thể: a) Có kho bãi (có quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu, hoặc thuê) dành riêng cho việc tập kết phế liệu bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường; b) Có công nghệ, thiết bị để tái chế phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu cho sản xuất; c) Có phương án, giải pháp xử lý phế liệu nhập khẩu đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; đảm bảo mọi chất thải từ quy trình sản xuất đều được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

	d) Đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 2. Thương nhân nhập khẩu ủy thác phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Có hợp đồng ủy thác nhập khẩu ký với thương nhân đã được cấp Giấy chứng nhận, hợp đồngủy thác nhập khẩu phế liệu phải ghi rõ loại phế liệu nhập khẩu và thành phần phế liệu nhập khẩu phù hợp với Giấy chứng nhận được cấp và quy định tại Khoản 1 Điều 5 củaThông tư này; b) Hợp đồng nhập khẩu phế liệu phải ghi rõ nguồn gốc, thành phần phế liệu nhập khẩu phù hợp với hợp đồng ủy thác nhập khẩu nêu tại điểm a Khoản 2 Điều này và cam kết tái xuất phế liệu trongtrường hợp phế liệu nhập khẩu về đến cửa khẩu nhưng không đạt các yêu cầu theo quy định tại Thông tư này. **Điều 5. Điều kiện đối với phế liệu nhập khẩu** 1. Phế liệu phải thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành đồng thời phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu hoặc các yêu cầu về mô tả phế liệu tương ứng trong Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu. 2. Đối với những loại phế liệu mới phát sinh do nhu cầu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất nhưng chưa có trong Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét từng trường hợp cụ thể để bổ sung vào Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu.
254. Kinh doanh chế phẩm sinh học	**Thông tư 19/2010/TT-BTNMT** **Điều 11. Chế phẩm sinh học phải đăng ký lưu hành** 1. Chế phẩm sinh học sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu chưa có tên trong Danh mục chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam. 2. Chế phẩm sinh học có tên trong Danh mục chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam nhưng có thay đổi về thành phần hoặc hàm lượng các hoạt chất trong chế phẩm sinh học làm ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý và tính an toàn đối với sức khỏe con người và sinh vật . **Điều 12. Hồ sơ đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học** 1. Văn bản đề nghị đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này. 2. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc tương đương, có xác nhận của tổ chức, cá nhân. 3. Quy trình sản xuất chế phẩm sinh học. 4. Phiếu kết quả kiểm nghiệm hoặc phân tích chất lượng chế phẩm sinh học của đơn vị có chức năng kiểm định trong nước hoặc nước ngoài. 5. Bản tóm tắt giới thiệu chế phẩm sinh học theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này và các tài liệu có liên quan: a) Thành phần;

	b) Đặc tính, hiệu quả, hướng dẫn sử dụng, bảo quản; c) Tính an toàn đối với sức khỏe con người và sinh vật; d) Tài liệu về xuất xứ chủng gốc vi sinh vật đối với chế phẩm vi sinh vật. 6. Biên bản đánh giá của Hội đồng khoa học cấp quản lý đối với những chế phẩm sinh học là kết quả đề tài nghiên cứu khoa học. 7. Kết quả thử hoặc khảo nghiệm chế phẩm sinh học (nếu có). 8. Nhãn, hình thức bao gói chính thức đề nghị lưu hành kèm theo tờ hướng dẫn bảo quản, sử dụng chế phẩm sinh học và những cảnh báo rủi ro đối với sức khỏe con người và sinh vật. 9. Văn bằng bảo hộ sáng chế hoặc cam kết không vi phạm các qui định về sở hữu trí tuệ đối với các chế phẩm sản xuất trong nước đề nghị đăng ký lưu hành theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này; Giấy phép lưu hành chế phẩm sinh học do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp đối với chế phẩm sinh học nhập khẩu. 10. Kế hoạch khảo nghiệm chi tiết, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: nội dung khảo nghiệm, thời gian, địa điểm và cơ quan khảo nghiệm đối với chế phẩm sinh học chưa có kết quả khảo nghiệm được công nhận.

LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

Ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Quy định tại Thông tư/Quyết định
256. Hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại	**Thông tư 40/2011/TT-NHNN** **Điều 9. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần** 1. Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật các tổ chức tín dụng. 2. Điều kiện đối với cổ đông sáng lập: a) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp; b) Cam kết hỗ trợ ngân hàng thương mại cổ phần về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp ngân hàng thương mại cổ phần khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản; c) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác; d) Có tối thiểu 02 cổ đông sáng lập là tổ chức; đ) Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ khi thành lập ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập là tổ chức phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập; e) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, đ khoản này, cổ đông sáng lập là cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau: (i) Mang quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; (ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp; (iii) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần; không được dùng vốn ủy thác, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; (iv) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành kinh tế hoặc luật. g) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, đ khoản này, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng các điều kiện sau:

	(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam; (ii) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần và cam kết không được dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay, của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; (iii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (v) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. (vi) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (vii) Trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước, phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần theo quy định của pháp luật; (viii) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật; (ix) Trường hợp là ngân hàng thương mại: - Có tổng tài sản tối thiểu là 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép; - Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép; - Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng; - Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần. **Điều 10. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài** 1. Các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật các tổ chức tín dụng. 2. Điều kiện đối với thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức tín dụng nước ngoài: a) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nguyên xứ trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép; b) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp loại tín nhiệm

	quốc tế xếp hạng từ mức ổn định trở lên, mức có khả năng thực hiện các cam kết tài chính và hoạt động bình thường ngay cả khi tình hình, điều kiện kinh tế biến đổi theo chiều hướng không thuận lợi; c) Có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép; d) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đôla Mỹ vào cuối năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; đ) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép; e) Không phải là chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác. 3. Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, g khoản 2 Điều 9 Thông tư này. 4. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài. **Điều 11. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài** 1. Các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật các tổ chức tín dụng. 2. Điều kiện đối với ngân hàng mẹ: a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 10 Thông tư này; b) Ngân hàng mẹ có tổng tài sản có ít nhất tương đương 20 tỷ đôla Mỹ vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép. **Điều 12. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện** 1. Các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 20 Luật các tổ chức tín dụng. 2. Trưởng văn phòng đại diện có đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, không đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. **Thông tư 36/2014/TT-NHNN** **Điều 18. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại, công ty tài chính** 1. Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó (trừ trường hợp công ty con, công ty liên

	kết là công ty quản lý quỹ góp vốn, mua cổ phần từ nguồn vốn của các quỹ do công ty quản lý) vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực được quy định tại khoản 4 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp. 2. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, bao gồm cả mức vốn cấp, vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại. 3. Mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính và các công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính vào một doanh nghiệp không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp. 4. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính vào các doanh nghiệp, bao gồm cả mức vốn cấp, vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính đó không được vượt quá 60% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của công ty tài chính. 5. Ngân hàng thương mại, công ty tài chính không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của chính ngân hàng thương mại, công ty tài chính đó; không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, của người quản lý của ngân hàng thương mại, công ty tài chính đó. **Điều 19. Góp vốn, mua cổ phần giữa các công ty con, công ty liên kết, công ty kiểm soát của ngân hàng thương mại, công ty tài chính** 1. Công ty con, công ty liên kết của cùng một ngân hàng thương mại, của cùng một công ty tài chính không được góp vốn, mua cổ phần của nhau. Ngân hàng thương mại không được góp vốn, mua cổ phần của công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát ngân hàng. Công ty tài chính không được góp vốn, mua cổ phần của công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát công ty tài chính. 2. Công ty con, công ty liên kết của cùng một ngân hàng thương mại, của cùng một công ty tài chính không được góp vốn, mua cổ phần của chính ngân hàng thương mại, công ty tài chính đó. 3. Ngân hàng thương mại, công ty tài chính là công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của công ty kiểm soát đó. **Thông tư 01/2015/TT-NHNN** **Điều 4. Nguyên tắc hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất** 1. Hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên tham gia giao kết và thực hiện hợp đồng phái sinh lãi suất, phù hợp với quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan. 2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được kinh

	doanh, cung ứng sảnphẩm phái sinh lãi suất khi: a) Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất tại Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc bằng văn bản riêng theo quy định của pháp luật; b) Đã ban hành văn bản quy định nội bộ về hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất phù hợp với quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất. 3. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất liên quan đến ngoại hối phải thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về ngoại hối. 4. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kinh doanh sản phẩm phái sinh lãi suất trên thị trường quốc tế phải thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động; ngoại hối trên thị trường quốc tế. 5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng trên thị trường trong nước như đối với pháp nhân theo quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan. **Điều 11. Điều kiện về lựa chọn tổ chức tài chính đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kinh doanh sản phẩm phái sinh lãi suất trên thị trường quốc tế** Khi kinh doanh sản phẩm phái sinh lãi suất trên thị trường quốc tế, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện với tổ chức tài chính nước ngoài được xếp hạng tín nhiệm tối thiểu Baa/P-3 theo đánh giá xếp hạng của Moody's Investors Service hoặc BBB-/A-3 theo đánh giá xếp hạng của Standard&Poor's hoặc BBB-/F3 theo đánh giá xếp hạng của Fitch Ratings tại thời điểm giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất, trừ trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài kinh doanh sản phẩm phái sinh lãi suất trên thị trường quốc tế với ngân hàng mẹ hoặc chi nhánh ở nước ngoài của ngân hàng mẹ. **Điều 12. Giới hạn về hoạt động kinh doanh, cung ứng và sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất** 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kinh doanh, cung ứng và sử dụng sảnphẩm phái sinh lãi suất khi giới hạn lỗ ròng về hoạt động kinh doanh, cung ứng và sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất không vượt quá 5% vốn điều lệ, vốn được cấp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp giới hạn lỗ ròng vượt 5% vốn điều lệ, vốn được cấp, thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ngừng việc giao kết các hợp đồng phái sinh lãi suất mới, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về nguyên nhân phát sinh lỗ, các biện pháp và thời hạn khắc phục. 2. Khi có nhu cầu giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất mới, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác định giới hạn lỗ ròng về hoạt động kinh doanh, cung ứng và sử dụng sảnphẩm phái sinh lãi suất để làm cơ

	sở thực hiện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này. Giới hạn lỗ ròng về hoạt động kinh doanh, cung ứng và sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất được xác định bằng tổng lãi ròng và lỗ ròng của các hợp đồng phái sinh lãi suất còn hiệu lực cộng (+) tổng lãi ròng và lỗ ròng của các hợp đồng phái sinh lãi suất đã tất toán trong năm tài chính. **Điều 16. Trích lập dự phòng rủi ro** Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng và sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. **Điều 17. Hạch toán kế toán** Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hạch toán kế toán đối với sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hệ thống tài khoản kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. **Điều 18. Báo cáo** Hàng tháng, chậm nhất vào ngày 12 tháng liền kề sau tháng báo cáo, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ) về hoạt động kinh doanh, cung ứng và sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất theo các biểu số 01 và 02 ban hành kèm theo Thông này.
257. Hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng phi ngân hàng	**Quyết định 40/2007/QĐ-NHNN** **Điều 8. Điều kiện cấp Giấy phép** 1. Có nhu cầu thành lập và hoạt động Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần. 2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần phải có đủ vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định do Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. 3. Cổ đông sáng lập a) Đối với cá nhân - Phải là người am hiểu về hoạt động ngân hàng, có đạo đức nghề nghiệp, không vi phạm các quy định pháp luật; - Phải có đủ khả năng tài chính để góp vốn và cam kết hỗ trợ Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần trong trường hợp Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần khó khăn về vốn hoặc thiếu khả năng chi trả (mức độ hỗ trợ do Hội đồng quản trị quyết định theo từng trường hợp cụ thể). b) Đối với tổ chức - Phải chứng minh có đủ khả năng tài chính và có cam kết hỗ trợ Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần trong trường hợp Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần khó khăn về vốn hoặc thiếu khả năng chi trả, thiếu khả năng thanh khoản (mức độ hỗ trợ do Hội đồng quản trị quyết định theo từng

	trường hợp cụ thể); - Là doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu 200 tỷ đồng, tổng tài sản có 500 tỷ đồng; kinh doanh có lãi trong năm liền kề trước năm xin thành lập Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần. Trường hợp là Tổ chức tín dụng phải đảm bảo: Tổng tài sản có tối thiểu 3.000 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu nhỏ hơn 3% tổng dư nợ tại thời điểm xin góp vốn thành lập Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần; không vi phạm các qui định về an toàn trong hoạt động ngân hàng theo qui định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; kinh doanh có lãi trong năm liền kề trước năm xin thành lập Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần. 4. Người quản trị, điều hành: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; b) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 12 Quy chế này. 5. Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. 6. Có Đề án thành lập và hoạt động khả thi. Thông tư 06/2002/TT-NHNN 7.1. Có nhu cầu hoạt động trên địa bàn xin hoạt động; 7.2. Có đủ vốn pháp định được quy định tại Nghị định số 82/1998/NĐ-CP ngày 3 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về ban hành danh mục mức vốn pháp định của các Tổ chức tín dụng, cụ thể như sau: a) Vốn pháp định của Công ty tài chính Nhà nước, Công ty tài chính cổ phần, Công ty tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng là 50 tỷ VND. b) Vốn pháp định của Công ty tài chính liên doanh, Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài là 5 triệu USD. 7.3. Thành viên sáng lập là các tổ chức, cá nhân có uy tín và năng lực tài chính, cụ thể: a) Đối với tổ chức: - Đối với doanh nghiệp Việt Nam không phải là tổ chức tín dụng: + Là doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng vào năm liền kề trước năm đề nghị thành lập công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Trường hợp tập đoàn kinh tế đề nghị thành lập công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì phải có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng và phải có cam kết hỗ trợ về tài chính cho công ty tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp công ty tài chính gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng chi trả; + Kinh doanh có lãi trong năm liền kề trước năm đề nghị thành lập công ty tài chính;

	+ Vốn góp tham gia thành lập phải đảm bảo: vốn chủ sở hữu trừ đi phần chênh lệch giữa các khoản đầu tư dài hạn và nợ dài hạn tối thiểu bằng số vốn góp theo cam kết (cách xác định theo phụ lục số 04.ĐGH kèm theo Thông tư này). - Đối với tổ chức tín dụng Việt Nam phải đảm bảo: + Duy trì tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật sau khi góp vốn vào công ty tài chính; + Có tổng tài sản Có tối thiểu 50.000 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ nhỏ hơn 3% tại thời điểm xin góp vốn thành lập công ty tài chính; + Không vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong thời gian 06 tháng liên tục trước thời điểm đề nghị thành lập công ty tài chính; + Hoạt động kinh doanh lành mạnh, an toàn; có lãi trong năm liền kề trước năm đề nghị thành lập công ty tài chính. - Đối với tổ chức tín dụng nước ngoài tham gia thành lập công ty tài chính liên doanh và công ty tài chính 100% vốn nước ngoài: + Có tổng tài sản có trên 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn, trừ trường hợp Hiệp định đầu tư song phương giữa Việt Nam và nước nguyên xứ có quy định khác; + Hoạt động kinh doanh lành mạnh, an toàn; có lãi trong năm liền kề trước năm đề nghị thành lập công ty tài chính; + Trường hợp tổ chức tín dụng nước ngoài là ngân hàng, ngoài các điều kiện nêu trên phải là ngân hàng có uy tín, được tổ chức xếp hạng quốc tế xếp hạng từ mức trung bình và ổn định trở lên, có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. b) Đối với cá nhân: - Mang quốc tịch Việt Nam, không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định tại khoản 2, Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2005; - Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập công ty tài chính; - Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có án tích; - Có bằng đại học hoặc trên đại học ngành kinh tế hoặc Luật; - Cam kết hỗ trợ về tài chính cho công ty tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp công ty tài chính gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng chi

	trả.; 7.4. Người quản trị, điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của Công ty tài chính và quy định của Ngân hàng Nhà nước; 7.5. Có Điều lệ về tổ chức và hoạt động phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng, Nghị định số79/2002/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật; 7.6. Có phương án kinh doanh khả thi; 7.7. Các điều kiện khác Thông tư 06/2005/TT-NHNN 6. Điều kiện để được cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với Công ty cho thuê tài chính (sau đây gọi tắt là giấy phép): 6.1. Điều kiện chung: a) Có nhu cầu hoạt động cho thuê tài chính trên địa bàn xin hoạt động; b) Có đủ vốn pháp định theo quy định của pháp luật hiện hành; c) Thành viên sáng lập là các tổ chức, cá nhân có uy tín và năng lực tài chính; d) Người quản trị, điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của Công ty cho thuê tài chính và quy định của Ngân hàng Nhà nước; e) Có dự thảo điều lệ về tổ chức và hoạt động phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng, Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính và các quy định khác của pháp luật; g) Có phương án kinh doanh khả thi; h) Tổ chức tín dụng chủ sở hữu có thời gian hoạt động ít nhất là 03 (ba) năm. 6.2. Đối với Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, ngoài các quy định nêu tại điểm 6.1 nêu trên, bên nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thực hiện hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động cho thuê tài chính; b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép hoạt động tại Việt Nam. Thông tư 36/2014/TT-NHNN **Điều 18. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại, công ty tài chính** 1. Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó (trừ trường hợp công ty con, công ty liên

	kết là công ty quản lý quỹ góp vốn, mua cổ phần từ nguồn vốn của các quỹ do công ty quản lý) vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực được quy định tại khoản 4 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp. 2. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, bao gồm cả mức vốn cấp, vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại. 3. Mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính và các công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính vào một doanh nghiệp không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp. 4. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính vào các doanh nghiệp, bao gồm cả mức vốn cấp, vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính đó không được vượt quá 60% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của công ty tài chính. 5. Ngân hàng thương mại, công ty tài chính không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của chính ngân hàng thương mại, công ty tài chính đó; không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, của người quản lý của ngân hàng thương mại, công ty tài chính đó. **Điều 19. Góp vốn, mua cổ phần giữa các công ty con, công ty liên kết, công ty kiểm soát của ngân hàng thương mại, công ty tài chính** 1. Công ty con, công ty liên kết của cùng một ngân hàng thương mại, của cùng một công ty tài chính không được góp vốn, mua cổ phần của nhau. Ngân hàng thương mại không được góp vốn, mua cổ phần của công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát ngân hàng. Công ty tài chính không được góp vốn, mua cổ phần của công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát công ty tài chính. 2. Công ty con, công ty liên kết của cùng một ngân hàng thương mại, của cùng một công ty tài chính không được góp vốn, mua cổ phần của chính ngân hàng thương mại, công ty tài chính đó. 3. Ngân hàng thương mại, công ty tài chính là công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của công ty kiểm soát đó.
258. Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	**Thông tư 31/2012/TT-NHNN** **Điều 8. Điều kiện cấp Giấy phép ngân hàng hợp tác xã** 1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thời điểm đề nghị thành lập. 2. Các thành viên là quỹ tín dụng nhân dân và pháp nhân khác phải đáp ứng quy định tại Điều 34 Thông tư này. 3. Người quản lý, điều hành và thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 23,

	24 và 25 Thông tư này. 4. Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 5. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 (ba) năm đầu hoạt động. 6. Có trụ sở chính, cơ sở vật chất và hệ thống công nghệ, thông tin đảm bảo cho hoạt động của ngân hàng hợp tác xã. **Điều 23. Tiêu chuẩn đối với Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị** 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau: a) Có thời gian công tác trong lĩnh vực ngân hàng từ 05 (năm) năm trở lên; b) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành tại một tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng từ 02 (hai) năm trở lên; c) Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật. 2. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau: a) Có thời gian công tác trong lĩnh vực ngân hàng từ 02 (hai) năm trở lên; b) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành tại một tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng từ 01 (một) năm trở lên; c) Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật. 3. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị không được là những đối tượng được quy định tại Điều 33 và Điều 34 Luật các tổ chức tín dụng. **Điều 24. Tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát** 1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau: a) Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng từ 03 (ba) năm trở lên; b) Có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng. 2. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm và không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. 3. Thành viên Ban kiểm soát không được là những đối tượng được quy định tại Điều 33 và Điều 34 Luật các tổ chức tín dụng. **Điều 25. Tiêu chuẩn đối với Tổng giám đốc** 1. Có thời gian công tác trong lĩnh vực ngân hàng từ 05 (năm) năm trở lên; 2. Có thời gian giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành tại tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng từ 03 (ba) năm trở lên; 3. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính,

	ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật. 4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. 5. Không phải là đối tượng được quy định tại Điều 33 và Điều 34 Luật các tổ chức tín dụng. **Điều 34. Điều kiện để trở thành thành viên** 1. Đối với quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tín dụng khác: Không thuộc đối tượng áp dụng kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 146 Luật các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị tham gia là thành viên. 2. Đối với pháp nhân khác: Hoạt động kinh doanh có lãi trong năm liền kề năm đề nghị tham gia là thành viên. 3. Các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 Điều này phải góp đủ vốn góp theo quy định tại Điều 31 Thông tư này, phải có đơn đề nghị và cử đại diện hợp pháp tham gia. Thông tư 04/2015/TT-NHNN **Điều 10. Điều kiện để được cấp Giấy phép** 1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thờiđiểm đề nghị cấp Giấy phép. 2. Có tối thiểu 30 thành viên đáp ứng quy định tại Điều 31 Thông tư này, có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân. 3. Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại các Điều 20, Điều 23 và Điều 24 Thông tư này. 4. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư này. 5. Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 6. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 năm đầu hoạt động. **Điều 20. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị** 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau: a) Là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân; b) Không thuộc những trường hợp quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật các tổ chức tín dụng. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là Kế toán trưởng, Thủ quỹ của quỹ tín dụng nhân dân; c) Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật từ 02 (hai) năm trở lên hoặc có văn bằng (hoặc chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân;

	d) Chấp hành quy định của pháp luật; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng trong thời gian 24 tháng liền kề trước thời điểm được bầu. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau: a) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này; b) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều này; c) Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật từ 02 năm trở lên; d) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên theo quy định của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ 01 năm trở lên; đ) Đảm bảo một trong những điều kiện sau: (i) Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật; (ii) Có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có văn bằng (hoặc chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân; e) Trong trường hợp cần thiết khi quỹ tín dụng nhân dân thực hiện cơ cấu lại, xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động hoặc được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính và báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trước khi xem xét, chỉ định nhân sự giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân. **Điều 23. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm soát viên chuyên trách** 1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau: a) Là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân; b) Không thuộc trường hợp quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật các tổ chức tín dụng. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là Kế toán trưởng, Thủ quỹ, nhân viên nghiệp vụ của quỹ tín dụng nhân dân và không phải là người có liên quan của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ quỹ tín dụng nhân dân; c) Có văn bằng (hoặc chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân; d) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 Thông tư này. 2. Trưởng Ban kiểm soát, kiểm soát viên chuyên trách phải đáp ứng đủ các

	điều kiện, tiêu chuẩn sau: a) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân; b) Đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này; c) Có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật. **Điều 24. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Giám đốc** 1. Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân (đối với trường hợp Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc). 2. Không thuộc trường hợp quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật các tổ chức tín dụng. 3. Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng từ 02 (hai) năm trở lên. 4. Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên theo quy định của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ 01 (một) năm trở lên. 5. Cư trú tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. 6. Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có văn bằng (hoặc chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp Giám đốc là người đi thuê, ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 7 Điều này, phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật và không phải là người thuộc bộ máy quản trị, Điều hành, Ban kiểm soát của thành viên là pháp nhân. 7. Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 Thông tư này. **Điều 31. Điều kiện để trở thành thành viên** 1. Đối với cá nhân: a) Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có hộ khẩu và thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; b) Cán bộ, công chức đang làm việc tại các tổ chức, cơ quan có trụ sở chính đóng trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân là cán bộ, công chức không được giữ các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát; Giám đốc, Phó giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh chuyên môn nghiệp vụ khác trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 20 Thông tư này; c) Không thuộc các đối tượng sau đây:

	(i) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang phải chấp hành bản án, quyết định về hình sự của tòa án; người đã bị kết án từ tội phạm nghiêm trọng trở lên mà chưa được xóa án tích; (ii) Cán bộ, công chức làm việc ở những ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật; (iii) Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; d) Các điều kiện khác theo quy định của Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân. 2. Đối với hộ gia đình: a) Là hộ gia đình có hộ khẩu thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; các thành viên trong hộ có chung tài sản để phục vụ sản xuất, kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình; b) Người đại diện của hộ gia đình phải được các thành viên của hộ gia đình ủy quyền đại diện bằng văn bản theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Đối với pháp nhân: a) Là pháp nhân (trừ Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện) đang hoạt động bình thường và có trụ sở chính đặt tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; b) Người ký đơn đề nghị tham gia góp vốn quỹ tín dụng nhân dân phải là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân khác của pháp nhân làm đại diện tham gia quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật có liên quan. 4. Cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân phải có đơn tự nguyện tham gia thành viên quỹ tín dụng nhân dân theo mẫu tại Phụ lục số 02A, Phụ lục số 02B và Phụ lục số 03 Thông tư này, tán thành Điều lệ và góp đủ vốn góp theo quy định tại Điều 28 Thông tư này. 5. Mỗi đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này chỉ được tham gia là thành viên của 01 (một) quỹ tín dụng nhân dân. **Thông tư 02/2008/TT-NHNN** 9. Điều kiện để được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động (gọi tắt là Giấy phép) 9.1. Có nhu cầu về hoạt động tài chính quy mô nhỏ. 9.2. Ý kiến của Uỷ ban Nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính quy mô nhỏ về sự cần thiết thành lập tổ chức này trên địa bàn. 9.3. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định quy định tại Khoản 2 **Điều 1 Nghị định số 165/2007/NĐ-CP.** 9.4. Có trụ sở làm việc và cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ, thông tin đảm

	bảo cho hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ. 9.5. Có người quản trị, kiểm soát và điều hành đủ năng lực hành vi dân sự và có trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ. 9.6. Có phương án kinh doanh khả thi trong ba năm đầu hoạt động. 9.7. Đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: Phải có ít nhất một trong số các thành viên góp vốn là tổ chức thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 28/2005/NĐ-CP của Chính phủ đáp ứng đủ các điều kiện sau: a) Trực tiếp tham gia quản trị và/hoặc điều hành một hoặc nhiều tổ chức, chương trình, dự án có cung cấp dịch vụ nhận tiết kiệm bắt buộc và cấp tín dụng quy mô nhỏ tại Việt Nam trong ba năm liền trước thời điểm nộp đơn xin cấp Giấy phép; b) Chứng minh được việc quản trị, kiểm soát và điều hành an toàn, bền vững đối với các hoạt động tài chính quy mô nhỏ trong thời gian ít nhất là một năm liền trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép, cụ thể: - Tỷ lệ tổng dư nợ vay của những khách hàng có nợ quá hạn trên tổng dư nợ cho vay của tổ chức tài chính quy mô nhỏ (PAR) dưới năm phần trăm 5%; - Tổng thu nhập từ hoạt động tài chính quy mô nhỏ đủ để bù đắp các chi phí, bao gồm chi phí huy động vốn, chi phí hành chính và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. c) Không phải là đối tượng đang bị xem xét xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ nhưng đã khắc phục được hành vi vi phạm trước khi nộp hồ sơ xin cấp giấy phép ít nhất là một năm; d) Phần vốn góp tại tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải đạt tỷ lệ như quy định tại Khoản 6 điểm 6.2 Thông tư này. 9.8. Đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: chủ sở hữu phải là một tổ chức chính trị-xã hội được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm 9.7 Tiết a, b, c Khoản này, trừ trường hợp đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ cho phép. 9.9. Đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ có vốn đầu tư nước ngoài: Ngoài các điều kiện qui định tại Điểm 9.1 đến 9.7 Khoản này, thành viên góp vốn nước ngoài phải được cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cho phép góp vốn thành lập tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam. 15. Điều kiện khai trương hoạt động 15.1. Trong thời hạn mười hai tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép, tổ chức tài chính quy mô nhỏ được cấp Giấy phép phải làm các thủ tục cần thiết để có đủ các điều kiện khai trương hoạt động dưới đây: a) Có điều lệ được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y;

	b) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; c) Có đủ vốn điều lệ theo quy định tại điểm 9.3 Khoản 9 của Thông tư này và có trụ sở phù hợp với yêu cầu hoạt động; d) Nộp đủ lệ phí cấp Giấy phép theo quy định của Bộ Tài chính; đ) Số vốn điều lệ góp bằng tiền phải được gửi vào tài khoản phong toả không được hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức tài chính quy mô nhỏ đặt trụ sở chính trước khi khai trương hoạt động tối thiểu ba mươi ngày. Số vốn này chỉ được giải toả sau khi tổ chức tài chính quy mô nhỏ khai trương hoạt động. Quy định này không áp dụng đối với phần vốn được góp bằng vốn tự có của tổ chức đã và đang cung cấp các dịch vụ tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam. e) Chuyển giao quyền sở hữu tài sản góp vốn khác hoặc quyền sử dụng đất (nếu có) cho tổ chức tài chính quy mô nhỏ. g) Trước ngày dự kiến khai trương hoạt động tối thiểu ba mươi ngày, tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải thông báo bằng văn bản về ngày khai trương hoạt động chính thức cho Ngân hàng Nhà nước, cơ quan đăng ký kinh doanh và Uỷ ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi tổ chức tài chính quy mô nhỏ đặt trụ sở chính. h) Trước ngày dự kiến khai trương hoạt động tối thiểu hai mươi ngày, tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải đăng báo địa phương nơi đặt trụ sở chính hoặc báo trung ương bằng tiếng Việt trong ba số liên tiếp về những nội dung chính như sau: - Tên đầy đủ và tên giao dịch của tổ chức tài chính quy mô nhỏ; - Địa chỉ trụ sở chính; số điện thoại và các phương tiện liên lạc khác; - Vốn điều lệ; - Nội dung, phạm vi, địa bàn và thời hạn hoạt động; - Số và ngày của Giấy phép; số và ngày của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; tên cơ quan cấp; - Họ và tên của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành; - Ngày khai trương hoạt động dự kiến; - Các nội dung khác nếu tổ chức tài chính quy mô nhỏ thấy cần thiết. 15.2. Trước ngày khai trương hoạt động ít nhất mười lăm ngày, tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải gửi đến Ngân hàng Nhà nước các tài liệu sau: a) Văn bản xác nhận về số vốn điều lệ góp bằng tiền đã nộp vào tài khoản phong toả và hồ sơ pháp lý xác nhận việc đã chuyển giao quyền sở hữu tài sản góp vốn khác hoặc quyền sử dụng (đối với tài sản là đất đai) cho tổ chức tài chính quy mô nhỏ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Quy định này không áp dụng đối với phần vốn được góp bằng vốn tự có của tổ chức đã và đang có hoạt động tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước báo cáo về

	tình hình nguồn vốn và sử dụng vốn của thành viên sáng lập nêu trên tại thời điểm cuối tháng gần nhất; báo cáo về số vốn tự có và cam kết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính quy mô nhỏ về tính xác thực của các báo cáo này. b) Chứng từ nộp lệ phí cấp giấy phép; c) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; d) Văn bản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền được sử dụng trụ sở chính; đ) Các số báo đã đăng thông báo thành lập tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Các văn bản, tài liệu trên phải là bản chính hoặc bản sao theo quy định tại Nghị định số79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. 15.3. Hết thời hạn mười hai tháng quy định tại điểm 15.1 Khoản này, nếu tổ chức tài chính quy mô nhỏ không khai trương hoạt động thì Giấy phép sẽ đương nhiên hết hiệu lực. Ngân hàng Nhà nước sẽ tiến hành thu hồi lại Giấy phép đã cấp và làm thủ tục hoàn lại vốn gửi tại tài khoản phong tỏa (nếu có) sau khi trừ đi thủ tục phí theo quy định.
259. Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	**Thông tư 39/2014/TT-NHNN** **Điều 4. Cấp, thu hồi và cấp lại Giấy phép** 2. Tổ chức không phải là ngân hàng được xin cấp Giấy phép thực hiện một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán quy định tại Điều 2 Thông tư này trên cơ sở đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 101/2012/NĐ-CP và các quy định về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật như sau: a) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, tổ chức cung ứng dịch vụ phải được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; b) Đối với dịch vụ hỗ trợ dịch vụ thanh toán cho khách hàng có tài khoản tại nhiều ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ phải kết nối với một tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính và dịch vụ bù trừ điện tử.
260. Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng	**Thông tư 16/2010/TT-NHNN** **Điều 4. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận** 1. Cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin Công ty thông tin tín dụng phải thiết lập, duy trì hệ thống cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu sau: a) Có tối thiểu 02 đường truyền (leased line) để bảo đảm duy trì việc truyền đưa liên tục thông tin số; b) Có trang thiết bị công nghệ thông tin tiên tiến phù hợp với mặt bằng công nghệ hiện tại của hệ thống tổ chức cấp tín dụng; có khả năng tích hợp và kết nối được với các tổ chức cấp tín dụng; c) Có hệ thống máy chủ đủ lớn, hệ thống phần mềm tin học và các giải

	pháp kỹ thuật để cập nhật, xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng, làm dịch vụ thông tin tín dụng đối với tối thiểu 5 triệu khách hàng vay; d) Có phương án bảo mật, an toàn thông tin; đ) Có phương án dự phòng thảm họa, đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động nghiệp vụ chính quá 4 giờ làm việc. 2. Có vốn điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng a) Đối với doanh nghiệp thành lập kể từ ngày 15/4/2010 (ngày Nghị định số 10 có hiệu lực), vốn điều lệ phải được góp đủ ngay khi thành lập, cụ thể: (i) Trường hợp góp vốn bằng đồng Việt Nam, vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, doanh nghiệp phải gửi toàn bộ tài sản này vào tài khoản mở tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tài khoản này không được phép sử dụng cho đến khi có Giấy chứng nhận hoặc văn bản không chấp thuận cấp Giấy chứng nhận của Ngân hàng Nhà nước; (ii) Trường hợp góp vốn bằng tài sản khác, phải có văn bản định giá tài sản của tổ chức định giá chuyên nghiệp hoạt động tại Việt Nam. b) Đối với doanh nghiệp thành lập trước ngày 15/4/2010, phải có xác nhận của một tổ chức kiểm toán hoạt động tại Việt Nam về vốn điều lệ thực tế của doanh nghiệp. 3. Có đội ngũ quản lý là những người có trình độ chuyên môn về tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin, cụ thể: a) Đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh Có bằng đại học hoặc trên đại học, trong đó: có ít nhất 50% số thành viên có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất ba (03) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc công nghệ thông tin; b) Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất ba (03) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc công nghệ thông tin; c) Đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất ba (03) năm giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc công nghệ thông tin; d) Đối với Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành tài chính,

	ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất hai (02) năm giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc công nghệ thông tin; đ) Đối với thành viên Ban Kiểm soát Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất hai (02) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng hoặc công nghệ thông tin; e) Thời gian làm việc trực tiếp trong lĩnh vực công tác quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều này là thời gian được tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc phân công làm việc trong lĩnh vực đó; g) Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều này, người được bổ nhiệm vào các chức danh thuộc đội ngũ quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật hiện hành. 4. Có phương án kinh doanh khả thi và không được kinh doanh ngành nghề nào khác ngoài nội dung hoạt động thông tin tín dụng quy định tại Nghị định số 10. 5. Có tối thiểu 20 ngân hàng thương mại cam kết cung cấp thông tin tín dụng và các ngân hàng này không cam kết cung cấp thông tin tín dụng cho Công ty thông tin tín dụng khác hoạt động theo Nghị định số 10, trừ trách nhiệm cung cấp thông tin tín dụng bắt buộc cho Trung tâm Thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước (say đây viết tắt là Trung tâm Thông tin tín dụng). 6. Có văn bản thoả thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa Công ty thông tin tín dụng với các tổ chức cấp tín dụng đã cam kết, trong đó phải có những nội dung tối thiểu sau: a) Nội dung, phạm vi thông tin tín dụng được cung cấp; b) Thời gian, địa điểm, phương thức cung cấp, truyền đưa thông tin, dữ liệu, sản phẩm thông tin tín dụng; c) Nguyên tắc, phạm vi, mục đích sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng; d) Nghĩa vụ thông báo cho khách hàng vay về việc sử dụng thông tin tín dụng của khách hàng vay; đ) Trách nhiệm của các bên trong việc điều chỉnh, sửa chữa sai sót trong quá trình cập nhật, truyền đưa, xử lý, lưu giữ, khai thác sử dụng thông tin; e) Trách nhiệm của các bên trong việc rà soát, đối chiếu, kiểm tra chất lượng và lưu giữ thông tin tín dụng; g) Trách nhiệm và sự phối hợp của các bên khi giải quyết khiếu nại của khách hàng vay;

	h) Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp; i) Hiệu lực của văn bản thoả thuận và đơn phương chấm dứt việc thực hiện thoả thuận; k) Các quyền, nghĩa vụ khác của các bên trong quá trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng.
261. Hoạt động ngoại hối	**Thông tư 21/2014/TT-NHNN** **Điều 8. Điều kiện thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước** Điều kiện để ngân hàng thương mại được xem xét, chấp thuận thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước bao gồm: 1. Có phương án kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước. 2. Có trang thiết bị và điều kiện vật chất, hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro, an toàn, bảo mật đối với hoạt động ngoại hối như: Hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động ngoại hối, các thiết bị lưu trữ thông tin, dữ liệu; phương án dự phòng thảm họa; các phần mềm hỗ trợ việc thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến ngoại hối như thanh toán, kiểm soát rủi ro; phòng làm việc được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc như: máy tính, điện thoại, máy fax... 3. Cán bộ quản lý từ cấp Phòng (hoặc tương đương) trở lên và cán bộ nghiệp vụ có trình độ tối thiểu tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kinh tế, ngân hàng, tài chính; hoặc có bằng đại học ngoài các ngành nêu trên nhưng phải có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; có khả năng tiếng Anh đạt trình độ C (hoặc tương đương) trở lên. 4. Có quy định nội bộ về quy trình thực hiện, quy trình quản lý rủi ro đối với từng hoạt động ngoại hối đề nghị được thực hiện. 5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép. 6. Điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này không áp dụng đối với trường hợp ngân hàng thương mại đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối đồng thời đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. **Điều 9. Điều kiện thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế** Điều kiện để ngân hàng thương mại được xem xét, chấp thuận thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế bao gồm: 1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 8 Thông tư này. 2. Có phương án kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế. 3. Có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn tổ chức đối tác, hạn mức giao

	dịch phù hợp đối với từng đối tác nước ngoài; trong đó đối tác nước ngoài mà tổ chức tín dụng được phép có giao dịch tiền gửi (không phải tiền gửi thanh toán) phải là các định chế tài chính ở nước ngoài có hệ số xếp hạng tín nhiệm từ mức Baa3/P-3 theo đánh giá xếp hạng của Moody's Investor Service trở lên hoặc từ mức BBB-/A-3 theo đánh giá xếp hạng của Standard & Poor's trở lên hoặc từ mức BBB-/F3 theo đánh giá xếp hạng của Fitch Ratings trở lên. 4. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động ngoại hối trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép. 5. Hoạt động kinh doanh ngân hàng có lãi trong năm liền kề năm đề nghị cấp phép theo báo cáo tài chính được kiểm toán. **Điều 10. Điều kiện thực hiện hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế** 1. Trong từng thời kỳ, căn cứ mục tiêu của chính sách tiền tệ, chính sách quản lý ngoại hối, ngân hàng thương mại được xem xét, cho phép thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế khi đáp ứng các điều kiện sau: a) Đã được phép thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước hoặc trên thị trường quốc tế; b) Có phương án kinh doanh đối với hoạt động ngoại hối đề nghị được thực hiện; Có quy định nội bộ về quy trình thực hiện, quy trình quản lý rủi ro đối với từng hoạt động ngoại hối đề nghị được thực hiện; c) Có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn tổ chức đối tác, hạn mức giao dịch phù hợp đối với từng đối tác nước ngoài; Có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn công cụ được phép đầu tư (bao gồm trái phiếu hoặc các giấy tờ có giá khác) đối với hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; d) Tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép; đ) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động ngoại hối năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép; e) Hoạt động kinh doanh ngân hàng có lãi trong 02 (hai) năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấpphép theo báo cáo tài chính được kiểm toán. 2. Điều kiện để ngân hàng thương mại được xem xét, cho phép gia hạn thực hiện hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước hoặc quốc tế bao gồm: a) Đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện có thời hạn; b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động ngoại hối trong quá trình thực hiện các hoạt động ngoại hối có thời hạn; c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt

	động ngân hàng trong năm liền kề năm đề nghị gia hạn và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn; d) Hoạt động kinh doanh ngân hàng có lãi trong 02 (hai) năm liền kề năm đề nghị gia hạn theo báo cáo tài chính được kiểm toán. **Điều 16. Điều kiện thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện như đối với ngân hàng thương mại quy định tại Điều 8 Thông tư này được Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước. **Điều 17. Điều kiện thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện như đối với ngân hàng thương mại quy định tại Điều 9 Thông tư này được Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế. **Điều 18. Điều kiện thực hiện hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện như đối với ngân hàng thương mại quy định tại Điều 10 Thông tư này được Ngân hàng Nhà nước xem xét, cho phép thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế. **Điều 24. Điều kiện thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước của công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính bao thanh toán, công ty tài chính tín dụng tiêu dùng, công ty cho thuê tài chính** 1. Công ty tài chính tổng hợp đáp ứng các điều kiện như đối với ngân hàng thương mại quy định tại Điều 8 Thông tư này được Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này. 2. Công ty tài chính bao thanh toán, công ty tài chính tín dụng tiêu dùng đáp ứng các điều kiện như đối với ngân hàng thương mại quy định tại Điều 8 Thông tư này được Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước quy định tại Điều 22 Thông tư này. 3. Công ty cho thuê tài chính đáp ứng các điều kiện như đối với ngân hàng thương mại quy định tại Điều 8 Thông tư này được Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước quy định tại Điều 23 Thông tư này. **Điều 25. Điều kiện thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế của công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính bao thanh toán, công ty tài chính tín dụng tiêu dùng**

	1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 9 Thông tư này; 2. Hoạt động kinh doanh của công ty tài chính có lãi trong 03 (ba) năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động ngoại hối theo báo cáo tài chính được kiểm toán. **Điều 26. Điều kiện thực hiện hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế của công ty tài chính tổng hợp** 1. Trong từng thời kỳ, căn cứ mục tiêu của chính sách tiền tệ, chính sách quản lý ngoại hối, công ty tài chính tổng hợp được xem xét, cho phép thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế khi đáp ứng các điều kiện sau: a) Đáp ứng các điều kiện như đối với ngân hàng thương mại quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 10 Thông tư này; b) Hoạt động kinh doanh của công ty tài chính có lãi trong 05 (năm) năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép theo báo cáo tài chính được kiểm toán. 2. Điều kiện để công ty tài chính tổng hợp được xem xét, cho phép gia hạn thực hiện hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước hoặc quốc tế bao gồm: a) Đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện có thời hạn; b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động ngoại hối trong quá trình thực hiện các hoạt động ngoại hối có thời hạn; c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng trong năm liền kề năm đề nghị gia hạn và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn; d) Hoạt động kinh doanh của công ty tài chính tổng hợp có lãi trong 05 (năm) năm liền kề năm đề nghị gia hạn theo báo cáo tài chính được kiểm toán. **Điều 29. Hoat động ngoại hối của ngân hàng chính sách** 1. Phạm vi hoạt động ngoại hối: Ngân hàng chính sách được thực hiện một số hoạt động ngoại hối thuộc phạm vi hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này phù hợp với quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, phê duyệt Điều lệ ngân hàng chính sách. 2. Điều kiện: a) Ngân hàng chính sách đáp ứng các điều kiện như đối với ngân hàng thương mại quy định tại Điều 8 Thông tư này được Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận một số hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước; b) Ngân hàng chính sách đáp ứng các điều kiện như đối với ngân hàng thương mại quy định tại Điều 9 Thông tư này được Ngân hàng Nhà nước

	xem xét, chấp thuận một số hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế. **Điều 30. Hoạt động ngoại hối của ngân hàng hợp tác xã** 1. Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận cho ngân hàng hợp tác xã được thực hiện một số hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và quốc tế phù hợp với tính chất, đặc thù hoạt động của ngân hàng hợp tác xã và phù hợp với mục tiêu của chính sách tiền tệ, chính sách quản lý ngoại hối trong từng thời kỳ. 2. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục xem xét chấp thuận hoạt động ngoại hối được thực hiện như đối với ngân hàng thương mại theo quy định tại Điều 8, Điều 9, khoản 1, 2, 3 Điều 11 và Điều 12 Thông tư này. **Thông tư 25/2011/TT-NHNN** **Điều 4. Bổ sung quy định đối với thủ tục Cấp giấy phép cho tổ chức kinh tế làm đại lý chi trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép (B-NHA-001804-TT) để thực thi phương án đơn giản hóa nêu tại khoản 13 mục II Phần A Nghị quyết 60/NQ-CP như sau:** d) Để được xác nhận làm đại lý chi trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế phải đáp ứng các điều kiện sau: - Được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; - Có đầy đủ cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ chi trả ngoại tệ; - Được tổ chức tín dụng được phép ủy quyền làm đại lý chi trả ngoại tệ. **Điều 12. Bổ sung quy định đối với thủ tục cấp giấy phép cho tổ chức kinh tế làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ (B-NHA-001818-TT) để thực thi phương án đơn giản hóa nêu tại khoản 13 mục A Phần XVI Nghị quyết 25/NQ-CP như sau:** 2. Yêu cầu, điều kiện đối với tổ chức kinh tế xin cấp giấy phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ: a) Được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; b) Có đầy đủ cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ; c) Có thỏa thuận với đối tác nước ngoài về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ; d) Có Phương án về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ. Quyết định 21/2008/QĐ-NHNN **Điều 3. Địa điểm đặt Đại lý đổi ngoại tệ** 1. Cơ sở lưu trú du lịch (bao gồm các khách sạn, các khu nghỉ dưỡng cao cấp v.v…) đã được cơ quan quản lý nhà nước về du lịch xếp hạng từ 3 (ba) sao trở lên; 2. Cửa khẩu quốc tế (đường bộ, đường không, đường thủy);

	3. Khu vui chơi giải trí có thưởng dành riêng cho người nước ngoài; 4. Văn phòng bán vé của các hãng hàng không, hàng hải, du lịch của nước ngoài và văn phòng bán vé quốc tế của các hãng hàng không Việt Nam; 5. Khu du lịch, trung tâm thương mại, siêu thị có nhiều khách nước ngoài tham quan, mua sắm. **Điều 4. Hoạt động của Đại lý đổi ngoại tệ.** 1. Các đại lý đổi ngoại tệ chỉ được hoạt động dưới hình thức dùng Đồng Việt Nam mua ngoại tệ tiền mặt của cá nhân và không được bán ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân lấy đồng Việt Nam (trừ các Đại lý đổi ngoại tệ đặt tại các khu cách ly ở các cửa khẩu quốc tế). 2. Các Đại lý đổi ngoại tệ đặt tại các khu cách ly ở các cửa khẩu quốc tế được bán ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân mang hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định tại Điều 8 Quy chế này. 3. Một tổ chức chỉ được làm Đại lý đổi ngoại tệ cho một Tổ chức tín dụng và tổ chức có thể thỏa thuận đặt Đại lý đổi ngoại tệ ở một hoặc nhiều địa điểm trên địa bàn nơi tổ chức có trụ sở chính hoặc chi nhánh. Tên và địa điểm các Đại lý này phải được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn cấp. **Điều 5. Điều kiện để được làm Đại lý đổi ngoại tệ.** Tổ chức có nhu cầu làm Đại lý đổi ngoại tệ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 1. Là tổ chức được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; 2. Có địa điểm đặt Đại lý đổi ngoại tệ theo quy định tại Điều 3 Quy chế này. Tổ chức có thể đặt Đại lý đổi ngoại tệ tại hoặc ngoài trụ sở chính, trụ sở chi nhánh; 3. Có cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu hoạt động của Đại lý đổi ngoại tệ như: nơi giao dịch riêng biệt (phòng hoặc quầy giao dịch không gắn liền với các hoạt động kinh doanh khác, chỉ chuyên làm dịch vụ đổi ngoại tệ) trong đó trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc như: bàn ghế, điện thoại, máy fax, két sắt, bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy nhiệm và tên Đại lý đổi ngoại tệ; 4. Nhân viên trực tiếp làm ở Đại lý đổi ngoại tệ phải có Giấy xác nhận do Tổ chức tín dụng ủy nhiệm cấp, xác nhận đã được đào tạo, tập huấn kỹ năng nhận biết ngoại tệ thật, giả; cách thức ghi hóa đơn, cập nhật số liệu vào sổ sách kế toán; có trình độ tiếng Anh tối thiểu để giao tiếp với người nước ngoài khi thực hiện nghiệp vụ đổi ngoại tệ …; 5. Có quy trình nghiệp vụ đổi ngoại tệ, có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình đổi ngoại tệ.
264. Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	**Thông tư 16/2012/TT-NHNN** **Điều 3. Điều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với**

	doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ 1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. 2. Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp. 3. Nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. 4. Không vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh vàng trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu. **Điều 4. Điều kiện cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài** 1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. 2. Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ do Ngân hàng Nhà nước cấp. 3. Nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài. 4. Không vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh vàng trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm. **Điều 5. Điều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ** 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. 2. Nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với năng lực sản xuất, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ. 3. Không vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh vàng trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu.
265. Nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Ngân hàng Nhà nước (cửa kho tiền)	**Thông tư 18/2014/TT-NHNN** **Điều 4. Hàng hóa nhập khẩu** 1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện quản lý bằng hình thức cấp giấy phép nhập khẩu đối với mặt hàng cửa kho tiền. 2. Yêu cầu kỹ thuật của cửa kho tiền: Cửa kho tiền nhập khẩu phải phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật cửa kho tiền do Ngân hàng Nhà nước quy định.